

QUYỂN VII

CHƯƠNG III :

PHẬT KHAI THỊ VỀ MẬT GIÁO

Kinh : “Anan ! Ông hỏi về nhiếp tâm, Ta nay đã nói : Để vào Tam Ma Địa tu học pháp môn nhiệm mầu, cầu Đạo Bồ Đề, trước hết phải giữ bốn thứ Luật Nghi này trong trắng như sương tuyết, tự không còn sanh mảy mún cành lá. Ba cái của tâm, bốn cái của miệng không có nhân để sanh ra.

“Anan, nếu chẳng sai mất bốn Luật Nghi đó thì tâm còn chẳng duyên theo sắc, hương, vị, xúc, cả thủy ma sự làm sao phát sanh ? Nếu có tập khí cũ không thể diệt trừ, ông dạy người đó nhất tâm trì tụng Thần Chú Vô Thượng Phật Đảnh Quang Minh “Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Ra” của Ta. Đây là Tâm Chú Như Lai Vô Kiến Đảnh Tướng, Phật Tâm vô vi, từ đảnh phát huy, ngồi đài sen báu mà tuyên thuyết ra.

“Như ông đời trước cùng Cô Ma Đãng Già nhân duyên nhiều kiếp, tập khí ân ái chẳng phải một đời hay một kiếp, song Ta một phen tuyên dương Thần Chú thì vĩnh viễn thoát khỏi lòng yêu, thành A La Hán. Nàng kia còn là dâm nữ, không tâm tu hành, chỉ nhờ thần lực của Chú ngầm giúp mà thành liền quả Vô Học, hưởng gì các ông, những hàng Thanh Văn trong hội, cầu Tối Thượng thừa, quyết định thành Phật, ví như tung bụi vào gió thuận, nào khó khăn gì.

“Nếu ở đời mật thế, có người muốn ngồi đạo tràng tu hành, trước hãy giữ Cấm Giới Tỳ kheo trong sạch. Cần phải chọn lựa vị Sa môn Giới Hạnh trong sạch bậc nhất

làm thầy. Nếu chẳng gặp được vị tăng chân thật thanh tịnh thì Giới Luật Nghi của người tu tất không thành tựu.

“Sau khi Giới được thành tựu, mặc áo mới, sạch, đốt hương, ở chỗ vắng mà trì tụng Thần Chú nói ra từ Tâm Phật này, một trăm lễ tám biến. Sau đó kiết giới, dựng lập đạo tràng, cầu xin chư Vô Thượng Như Lai mười phương hiện trụ các quốc độ phóng quang Đại Bi đến rọi đỉnh đầu.

“Anan, những hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni hay hàng cư sĩ, thí chủ trong sạch như thế, vào đời mạt thế, tâm dứt tham dâm, giữ tịnh giới Phật, ở trong đạo tràng, phát nguyện Bồ Đề, ra vào tắm rửa, sáu thời hành đạo, không lo ngủ nghỉ, như thế trải qua ba lần bảy ngày, Ta tự hiện thân đến trước người ấy, xoa đỉnh an ủi, khiến nên khai ngộ.”

Thông rằng : Hiện nghiệp dễ chế phục, vì tự mình có thể làm trái ngược với nó. Nghiệp xưa khó trừ dứt, phải mượn thần lực nên nói Thần Chú có thể phá trừ tập khí đời trước. Tập khí như bụi, thần chú như gió. Thuận gió mà tung bụi thì tan rã dễ dàng. Ấy là do thần lực thâm trợ giúp, chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Lấy cái Phật Huệ chẳng thể nghĩ bàn để tiêu tan cái vô minh chẳng thể nghĩ bàn, như thế cầu Tối Thượng thừa quyết định phải thành tựu. Chú này hầu như siêu xuất giới định huệ mà làm một nhánh riêng, nhưng nếu giới định huệ chẳng tinh nghiêm thì không thể được linh ứng. Do đó, kinh nói “Nếu chẳng gặp được vị tăng chân thật thanh tịnh thì Giới Luật Nghi của người tu tất không thành tựu.” Lại nói “Không lo ngủ nghỉ, như thế trải qua hai mươi một ngày, Ta tự hiện thân, khiến nên khai ngộ.” Đó gọi là “Suy xét đi, suy xét đi, suy xét nữa đi ! Suy xét đến chỗ chẳng được

thì quý thân cùng thông vậy.” Phật vốn là Không, tâm tịnh mà có. Nước trong trăng hiện, lý ấy hẵn nhiên. Định huệ cùng cực, thì tiếp thông với khí phần chư Phật, há chẳng hiện hình an ủi hay sao ? Nếu thấy tướng ấy, chỉ quán Không Tịch : nếu là Phật thì rõ ràng tự tại, nếu là ma thì diệt mất. Người tu tập thiền định phải biết điều này.

Thiền sư Vĩnh Minh Thọ tu Sám Hối Pháp Hoa ở chùa Quốc Thanh, ban đêm thấy một vị thần cầm kích đi vào, Ngài quở rằng : “Sao được tự ý vào đây ?”

Đáp rằng : “Chứa nghiệp lành đã lâu, mới vào được trong này.”

Nửa đêm, Ngài đi quanh thánh tượng, thấy Đức Phổ Hiền ở trước, tay cầm hoa sen.

Ngài lại ở đỉnh Kim Hoa Đại Trụ, tụng kinh ba năm, trong lúc thiền quán thấy Đức Quan Âm rót nước cam lồ vào miệng, bèn được biện tài. Từ đó viết bộ Tông Cảnh Lục và Vạn Thiện Đồng Quy lưu hành ở đời.

Thiền sư Minh Giáo Tung ban đêm đầu đội tượng Quan Âm mà niệm danh hiệu, đầy đủ mười vạn lần mới nghỉ. Ngài cũng thấy Đức Quan Âm rót nước cam lồ cho. Từ đó, bao nhiêu kinh sách thế gian chẳng học mà hiểu. Ngài có viết Thiền Môn Định Tổ Đồ, Truyền Pháp Chánh Tông Ký và Nguyên Giáo Luận. Vua Tống Nhân Tông than khen, chiếu lệnh chép vào Đại Tạng Kinh.

Đây là những chứng nghiệm rõ ràng của việc “Xoa đầu an ủi, khiến nên khai ngộ” vậy.

I. KHAI THỊ ĐẠO TRÀNG TU CHỨNG

Kinh : Ông Anan bạch Phật : “Thưa Thế Tôn, tôi nhờ lời dạy bảo từ bi vô thượng của Như Lai, tâm tự

khai ngộ, tự biết tu chứng, thành Đạo Vô Học. Còn người tu hành đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, thế nào mà kết giới cho hợp với pháp tắc trong sạch của chư Phật Thế Tôn ?”

Phật dạy Ông Anan : “Người đời mạt pháp, nguyện lập đạo tràng, trước hết kiếm con trâu trắng sức mạnh ở núi Tuyết Sơn, sống bằng cỏ thơm non mượt, loài trâu trắng này chỉ uống nước trong của núi Tuyết Sơn, phân rất nhuyễn mịn. Nên lấy phân đó hòa trộn với bột hương chiên đàn để tráng nền đất. Nếu không phải là loài trâu trắng ở Tuyết Sơn thì phân hôi bẩn, không thể tráng nền. Riêng ở đồng bằng, có thể đào bỏ lớp đất trên mặt, lấy đất sét vàng từ năm thước trở xuống rồi hòa trộn với hương chiên đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, can tùng và kê thiết. Mười thứ ấy rây nghiền thành bột, trộn với đất sét để làm nền đàn tràng, mỗi bề một trượng sáu, thành cái đàn bát giác.

“Trung tâm đàn, đặt để một hoa sen bằng vàng, bạc, đồng, gỗ. Giữa hoa đặt một cái bát, trong bát đựng nước sương móc tháng Tám. Trong nước tùy ý để các hoa lá hiện có. Lấy tám cái gương tròn, mỗi cái để theo mỗi hướng, chung quanh cái bát hoa. Bên ngoài gương, dựng lập mười sáu hoa sen, mười sáu lư hương, giữa chúng bày hoa. Các lư hương đều trang nghiêm, đốt thuần bằng trầm thủy, không cho thấy lửa.

“Lấy sữa trâu trắng để trong mười sáu đồ chứa. Lấy sữa làm bánh với đường cát, bánh rán, váng sữa, tô hợp, mật gừng, thuần kem, thuần mật, mỗi thứ mười sáu cái đặt quanh ngoài hoa sen để cùng dâng chư Phật và các Đại Bồ tát. Mỗi giờ ăn cơm và lúc nửa đêm dùng nửa thặng mật hòa với thặng rươi váng sữa (bơ).

“Trước đàn để riêng một lò lửa nhỏ, lấy hương Đầu Lô Ba⁽¹⁾ nấu lấy nước thơm mà rửa than, đốt cho cháy hừng, rót mật bỏ vào, đốt cho hết khói, cúng dường Phật và Bồ tát.

“Ở bốn phía ngoài, treo khắp phan, hoa ; ở trong nhà đàn, bốn vách chung bày các hình tượng của mười phương Như Lai và các vị Bồ tát. Chính giữa để tượng Phật Lô Xá Na, Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật A Súc, Phật A Di Đà ; hai bên đặt tượng Đức Quan Âm Đại Biến Hóa và Kim Cang Tạng Bồ tát. Hai bên cửa để hình tượng Đế Thích, Phạm Vương, Ô Sô Sát Ma, Lam Địa Ca, Quân Trà Lợi, Tỳ Câu Chi, bốn vị Thiên Vương, Tần Na Dạ Ca...

“Lại dùng tám cái gương treo úp giữa hư không, đối chiếu với tám gương trước trong đàn tràng, khiến cho hình ảnh lồng nhập vào nhau nhiều lớp.

“Trong bảy ngày đầu, chí thành đánh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, chư Đại Bồ tát, chư A La Hán. Thường trong sáu thời đi quanh đàn tụng chú, hết lòng hành đạo, mỗi thời trì một trăm lễ tám biến.

“Trong bảy ngày thứ hai, một mặt chuyên tâm phát nguyện Bồ tát, tâm không gián đoạn. Trong luật tạng của Ta đã có chỉ dạy về nguyện.

“Trong bảy ngày thứ ba, trong cả mười hai thời, một bề trì chú Bát Đát Ra của Phật. Cho đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai nhất thời xuất hiện chỗ ánh sáng của gương giao nhau, được Phật xoa đánh, bèn ở nơi đạo tràng tu Tam Ma Địa, có thể khiến cho hạng tu học đời mạng thể thân tâm sáng sạch như ngọc lưu ly.

¹⁾ Trâm thúy loại thô, màu đỏ.

“Anan, nếu vị Giới sư mà vị Tỳ kheo thọ giới hay một trong mười vị Giới sư chứng minh không được thanh tịnh thì những đạo tràng đó phần nhiều chẳng được thành tựu.

“Sau hai mươi một ngày, ngôi nghiêm chỉnh an cư. Trải qua một trăm ngày, những người có lợi căn không rời khỏi chỗ ngồi mà đắc quả Tu Đà Hoàn. Dầu cho thân tâm thánh quả chưa thành, vẫn quyết định tự biết thành Phật không sai lầm.

“Ông hỏi về đạo tràng, kiến lập như thế.”

Thông rằng : Kiến lập đạo tràng cốt ở tinh khiết, ngoài thì trọn vẹn nghi thức, trong thì hết sức thành. Được vậy thì trong ngoài là một, tâm cảnh không hai. Các nhà giải thích mỗi mỗi miễn cưỡng so sánh, hoặc Tín hoặc Trí, hoặc Đức hoặc Hạnh. Nếu như vậy thì chỉ giữ đạo tràng tịch diệt là đủ rồi, cần gì kiến lập đạo tràng ư ?

Duy mười thứ hương, mỗi thứ đều có nghĩa. Bạch Giao Hương hay trừ ác khí, trị ghê ban nên tương tự với Giới Hương trừ những bất thiện của Thân. Thanh Mộc Hương hay đánh thức ma ngủ nên tương tự với Tinh Tấn Hương xa lìa ngủ nghỉ. Huân Lục hay dứt đau nên tương tự với Định Hương hay trì giữ. Tô Hợp sát quý, trừ tà nên tương tự với Nhẫn Hương chế ngự ma quỷ. Linh Lăng hay giữ mắt sáng nên tương tự với Huệ Hương làm sáng suốt. Chiên Đàn hay thơm xa nên tương tự với Bồ Thí Hương. Cam Tùng hay hòa hợp các hương nên tương tự với Giải Thoát Hương hay hòa hợp các công đức. Uất Kim hay trừ độc, đuổi tà nên tương tự với Pháp Hương diệt ám, phá chấp. Kê Thiệt hay khiến thân thể người ta thơm nên tương tự với Giải Thoát Tri Kiến Hương hay dùng tất cả phương tiện vào khắp

các cảnh giới. Trầm Thủy thì như Bồ Đề Hương cùng tột vực thẳm của pháp vậy.

Kinh Hoa Nghiêm nói : “*Khi Phật tử thoa hương thì nguyện cho mười thứ hương Ba La Mật xông khắp*”, là gốc ở chỗ này vậy. Chư Phật, Bồ tát chưa hẳn đã hưởng sự cúng dường này, mà muốn khiến cho người tu hành phước huệ đều đầy đủ. Như Phật nhận sự cúng dường sau cùng của Ông Thuần Đà. Phật thọ thực vào giữa trưa nên lấy nửa đêm so định giữa trưa. Hoặc gọi nửa đêm khoảng giữa giờ Hợi và giờ Tý, lúc ấy nhất dương mới động, chẳng lìa Bốn Tánh, cũng như Tam Ma Địa, hai bên không chỗ bám níu, đó là Trung Đạo, do đó nên cúng Phật.

Đến ngày thứ hai mươi mốt, ở chỗ ánh sáng của gương giao nhau, được Phật xoa đánh, tức là cảnh giới Lý Sự vô ngại vậy. Người tu hành đến địa vị Quán Đảnh thì Phật dùng hào quang nhiếp thọ. Biên giới của Giác giao nhập, ánh sáng chiếu soi nhau, nên lấy ví dụ “*Chỗ ánh sáng của gương giao nhau*” rất là xác đáng. Cho nên người đắc quả, bên trong sự chói sáng phát ra, thân tâm sáng sạch như ngọc lưu ly, tánh trí sáng khắp suốt thông với Phật Huệ. Đây là bằng cứ rất hiệu nghiệm của sức thần chú vậy.

Dầu chưa đắc quả vẫn quyết định tự biết thành Phật không sai lầm vì rằng ngồi nghiêm chỉnh an cư, tiêu trừ trần cấu cũng thoáng thấy được cái tâm thể tròn đầy sáng suốt, cùng Phật không hai. Chỉ vì tập khí đời trước buộc ràng, nên chưa dễ thấu thoát, nhưng trải qua tháng, năm chưa có ai là chẳng thành.

Luật sư Linh Chi tạo lại Giới Đàn Ngũ Đài ở Minh Châu. Khi đàn thành rồi, có một ông lão thần khí siêu phàm, mày râu trắng phau, tiến đến thưa rằng : “Đệ tử có ba hạt

minh châu xin dâng để mừng giới đàn thành tựu.” Nói xong biến mất. Ngài cho để minh châu ở chính giữa đàn thì hạt châu càng sáng. Sau đó, vị đàn chủ mời mười vị sư để mở giới pháp. Sau ba ngày, vào lúc nửa đêm, có một nhà sư dâng đàn bồng thấy hào quang hạt châu tỏa suốt ra ngoài, bên trong hiện hình Thiện Tài Đồng tử. Nhà sư kinh ngạc hô hoán, mọi người dậy thấy vậy đều vây quanh làm lễ. Mỗi đêm tăng chúng càng thành khẩn lễ bái. Nơi hạt châu khi thì hiện Phật sắc vàng, hoặc Quan Âm sáu tay, hoặc trúc tía, hoặc liễu xanh, hoặc cây, đá lạ kỳ, hoặc chim Ca Lăng Tần Già bay múa trái, phải, hoặc nguyệt cái, hoặc Long Thần dâng châu... thần biến nhiều thứ. Ai thấy nghe cũng bảo hy hữu.

Tuy thế, cùng tốt trong sạch, tâm như tâm Phật thì phóng quang hiện điềm lành cũng là việc bình thường vậy.

II. TUYÊN THUYẾT THÂN CHÚ

Kinh : Ông Anan đánh lễ chân Phật, bạch rằng : “Từ khi xuất gia, tôi ỷ lại sự thương yêu của Phật, vì cầu sự đa văn nên chưa chứng vô vi. Gặp sự trói buộc của tà thuật Phạm Thiên, tâm tuy sáng suốt mà sức chẳng tự do. Nhờ gặp Ngài Văn Thù khiến tôi được giải thoát. Tuy nhờ Phật Đảnh Thân Chú Như Lai âm thầm giúp sức, nhưng chính mình chưa được nghe. Mong Bạc Đại Từ tuyên thuyết trở lại, thương xót cứu giúp cho những người tu hành trong hội này cho đến những người còn trong luân hồi ở đời sau nhờ mật âm Phật mà thân ý giải thoát.”

Khi ấy, hết thầy đại chúng trong hội đều làm lễ, chờ nghe chương cú bí mật của Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn từ đánh phóng ra hào quang trăm báu, trong hào quang phóng ra hoa sen báu ngàn cánh, có Hóa Thân Như Lai ngồi trong hoa sen, đánh phóng mười đạo hào quang trăm báu, mỗi mỗi hào quang đều thị hiện khắp mười hằng hà sa Kim Cang Mật Tích đờ núi, cầm xử khắp cõi hư không. Đại chúng ngược trông, sợ mừng hòa lẫn, xin Phật thương che, nhất tâm lắng nghe Như Lai Vô Kiến Đánh Tướng phóng quang tuyên thuyết thần chú :

ĐỆ NHẤT HỘI :

“Nam mô tát đất tha tô già đa da a ra ha đế tam miệu tam bồ đà tỏa. Tát đất tha Phật đà cu tri sắc ni sam.

Nam mô tát bà bột đà bột địa, tát đa bệ tộ.

Nam mô tát đa nắm tam miệu tam bồ đà cu tri nắm. Ta xá ra bà ca tăng già nắm.

Nam mô lô kê a la hán đa nắm.

Nam mô tô lô đa ba đa nắm.

Nam mô ta yết rị đà già di nắm.

Nam mô lô kê tam miệu già đa nắm. Tam miệu già ba ra đế ba đa na nắm.

Nam mô đề bà ly sắc nỏ.

Nam mô tát đà da tỳ địa da đà ra ly sắt nỏ. Xá ba nỏ yết ra ha ta ha ta ra ma tha nắm.

Nam mô bặt ra ha ma ni.

Nam mô nhờn đà ra da.

Nam mô bà già bà đế, lô đà ra da. Ô ma bát đế, ta hê dạ đa.

Nam mô bà già bà đế.

Na ra dả noa da. Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.

Nam mô tát yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế, ma ha ca ra da. Địa rị bát lạc na già ra. Tỳ đà ra ba noa ca ra da. A địa mục đế. Thi ma xá na nê bà tất nê. Ma đất rị già noa.

Nam mô tát yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế. Đa tha già da cu ra da.

Nam mô bát đầu ma cu ra da.

Nam mô bạt xà ra cu ra da.

Nam mô ma ni cu ra da.

Nam mô già xà cu ra già.

Nam mô bà già bà đế, đế rị trà du ra tây na, ba ra ha ra noa ra xà dà, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Nam mô a di đa bà da, đa tha dà đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, a sô bệ da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, bệ sa xà da cu lô phệ trụ rị da, bát ra bà ra xà da, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế, tam bồ sư bí đa, tát lân nại ra lạc xà da, đa tha dà đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha dà đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, lạc đác na kê đô ra xà da, đa tha dà đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da, đế biểu nam mô tát yết rị đa, ế đàm bà già bà đa, tát đất tha già đô sắc ni sam, Tát đác đa bác đác lam.

Nam mô a bà ra thị đām, bác ra đế dương kỳ ra, tát ra bà bộ đa yết ra ha, ni yết ra ha yết ca ra ha ni, bạt ra bí địa da sát đà nể, a ca ra mật rị trụ, bác rị đất ra da nảnh yết rị, tát ra bà bàn đà na mục xoa ni, tát ra bà đột sắc tra đột tất phạp bát na nể phạp ra ni, giả đô ra thất đế nẫm, yết ra ha ta tát ra nhā xà, tỳ đa bằng ta na yết rị, a sắc tra bằng xá đế nẫm, na soa sát đác ra nhā xà, ba ra tát đà na yết rị, a sắc tra nẫm, ma ha yết ra ha nhā xà, tỳ đa bằng tát na yết rị, tát bà xá đô lô nể bà ra nhā xà, hô lam đột tất phạp nan giá na xá ni, bí sa xá tất đác rā, a kiết ni ô đà ca ra nhā xà, a bát ra thị đa cu ra, ma ha bác ra chiến trì, ma ha điệp đa, ma ha đế xà, ma ha thuế đa xà bà ra, ma ha bạt ra bàn đà ra bà tất nể, a rị da đa ra, tỳ rị cu tri, thệ bà tỳ xà da, bạc xà ra ma lễ đế, tỳ xá lô đa, bột đằng đồng ca, bạt xà ra chế hất na a giá, ma ha chế bà bác ra chất đa, bạc xà ra thiện trì, tỳ xá ra giá, phiến đa xá bệ đề bà bồ thị đa, tô ma lô ba, ma ha thuế đa, a rị da đa ra, ma ha bà ra a bác ra, bạt xà ra thương yết ra chế bà, bạt xà ra cu ma rị, cu lam đà rị, bạt xà ra hắc tát đa giá tỳ địa gia kiên giá na ma rị ca, khuất tô mẫu bà yết ra đá na, bệ lô giá na cu rị da, dạ ra thố sất ni sam, tỳ chiết lam bà ma ni giá, bạt xà ra ca na ca ba ra bà, lô xà na bạt xà ra đốn trĩ giá, thuế đa giá ca ma ra sát xa thi ba ra bà, ế đế di đế, mẫu đà ra yết noa, ta bệ ra sám, quật phạm đô, ấn thố na mạ mạ tỏa.

ĐỆ NHỊ HỘI :

Ô hồng, rị sắc yết noa, bác lạc xá tất đa, tát đất tha già đô sắc ni sam. Hổ hồng, đô lô ung chiêm bà na. Hổ hồng, đô lô ung tất đām bà na. Hổ hồng, đô lô ung ba ra sắc địa da tam bác xá noa yết ra. Hổ hồng, đô lô ung,

tát bà được xoa hắc ra sát ta, yết ra ha nhã xà, tỳ đằng băng tát na yết ra. Hổ hồng, đô lô ung, giả đô ra thi để năm, yết ra ha, ta ha tát ra năm, tỳ đằng băng tát na ra. Hổ hồng, đô lô ung, ra xoa, bà già phạm tát đất tha già đô sắc ni sam, ba ra điểm xà kiết rị, ma ha ta ha tát ra, bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, cu tri ta ha tát nê đế lệ, a tộ đề thị bà rị đa, tra tra anh ca ma ha bạt xà lô đà ra, đế rị bồ bà na, man trà ra, ô hồng, ta tát đế bạc bà đô, mạ mạ ấn thố na mạ tỏa.

ĐỆ TAM HỘI :

Ra xà bà dạ, chủ ra bạc dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ, tỳ xa bà dạ, xá tát đa ra bà dạ, bà ra chước yết ra bà dạ, đột sắc xoa bà dạ, a xá nể bà dạ, a ca ra mật rị trụ bà dạ, đà ra ni bộ di kiếm ba già ba đà bà dạ, ô ra ca bà đa bà dạ, lạc xà đằng trà bà dạ, na già bà dạ, tỳ điều đất bà dạ, tô ba ra noa bà dạ, được xoa yết ra ha, ra xoa tư yết ra ha, tát rị đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cưu bàn trà yết ra ha, bồ đơn na yết ra ha, ca tra bồ đơn na yết ra ha, tát kiên độ yết ra ha, a bá tát ma ra yết ra ha, ô đàn ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, hê rị bà đế yết ra ha, xã đa ha rị năm, yết bà ha rị năm, lô địa ra ha rị năm, mang ta ha rị năm, mê đà ha rị năm, ma xà ha rị năm, xà đa ha rị nữ, thị tỷ đa ha rị năm, tỳ đà ha rị năm, bà đa ha rị năm, a du giá ha rị nữ, chất đa ha rị nữ, đế sam tát bệ sam, tát bà yết ra ha năm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ba rị bạt ra giả ca hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, trà diễn ni hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha bát du bác đất dạ, lô đà ra hát rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na ra dạ noa hát

rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, đất đỏa già
 lô trà tây hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ
 di, ma ha ca ra ma đất rị già noa hất rị đờm, tỳ đà dà xà
 sân đà dạ di, kê ra dạ di, ca ba rị ca hất rị đờm, tỳ đà dà
 xà sân đà dạ di, kê ra da di, xà dạ yết ra, ma độ yết ra
 tát bà ra tha ta đạt na hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ
 di, kê ra dạ di, giả đót ra bà kỳ nể hất rị đờm, tỳ đà dạ
 xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ rị dương hất rị tri, nan đà
 kê sa ra dà noa bác đế, sách hê dạ hất rị đờm, tỳ đà dạ
 xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na yết na xá ra bà noa hất
 rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, a la hán
 hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ đa
 ra, già hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di,
 bạt xà ra ba nể, cu hê dạ, cu hê dạ ca địa bát đế hất rị
 đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ra thoa vông,
 bà dà phạm, ấn thổ na mạ mạ tỏa.

ĐỀ TỬ HỘI :

Bà già phạm, tát tát đa bác đá ra, nam mô tỳ đô đế,
 a tát đa na ra lặc ca, ba ra bà tát phổ tra, tỳ ca tát đất đa
 bát đế rị, thập Phật ra, thập Phật ra, đà ra đà ra, tần đà
 ra, tần đà ra, sân đà sân đà, hổ hồng, hổ hồng, phấn tra,
 phấn tra, phấn tra, phấn tra, phấn tra, ta ha, hê hê phấn,
 a mâu ca da phấn, a ba ra đề ha đa phấn, ba ra bà ra đa
 phấn, a tố ra tỳ đà ra ba ca phấn, tát bà đề bệ tộ phấn,
 tát bà na già tộ phấn, tát bà được xoa tộ phấn, tát bà kiên
 thất bà tộ phấn, tát bà bổ đơn na tộ phấn, ca tra bổ đơn
 na tộ phấn, tát ba đột lang chỉ đế tộ phấn, tát bà đột sáp
 tỳ lê hất sắc đế tộ phấn, tát bà thập bà lê tộ phấn, tát
 bà a bá tát ma lê tộ phấn, tát bà xá ra bà noa tộ phấn,
 tát bà địa đế kê tộ phấn, tát bà đất ma đà kê tộ phấn,

tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tộ phẩn, xà dạ yết ra ma đô yết ra, tát bà ra tha ta đà kê tộ phẩn, tỳ địa dạ giá lê tộ phẩn, giả đô ra phước kỳ nể tộ phẩn, bạt xà ra cu ma rị, tỳ đà dạ ra thệ tộ phẩn, ma ha ba ra đĩnh dương xoa tỳ rị tộ phẩn, bạt xà ra thương yết ra dạ, ba ra thượng kỳ ra xà da phẩn, ma ha ca ra dạ, ma ha mặt đất rị ca noa.

Nam mô ta yết rị đa dạ phẩn, tử sắc noa tỳ duệ phẩn, bột ra ha mâu ni duệ phẩn, a kỳ ni duệ phẩn, ma ha yết rị duệ phẩn, yết ra đàn trì duệ phẩn, miệc đất rị duệ phẩn, lao đất rị duệ phẩn, giá văn trà duệ phẩn, yết la ra đất rị duệ phẩn, ca bác rị duệ phẩn, a địa mục chất đa ca thi ma xá na, bà tư nể duệ phẩn, diễn kiết chất, tát đỏa bà tỏa, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tỏa.

ĐỆ NGŨ HỘI :

Đột sắc tra chất đa, a mặt đất rị chất đa, ô xà ha ra, già bà ha ra, lô địa ra ha ra, ta bà ha ra, ma xà ha ra, xà đa ha ra, thị tử đa ha ra, bạc lược dạ ha ra, kiền đà ha ra, bố sử ba ha ra, phả ra ha ra, bà tỏa ha ra, bác ba chất đa, đột sắc tra chất đa, lao đà ra chất đa, được xoa yết ra ha, ra sát ta yết ra ha, bệ lệ đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cư bàn trà yết ra ha, tát kiền đà yết ra ha, ô đất ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, a bá tất ma ra yết ra ha, trạch khô cách trà kỳ ni yết ra ha, rị Phật đế yết ra ha, xà di ca yết ra ha, xá cu ni yết ra ha, lao đà ra nan địa ca yết ra ha, a lam bà yết ra ha, kiền độ ba ni yết ra ha, thập Phật ra yên ca hê ca, trụ đế được ca, đất lệ đế được ca, giả đột thác ca, ni đề thập phạt ra, tử sam ma thập phạt ra, bạc đế ca, tử đế ca, thất lệ sắt mặt ca, ta nể bát đế ca, tát bà thập hạt ra, thất lô kiết đế, mặt đà bệ đạt lô chế kiếm, a ỷ lô kiếm, mục khô

ô kiềm, yết rị đột lô kiềm, yết ra ha yết lam, yết na du lam, đản đa du lam, hất rị dạ du lam, mặt mạ du lam, bạt rị thất bà du lam, tử lật sắc tra du lam, ô đà ra du lam, yết tri du lam, bạt tất đế du lam, ô lô du lam, thường già du lam, hắc tất đa du lam, bạt đà du lam, ta phòng án già bác ra trượng già du lam, bộ đa tử đa trà, trà kỳ ni thập bà ra, đà đột lô ca kiến đốt lô kiết tri, bà lộ đa tỳ, tát bác lô, ha lăng già, du sa đất ra, ta na yết ra, tỳ sa dụ ca, a kỳ ni ô đà ca, mặt ra bệ ra, kiến đa ra, a ca ra mặt rị đốt đất liếm bộ ca, địa lật lạc tra, tử rị sắc chất ca, tát bà na cu ra, tứ dẫn già tỳ yết ra, rị được xoa, đác ra sô, mặt ra thị phệ đế sam, ta bệ sam, tát đất đa bác đất ra, ma ha bạc xà lô sắc ni sam, ma ha bác lạc trượng kỳ lam, dạ ba đột đà xá dụ xà na, biện đất lệ noa, tỳ đà da bàn đàm ca lô di, đế thù bàn đàm ca lô di, bát ra tỳ đà, bàn đàm ca lô di, đác điệt tha.

Án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra bạc xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nể, bạc xà ra bàn ni phấn. Hổ hồng, đô lô ung phấn ta bà ha.

Thông rằng : Vì sao thần chú có thể khiến Ông Anan tức thời giải thoát ? Bởi vì Vô Kiến Đảnh Tướng phóng quang Như Lai tức là thị hiện của Diệu Trụ Tổng Trì Thủ Lăng Nghiêm Vương vậy. Cái ấy đã hằng giữ được tánh trong lặng nên hóa giải cái phân chia tánh trong lặng, đã kiên cố nên phá tan cái chướng kiên cố. Như lửa làm tiêu băng tự có cái lý thâm lặng mà thắng đoạt vậy. Sau là Kim Cang Bồ tát, tâm tinh thuần thì lặng lẽ nhanh chóng phát mở thần thức kẻ kia, người ấy bấy giờ tâm có thể ghi nhớ, đắc túc mạng thông. Huống gì thần lực Như Lai toàn khắp

hằng sa thế giới, dẫu dẫu cũng quang minh, dẫu dẫu đều giải thoát. Các thứ tà thuật cũng như bụi tuyết rớt vào lò lửa hồng, lập tức tiêu tan.

Ông Cung Phụng Hạo Nguyệt hỏi Tổ Trường Sa Sầm :
“Như sao là Đà La Ni ?”

Tổ Sa chỉ phía bên mặt thiền sàng, nói : “Cái ấy sư tăng tụng được đấy.”

Hỏi rằng : “Lại còn ai khác tụng được chăng ?”

Tổ Sa lại chỉ phía bên trái thiền sàng, nói : “Cái ấy sư tăng cũng tụng được đấy.”

Hỏi rằng : “Vì sao tôi chẳng có nghe ?”

Tổ Sa nói : “Đại đức há chẳng nghe nói, “*Chân tụng không vang, chân thính⁽¹⁾ không nghe*”, ư ?”

Hỏi rằng : “Như thế thì âm thanh chẳng nhập pháp giới tánh vậy ?”

Tổ Sa nói : “Lìa sắc cầu thấy, chẳng phải chánh kiến. Lìa thanh cầu nghe, đó là nghe tà.”

Hỏi rằng : “Như sao là *Chẳng lìa sắc là chánh kiến ; chẳng lìa tiếng là thật nghe* ?”

Tổ Sa khai thị bằng bài kệ :

“*Đầy mắt vốn chẳng phải sắc
Trần tai vốn chẳng phải thanh
Văn Thù thường chạm mắt
Quan Âm bịt nhĩ căn
Hiểu ba (Thân) nguyên một thể
Đạt bốn (Trí) vốn đồng Chân*”

¹⁾ Nghe thật.

*Rõ ràng Pháp Giới Tánh
Không Phật cũng không nhân.*⁽¹⁾

Thế biết, chỗ Tổ Trường Sa nói là Pháp Giới Tánh bèn tùy chỗ mà tuyên tụng Chú Đà La Ni. Cái ấy thật không Phật cũng không người thì chốn nào có được ma sự ư ?

III. KHAI THỊ ĐÂY LÀ CHÚ TÂM CỦA MƯỜI PHƯƠNG NHƯ LAI

Kinh : “Anan, đây là Phật Đảnh Quang Tụ Tất Đát Đa Bát Đát Ra (SITATAPATRA), bí mật Già Đà, vi diệu chương cú, xuất sanh tất cả mười phương chư Phật. Mười phương Như Lai nhân Chú Tâm này đắc thành Vô thượng Chánh Biến Tri Giác. Mười phương Như Lai nắm Chú Tâm này hàng phục các ma, chế dẹp ngoại đạo. Mười phương Như Lai cỡi Chú Tâm này ngồi hoa sen báu mà ứng hiện vi trần quốc độ. Mười phương Như Lai ngậm Chú Tâm này chuyển Đại Pháp Luân trong vi trần quốc độ. Mười phương Như Lai trì Chú Tâm này, ở khắp mười phương xoa đảnh thọ ký, tự quả của mình chưa thành, cũng ở nơi mười phương nhờ Phật thọ ký. Mười phương Như Lai y Chú Tâm này, thường khắp mười phương nhổ cứu các khổ như là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đui điếc, câm ngọng, oán ghét ở chung khổ, thương phải xa cách khổ, cầu chẳng được khổ, khổ vì năm ấm lấy lừng, trái ngang lớn nhỏ đồng thời giải thoát. Nạn cướp, nạn binh, nạn vua, nạn ngục, nạn nước, gió, lửa, đói khát bần cùng ứng niệm tiêu tan. Mười phương Như Lai tùy Chú Tâm này ở khắp mười phương phụng sự thiện tri thức, trong

¹⁾ Người.

bốn oai nghi, cúng dường như ý, trong pháp hội hằng sa Như Lai được suy tôn là Đại Pháp Vương Tử. Mười phương Như Lai được Chú Tâm này ở khắp mười phương nhiếp thọ thân nhân, khiến cho hàng Tiểu thừa nghe tạng bí mật chẳng sanh kinh sợ. Mười phương Như Lai tụng Chú Tâm này thành Vô Thượng Giác, ngồi cội Bồ Đề, nhập Đại Niết Bàn. Mười phương Như Lai truyền Chú Tâm này, sau khi diệt độ, phó chúc Phật-Pháp sự, trụ trì rõ ràng, nghiêm tịnh giới luật, tất hẳn đắc thanh tịnh.

“Nếu Ta nói về Chú Phật Đảnh Quang Tụ Bát Đát Ra này thì dù âm thanh liên tục, câu chữ không lặp lại, từ sáng đến tối, trải qua hằng sa kiếp cũng không thể cùng tận. Chú này cũng gọi tên là Như Lai Đảnh. Hàng Hữu Học các ông chưa hết luân hồi, phát tâm chí thành cầu quả A La Hán mà không trì Chú này thì không thể nào ngồi đạo tràng khiến cho thân tâm xa lìa các ma sự được.

Thông rằng : Thần Chú Phật Đảnh không thể nghĩ bàn, tuy nói là trì các danh hiệu nhưng cũng như mật lệnh trong quân đội, âm thầm phù hợp tương ứng, và cũng như lấy nước biển lớn để diệt lửa dóm. Hết thấy ma sự do tâm tạo ra, nay lấy cảnh giới không thể nghĩ bàn của chư Phật mà tẩy rửa đi thì cũng như dùng tâm vương đẹp trừ tâm tặc, hẳn lập tức diệt ngay.

Tối Thượng thừa, mật tu, mật chứng, chẳng mượn lời nói, tức đây là thật tế, nên bảo rằng xuất sanh hết thấy mười phương chư Phật. Một là thành Chánh Biến Tri. Hai là chế phục tà ma, ngoại đạo. Ba là ứng hiện trong vi trần quốc độ. Bốn là chuyển Đại Pháp Luân. Năm là nhờ Phật thọ ký. Sáu là nhổ cứu các khổ. Bảy là làm Pháp Vương Tử. Tám là nhiếp thọ thân nhân. Chín là nhập Đại Niết Bàn.

Mười là phó chúc Phật-Pháp sự. Tất cả đều dùng chú tâm này mà thành tựu. Nếu chẳng phải là một đường tối thượng thì có gì đáng hơn nữa ? Cái ý của tên kinh, rốt cuộc chẳng ra ngoài chỗ đó.

Thành Chánh Biến Tri tức là thể nhập Biến-Khấp-Biết vậy. Hàng phục tà ma, ngoại đạo tức là tà chú tiêu tan vậy. Ứng hiện trong vi trần quốc độ tức là Diệu Liên Hoa Vương vậy. Chuyển Đại Pháp Luân tức là Vô Thượng Bảo Ấn vậy. Xoa đĩnh thọ ký tức là Quán Đảnh Chương Cú vậy. Nhổ cứu các khổ tức là cứu thoát Ông Anan cùng Tánh Tỳ kheo ni vậy. Đại Pháp Vương Tử tức là vạn hạnh của chư Bồ tát vậy. Nhiếp thọ thân nhân tức là cứu hộ thân nhân vậy. Nhập Đại Niết Bàn tức là Định Thủ Lăng Nghiêm vậy. Phó chúc Phật-Pháp Sự tức là tu chứng liễu nghĩa vậy.

Chú tâm này bao hàm nhiều nghĩa như thế. Mười phương Như Lai đều do đây mà xuất sanh, nên là Chú Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni. Chưa thấu rõ điều này thì các kiến chấp nổi lên như ong vỡ tổ mà thành tà ma, ngoại đạo, tạo nghiệp không thôi mà chịu các khổ. Đây là chỗ giống nhau của vi trần quốc độ. Thấu rõ điều này tức là Pháp Vương Tử, nhờ Phật thọ ký, phó chúc việc Phật pháp, chuyển Đại Pháp Luân, không chỉ tự độ mà còn độ người, thế tức là trước sau thành Phật vậy. Người trì chú này kỳ hạn là ở chỗ thấy tánh thành Phật thì loại chương cú bí mật tầm thường há có thể sánh ư ?

Tổ Bách Trượng nói : “Nếu mà nay ở nơi tất cả các pháp hữu vô có tơ hào tâm ái nhiễm thì dù cho chân đang đạp lên hoa sen cũng đồng là ma làm. Nếu chấp vốn thanh tịnh, vốn giải thoát, tự là Phật, tự là người hiểu thiền tức là thuộc về ngoại đạo tự nhiên. Nếu chấp do nhân duyên mà chứng

đắc tu thành thì thuộc về ngoại đạo nhân duyên. Chấp Có thì thuộc thường kiến ngoại đạo. Chấp Không thì thuộc đoạn kiến ngoại đạo. Chấp Cũng Có, Cũng Không thì thuộc biên kiến ngoại đạo. Chấp Chẳng phải Có, Chẳng phải Không thì thuộc không kiến ngoại đạo cũng gọi là ngu si ngoại đạo.”

Như vậy chẳng khởi ra cái Phật kiến, Niết Bàn kiến... Tuyệt không có tất cả kiến Hữu Vô và cũng không có cái vô kiến, thì gọi là chánh kiến. Không có hết thấy các cái Nghe mà cũng không có cái Không nghe, gọi là chánh văn. Đó là chế phục ngoại đạo. Không có ma phàm phu đến là Đại Thần Chú. Không có ma Nhị thừa đến là Đại Minh Chú. Không có ma Bồ tát đến là Vô Thượng Chú. Cho đến cũng không có ma Phật đến là Vô Đẳng Đẳng Chú.

Một là biến ra chúng sanh xiêm xúc Tu La ; hai là biến ra Nhị thừa xiêm xúc Tu La ; ba là biến ra Bồ tát xiêm xúc Tu La. Đây là Tịnh Độ tam biến. Hết thấy các pháp hữu vô phàm thánh ví như quặng vàng, cái Chân Như của chính mình ví như vàng. Vàng và quặng tách ra, thì vàng ròng lộ bày. Bồng có người kiếm tiền, kiếm đồ báu liền biến vàng ra tiền mà cho. Cũng như bột gạo tinh thuần không có đất cát, có người xin bánh liền biến bột ra bánh mà cho. Lại cũng như kẻ bầy tôi có trí hiểu được ý vua, nếu vua muốn đi mà đòi Tiên Đà Bà⁽¹⁾ thì liền dâng ngựa. Khi vua ăn mà đòi Tiên Đà Bà liền dâng muối... Các ví dụ trên để chỉ người khéo thông đạt huyền chỉ nên ứng cơ chẳng sai lầm. Cũng gọi là Lục Tuyệt Sư Tử.

Tổ Chí Công nói : “Mặc người tạo tác trăm điều, hàng Thập Địa Bồ tát không dối, không no, vào nước không chìm,

¹⁾ Có bốn nghĩa : muối, đồ dùng, nước và ngựa.

vào lửa không cháy. Dù muốn cháy cũng không thể cháy được ! Người ta thì bị số lượng cai quản, quy định. Phật thì chẳng phải thế, vào lửa không cháy mà muốn cháy là cháy. Vào nước không chìm, mà muốn chìm là chìm ! Vì Phật sử dụng được bốn Đại tự do vậy.”

Ôi, đến địa vị Phật, sử dụng được bốn Đại tự do thì Tánh tức là Chú, Chú tức là Tánh, có chỗ nào mà chẳng thành tự ? Thật không thể nghĩ bàn vậy, đất Trung Nguyên có được chuyện ấy, chỉ có Chú mới hàng phục tà ma. Nay Tổ Bách Trượng nói : “Không có các thứ ma đến, tức đó là Chú”, thật rất có ý vị vậy.

IV. SỨC CỦA THẦN CHÚ LÀM TIÊU NGHIỆP CHƯỚNG TẠO PHƯỚC ĐỨC, SỐNG CHÂN THƯỜNG

Kinh : “Này Anan, như các thế giới, theo chỗ cõi nước có chúng sanh tùy theo sản vật nước mình có : vỏ cây hoa, lá bối, giấy trắng, lụa bạch mà viết chép chú này, đựng trong túi hương. Người này tâm u tối chưa thể tụng nhớ thì mang trong người hoặc viết trong nhà, phải biết rằng người đó suốt đời không bị tất cả các thứ độc làm hại.

“Anan, nay Ta vì ông nói lại chú này để cứu hộ thế gian được đại vô úy và thành tựu trí xuất thế gian của chúng sanh.

“Như sau khi Ta diệt độ, chúng sanh đời mạt thế có người tự tụng hay dạy người khác tụng, phải biết những chúng sanh trì tụng như thế : lửa không thể thiêu, nước chẳng thể chìm, độc yếu, độc mạnh không thể hại được. Cho đến các chú ác dữ của Thiên, Long, Quỷ, Thần, tinh kỳ, ma mỵ đều không làm gì nổi, tâm được chánh thọ. Tất cả bùa chú, trùng độc, thuốc độc, kim khí độc địa, cỏ

cây, trùng rắn, khí độc muôn thứ vào trong miệng người ấy đều thành vị cam lồ. Hết thấy ác tinh cùng các quỷ thần lòng dữ hại người, đối với người ấy không thể khởi ra niệm ác. Tần Na, Dạ Ca, các quỷ vương ác độc cùng với quyến thuộc đều chịu ơn sâu, thường ủng hộ che chở.

“Anan, phải biết chú này thường có tám vạn bốn ngàn na do tha hằng hà sa cu chi chủng tộc Kim Cang Tạng Bồ tát mỗi mỗi đều có các chúng Kim Cang làm quyến thuộc, ngày đêm theo hầu. Giả sử có chúng sanh tâm còn tán loạn, chưa vào Tam Ma Địa mà lòng nhớ, miệng trì chú này thì các Kim Cang Vương thường theo bên mình. Huống là người phát tâm Bồ Đề quyết định thì các vị Kim Cang Tạng Vương Bồ tát ấy sẽ tinh thành âm thầm phù trợ mà phát khởi thần thức người đó, khiến cho người ấy đúng lúc nhớ lại được tám mươi bốn ngàn hằng hà sa kiếp, rõ biết khắp cả, không còn nghi hoặc. Từ kiếp thứ nhất cho đến thân sau cùng, đời đời không sanh vào các loài Dục Xoa, La Sát, Phú Đơn Na, Ca Tra Phú Đơn Na, Cừ Bàn Trà, Tỳ Xá Giá... và các nạ quỷ hữu hình hay vô hình, có tướng hay không tướng, và những chốn dữ như thế. Người thiện nam này, hoặc đọc hoặc tụng, hoặc viết hoặc chép, hoặc đeo hoặc cất, hoặc cúng dường nhiều cách thần chú này thì kiếp kiếp chẳng sanh vào chỗ không vui, bản cùng hạ tiện.

“Các chúng sanh ấy, dù tự mình chẳng làm nghiệp phước mà công đức của mười phương Như Lai hản thông cho người này. Do vậy mà trải qua a tăng kỳ bất khả thuyết bất khả thuyết kiếp thường được cùng chư Phật sanh ở một nơi, vô lượng công đức nhóm lại như chùm cây ác xoa thành đồng một chỗ huân tu, vĩnh viễn không phân tán. Thế nên có thể khiến người đã phá giới được giới căn thanh tịnh ; người chưa đắc giới khiến cho đắc

giới ; người chưa tinh tấn khiến đắc tinh tấn ; người không trí huệ khiến đắc trí huệ ; người không thanh tịnh chóng đắc thanh tịnh ; người chẳng giữ trai giới tự thành trai giới. Anan, người thiện nam đó khi trì chú này, giả sử có phạm cấm giới khi chưa thọ trì thì sau khi trì chú hết thấy tội phá giới, không kể nặng nhẹ, nhất thời tiêu diệt. Dù đã từng uống rượu, ăn năm thứ rau cay, các thứ bất tịnh thì tất cả chư Phật, Bồ tát, Kim Cang, Tiên Thiên, Quỷ Thần không cho là lỗi. Giả sử mặc y phục không sạch rách nát thì mỗi cử chỉ đi đứng thấy đồng thanh tịnh. Dù không lập đàn, chẳng vào đạo tràng cũng không hành đạo mà trì tụng chú này thì công đức so vào đàn, hành đạo giống nhau không khác. Nếu tạo trọng tội ngũ nghịch, vô gián và tội tứ khí, bát khí của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni mà tụng chú này rồi thì các nghiệp nặng như vậy hẳn đều diệt hết như gió mạnh thổi tan đồng cát không còn chút gì. Anan, nếu có chúng sanh chưa hề sám hối hết thấy tội chướng nặng nhẹ từ vô lượng vô số kiếp đến giờ mà nay có thể đọc tụng viết chép Chú này, đeo giữ trên người hay để nơi chỗ ở như trại, nhà vườn, quán... thì những nghiệp chứa nhóm trước kia đều tiêu tan như nước sôi trên tuyết, chẳng bao lâu đều được ngộ Vô Sanh Nhẫn.

Thông rằng : Chỗ này nói về thành tựu trí xuất thế gian của chúng sanh, cốt yếu là ngộ Vô Sanh Nhẫn mà thôi vậy. Người ta không ngộ vô sanh là do chứa nhóm nghiệp làm chướng ngại vậy. Chứa nghiệp không gì qua sát, đạo, dâm, vọng, gọi là tứ khí. Hàng Tỳ kheo ni thì thêm xúc chạm, hẹn hò, che giấu, đi theo gọi là bát khí.

Giới luật có năm hạng tương đương với năm hình phạt của thế gian. Một là Ba La Di tương đương với tội tử hình ; hai là Tăng Tàn tương đương với tội lưu đày ; ba là Ba Dật

Đề tương đương với khổ sai ; bốn là Đề Xá Ni tương đương với tội phạt tương ; năm là Đột Kiết La tương đương với tội đánh bằng roi.

Nếu gặp nghiệp đời trước thì nước, lửa, trùng, rắn cũng đủ làm hại. Tuy Thiên, Long, ác tinh không có lòng hại người nhưng một khi chạm phải khí của các loại đó thì không khỏi bị nạn, cũng là sự chiêu cảm của nghiệp trước vậy. Nghiệp có nặng nhẹ, quả báo cũng nặng nhẹ. Nếu chìm đắm trong các nẻo ác, sanh vào chỗ chẳng vui, thì danh Phật còn chẳng nghe hưởng là đắc Vô Sanh Nhân ư ? Độc chỉ trì chú này hay tiêu tan nghiệp trước, khỏi các thứ hoạn nạn độc hại. Nếu là người phát tâm Bồ Đề quyết định thì như gió thổi cát, nước sôi trên tuyết, cầu gì mà chẳng toại ý ư ? Chưa được chánh thọ liền đắc chánh thọ, chưa thể hành Lục Độ liền đắc Lục Độ, chưa được túc mạng liền đắc túc mạng, thường sanh cùng một chỗ với chư Phật, đồng xứ huân tu, do đó mà ngộ Vô Sanh Nhân thật là dễ vậy. Công đức trì chú lớn lao vô cùng, không thể nghĩ bàn vậy.

Thiên sư ni Vô Trước Diệu Tổng nghe Tổ Đại Huệ nêu lên nhân duyên Ngài Dược Sơn ban đầu ra mắt Tổ Thạch Đầu, sau đó đến Đức Mã Tổ, hốt nhiên tỉnh ngộ.

Tổ Đại Huệ xuống tòa giảng thì cư sĩ Phùng Công Tập đi theo đến phương trượng, nói rằng : “Tôi lý hội được công án Hòa thượng vừa nêu.”

Tổ Huệ nói : “Thế nào ?”

Đáp rằng : “Như thế cũng chẳng được, tô rô ta bà ha ! Chẳng như thế cũng chẳng được, tất rị ta bà ha ! Như thế, chẳng như thế rốt ráo đều chẳng được, tô rô tất rị ta bà ha !”

Tổ Đại Huệ đem chuyện này nói với Ni Diệu Tổng.

Ni nói : “Chỉ từng thấy Quách Tượng chú giải Trang Tử. Người hiểu biết lại cho rằng chính Trang Tử chú giải Quách Tượng.”

Tổ Đại Huệ thấy lời nói kỳ dị, lại nêu chuyện Thạch Đầu gặp Bà Tử mà hỏi thì Ni Diệu Tổng đáp bằng kệ :

*“Một chiếc thuyền nan nổi mấy phương
Cất mái mùa chèo biệt cung thương
Núi mây, trăng biển đều vất ráo
Được quá Trang Châu mộng bướm trường.”*

Tổ Đại Huệ bèn thôi.

Ông Phùng Công nghi ngờ chỗ ngộ của Ni Diệu Tổng chưa căn bản, sau đó qua đất Vô Tích, mời đến thuyền hỏi rằng : “Lão bà sanh bảy đứa con, sáu đứa không gặp tri âm, chỉ tại một đứa cũng chẳng tiêu tan được, bèn quăng xuống nước ! Lão sư Đại Huệ bảo đạo nhân lý hội được là hiểu thế nào ?”

Ni đáp : “Trên mà cùng thông khắp thì cùng đến chỗ Chân Thật !”

Ông Phùng rất kinh hoàng.

Như chỗ ngộ Vô Sanh Nhẫn của Ni Diệu Tổng là chú dấy ư ? Là chẳng phải chú dấy ư ? Mà sao nhả hơi xuất lời không dễ gì đo đếm, đoán biết vậy ?

V. CHÚ LÀ PHƯỚC ĐỨC NHƯ Ý CHO MÌNH VÀ CHO CÁ NƯỚC, BẢO HỘ CHO NGƯỜI SƠ HỌC

Kinh : “Lại nữa, Anan, nếu có người nữ chưa có con mong cầu có thai mà có thể chí tâm nhớ niệm chú này, hoặc đeo trên người Chú Tát Đát Đa Bát Đát Ra này, bèn sanh con trai con gái trí huệ phước đức. Người

cầu sống lâu tức được sống lâu. Muốn cầu quả báo mau được viên mãn thì mau được viên mãn. Về thân mạng, dung mạo, sức khỏe cũng lại như vậy. Sau khi mạng chung, tùy nguyện mà sanh qua mười phương quốc độ, nhất định không sanh nơi biên địa hạ tiện hưởng là các loài dị hình.

“Anan, nếu các cõi nước, châu huyện, làng xóm bị đói kém, dịch lệ hay giặc nạn, đao binh, đánh nhau cùng hết thảy những nơi có ách nạn mà viết thần chú này treo ở bốn cửa thành, các chỗ thờ tự hoặc trên các lá phướn, rồi khiến chúng sanh nơi ấy vâng đón, cung kính lễ bái, hết lòng cúng dường chú này, khiến nhân dân mỗi người đeo trong mình hay cất trong mỗi nhà thì tất cả tai ách thảy đều tiêu diệt.

“Này, Anan, bất kỳ chỗ nào mà có chú này thì Thiên Long hoan hỷ, mưa thuận gió hòa, mùa màng sung túc, dân chúng an vui. Chú này lại có thể trấn phục tất cả ác tinh, tùy phương hiện các điềm quái, đều khiến cho tai chướng không khởi, con người không bị chết dữ, chết yếu, thân thể không vương xiềng xích gông cùm, ngày đêm ngủ ngon, thường không ác mộng.

“Này, Anan, cõi Ta Bà này có tám vạn bốn ngàn tai biến ác tinh, hai mươi tám đại ác tinh đứng làm đầu, lại có tám đại ác tinh làm chủ biến hiện nhiều thứ trên đời, gây ra nhiều loại tai họa dị thường cho chúng sanh. Chỗ nào có chú này thì các thứ đó đều tiêu diệt hết, trong mười hai do tuần làm vòng kết giới thì các điềm tai biến hung dữ vĩnh viễn không vào được.

“Thế nên, Như Lai tuyên dạy chú này để bảo hộ các người tu hành sơ học trong đời vị lai vào được Tam Ma Địa, thân tâm rộng không, được đại an ổn, không bị

hết thủy ma quỷ thần và những oan khiên, nợ nghiệp từ vô thủy tới nay đến khuấy hại. Ông với những người hữu học trong chúng này cùng những người tu hành đời vị lai y theo đàn tràng ta dạy, như pháp mà trì giới, gặp được bậc giới chủ là vị tăng thanh tịnh, đối với chú tâm này chẳng sanh nghi hối ; người thiện nam như thế ngay nơi thân cha mẹ sanh ra này mà không được tâm thông thì mười phương Như Lai hóa ra là vọng ngữ !”

Thông rằng : Chỗ này nói về cứu hộ thế gian được Đại Vô Úy, đại khái giống như bốn Diệu Đức không thể nghĩ bàn của Ngài Quán Thế Âm : cầu trai được trai, cầu gái được gái, cầu sống lâu được sống lâu, cầu viên mãn được viên mãn mà cốt yếu là quy về tâm thông. Tâm thông không ra ngoài ba nghĩa : Một là chứng quả, tức là ngồi nghiêm chỉnh an cư một trăm ngày đắc quả Tu Đà Hoàn ; hai là tỏ hiểu, tức là tự biết nhất định thành Phật không sai ; ba là túc mạng thông, tức là rõ biết khắp cùng không còn nghi hoặc. Tâm thông này cũng từ trong cái không thể nghĩ bàn mà được, hướng là các thứ linh ứng để đề phòng tai họa, chế ngự hoạn nạn làm sao nghĩ bàn được ?

Năm Thứ Mười Ba niên hiệu Đại Nghiệp, Đức Tứ Tổ Đạo Tín dẫn đồ chúng đến Cát Châu thì gặp bọn cướp vây thành bảy tuần (bảy mươi ngày) chẳng lui tan, mọi người đều sợ hãi. Tổ thương xót, dạy bày niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa. Khi ấy, bọn cướp nhìn lên trên thành như có thần binh, bèn bảo nhau : “Trong thành ắt có dị nhân, không thể đánh được”. Bèn lần lần bỏ đi.

Lại như Trần Tôn túc (Mục Châu) ở chùa Khai Nguyên hàng ngày đan dép để nuôi mẹ, cho nên có hiệu là Trần-dép-cỏ. Giặc cướp vào xứ, Tổ treo một chiếc dép cỏ nơi cửa

thành. Giặc muốn vất đi, dùng hết sức cũng chẳng nhúc nhích, bèn than : “Xứ Mục Châu này có đại thánh nhân”, rồi bỏ thành mà rút lui. Dân trong thành khỏi bị tai họa.

Chỗ này quả là rõ ràng rồi vậy. Những chuyện khác thì Cao Tăng Truyện ghi lại kể ra không xiết. Còn như tất cả ác tinh tùy phương mà hiện các điềm quái thì cũng như vọng kiến đồng nghiệp ở đoạn trước, mỗi thứ đều do nghiệp cảm, chẳng phải khi không mà sanh. Ác tinh có tám mươi bốn ngàn thứ tương ứng với chừng ấy nghiệp phiền não của chúng sanh. Việc con người làm ở dưới, trời biến hiện đối ứng ở trên. Thiên tượng lớn có hai mươi tám ngôi cùng các dư khí của kinh tinh ngũ hành. Tất cả đều bảm thọ cái tinh hoa của ngũ hành mà vận chuyển trong không trung. Hễ nghịch tánh nó thì tai họa ứng đáp như các sao Tuệ, Bội, Phi Lưu,⁽¹⁾ Thái Bạch, Xi Vưu... Chú này sức Từ rộng lớn, tinh ròng chí thiện nên tất cả các khí xấu không đến gần được, bởi thế có thể tiêu diệt các tai họa dị kỳ ngoài mấy trăm dặm.

Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng sanh ra vào ngày Tám tháng Tư năm Thứ Hai niên hiệu Nghi Phụng đời Đường, cảm ứng có luồng bạch khí hiện ở trên trời khoảng xứ An Khương.

Quan Thái sử trông thấy bèn tâu lên vua Cao Tông.

Vua hỏi : “Đây là điềm lành gì ?”

Đáp rằng : “Pháp khí của đất nước, chẳng nhiễm vinh hoa thế gian.”

Vua bèn sai Thái thú đất Kinh Châu là Hàn Giai đích thân đến vấn an gia đình.

¹⁾ Sao chổi.

Phàm chỗ cảm ứng của thiện ác thì lành dữ khác hẳn nhau, ai dám bảo chú này không đủ để tiêu sạch tai họa ư ?

VI. CÁC THẦN HỘ PHÁP PHÁT NGUYỆN BẢO HỘ RỘNG RÃI

Kinh : Phật dạy lời ấy rồi, vô lượng trăm ngàn Kim Cang trong hội đều đồng thời ở trước Phật chấp tay đánh lễ, thưa rằng : “Như lời Phật dạy, chúng tôi sẽ thành tâm bảo hộ những người tu Bồ Đề như vậy.”

Khi ấy, Phạm Vương cùng trời Đế Thích, bốn Đại Thiên Vương cùng ở trước Phật đồng thời đánh lễ, thưa rằng : “Quả có người lành tu học như vậy chúng tôi sẽ tận tâm chí thành bảo hộ, khiến cho họ suốt đời tu hành được như nguyện.”

Lại có vô lượng Đại Tướng Dược Xoa, các vua La Sát, vua Phú Đon Na, vua Cưu Bàn Trà, vua Tỳ Xá Giá, các Đại Quỷ Vương Tần Na Dạ Ca cùng các Quỷ Soái cũng ở trước Phật chấp tay đánh lễ, thưa rằng : “Chúng tôi cũng thệ nguyện hộ trì người này khiến tâm Bồ Đề sớm được viên mãn.”

Lại có vô lượng Thiên Tử Nhật Nguyệt, Thần Gió, Thần Mưa, Thần Mây, Thần Sấm và các hàng Thần Điện, các quan tuần trong năm, quyền thuộc chủ tinh... cũng ở trong hội đánh lễ chân Phật, thưa rằng : “Chúng tôi cũng bảo hộ người tu hành này để an lập đạo tràng, được Vô Sở Úy.”

Lại có vô lượng Thần Núi, Thần Biển, hết thảy các loài tinh kỳ muôn vật ở đất đai, trên không, dưới nước và vua Thần Gió, Trời Vô Sắc Giới ở trước Như Lai đồng thời cúi đầu, thưa rằng : “Chúng tôi cũng bảo hộ người tu hành ấy đắc thành Bồ Đề, vĩnh viễn không có ma sự.”

Lúc bấy giờ, tám vạn bốn ngàn na do tha hằng hà sa câu chi Kim Cang Tạng Vương Bồ tát ở trong Đại Hội liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, thưa rằng : “Bạch Thế Tôn, như bọn chúng tôi, công nghiệp tu hành đã thành Bồ Đề từ lâu mà chẳng giữ Niết Bàn, thường theo chú này để cứu hộ người chánh tu hành tu Tam Ma Đề trong đời mạt thế. Thưa Thế Tôn, người tu tâm cầu chánh định như vậy, dầu ở đạo tràng hay lúc kinh hành, cho đến tán tâm dạo chơi xóm làng thì đồ chúng của chúng tôi vẫn thường đi theo hầu hạ bảo vệ người ấy. Giả sử Ma Vương, Đại Tự Tại Thiên muốn có cơ hội để khuấy phá, rớt cuộc cũng không thể được. Các quỷ thần nhỏ cách xa người này ngoài mười do tuần, trừ phi hạng đó phát tâm muốn tu thiền. Bạch Thế Tôn, những ác ma hay quyến thuộc của ma như vậy muốn đến quấy phá người lành này, chúng tôi sẽ dùng bảo xứ⁽¹⁾ đánh nát đầu như tro bụi, thường khiến cho người này tu hành được như nguyện.”

Thông rằng : Người trì chú này được các Thần bảo hộ. Người trì chú này chóng đắc Bồ Đề. Người trì Chú này vĩnh viễn không có ma sự. Nguyện lực của Bồ tát Kim Cang Tạng thật quá sâu xa : Chẳng giữ lấy Niết Bàn, thường theo chú này mà cứu hộ người tu hành chân chánh trong đời mạt thế, nên các ma không có được cơ hội khuấy phá.

Ma Vương Chương Tế thống lãnh quyến thuộc theo Bồ tát Kim Cang Tề một ngàn năm tìm kiếm chỗ khởi xứ mà chẳng được. Bỗng nhiên ngày nọ thấy được, bèn hỏi : “Ngài y trụ chỗ nào mà tôi suốt một ngàn năm tìm khởi xứ của Ngài không ra ?”

¹⁾ Chày báu.

Bồ tát nói : “Ta chẳng y hữu trụ mà trụ, chẳng y vô trụ mà trụ, như thế mà trụ.”

Tổ Pháp Nhãn nói : “Ma Vương Chương Tế chẳng thấy Kim Cang Tề bèn theo, còn như Kim Cang Tề có thấy Ma Vương chẳng ?”

Tổ Diệu Hỷ nói : “Đã kiếm khởi xứ không ra thì chuyện một ngàn năm đi theo là gì thế ?

Đức Kim Cang Tề nói : “*Ta chẳng y hữu trụ mà trụ, chẳng y vô trụ mà trụ, như thế mà trụ*”, ấy là hổ tương lừa dối quá lắm ! Tổ Pháp Nhãn nói : “*Ma Vương Chương Tế chẳng thấy Kim Cang Tề bèn theo, còn như Kim Cang Tề có thấy Ma Vương chẳng ?*” Phán đoán như thế cũng là xem lỗ mà đặt nêm !

Nay đây bộ không biết khởi xứ của Diệu Hỷ ư ? Hãy theo sau mà la lên rằng : “Nói mới gì thế ?” Xét Diệu Hỷ phán đoán như vậy, quả là Ma Vương rình mò chẳng thấy ! Nhưng Ma Vương khổ sở muốn kiếm khởi xứ đến đổi đi theo một ngàn năm thì Ma Vương cũng phát tâm muốn tu thiện vậy. Thế nên đối với Bồ tát Kim Cang Tề chẳng có chi xa cách, mà Bồ tát Kim Cang Tề cũng muốn thuyết pháp cho. Những việc ấy đều không phải người tầm thường mà suy lường nổi.

Từ Quyển IV mời vào “*Nhà hoa*” cho đến đây gọi chung là phần Tu Đạo. Văn sau riêng là phần Chứng Quả.



CHƯƠNG IV :

KHAI THỊ CÁC ĐỊA VỊ TU CHỨNG

MỤC MỘT :

KHAI THỊ HAI CÁI NHÂN ĐIÊN ĐẢO VÀ BA MÓN TIỆM THỨ

I. ÔNG ANAN XIN KHAI THỊ NHỮNG DANH MỤC, THỨ BẬC TU HÀNH

Kinh : Ông Anan liền từ chỗ ngồi đứng lên, đánh lễ chân Phật, bạch Phật rằng : “Chúng tôi ngu độn, thích được đa văn, với các tâm hữu lậu chưa cầu lìa khỏi. Nhờ Phật từ bi dạy dỗ được sự huân tu chân chánh, thân tâm khoan khoái an nhiên, được lợi ích lớn. Thưa Thế Tôn, tu chứng Tam Ma Đề của Phật như thế, khi chưa đến Niết Bàn thì thế nào gọi là Càn Huệ Địa ? Bốn mươi bốn tâm thứ lớp đến đâu để được danh mục tu hành ? Đến nơi chốn nào thì gọi là nhập địa ? Sao gọi là Đẳng Giác Bồ tát ?”

Thưa hỏi thế rồi, năm vốc gieo xuống đất. Đại chúng nhất tâm chờ từ âm Phật, chiêm ngưỡng không chớp mắt.

Khi ấy, Đức Thế Tôn khen Ông Anan rằng : “Hay thay ! Hay thay ! Các ông mới có thể khắp vì đại chúng và tất cả chúng sanh đời mạt thế tu Tam Ma Đề, cầu Đại thừa mà xin Ta nêu bày con đường chánh tu hành từ phàm phu cho đến Đại Niết Bàn. Nay ông hãy lắng nghe, sắp vì ông nói.”

Ông Anan và đại chúng chấp tay, chú tâm yên lặng thọ giáo.

Thông rằng : Ban đầu, Phật bảo Ông Anan : “Tâm gọi là thẳng. Như thế, từ đầu đến cuối, các địa vị trung gian vĩnh viễn không có tướng quanh co. Niết Bàn là cuối, Càn Huệ là đầu, bốn mươi bốn trung gian là Tín, Trụ, Hạnh, Hướng và Tứ Gia Hạnh, chẳng phải là không có thứ lớp, đó là danh mục tu hành vậy. Tiến vào Thập Địa cho đến Địa Thứ Mười Một là Đẳng Giác Bồ tát. Đến Đại Niết Bàn mới gọi là Diệu Giác.”

Cái nơi chốn đạt đến này không mượn vào việc tu. Vậy làm sao được cái tướng không quanh co đây ? Không quanh co nghĩa là nhất siêu trực nhập, trước sau không khác, là con đường Diệu Bồ Đề Tối Thượng vậy. Bởi thế, Phật bảo : “Nêu bày con đường chánh tu hành vô thượng từ phạm phu cho đến Đại Niết Bàn”, nghĩa là từ phạm phu mà chứng thẳng Diệu Giác, không mượn gì thứ lớp. Nêu bày, nghĩa là chúng sanh chưa chứng nên nói trước cho, đại để như vậy.

Tổ Hoàng Bá nói : “Tâm đây tức là cái tâm vô tâm. Lìa cả thấy tướng thì chúng sanh cùng chư Phật không có chút gì sai khác. Chỉ là vô tâm, bèn là rốt ráo.

“Các người học Đạo ! Như chẳng ngay đây vô tâm thì bao kiếp tu hành rốt chẳng nên gì, bị công hạnh của Tam thừa ràng buộc, chẳng có giải thoát. Nhưng chứng tâm này có mau chậm. Có người nghe pháp một niệm bèn được vô tâm. Có người đến Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng mới được vô tâm. Có người đến Thập Địa mới được vô tâm. Dài hay ngắn, được vô tâm là trụ, không còn gì có thể tu, có thể chứng, thật không chỗ đắc, chân thật chẳng hư. Một niệm mà đắc cũng như Thập Địa mà đắc, công dụng như nhau không có sâu cạn, chỉ khỏi bao kiếp uống công cần khổ vậy.”

Lời dạy của Tổ Hoàng Bá cũng đồng như Phật nêu bày con đường chánh tu hành vô thượng. Ngay đây mà thấu suốt mới tin khoảng trung gian quả là không các tướng quanh co.

II. KHAI THỊ HAI CÁI NHÂN ĐIÊN ĐẢO

Kinh : Phật nói : “Anan, hãy biết, cái Diệu Tánh tròn sáng lia mọi danh tướng, bốn lai không có thế giới, chúng sanh. Nhân vọng mà có sanh, nhân sanh mà có diệt. Sanh diệt thì gọi là vọng, diệt vọng thì gọi là Chân. Đó gọi là hai danh hiệu chuyển y Bồ Đề Vô Thượng và Đại Niết Bàn của Như Lai vậy.

Thông rằng : Tánh mà nói là Diệu thì chẳng trệ nơi Tịch. Minh mà nói là Viên thì chẳng sa vào cái sở, mà lia tướng, lia danh, không thể nghĩ bàn. Chứng vào Diệu Tánh này thì thế giới chẳng phải là thế giới, chúng sanh chẳng phải là chúng sanh, tức vọng tức chân, cái sanh diệt chẳng phải là sanh diệt vậy.

Tổ Mã Minh nói : “Vì chẳng như thật biết Chân Như Nhất Pháp nên tâm bất giác động mà thành có ra niệm. Niệm tức là tướng sanh, sanh tức là tướng diệt. Sanh diệt, danh tướng đều là vọng. Bằng như thật mà rõ biết Chân Như Nhất Pháp ắt vọng vốn không chỗ có. Giống như người theo phương hướng mà mê lầm, sự mê lầm nào có tự tướng ! Cho Đông là Tây mà phương hướng thật nào có xoay chuyển gì đâu. Tỉnh ngộ ra thì cái phương Tây mê lầm kia đâu có ! Mê thì cho là tâm động mà thật nào chẳng có động. Như biết cái tâm động ấy là chẳng sanh diệt, liền vào thẳng cửa Chân Như.”

Rốt ráo thay lời nói này ! Đây có thể làm lời dạy chân chánh cho cái “*Diệt vọng thì gọi là Chân*” vậy. Thế nên, chuyển cái bất giác y vào Tánh Giác gọi là Bồ Đề Vô Thượng ; chuyển cái sanh tử y vào vô sanh gọi là Đại Niết Bàn, chứ chẳng phải lia cái bất giác mà có riêng cái Giác, chẳng phải lia sanh tử mà có riêng cái vô sanh. Chỉ là cái vọng kiến diệt đi tức Chân Tánh hiện. Cái bất giác này liền ngay là Chân Giác ; cái sanh diệt này liền thật là vô sanh. Tức là cái thế giới chúng sanh này đây vốn không có chi là chúng sanh, thế giới. Thế nên mới gọi là vô thượng, đó là Đại !

Chuyển y thì có sáu thứ : Một là, *Tổn lực ích năng chuyển*, nghĩa là tổn giảm thế lực của chúng tử ô nhiễm và tăng thêm công năng của chúng tử thanh tịnh, lần lần chế phục sự hiện hành, cũng gọi là Chuyển Y.

Hai là, *Thông đạt chuyển*, nghĩa là do thấy Đạo, đạt Chân, rồi nỗ lực đoạn trừ hai cái Chướng (Phiền Nã và Sở Tri), chứng sơ lược một phần Chân Thật Chuyển Y.

Ba là, *Tu tập chuyển*, nghĩa là hàng Thập Địa từng Địa đoạn dần câu sanh vô minh, chứng Chân Chuyển Y.

Bốn là, *Quả mãn chuyển*, nghĩa là ở địa vị cứu cánh dùng Kim Cương Định vĩnh viễn đoạn trừ tất cả vô minh thô, tế, đốn chứng Chuyển Y Phật Quả Viên Mãn.

Năm là, *Hạ liệt chuyển*, nghĩa là hàng Nhị thừa chán khổ ưa tịch lặng, ở chỗ chứng Chân Trạch Diệt, không có khả năng kham nhẫn thù thắng.

Sáu là, *Quảng đại chuyển*, nghĩa là địa vị Đại thừa, không có cả ưa lẫn chán, thông đạt ngã pháp đều Không, song đoạn hai chướng, đốn chứng Vô Thượng Bồ Đề, bởi có khả năng kham nhẫn thù thắng.

Bồ Đề Vô Thượng và Đại Niết Bàn này Quảng Đại Chuyển Y Thứ Sáu cùng với Quả Mãn Chuyển Y Thứ Tư đều là Đốn Chứng. So với hàng Nhị thừa hạ liệt lần lượt tu tập hoàn toàn khác hẳn.

Thiền sư An Dân, ban đầu giảng kinh Lăng Nghiêm ở thành đô, được hàng nghĩa-học nường về. Thời ấy, Tổ Viên Ngộ ở chùa Chiếu Giác. An Dân có bạn lành là Thắng Thiền sư nên đến đó. Nghe được Tổ Viên Ngộ vào lúc tiểu tham nêu ra nhân duyên ba lần kêu thị giả, thì Triệu Châu có đề ra câu nói “Như người viết chữ trong tối, chữ tuy chẳng thành mà văn vẻ đã rõ ràng”. Trong chỗ nào là văn vẻ đã rõ ràng ?

Sư An Dân tâm nghi chuyện ấy, đốt hương xin vào thất của Tổ.

Tổ Viên Ngộ hỏi : “Tòa chủ giảng kinh gì ?”

Đáp rằng : “Lăng Nghiêm.”

Tổ Ngộ nói : “Kinh Lăng Nghiêm có bảy chỗ trưng bày Tâm, tám nơi trả về để biện rõ Tánh Thấy, vậy rốt ráo Tâm ở chỗ nào ?”

Sư An Dân trình bày giải thích lăm thứ, Tổ đều chẳng chịu, mới bảo hãy ở nơi “*Tất cả chốn là văn vẻ đã rõ ràng*” mà thể hội.

Tình cờ có nhà sư hỏi Tổ về Thập Huyền Đàm,⁽¹⁾ vừa mới nêu ra câu “*Tâm ấn của thầy, đáng vẻ thế nào...*”, thì Tổ Viên Ngộ nói lớn : “Văn vẻ đã rõ ràng !”

Sư Dân nghe liền có chỗ tỉnh ngộ, bèn xin ấn chứng.

¹⁾ Mười bài kệ của Thiền sư Đường An Sát.

Tổ dạy : “Lấy bốn sắc mà trui rèn thì vô ích.”

Một hôm, sư thưa với Tổ : “Xin Hòa thượng thôi nêu lời, để tôi nói xem sao.”

Tổ chấp thuận.

Sư Dân nói : “Bình thường dơ chùy, dựng phát há chẳng phải là chỗ trong kinh nói “Hết thấy hình tướng có trong thế gian đều tức là Bồ Đề Diệu Minh Chân Tâm” ư ?”

Tổ Viên Ngộ cười, nói : “Ông xưa nay ở trong đó mà sinh nhai đấy !”

Sư Dân lại nói : “La hét, gõ sòng há chẳng phải là “Phản văn văn tự tánh, tánh thành Vô Thượng Đạo” ư ?”

Tổ nói : “Ông há chẳng thấy trong kinh nói : “Diệu Tánh sáng đầy, lìa các danh tướng” ư ?”

Sư Dân ngay nơi lời nói được tiêu tan vướng mắc.

Tổ Viên Ngộ ra khỏi đất Thục, đến ở Giáp Sơn. Sư thôi giảng kinh, theo hầu bên Tổ. Tổ ban đêm giảng thiền cho chúng, nêu ra công án “*Buồm xưa chưa cắn*”. Sư chẳng khế hội, xin Tổ giải quyết.

Tổ Ngộ nói : “Ông hỏi đi !”

Sư vừa mới cất lời, Tổ Ngộ liền nói : “Trước sân, cây bách !”

Sư bèn tỏ suốt, nói với Tổ rằng : “Người xưa nói “Như một giọt nước rớt vào trong ao lớn”, nào chẳng biết “Biển lớn rớt vào trong một giọt nước” !”

Tổ cười nói : “Kể sá gì lão ấy ! Chưa chi đã khiến phân tòa giảng !”

Rồi nói bài kệ :

“Thôi khoe Tứ Phận,⁽¹⁾ dẹp Lăng Nghiêm
 Ở chốn đầu mây, triệt để tham
 Chẳng học Lương Công gần Mã Tổ
 Mà như Đức Kiều⁽²⁾ lễ Long Đàm
 Bảy năm lui tới chơi Chiêu Giác⁽³⁾
 Ba thu bay lượn núi Bích Nham
 Nay phiền ngồi tạm Nhất Tòa nhé
 Giữa chốn trăm hoa, hiện Ưu Đàm.”

Người xưa thực tham, thực chứng, trải qua bao nhiêu chuyển y rồi sau mới được chỗ yên ổn mà ngồi. Thế biết cái “Diệt vọng gọi là Chân” chẳng phải dễ chứng đắc.

Kính : “Anan, nay ông muốn tu pháp Chân Tam Ma Địa, thẳng đến Đại Niết Bàn của Như Lai thì trước hết phải biết hai cái nhân điên đảo này của chúng sanh cùng thế giới. Diên đảo chẳng sanh, đó là Chân Tam Ma Địa của Như Lai.

Thông rằng : Chân Tam Ma Địa chẳng phải do tu mà đắc. Phàm cái gì có thể tu thì không thể nói là Chân được. Đối với vọng duyên thì trước tiên rõ biết nguyên nhân, nguyên nhân đã không có thì diên đảo chẳng sanh ra. Đã không có diên đảo mà chẳng gọi là Chân thì gọi là gì ?

Tiền trần duyên ra là phân đoạn vọng sanh, tức là nghĩa của Giới. Giới không có tự tánh. Trôi dờ chẳng dừng là nghĩa của Thế. Thế cũng không có tự tánh. Vốn không tự tánh, đương thể không tịch, đó là Chân Tam Ma Địa.

¹⁾ Bốn phần Luật.

²⁾ Đức Sơn.

³⁾ Chùa Chiêu Giác.

Thiền sư Cổ Linh Thần Tán gặp Tổ Bách Trượng được khai ngộ, bèn về chùa cũ.

Vị bốn sư hỏi rằng : “Ông xa tôi đi ra ngoài, được sự nghiệp gì ?”

Đáp rằng : “Tuyệt chẳng có sự nghiệp gì cả.”

Thầy bèn khiến làm việc như trước.

Một hôm thầy Ngài tắm, bảo Ngài kỳ lưng.

Ngài bèn vỗ lưng, nói : “Cái Phật đường đẹp mà Phật chẳng Thánh !”

Thầy quay đầu nhìn, Ngài nói : “Phật tuy chẳng Thánh mà hay phóng quang.”

Thầy Ngài một hôm ngồi bên cửa sổ xem kinh, lúc ấy có con ong đang đục giấy cửa sổ định chui ra ngoài.

Ngài thấy thế, bảo : “Thế giới thênh thang như kia lại chẳng chịu ra, cứ xoi giấy cũ thì năm Lừa mới nổi !”

Rồi nói bài kệ :

*“Cửa Không chẳng chịu thoát
Chui cửa sổ quá si
Trăm năm dùi giấy cũ
Ngày nào mới xuất đầu !”*

Thầy Ngài để kinh xuống, hỏi rằng : “Ông đi tham học gặp ai, mà sao trước sau tôi thấy ông ăn nói lạ thường !”

Sư đáp : “Con nhờ Hòa thượng Bách Trượng chỉ cho cái chỗ ngừng nghỉ, nay muốn báo đáp ân đức từ mấy lâu nay.”

Thầy Ngài bèn bảo chúng thiết trai, mời Ngài thuyết pháp.

Sư bèn lên tòa, nêu xướng môn phong Tổ Bách Trượng rằng :

“Linh quang độc rạng
 Vượt thoát căn trần
 Thể lộ chân thường
 Chẳng vương văn tự
 Tâm tánh không nhiễm
 Vốn tự viên thành
 Chỉ lia vọng duyên
 Túc Như Như Phật.”

Thầy Ngài nghe xong cảm ngộ, nói : “Ngờ đâu có duyên được nghe cực tặc sự !”⁽¹⁾

Đây cũng gọi là “*Thăng đến Đại Niết Bàn của Như Lai*” vậy. Nếu chẳng thế thì ít ai không tùy theo cái điên đảo của chúng sanh, có lúc nào mới thôi ?

Kinh : “Anan, thế nào gọi là điên đảo tạo thành chúng sanh ?

“Anan, do Tâm Tánh vốn Minh, tánh Minh ấy tròn đầy toàn khắp, nên nhân cái Minh vọng phát hình như có tánh, cái tánh ấy do vọng kiến mà sanh. Vậy là từ chỗ “*Rốt ráo không*” lại hóa thành “*Rốt ráo có*”. Cái *Có* này có được là do cái vốn chẳng có nhân làm nhân. Tương năng trụ và sở trụ từ căn bản không có cội gốc. Rồi nương nơi cái cội gốc không có chỗ trụ này mà kiến lập ra thế giới cùng chúng sanh.

“Vì mê Bốn Tánh Viên Minh mà sanh hư vọng, nhưng tánh của vọng không có tự thể, chẳng có chỗ nương trụ. Vừa muốn trở lại Chân Tánh thì cái muốn Chân đó đã chẳng phải là Tánh Chân Như chân thật. Trong cái

¹⁾ Sự cùng tột của Thiên.

chẳng phải Chân mà cầu trở lại Chân thì rõ ràng là hiện thành những phi tướng : phi sanh, phi trụ, phi tâm, phi pháp. Xoay vần phát sanh. Sanh lực phát minh, huân tập thành Nghiệp. Đồng nghiệp thì cảm nhau, nhân có cảm nghiệp bèn có sự sanh nhau, diệt nhau. Do vậy mà có cái điên đảo tạo thành chúng sanh.

Thông rằng : Ở trước, kinh nói “Chúng sanh nối tiếp nhau, lỗi lầm là Giác Minh”. Ở đây nói “Điên đảo của chúng sanh tức nhiếp hết nghiệp quả, là nhân cái Minh mà vọng phát hình như có tánh, cái tánh ấy do vọng kiến mà sanh”.

Phàm Tánh Minh sao lại sanh hư vọng ? Đó là nhân cái Minh tức là có phân biệt, có phân biệt thì sa lạc thành thức tình, thức tình không có gốc gác nên gọi là hư vọng. Như không có phân biệt thì tức là cái dụng của trí, thường phân biệt mà không nhiễm trước, đó gọi là Bạch Tịnh Thức, là Đại Viên Cảnh Trí. Không rơi vào nơi chỗ nên nói là Minh Viên, tròn đầy sáng khắp. Một khi lập ra cái sở, cái Minh liền chẳng viên mà hóa thành vọng kiến. Cũng như đoạn trước nêu ra mặt trăng thứ hai và bóng lờ của đèn đều là bệnh nhắm mắt. Đó là từ *rốt ráo không* thành ra *rốt ráo có* vậy.

Cái năng hữu cùng cái sở hữu này chẳng phải có một nguyên nhân gì để hiện ra là năng hay sở cả. Đã không có nhân thì lấy gì mà nương trụ ? Vậy nên tướng năng trụ, sở trụ này là tướng hư vọng, rốt ráo không có cội gốc gì để tìm thấy. Trụ vốn không gốc gác thì trụ bèn là không trụ. Như rõ được cái vô trụ này thì đương thể vô sanh. Không nói đó là Không, chỉ là vô trụ. Gốc ở cái vô trụ này kiến lập hết thấy pháp, không ngại gì thế giới, chúng sanh, sắc sắc kiến lập : trong Tự Tánh Viên Minh vốn không có

chương ngại. Một tức tất cả. Tất cả tức Một. Tìm cái Chân còn không có, hướng gì là có vọng ư? Chỉ vì mê Tánh Viên Minh này thì phân biệt vọng sanh ra.

Cho rằng phân biệt hư vọng đó là y nơi Chân mà sanh ư? Chân chẳng phải là môi giới cho vọng. Cho rằng phân biệt hư vọng đó là y nơi cảnh mà sanh ư? Cảnh chẳng phải là nguồn phát xuất của tâm. Rõ không có chỗ nương tức là không có tự thể. Vọng vốn không có tự thể, thì vọng ấy tức là chân ấy, ngay đó hiện là Chân Tâm, chẳng phải trừ vọng để có chân. Khởi ra cái vọng phân biệt rồi lại muốn trở về cái chân, thì một niệm về chân này hoàn toàn là vọng. Vì sao thế? Tánh Chân Như chân thật vốn tự vô tâm, cái chân há có thể đắc để mà muốn được ư? Hễ muốn chân liền chẳng phải chân. Trong cái chẳng phải chân mà cầu trở về thì đó cũng là trở về nơi cái chẳng phải chân vậy. Thế thì rõ là chẳng hiện thành những tướng phi chân sao? Có vọng, có chân, chân cùng vọng đối thì chân đó đã là vọng rồi vậy. Có thể cầu, có thể trở lại, ắt thuộc về tạo tác, mà tạo tác đâu có thể là chân. Do đó mà nói "*Rõ ràng hiện thành phi tướng*".

Cái gọi là tướng, đó là Sanh Tướng, Trụ Tướng, Tâm Tướng, Pháp Tướng. Vô sanh mà cho là có sanh thì cái sanh ấy là phi vậy. Vô trụ mà cho là có trụ thì cái trụ ấy là phi vậy. Vô tâm mà cho là có tâm thì cái tâm ấy là phi vậy. Vô pháp mà cho là có pháp thì pháp ấy là phi vậy. Đó là bốn cái phi tướng xoay vần sanh nhau.

Nương nơi pháp mà sanh tâm thì cảnh giới làm duyên mà sanh ra Trí Tướng, Tương Tục Tướng. Do tâm trụ vào pháp thì do hai thứ Trí Tướng và Tương Tục Tướng mà lại khởi ra Chấp Thủ Tướng và Kế Danh Tự Tướng. Tâm cùng pháp tương sanh thì đó là sanh lực phát minh. Bốn cái này

đều là hoặc (mê lầm) huân tập thành nghiệp, bèn khởi ra cái nghiệp tướng vậy.

Do có đồng nghiệp cảm ứng lẫn nhau mà sanh diệt tương tục, đó là nghiệp-hệ-khổ-tướng vậy. Bởi có ba thứ hoặc, nghiệp và khổ mà thành diên đảo của chúng sanh. Như chẳng mê bốn tánh viên minh thì sanh chẳng phải sanh, trụ chẳng phải trụ, tâm chẳng phải tâm, pháp chẳng phải pháp, vọng chẳng phải vọng, không gì chẳng phải Chân, diên đảo làm sao có ?

Xưa, Đức Văn Thù hỏi Đức Duy Ma : “Thân lấy gì làm gốc ?”

Đáp rằng : “Tham dục làm gốc.”

Hỏi : “Tham dục lấy gì làm gốc ?”

Đáp rằng : “Hư vọng phân biệt làm gốc.”

Hỏi : “Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc ?”

Đáp rằng : “Diên đảo tướng làm gốc.”

Hỏi : “Diên đảo tướng lấy gì làm gốc ?”

Đáp rằng : “Vô trụ làm gốc.”

Lại hỏi : “Vô trụ lấy gì làm gốc ?”

Đáp rằng : “Vô trụ ắt không gốc. Nay Ngài Văn Thù Sư Lợi, từ gốc vô trụ lập cả thủy pháp.”

Có nhà sư hỏi Tổ Pháp Nhãn : “Trong kinh có nói : *Từ gốc vô trụ lập cả thủy pháp*. Thế nào là gốc vô trụ ?”

Tổ Nhãn nói : “Hình khởi mà chưa là chất, danh có mà chưa là danh !”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

“Hết dấu vết, bật tin tức

Mây trắng không căn, gió mát không sắc

Tan khắp bầu trời mà chẳng phải tâm
 Nắm giữ quả đất mà nào có lực
 Rỗng suốt cội nguồn thiên cổ
 Đúc nên khuôn mẫu muôn loài
 Sát trần đạo hội : chón chón Phổ Hiền
 Lầu các môn khai : từng từng Di Lặc."

Tổ Tuyết Đậu đưa cây gậy lên nói rằng : "Đại chúng !
 Cây trụ tượng là hình-danh nêu hết : hình tức vô hình,
 danh tức vô danh !"

Chư vị Lão túc quả có một đoạn tác dụng viên minh,
 chẳng sa vào tri giải. Chón chón trần trần tìm danh tướng
 chúng sanh còn chẳng thể đắc, hướng gì là cái điên đảo.

Kinh : "Anan, thế nào là điên đảo tạo thành thế giới ?

"Cái Có đó có được là do từng phần từng đoạn vọng
 sanh. Do đó mà Giới (Không Gian) kiến lập, chẳng phải
 nhân mà làm nhân, không có trụ mà làm trụ. Trôi dờ
 chẳng trụ, do đó mà Thế (thời gian) thành. Bốn phương
 ba đời hòa hợp giao thiệp lẫn nhau biến hóa thành chúng
 sanh mười hai loài. Thế nên, thế giới thì nhân động có
 tiếng, nhân tiếng có sắc, nhân sắc có hương, nhân hương
 có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị biết pháp. Sáu vọng tưởng
 lộn loạn thành nghiệp tính, bởi thế mà có mười hai phần
 hạn (loài) xoay chuyển. Vậy nên trong thế gian, các thứ
 thanh, hương, vị, xúc... biến đổi cùng tột đến mười hai
 lần là quay trở lại.

"Dựa theo tướng điên đảo luân chuyển đó mà có ra
 thế giới, thành những loài : noãn sanh, thai sanh, thấp
 sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, phi
 hữu sắc, phi vô sắc, phi hữu tưởng, phi vô tưởng.

Thông rằng : Trong bốn quyển trước thì nói Phương (không gian), Thế (thời gian) giao thiệp lẫn nhau, biến đổi ba lần. Đó là đối với Y Báo (cõi giới) hiển bày Chánh Báo (chúng sanh), do vậy mà bảo rằng công đức của sáu căn, mỗi cái là một ngàn hai trăm.

Còn ở đây, trong sự giao thiệp lẫn nhau, lấy Y Báo theo Chánh Báo nên nói biến hóa thành mười hai loài chúng sanh để bày rõ diên đảo của thế giới. Ở trước thì nói rằng công đức, ở đây thì nói là diên đảo, đều là do sáu căn thành tựu. Chìm đắm tức là diên đảo, siêu việt tức là công đức, trong khoảng trở bàn tay vậy. Sáu căn, sáu trần là mười hai phần hạn. Kiến phần và tướng phần đan dệt với nhau thành mười hai biến hóa. Thanh, hương, vị, xúc là do bốn đại tạo ra. Sáu vọng tướng lộn loạn huân tập thành chủng tử nghiệp tính. Đây là nguyên do thành lập ra kiến phần của mười hai loài. Tứ đại nương theo mười hai phần hạn, luân chuyển cùng tột mười hai lần biến đổi. Đó là nguyên do thành lập ra tướng phần của mười hai loài. Căn thân thì gần gũi còn tướng phần khí giới là xa lạ. Tướng phần trọn không ra ngoài sáu trần. Chỗ khởi ra của sáu trần vốn không có trước sau, mà đây chỉ lấy thanh đứng trước. Vì sao thế ? Khí trời đất mới động, Lôi Chấn⁽¹⁾ có ra tiếng, kinh động vang đến trăm dặm, nghe được rất xa nên chỗ tiếp xúc của sáu căn thì âm thanh là trước hết. Còn năm trần kia thì lần lần đến gần mới biết được. Đến mùi vị lấy miệng mà biết, pháp thì dùng tâm mà biết lại càng gần nhất. Nhưng nói rằng nhân âm thanh mà tưởng thấy sắc, nhân sắc mà thâm biết hương, tiếp xúc hương mà nhân đó tiếp xúc với thể, nhân tiếp xúc với thể mà biết phân

¹⁾ Sấm sét, quẻ Dịch.

biệt mùi vị, nhân phân biệt vị mà biết chọn pháp thì đó là chuyện tương duyên mà khởi ra, không có trước sau.

Trong hai mươi lăm Viên Thông thì bắt đầu là âm thanh mà xoay lại cái nghe là kết thúc. Chỗ này cũng giúp cho thấy cái căn nghe là tối tròn vẹn. Nhưng căn với trần đan dệt nhau mà mỗi bên thành ra phần đoạn, đó là nghĩa Giới. Trôi dờ chẳng ngừng, chuyển vần ba cõi đó là nghĩa Thế. Thế, Giới hòa hiệp, căn trần đầy lấp. Cái chỗ có mà có được là lấy cái chẳng phải nhân làm nhân. Vốn không có nguyên nhân gì mà lại vọng sanh phân biệt nên là cái điên đảo tạo thành thế giới. Nếu cả sáu vọng tưởng lộn loạn dứt ngay một lượt, trong chẳng thấy căn, ngoài chẳng thấy trần, thì cái thế giới này không có chỗ trụ, vốn tự vô sanh, thì còn có điên đảo gì đâu ?

Thiền sư Sở Nam ban đầu tham hỏi Tổ Phù Dung.

Tổ Dung nói : “Ta chẳng phải thầy ông. Thầy ông chính là Hoàng Bá !”

Sở Nam bèn đến ra mắt Tổ Hoàng Bá.

Tổ Bá hỏi : “Ông khi chưa hiện hình tượng ba cõi thì sao ?”

Sở Nam nói : “Vậ nay há là có sao ?”

Tổ Bá nói : “Có, không hãy để đó. Nay đây thì sao ?”

Sở Nam nói : “Chẳng kim cổ.”

Tổ Bá nói : “Pháp nhãn của ta đã ở nơi thân ông rồi vậy.”

Về sau, có nhà sư hỏi Thiền sư Sở Nam rằng : “Thế nào là dễ ?”

Sở Nam đáp : “Mặc áo ăn cơm, không cần đọc kinh, học giáo, không phải hành đạo lễ bái hay đốt hương thiêu danh, thế chẳng dễ ư ?”

Hỏi : “Thế nào là khó ?”

Đáp rằng : “Mấy niệm vừa sanh bèn đủ cả năm ấm !
Sanh tử luân hồi ba cõi đều từ một niệm nơi ông mà sanh.
Bởi thế, Phật dạy chư Bồ tát rằng : Đó là chỗ hộ niệm của
chư Phật.”

Thật như Thiên sư Sở Nam tiền tế, hậu tế đều đoạn
là do biết sợ một niệm động. Đó quả là thấu rõ cái nguyên
nhân của thế giới điên đảo vậy.

Kinh : “Anan, do nhân thế giới hư vọng luân hồi,
điên đảo về động, nên hòa hợp với khí thành ra tám mươi
bốn ngàn loạn tưởng bay lặn. Do đó mà có mầm trứng trôi
lăn trong cõi nước : cá, chim, rùa, rắn... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về
dục nên hòa hợp với tư (phong nhuận, bốc bốc) thành ra
tám mươi bốn ngàn loạn tưởng ngang dọc. Do đó mà có
bọc thai trôi lăn trong cõi nước : người, súc vật, rồng, tiên...
các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới chấp trước luân hồi, điên đảo về
thú (thú hương) nên hòa hợp với noãn (hơi nóng) thành
ra tám mươi bốn ngàn loạn tưởng nghiêng ngửa. Do đó
mà có thịt mềm thấp sanh trôi lăn trong cõi nước : nhưng
nhúc, ngọc nguây... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới biến dịch luân hồi về, điên đảo
về giả nên hòa hợp với xúc thành ra tám mươi bốn ngàn
loạn tưởng mới, cũ. Do đó có thịt cứng hóa sanh trong cõi
nước : lột vỏ, bay đi... các loài đầy dẫy.

Thông rằng : Các pháp có trong ba cõi, tất cả do tâm
tạo. Hết thấy không ngoài kiến phần và tướng phần hòa
hợp mà thành. Một niệm vừa động thì mới bắt đầu hư

vọng phân biệt. Khi đã sanh ái thủ thì thành tạp nhiễm. Càng ngày càng nhiễm sâu, bèn thành có bám chấp. Thế gian chưa từng có chuyện bám chấp hoài mà không nhả, vì rốt cuộc cũng phải theo biến dịch. Đây là cái cách thế tự nhiên của tình niệm trôi lăn vậy.

Cái động của niệm thì *tưởng* nhẹ mà *tình* nặng, nên trứng thì do tưởng sanh, mà thai thì bởi tình mà có. Trứng thì do khí giao nên tròn và động, mà tưởng nhiều thăng trầm nên cảm thành quả có cá, chim... khác nhau. Thai thì do tình giao nên phong nhuận và nhiễm ô, mà tình thì có nghiêng, có ngay nên cảm thành quả có người, thú... các loại.

Chấp tình thì xu phụ chẳng rời, cũng là cái ý rằng mỗi thứ đam mê theo chỗ thú hưởng của mình, nên *thấp* (ấm ướt) nhân vào sự hợp cảm, chờ ngày khô ấm mới sanh ra. Tình mê thì khí trệ, chẳng nhờ giao hợp nên cảm ứng ra loài máy động. Cái chấp tình đã biến đổi, là nơi đây nương nơi kia, cùng loại với biến dịch sanh tử, nhưng lại chẳng chân thật nên gọi là *giả*. Biến hóa thì dùng cái giả danh, xúc loại mà thành, hưởng đến cái mới, chuyển đổi cái cũ. Đổi cũ thì như loài lột vỏ, đến mới thì như loài bay đi nhẹ nhàng. Tình đổi khí dời, mỗi thứ ứng với thể trạng của mình nên gọi là biến dịch luân hồi.

Mầm trứng mới nhập thai là hình thức thai và trứng chưa phân biệt. Bọc thai là hình thức thai và trứng đã dần dần phân biệt. *Thịt mềm* là hình thức ban đầu của thấp sanh, đã không nhập thai nên không có hai địa vị trên. *Thịt cứng* thì thoát vỏ mà thành hình, không có tướng nhuỷễn mềm. Mỗi thứ có cạn sâu chẳng đồng, nhưng đều do sáu vọng tưởng lộn loạn làm cái nhân điên đảo, cho đến đầy đầy kết thành thế giới. Thế biết Chân Tánh vô lượng, mà vô minh cũng vô lượng.

Thiền sư Khánh Thiện Năng thượng đường rằng : “Sự bất đắc dĩ mới cho các ông dây leo bám : hết thấy chúng sanh chỉ vì tâm, trần chưa chịu thoát, tình lượng chẳng trừ, thấy sắc nghe thanh, đuổi sóng bốn ba, trôi lăn ba cõi, lặn hụp bốn loài. Giả như chánh kiến chẳng minh, thì đưng đầu cũng thành vướng mắc. Nếu mà thị phi bỏ ráo, thiện ác mất tiêu thì yên ngồi đầu Báo, Hóa Phật, triệt hết lối nẻo thánh phàm. Đến chỗ ấy mới cho là có chút ít tương ứng. Dù cho như vậy, thì trên phần thầy tu chưa có gì là kỳ đặc. Vì sao như thế ? Vừa có thị phi thì rối rắm mất tâm. Ối !”

Có nhà sư hỏi Thiền sư Báo Từ Tự : “Tình sanh, trí cách ; tướng biến, thể thù (sai khác), chỉ như tình chưa sanh thì sao ?”

Sư đáp : “Cách !”

Hỏi rằng : “Tình chưa sanh thì cách cái gì ?”

Sư nói : “Cái anh chàng này, chưa gặp người vậy.”

Nếu luận về trên phần thầy tu thì tình tướng chẳng sanh cũng còn phải đợi kềm dùi, hướng chi là đuổi sóng bốn ba thì sao khỏi hụp lặn bốn loài ?

Kinh : “Do nhân thế giới lưu ngại luân hồi, điên đảo về chướng nên hòa hợp với *trước* (bám níu) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng tinh diệu. Do đó mà có *yết nam sắc tướng*, trôi lăn trong cõi nước : lưu cữu, tinh minh... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới tiêu tán luân hồi, điên đảo về cảm, nên hòa hợp với *ám* thành ra tám mươi bốn ngàn tướng âm ẩn. Do đó mà có *yết nam vô sắc*, trôi lăn trong cõi nước : không, tán, tiêu, trầm... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới ảo tượng luân hồi, điên đảo về ảnh, nên hòa hợp với *ức* (nhớ) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng tiềm kết. Do đó mà có *yết nam hữu tướng*, trôi lăn trong cõi nước : thần quỷ, tinh linh... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới ngu độn luân hồi, điên đảo về si nên hòa hợp với *ngoan* (ngu độn, ngoan cố) thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng khô cần. Do đó mà có *yết nam vô tướng*, trôi lăn trong cõi nước : tinh thần hóa làm đất, cây, sắt, đá... các loài đầy dẫy.

Thông rằng : Sắc thuộc về tướng phần. Tướng thuộc về kiến phần. Tóm lại thì chẳng ra ngoài tứ cú : có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không. Vậy là cùng tận sự biến thái của thế giới.

Hữu sắc thì bám níu nơi sắc, như sự thờ phụng mặt trời, mặt trăng, nước, lửa của ngoại đạo. Cái tướng đã kết thành tinh diệu cho nên chỉ có sắc mà thôi. Tinh diệu sanh nơi minh, minh sanh nơi “Giác”. Giác không có trụ tướng mà tinh diệu có dính mắc nên gọi là lưu ngại. Kinh Niết Bàn nói “Tám mươi vị thần đều nhân nguồn tướng lưu ngại mà thành cái tinh diệu này.” Bởi thế tất cả tinh minh, thần vật đều có thể dự biết trước, sự cát hung chưa từng rời Giác thể. Chỉ bởi chướng ngại nên chẳng lưu thông nên gọi là điên đảo về chướng.

Vô sắc thì bám níu nơi không, như sự chán cái có quay về cái không của ngoại đạo, mê cái vô văn (không nghe) hữu lậu nên gọi là hoặc (mê lầm). Mờ tối âm ẩn thì vào vô sắc giới. Hạng hữu tướng vô sắc này chẳng thành cái thân của nghiệp, nhưng sanh vô sắc giới nên cũng có *yết nam tiêu tán*.

Thần quý tinh linh không có hình trạng thật sự, hình như có, hình như không nên gọi là ảo tượng. Như cúng vái cầu đảo thì nương tựa nơi ảnh tượng, hết lòng cảm mộ ứng thông thì chỉ có nhớ tưởng. Cái hình trạng tiềm kết chẳng phải có thực sắc nên chỉ có yết nam hữu tướng.

Đất, cây, vàng, đá có sắc mà không có tướng, ngoan không làm nhân nên gọi là si. Ngoại đạo cho sắt, đá cứng rắn là vô tình mà hữu mệnh bèn tập định ngưng đọng như tro tàn, khô khan mê độn, gập vật thành hình, giống như tiên Hoàng Đầu hóa thành đá, đó là yết nam vô tướng. Đây là do tà kiến ngoại đạo hóa ra vậy. Hữu sắc vô tướng không ngu ngoan mà làm cây, đá thì bám chấp mà làm tinh diệu, đó là tướng phần trời vượt hóa nên mà làm vật vậy. Hữu tướng vô sắc chẳng u ẩn mà làm quý vật thì tan ra mà làm không hình thể, đó là kiến phần trời vượt hóa nên mà làm thân vậy. Thần Thuấn Nhã Đa (Hư Không) không có thân mà có cảm giác là thuộc về vô sắc giới.

Những thứ đó đều do sáu vọng tướng lộn loạn mà ra, chỉ vì đạo nhãn chẳng sáng mà phải như vậy.

Có nhà sư hỏi Thiên sư Kim Phong Chí : “Thân này vô tri, như đất, cây, ngói, đá. Ý này ra sao ?”

Sư bước xuống thiền sàng, vịn tai nhà sư. Nhà sư đau quá la lên.

Ngài nói : “Ngày nay mới nắm đầu được cái gã vô tri !”

Nhà sư làm lễ, lui ra.

Ngài gọi : “Xà lê !”

Nhà sư ngoái đầu lại.

Ngài nói : “Vào trong thiền đường, chớ có nói ra !”

Hỏi rằng : “Sao thế ”

Ngài nói : “Hắn có người cười tâm lão bà⁽¹⁾ của Kim Phong này.”

Lại có một hành giả ngồi trong tịnh thất, hào quang tỏa sáng ra, Thiền sư trụ trì e mê hoặc trong chúng, nên đuổi đi. Đó là tu tập lầm loạn, chẳng rõ cái chí lý bình thường vậy.

Quan Thiêm Phán Lưu Kinh Thần có viết thiên Minh Đạo Luận Nho để cảnh tỉnh đời, có câu “Minh Đạo ở chỗ thấy Tánh. Chỗ ngộ của ta là thấy Tánh mà thôi vậy”.

Ông viết tiếp : “Mạnh Tử nói : Miệng ở nơi vị. Mắt ở nơi sắc. Tai ở nơi thanh. Mũi ở nơi mùi. Tứ chi ở nơi thông dong. Đó là Tánh vậy.” Ông Dương Tử nói : “Thấy, nghe, nói năng, suy nghĩ là sở hữu của Tánh vậy. Thấy được như thế ắt là rõ Đạo.

“Phải biết Đạo chẳng xa người. Người ở nơi Đạo như cá ở trong nước, chưa hề có khoảnh khắc xa rời. Chỉ chẳng biết mình, chạy đuổi theo vật nên chung thân chẳng tự biết. Phật nói Đại Giác ; Nho nói Tiên Giác, là chỗ Giác này vậy. Người xưa có câu, “Xưa nay nào rớt lọt, rõ ràng ngay trước mắt.”

“Lại nói : Đạo lớn chỉ ngay trước mắt. Chính vì trước mắt nên khó thấy. Muốn rõ Chân Thể của Đại Đạo thì chẳng rời ngôn ngữ, thanh sắc !

“Lại nói :

*“Đêm đêm ôm Phật ngủ
Sáng sáng lại cùng dậy
Đi đứng trọn theo nhau
Nói nín cùng yên ở*

¹⁾ Từ bi.

*Muốn rõ chỗ Phật ư
Chỉ lời, tiếng là đó !*

“Đó là chỗ nhà Phật nói Đạo là rất thân thiết vậy.

“Đứng thì thấy sờ sờ trước mắt. Ngồi trên xe liền thấy dựa nơi đòn ngang của xe. Ngắm xem thì ở trước, hốt nhiên là ở sau. Nắm qua tả hữu thì gặp ngay đầu mối.

“Đó là chỗ nhà Nho nói Đạo thật rất gần vậy.

“Khốn nỗi, Đạo này chỉ có thể tâm truyền, chẳng lập văn tự. Bởi thế, Đức Thế Tôn đưa hoa lên mà diệu tâm truyền cho Ngài Ca Diếp. Đức Đạt Ma ngó vách mà tông chỉ phó cho Ngài Thần Quang. Sáu cánh đã bày (từ Tổ Đạt Ma đến Lục Tổ) thì ngàn hoa đua nở, phân tông khai phái mà mỗi mỗi môn đình. Thế nên có nháy mắt, nhường mày, đưa nắm tay, dựng ngón tay, hoặc vung gậy, quát hét, dựng phất, dỡ chùy, hoặc cầm chìa, dương cung, đá cầu, múa hốt. Hoặc đào đá, ban đất, đánh trống, thổi lông, hoặc nín hoặc nói, hoặc hô hoặc cười, cho đến hết thủy phương tiện đều chỉ thân thiết vì người. Nhưng chỉ vì cực kỳ thân thiết mà người ta phần đông hoang mang. Chớp mắt là thấy, chẳng cách mảy tơ ! Giả như trầm ngâm thì xa vời muôn dặm ! Muốn rõ Đạo này chớ để trượt qua ! Tổ Tổ truyền nhau đến nay chẳng dứt, quả là đặc cái mà nhà Nho ta gọi là “Không đâu chẳng đẹp lòng, nghe gì cũng chẳng trái” đó vậy.

“Chỗ tâm đặc của tôi thật ở môn này. Suy nghĩ lại thì đạo Nho tự có Đạo ấy. Lành thay lời nói của Đức Khổng Tử : “Im lặng mà biết đó, một thể mà suốt thông.” Cho nên mắt thấy mà Đạo còn, tay chỉ mà ý dụ. Phàm như thế thì đều hợp với diệu chỉ của tông môn, đặc cái chân cơ của giáo ngoại biệt truyền vậy. Thế mà Đạo của Khổng Tử

truyền cho Tử Tư, Tử Tư truyền cho Mạnh Tử, Mạnh Tử mất mà chẳng có ai để truyền, nên cái được truyền lại ở đời chỉ là văn tự. Bởi thế cái học của tôi ắt là cầu tự được mới thôi. Hạnh phúc cho tôi là một đêm nọ được khai ngộ nên phàm mắt thấy gì, tai nghe gì, tâm nghĩ gì, miệng nói gì, tay chân vận động gì đều không gì chẳng là mẫu nhiệm (diệu). Được rồi càng lâu ngày càng thêm hiện tiền. Có khi đem trao cho người, người chẳng lãnh nhận, mới biết diệu đạo quả chẳng có thể lấy văn tự mà truyền.

“Hỡi ôi, Đạo là vậy, có được người thì truyền, không có người thì tuyệt mất. Tôi đã được thế, có ai giống vậy không nhỉ ? Suốt đời tôi có người ư ? Không có người ư ? Trong chỗ “*Chẳng thể đắc*” mà biết vậy. Nên tôi làm lời ký, tụng, ca để lưu truyền việc này, lại trước tác thiên này để chỉ dạy học trò của tôi đó.”

Kinh : “Do nhân thế giới tương đãi luân hồi, điên đảo về *nguy* nên hòa hợp với *nhiệm* thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng nhân y. Do đó mà có yết nam “Không phải có sắc mà có sắc” trôi lăn trong cõi nước : những loài sữa lấy tôm làm mắt... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới tương dẫn luân hồi, điên đảo về *tánh* nên hòa hợp với *chú* thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng hô triệu. Do đó mà có yết nam “Chẳng phải vô sắc mà vô sắc” trôi lăn trong cõi nước : Chú trở, yếm sanh... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới hợp vọng luân hồi, điên đảo về *võng* nên hòa hợp với *dị* thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng hồi hồ. Do đó mà có yết nam “Không phải có tướng mà có tướng” trôi lăn trong cõi nước : các loài tò vò, lấy chất khác thành thân mình... các loài đầy dẫy.

“Do nhân thế giới oán hại luân hồi, điên đảo về sát nên hòa hợp với *quái* thành ra tám mươi bốn ngàn loạn tướng ăn thịt cha mẹ. Do đó có yết nam “Không phải vô tướng mà vô tướng” trôi lăn trong cõi nước : như con thỏ kiêu áp đất cục làm con, hay chim phá kính ấp quả cây độc làm con, con lớn lên thì trở lại ăn thịt cha mẹ... các loài đầy đây.

“Đó là mười hai chủng loại chúng sanh.

Thông rằng : Sắc, tướng là có hay là không, cũng như nghĩa âm dương đủ bao gồm muôn biến hóa. Nhưng trong âm có dương, trong dương có âm, tựa như âm mà thật là dương, hình như dương mà thật là âm, sự biến hóa không lường nổi. Loạn tướng không cùng, chúng sanh vô tận, chẳng phải cái Trí Đại Viên Cảnh của Phật thì ai mà thấu suốt cho nổi ?

Tương đãi luân hồi là nương mượn vật, nên gọi là nguy. Con sửa dùng con tôm làm mắt, nghĩa là chẳng phải có sắc mà đợi vật khác để thành sắc. Đây kia khác chất nên gọi là hòa hợp với nhiễm duyên.

Còn như tà nghiệp dẫn nhau chỉ nhờ chú thuật hô triệu, chẳng phải đây có tánh kia cũng có thể dẫn, nên gọi là điên đảo về tánh. Bùa chú trừ yếm này cũng hay biến hiện được, chẳng phải là vô sắc tướng. Nhưng mượn âm thanh mà tạo ra hình chất, không do sanh lý nên vốn là vô sắc. Cái sức chú này từ con người làm ra, không có gì lạ lắm.

Con tò vò vốn là sâu lá dâu, chẳng phải có cái tướng con ong mà lại thành cái tướng con ong, vì lấy chất khác nên chẳng phải như thai hay trứng là truyền mạng trong tướng, rốt là thành lẫn nhau. Chú kia theo ta, lấy vọng hóa

ra vọng, cái khác mà lấy cho là của mình, nên gọi là hồi hổ. Đây là loài khác nhau mà nương nhau, tuy gọi là hợp vọng cũng chưa là kỳ quái.

Như con thổ kiều, phá kính, lấy vật khác làm con, con lớn lên thì trở lại ăn thịt, mất hết luân thường đạo nghĩa, chẳng phải là cái lý thường nên gọi là kỳ quái. Tất cả đều do nhiều đời oán hại nên sanh lẫn nhau, giết lẫn nhau, đối thương thành oán, đối oán thành thương, vay trả trả vay mà thành ra một chủng loại.

Con thổ kiều ăn mẹ, con phá kính ăn cha chẳng phải là vô tướng, nhưng đất cục và quả độc thì “có tướng” sao ? Đến như Ghê-Mặt-Người⁽¹⁾ của Quốc sư Ngô Đạt là mối thù oán nhiều đời giữa Viên Án và Triệu Thố, nơi một thân mà tự hại nhau, thì loài thổ kiều, phá kính cách thân mà hại nhau đâu có thể so sánh. Viên Án, Triệu Thố chẳng phải là vô tướng, mà cái Ghê-Mặt-Người chẳng phải là hữu tướng. Đây là do phiền não kết thành, mỗi mỗi có tám mươi bốn ngàn luân hồi, theo nghiệp đời đời không cùng. Một thời đầy đầy, thì không cõi giới nào chẳng có, nhiều kiếp đầy đầy thì không đời nào mà chẳng thế ! Không có chúng sanh chánh báo lấy gì mà cảm thọ y báo ? Không có thế giới y báo lấy gì mà thành ra chánh báo ? Vậy diên đảo của thế giới chính là diên đảo của chúng sanh. Cũng đều do phản bội cái giác, hợp với trần chứ chẳng có hai nhân nào hết vậy. Chỗ này đối với chúng sanh thì chỉ dạy sơ lược về nguồn gốc diên đảo, còn đối với thế giới thì chỉ

¹⁾ Xem tích Ông Ngô Đạt trong kinh Thủy Sám. Ở đây sơ lược như sau. Ông Ngô Đạt, kiếp trước tên Viên Án, có hại một người tên Triệu Thố. Kiếp này y đi theo báo oán : làm một cái mọt ghê lòi lên hình mặt người, hành hạ đau đớn để trả thù.

rõ thực trạng của điên đảo. Điên đảo chính là nghiệp quả mà ở trước nói là “Ba cái tương tục”, là gồm chung hết vậy.

Nhà sư hỏi Tổ Bách Trượng : “Như nay thọ giới, thân khẩu trong sạch, đã đủ muôn thiện, có được giải thoát không ?”

Tổ Trượng nói : “Giải thoát chút ít ! Nhưng chưa được tâm giải thoát, cũng chưa được nhất thiết xứ⁽¹⁾ giải thoát.”

Hỏi rằng : “Thế nào là tâm giải thoát và nhất thiết xứ giải thoát ?”

Tổ Trượng nói : “Chẳng cầu Phật, Pháp, Tăng cho đến chẳng cầu phước trí, tri giải hết thấy đó. Cái tình sạch dơ hết ráo mà cũng chẳng giữ cái không cầu này cho là phải. Cũng chẳng trụ nơi chỗ hết này, cũng chẳng khoái thiên đường, sợ địa ngục, trói buộc hay giải thoát đều không ngại. Như thế thì thân tâm cùng nhất thiết xứ đều là giải thoát.

“Ông chớ nói có chút phần giới thân, khẩu, ý trong sạch bèn cho là xong, mà chẳng biết hằng sa giới định huệ, vô lậu giải thoát đều chưa ăn nhằm một mảy lông. Hãy nỗ lực tiến tới, cần dừng mãnh cứu xét lấy, chớ đợi đến tai điếc mắt mờ, da nhăn tóc bạc, già khổ đến thân, sâu thương rồi buộc, nước mắt lưng tròng, tâm hồn sợ sệt, hoàn toàn không có chỗ tựa nương, chẳng biết chỗ về. Đến lúc đó rồi thì sửa sang lo liệu chẳng được đâu ! Dù có phước trí, danh văn, lợi dưỡng đều chẳng thể cứu.

“Cũng bởi tâm nhãn chưa mở ra, chỉ nghĩ nhớ theo cảnh, chẳng hề chịu soi trở lại, lại không thấy Phật Đạo. Bao nhiêu nghiệp duyên thiện ác một đời hiện ra trước mắt, hoặc vui mừng hoặc khùng khiếp. Năm uẩn, sáu đường

¹⁾ Cả thấy chỗ.

cùng lúc hiện ra trước mặt, phô bày nhà cửa đẹp đẽ, thuyền bè xe cộ tráng lệ huy hoàng. Tất cả đều từ thân tâm tham ái mà hiện ra. Đường ác mà mê mờ đều biến thành cảnh tốt đẹp, chỉ tùy theo chỗ nghiêng nặng của tham ái, sự dẫn dắt của nghiệp thức, theo chỗ bám níu mà thọ sanh, tuyệt chẳng có chút gì tự do. Rõng, thú, tốt, xấu mịt mờ đều chưa định.”

Hỏi rằng : “Như sao là được phần tự do ?”

Tổ Trương nói : “Ngay đây được thì được. Hoặc là đối với ngũ dục, bát phong, tình không lấy bỏ, tiếc lẫn, tham ái. Tình ngã sở tuyệt mất, dơ sạch tiêu vong. Như mặt trời, mặt trăng giữa không chiếu soi không dính dáng. Tâm tâm như gỗ đá, niệm niệm như cứu lửa cháy đầu, hay như con hương-tượng vượt sông, chặt đứt dòng mà qua, không còn nghi ngờ vướng víu. Người như thế thì thiên đường, địa ngục làm sao nhiếp giữ.”

Than ôi, Tổ Bách Trương định ninh răn dạy, chẳng tiếc từ bi. Cần ở nơi chỗ căn dặn mà dững mãnh tỉnh thức, dựng đứng tâm tư, mới hay rằng cái nhân điên đảo nào có do ai, mới hay cái Chân Tam Ma Địa vốn tự sẵn đủ xưa giờ. Đến chỗ “*Sạch dơ đều mất, thiên đường địa ngục làm sao nhiếp giữ*” thì còn mười hai chủng loại nào mà xoay chuyển được ư ?



QUYỂN VIII

III. KHAI THỊ BA TIỆM THỨ TU TẬP

Kinh : “Anan, như thế chúng sanh trong mỗi mỗi loài cũng đều đầy đủ hết mười hai thứ điên đảo. Cũng như dụi mắt thì hoa đóm cuồng loạn phát sanh, chân tâm tròn sáng trong sạch nhiệm mầu mà điên đảo thì đầy đủ loạn tưởng hư vọng như thế. Nay ông tu chứng Tam Ma Đề của Phật thì đối với các loạn tưởng làm nguyên nhân cội gốc của các điên đảo, phải lập ra ba tiệm thứ mới trừ diệt được. Cũng như trong đồ đựng sạch sẽ trừ bỏ mật độc, dùng nước nóng và chất tro, chất thơm rửa sạch đồ đựng, rồi sau mới chứa nước cam lồ.

“Thế nào là ba món tiệm thứ ? Một là, tu tập trừ các Trợ Nhân. Hai là, chân tu, nạo sạch Chính Tính. Ba là, tăng tiến trái lại Hiện Nghiệp.

Thông rằng : Mười hai thứ điên đảo đều từ trong chân tâm mình tịnh biến khởi. Bắt đầu trong một niệm ái thủ. Có thương thì có ghét, có thủ thì có xả. Do đó, bốn thứ thai, noãn, thấp, hóa đều do tình, tưởng, nặng nhẹ tùy theo mỗi loài.

Các loài hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng chỉ là hai cú hữu, vô. Nhưng do cái tướng mà sanh hóa, thì tướng càng ngày càng vi tế, sự sanh hóa càng lần lần thuần khiết. Các loài hoặc chẳng phải hữu sắc, hoặc chẳng phải vô sắc, hoặc chẳng phải hữu tướng, hoặc chẳng phải vô tướng gồm ở trong ấy hai cái “*cũng là*”, hai cái “*chẳng phải*”. Quả là do tình mà biến hóa, tình càng vướng mắc thì càng biến hóa

càng khổ. Tình, tưởng, thương, ghét phô bày lẫn lộn, không loài nào chẳng có, nên trong mỗi loài mỗi mỗi đều đủ mười hai thứ điên đảo.

Tình, tưởng giống như mắt nhắm ; điên đảo giống như hoa đốm lăng xăng. Hoa đốm lăng xăng ở trong hư không mà chẳng ngăn ngại được hư không. Điên đảo ở trong chân tâm diệu viên mà chẳng thể chướng ngại tánh diệu viên. Dù đủ loạn tưởng hư vọng thế kia, rốt ráo nơi chân tâm mình tịnh chẳng hề ngăn ngại, rồi sau thấy được cái diệu viên vậy. Chân tâm diệu viên tức là Tam Ma Địa, rỗng suốt nhiệm mầu bao la như hư không tạnh ráo. Mười hai thứ điên đảo chỉ do sáu vọng tưởng hỗn loạn làm bốn nhân. Mắt nhắm nếu trừ, hoa cuồng tự dứt.

Nhưng trừ loạn tưởng phải lập ra ba món tiêm thứ. Vì sao ? Vì như một cái bình sạch, vốn là đồ chứa đựng nước cam lồ, một khi bị mật độc nhiễm dơ mà đổ ngay cam lồ vào thì cam lồ trở thành thuốc độc. Ất là phải súc rửa bằng nước sôi cộng với tro, chất thơm cho trơn sạch, trải qua tháng năm, thì độc khí dần dần tiêu, cam lồ mới có thể cho vào. Ba món tiêm thứ này chính là nước sôi, tro, chất thơm để rửa sạch loạn tưởng vậy.

Bốn thứ khuyên dạy ở trước là sát, đạo, dâm, vọng đã đủ chánh giới, đây lại trừ trợ nhân của dâm, nộ, si, nạo sạch cái chánh tính của sát, đạo, dâm, vọng, dần dần xa lìa vô minh hiện hành. Do đấy tăng tiến, ngược dòng toàn nhất, sáu cái dụng chẳng hiện hành, trái nghịch hiện nghiệp thì tâm không trôi dạt. Tình ái khô khan, loạn tưởng không tự khởi lên thì điên đảo lấy đâu mà sanh ? Chỉ một chân tâm rồi sau mới an lập các thánh vị. Bốn mươi bốn tâm để nhập chân Tam Ma Địa của Diệu Giác. Cũng như mật độc đã tiêu, bèn chứa được cam lồ vậy.

Thiền sư Đại Tỳ Chên thượng đường nói : “Tánh này vốn xưa nay thanh tịnh, sẵn đủ muôn đức. Chỉ bởi hai duyên nhiễm, tịnh mà có sai khác. Cho nên các thánh ngộ nó thì cứ một bề dùng trong sạch mà thành đạo Giác. Người phạm mê nó thì cứ một bề dùng dơ nhiễm mà chìm đắm luân hồi. Thế nó không hai, nên kinh Bát Nhã nói : Không hai, không hai phần vì không riêng không dứt vậy.”

Nếu tin được lời nói của Ngài Đại Tỳ, “*Thế nó không hai*”, thì vốn là một bình chứa tinh sạch, chứa độc mật chẳng có hao bớt mà đựng cam lồ cũng chẳng tăng thêm. Thẳng đến Bồ Đề Vô Thượng, nhiễm tịnh đều không dính dáng, thì sau có dẹp bỏ chỗ nói về ba món tiếm thứ cũng không phải là không thể được vậy.

Kinh : “Thế nào là Trợ Nhân ?

“Anan, mười hai loài chúng sanh đó trong thế giới không thể tự toàn, phải nương theo bốn cách ăn mà sống, đó là Đoạn Thực, Xúc Thực, Tư Thực, Thức Thực. Vậy nên Phật bảo tất cả chúng sanh đều nương cái ăn mà sống còn.

“Anan, tất cả chúng sanh ăn thức lành thì sống, ăn thức độc thì chết. Vậy những chúng sanh câu Tam Ma Đề phải dứt bỏ năm thứ rau cay trong thế gian. Năm thứ rau cay này, ăn chín phát lòng dâm, ăn sống thêm lòng giận. Trong thế gian, những người ăn rau cay đó dầu có thể tuyên thuyết mười hai bộ kinh, thì Tiên Thiên mười phương không thích hỏi nhớt đều lánh xa cả. Các loài quỷ đói... nhân lúc người ấy đang ăn bèn liếm môi mép. Thường ở với quỷ, nên phước đức ngày càng tiêu mòn, lâu dài không được lợi ích. Người ăn rau cay ấy, tu Tam Ma Địa, Bồ Tát, Thiên Tiên, Thiện Thần mười phương

không đến thủ hộ. Đại Lực Quỷ Vương thừa cơ hội đó hiện làm thân Phật đến thuyết pháp cho, chê phá cấm giới, khen dâm, nộ, si. Khi chết tự làm quyến thuộc Ma Vương, hưởng phước Ma hết, đọa vào ngục Vô Gián. Anan, người tu Đạo Bồ Đề vĩnh viễn dứt bỏ năm thứ rau cay.

“Đó là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất.

Thông rằng : *Đoạn Thực* cũng gọi là *Đoàn Thực*, nghĩa là lấy tay viên tròn lại mà ăn. Nhưng có thứ không thể vè tròn nên đổi thành đoạn. Đoạn là cắt ra từng khúc, như dao cắt. Các thức ăn cơm, bún, rau... ăn theo lối cắt. Đó là cách ăn của con người.

Xúc Thực là ăn theo lối cắn, cảnh, thức tiếp xúc nhau mà thành. Chỉ tiếp xúc cái khí vị mà thôi, đó là cách ăn của quỷ thần.

Tư Thực là cõi Thiên Thiên không có đoạn thực, chỉ có ăn bằng tư tưởng, nên nói “*Nghĩ đến ăn thì được ăn*”.

Thức Thực là cõi Vô Biên Xứ, không ăn bằng tư tưởng mà chỉ có cái thức biết ăn, thức thủ (hiểu lấy) mùi vị pháp đầy đủ nên no.

Các lối ăn xúc, tư, thức thực cũng đều có thể nuôi sống như đoạn thực, nên nói “*Điều nường theo cái ăn mà sống còn*”. Bộ Hiệp Luận nói : “Thức thực là A Lại Da Thức nường theo ba cách ăn trước mà tồn tại. Làm sao để biết ? Năm thức trước là tướng phần tự chứng của A Lại Da. Thức thứ sáu và thức thứ bảy là kiến phần tự chứng của A Lại Da. Phạm vi của năm thức trước nường vào đoạn thực. Thức thứ sáu phân biệt nường vào xúc thực. Thức thứ bảy nường vào tư thực. Cho nên thức thực nường vào ba loại ăn trước mà tồn tại.”

Tất cả chúng sanh ăn thức ăn lành thì sống, ăn thức ăn độc thì chết, thì há năm loại rau cay nhớp mà không trợ dâm, sanh giận ư ? Rốt cục Trời, Tiên xa lánh, thường ở với quý, cũng chẳng khác gì ăn thức ăn độc. Nhưng dâm, giận ngày càng tăng, hẳn là chệ phá cấm giới, đọa vào ngục Vô Gián. Như vậy há có thể không cẩn thận ngay ở chỗ vi tế ư ?

Hòa thượng Kim Ngưu mỗi lần đến giờ ăn, tự đem thùng cơm đến trước tăng đường, múa cười ha hả mà rằng : “Bồ tát ơi, đến ăn cơm !”

Ngài Tuyết Đậu nói : “Tuy nhiên như thế, Kim Ngưu chẳng phải hảo tâm !”

Nhà sư hỏi Tổ Trường Khánh : “Cổ nhân nói “Bồ tát ơi, đến ăn cơm”, ý chỉ như thế nào ?”

Tổ Khánh nói : “Cũng giống nhân bữa ăn mà ca mừng.”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Trong bóng mây trắng cười ha hả
Hai tay bưng đến trao người ta
Nếu quả Kim Mao Sư Tử nhỏ
Ngoài ba ngàn dặm thấy sai ngoa.”*

Lại có vị tăng hỏi Tổ Triệu Châu : “Kẻ học nhân mới vào tùng lâm, xin thầy chỉ bày cho.”

Tổ Châu nói : “VẬY ăn cháo rồi chưa ?”

Vị tăng : “Dạ, ăn rồi.”

Tổ Châu nói : “Thì rửa chén bát đi !”

Vị tăng (có) tỉnh ngộ.

Tổ Vân Môn nói : “Hãy nói là có chỉ bày hay không chỉ bày ? Nếu nói có thì Triệu Châu nói cái gì với ông ta vậy ? Nếu nói không thì vì sao vị tăng kia lại ngộ ?”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Cháo xong thì dạy rửa bát đi
Rỗng rang tâm địa tự dung thông
Như nay, khách tham thiền no đủ
Thử nói khoảng này có ngộ không ?”*

Hợp lại chỗ đề xướng của các vị Lão túc để rõ ràng mùi mẽ, thì dầu trăm thứ món ngon của lạ cũng cần móc ói ra, huống chi thứ thuốc độc năm loại rau cay há có thể cho vào miệng ư ?

Kinh : “Thế nào là Chính Tính ?

“Anan, chúng sanh như thế vào Tam Ma Đề trước hết cốt phải nghiêm trì giới luật thanh tịnh, vĩnh viễn đoạn trừ lòng dâm, chẳng dùng rượu thịt, chỉ ăn đồ ăn trong sạch nấu chín, không ăn đồ sống. Anan, người tu hành đó, nếu chẳng đoạn dâm dục và sát sanh mà ra khỏi ba cõi, thì không thể có. Phải quán sát sự dâm dục như rắn độc, như thấy giặc thù.

“Trước hết, hãy giữ gìn Tứ Khí, Bát Khí của giới luật Thanh Văn, nắm giữ thân chẳng động. Sau đó, hành trì luật nghi thanh tịnh của hàng Bồ tát, nắm giữ tâm chẳng khởi. Giới cấm thành tựu thì trong thế gian đời đời không còn nghiệp sanh sát nhau. Trộm cướp chẳng làm, thì không còn mắc nợ nhau, và khỏi trả nợ đời trước trong thế gian. Người trong sạch đó tu Tam Ma Địa, ngay nơi thân xác thịt do cha mẹ sanh, không cần thiên nhân tự nhiên xem thấy mười phương thế giới, thấy Phật nghe Pháp, chính mình vâng lĩnh thánh chỉ của Phật, đắc đại thân thông, đạo khắp mười phương thế giới, tức mạng được thanh tịnh, được không khó khăn nguy hiểm.

“Đó gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ hai.

Thông rằng : Sát, đạo, dâm sao gọi là *Chính Tính* ?

Kinh Viên Giác nói : “Hết thấy chúng sanh đều lấy dâm dục mà “chính”⁽¹⁾ tánh mạng.” Vì chánh báo của chúng sanh do cảm lấy dâm dục mà sanh ra, nên lấy dâm dục làm chính tính, tức là ở trước có nói tánh nghiệp, giá nghiệp. Lại vì đối với trợ nhân mà nói, nên gọi là chánh tính. Nói là *nạo sạch*, ví như nạo khoét cây làm thuyền, dần dần làm cho trống không để mang chở. Nên tánh nghiệp, giá nghiệp đều không, mới hợp với nghĩa nạo vét.

Cái căn dâm rất khó đoạn, phải xem như rắn độc, vì hại đến Pháp Thân vậy. Phải thấy như giặc thù vì làm tổn thương huệ mạng. Trước giữ giới Thanh Văn khiến không có thân phạm. Sau giữ giới Bồ tát khiến không có tư tưởng phạm. Cấm giới thành tựu thì giới mà không có chỗ giới. Dâm dứt thì không còn nghiệp tương sanh. Sát dứt thì không có nghiệp tương sát. Trộm cắp dứt thì không có nghiệp trả nợ. Ngay nơi thân tâm này sáu căn thanh tịnh, không cần thiên nhãn mà chứng ngũ thông. Nhãn thông nên xem thấy mười phương. Nhĩ thông nên nghe Phật thuyết pháp. Thân thông nên có thể dạo khắp mười phương cõi. Túc mạng thông nên không có khó khăn nguy hiểm. Tha tâm thông, tự tại ở trong ấy. Duy chỉ có lậu tận thông thì không dễ chứng. Chỗ này giống kinh Pháp Hoa dạy rằng : “Thân hiện tại được sáu căn thanh tịnh tức là địa vị tương tự. Thế thì nghiêm giữ giới luật thanh tịnh đâu có thể tự trễ nải ư ?”

Thiền sư Dũng Tuyên Hưng thượng đường nói : “Tôi bốn mươi chín năm ở trong ấy mà còn tự có khi lộn xộn

¹⁾ Tạo thành.

(tẩu tác). Này các người chớ múa mỗ khua môi. Người kiến giải thì nhiều, người hành giải cả vạn, trong đó không có một người hiểu rõ lời lẽ biết suốt cái cần yếu. Nếu thức chẳng hết, dám nói hết chuyện luân hồi ư ? Vì sao như vậy ? Bởi vì thức lậu chưa hết. Ông mà hết sạch ngay giờ mới được thành lập. Cũng gọi là *Lập Trung Công*, chuyển công tỵ thành cái kia. Cũng gọi là *Tự Trung Công*, thân với cái kia vậy. Bởi thế, tôi mới nói : Người thân chẳng được độ, hẳn chẳng độ người thân. Ví dụ như vậy còn chẳng hiểu thì chỉ tiến lên hít lấy cái hơi mù mịt, chỉ nắm giữ cái tánh loạn động nơi đầu lưỡi. Chẳng thấy Tổ Động Sơn nói “Tương tục, ấy là đại nạn”. Các ông cần biết có sự việc này, nếu không biết, có ngày rồi khóc lóc !”

Mới biết rằng giới hạnh dững mãi, cốt yếu là dứt sạch tức thì, chuyển công thành vị, vào Tam Ma Địa. Chẳng thế thì dùng huyện để tu huyện, uống công siêng nhọc, ăn nhằm gì đến Tự Tánh đâu !

Kinh : “Thế nào là Hiện Nghiệp ?

“Anan, người giữ gìn cấm giới thanh tịnh như vậy, tâm không tham dâm, đối với sáu trần ở ngoài không hay giống ruồi theo. Do không giống ruồi nên tự quay về tánh gốc. Trần đã chẳng duyên, căn không chỗ hợp, ngược dòng toàn nhất, sáu dụng chẳng hành. Mười phương cõi nước sáng suốt thanh tịnh, như ngọc lưu ly bên trong treo mặt trăng sáng. Thân tâm rộng khoáng, bình đẳng diệu viên, được đại an ổn. Mật Viên Tịnh Diệu của tất cả Như Lai đều hiện trong đó. Người ấy liền được Vô Sanh Pháp Nhân. Từ đó lần lượt tu hành, tùy chỗ phát Hạnh mà an lập các Thánh vị.

“Đó gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ ba.

Thông rằng : Hiện nghiệp là nghiệp tạo ra của Vô Minh hiện hành, tức là các nghiệp sát, đạo, dâm ở trên.

Giữ cấm giới thì đối với sáu trần ở ngoài chẳng hay giông ruổi theo, hay đoạn trừ phiền não khách trần, hay trừ được kiến hoặc. Trần đã chẳng duyên theo thì căn không chỗ gặp hợp, hay phá vô minh vi tế, hay trừ được tư hoặc. Chưa trừ hai cái hoặc thì cũng còn tùy thuận theo hiện nghiệp, chưa chịu nghịch lại. Giờ tự quay về tánh gốc, ngược dòng toàn nhất, thì lặng trong hợp vào lặng trong, nghịch lại với hiện nghiệp vậy. Vì giông ruổi nên sáu dụng hiện hành, thế là trái với Giác, hợp với trần thành sáu vọng tưởng loạn khởi ra nghiệp hiện giờ. Bởi ngược dòng nên sáu dụng chẳng hiện hành, thế là trái với trần, hợp với Giác thành một tánh trong lặng tròn sáng, Mật Viên Tịnh Diệu của tất cả Như Lai đều hiện ra trong đó. Lý mật trí viên tịnh hành nhiệm mầu phù hợp không dấu vết. Pháp Thân thanh tịnh như ngọc lưu ly. Chân trí trong suốt giống như trăng sáng. Thân tâm rỗng khoái, căn, cảnh đều dung thông, diệu viên bình đẳng, được đại an ổn bèn được Vô Sanh Pháp Nhãn mà vào Tam Ma Địa. Từ đó tiêm tu, an lập Thánh vị cho đến bậc Đẳng Giác.

Cái Giác này mới được vị Càn Huệ Địa ban đầu trong Tâm Kim Cang, bèn chứng Tam Ma Địa của Phật, cứu xét tận hết bốn nhân, cùng tột vị Diệu Giác vậy. Đây là chỗ bước vào, đoạn văn sau là chỗ tu, rốt ráo chỗ chứng, đều là Tam Ma Địa của Phật, đó gọi là “*Cửa vào một đường Niết Bàn của mười phương chư Phật*”.

Chỗ này cốt ở Đốn Chứng, cơ sao lại lập thêm các món tiêm thứ để tăng tiến ? Bởi vì Lý cần đốn ngộ, Sự theo đó lần hồi dứt trừ. Trước hết, trừ cái trợ nhân, kế nạo sạch

chánh tánh, rồi trái với hiện nghiệp. Tất cả đều ở trên sự mà tiêu dung dần dần. Cảnh càng vào Chân thì công phu càng thêm tế mật. Tuy chủ đốn ngộ, chẳng bỏ tiệm tu. Đây là gồm trọn cả ba căn thượng, trung và hạ nên là Pháp Môn Viên Đốn vậy.

Thiền sư Kính Sơn Liễu Nhất thượng dương, nói :
“Người học Đạo chạm cảnh, gặp duyên mà không thể lập tức thấu thoát (tỏ suốt) đều vì nghiệp thức sâu nặng, vọng tình gắn chặt. Sáu cửa chưa dứt thì một chỗ chẳng thông. Cái tánh thuần túy trong sạch không một điểm vết thì phàm phu khó đến. Cần ngay *“Vào rừng không động lá, vào nước không nổi sóng”* mới có thể thuận dòng sanh tử, vào với nhân gian. Chư vị ơi, có hiểu chăng ?”

Bèn lấy cây gậy quơ vẽ mà nói : “Chỉ hướng trong ấy mà tiến nhận.”

Giả sử có tay nào ở đây tiến nhận được, giống như lưu ly trong sạch ngậm trăng sáng ở trong, thì có gọi là người xong việc không nhỉ ?

Chẳng thấy Tổ Nam Tuyền đang cùng Ngài Triệu Châu thưởng trăng.

Ngài Châu nói : “ Bao lâu thì được tương tự như cái kia ?”

Tổ Tuyền nói : “Vương lão sư này hai mươi năm trước đã từng như vậy đó.”

Ngài Châu : “Nay thì sao ?”

Tổ Nam Tuyền bèn quay về phương trượng.

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Hai mươi năm trước để yên đó. Hai mươi năm sau làm sao đây ? Có biết chỗ bước của Vương lão sư chăng ? Trong nhà không linh sàng, vợ dâu mặc đồ tang !”

Ôi, “*Thanh tịnh như lưu ly bên trong treo trăng sáng*” tức là chỗ đoạn sau nói “*Càn Huệ Địa*” vậy. Mật Viên Tịnh Diệu của tất cả Như Lai đều hiện ra trong đó thì chỗ thấy chốn nào chẳng sáng tỏ, nhưng còn thiếu bước dẫm đi. Thế nên, có biết chỗ dẫm đi của Tổ Nam Tuyên thì hai mươi năm trước được tương tự cái kia cũng là chưa xong.



MỤC HAI : AN LẬP CÁC THÁNH VỊ

I. CÀN HUỆ ĐỊA

Kinh : “Anan, người thiện nam ấy, dục ái cạn khô, căn cảnh chẳng phối hợp, cái thân tâm hiện tại không còn sanh tiếp nữa. Nắm lấy tâm rộng sáng, thuần là trí huệ. Tánh huệ toàn sáng tỏ sáng mười phương thế giới. Mới có cái huệ khô khan, gọi là Càn Huệ Địa.

Thông rằng : Dục ái thấm nhuần thành nghiệp, căn và cảnh tạo nghiệp nên sanh tử nối tiếp, mê muội chẳng quay về. Nay lòng dục khô cạn, cảnh lui đi, nên cái thân tâm nhân thể chẳng còn sanh tiếp. Ngược dòng toàn nhất ắt giữ lấy cái tâm rộng sáng. Sáu dụng chẳng hiện hành tức thuần là trí huệ. Chẳng dùng gì nơi dục ái thì huệ chẳng lìa ngoài tự tánh, như ánh sáng viên ngọc không dùng soi chiếu vật mà chỉ tự chiếu cái thể của nó.

Đây là cái sáng suốt cho đến chỗ không lập ra cái sở, thì cái sáng toàn vẹn vậy. Mười phương cõi nước rộng sáng thanh tịnh, ví như lưu ly ở trong treo trắng sáng, nên nói là “*tỏ sáng*”. Đây là dục ái cạn khô nên phát huệ, mới gọi là càn huệ. Lại chỉ mới có cái huệ khô khan, chưa đến chỗ diệu viên, nên là sơ địa. Trong Thập Địa của kinh Đại Phẩm thì địa đầu tiên gọi là Càn Huệ. Trong Viên Giáo của Ngài Thiên Thai, trước Thập Tín lập ra Ngũ Phẩm Vị, gọi là nghĩa Thôi⁽¹⁾ cũng giống như Càn Huệ Địa của kinh Đại Phẩm.

¹⁾ Chuyển đổi, từ bỏ.

Kinh này chưa đến chốn này mà chỗ lập ra danh vị của Ngài Thiên Thai đã thâm hợp với Tâm Phật. Chẳng phải là bậc tự thân đến được hội Linh Sơn thì làm sao có được như thế !

Quan Đại Phu Lục Tuyên thưa với Tổ Nam Tuyên :
“Đệ tử cũng hiểu sơ sơ Phật Pháp.”

Tổ Tuyên bèn hỏi : “Trong mười hai thời, ông làm gì ?”

Đáp : “Chẳng dính mảy lông.”

Tổ Tuyên nói : “Còn là kẻ dưới thêm.”

Lại nói : “Ông há chẳng nghe “Quân Vương có đạo chẳng thu bầy tôi có trí” ư ?”

Về sau, có nhà sư hỏi Thiền sư Kim Phong Chí rằng :
“Khi “Ngàn núi không mây, ngàn dặm tuyết rắng” thì sao ?”

Tổ Chí nói : “Ngọn Phi Thiên Lãnh, phía nào mà chẳng mưa hết ra !”

Quả là cùng Tổ Nam Tuyên trước sau một vết bánh xe. Thế biết Càn Huệ Địa cũng là chỗ tạm nghỉ. Bằng như cùng tận Diệu Giác thì cái ý rốt ráo phải tự riêng khác.

II. THẬP TÍN

Kinh : “Cái tập khí của ngũ dục mới khô cạn chưa tiếp thông được với dòng nước pháp của Như Lai. Tức nhân tâm này, ngay giữa lần vào viên diệu mở bày, theo diệu giác viên chân thật, càng phát ra chân diệu. Diệu tín thường trụ, tất cả vọng tưởng hết sạch chẳng còn. Trung Đạo thuần chân, gọi là Tín Tâm Trụ.

Thông rằng : Ngay giữa lần vào, chẳng nghiêng về Không, chẳng nghiêng về Giả, đó là Trung Đạo diệu quán

vậy. Vừa mới vào Quán, Tam Đế viên dung, như ba điểm của chữ Y (∴) nên gọi là viên diệu, đây là chỗ sức người có thể làm. Nơi Quán đã thành, theo cái Chân phát ra Diệu, khế hợp với lý Viên, nên gọi là Diệu Viên, đây là chỗ sức người không thể đáp ứng nổi.

Trung Đạo thì y nơi Chân, Diệu thì có cái chẳng phải do Chân. Từ Chân phát ra Diệu thì Diệu đó là Chân Diệu. Diệu mà chẳng phải do Chân nên chẳng thể thường. Trung Đạo thuần Chân nên Diệu ấy thường trụ. Cái Diệu đã thường trụ thì hết thấy vọng tưởng không còn đất để chân vậy. Cái gọi là Diệu ấy chỉ riêng người ấy rõ biết ý thú của Diệu này, không thể dùng lời nói chỉ bày cho người được. Đức tin này rất chân thật nên gọi là Tín Tâm Trụ.

Tổ Quy Sơn nói với Ngài Ngưỡng Sơn : “Ông nên riêng tự hồi quang phản chiếu, người khác không biết chỗ tri giải của ông. Ông thử đem cái kiến giải chân thật trình lão tăng xem !”

Ngài Ngưỡng Sơn nói : “Như dạy con tự xem thì vào trong ấy không có viên vị, cũng không có một vật, một cái hiểu nào để trình Hòa thượng.”

Tổ Quy nói : “Chỗ không có viên vị là chỗ kiến giải của ông thì chưa rời tâm, cảnh.”

Ngài Ngưỡng Sơn nói : “Đã không viên vị, chỗ nào có pháp ? Lấy không vật làm cảnh.”

Tổ Quy nói : “Vừa rồi, chính ông có kiến giải ấy, phải không ?”

Ngài Ngưỡng đáp : “Dạ, phải.”

Tổ Quy nói : “Nếu như thế thì đầy đủ tâm, cảnh lẫn pháp, chưa thoát khỏi tâm ngã-sở. Nguyên vì có kiến giải trình tôi. Cho ông rõ được Tín Vị, còn Nhân Vị thì chưa !”

Về sau, Ngài Ngưỡng Sơn hỏi Ngài Song Phụng : “Sư đệ, gần đây chỗ thấy thế nào ?”

Đáp rằng : Theo chỗ thấy của tôi, thật không có một pháp để lưu tình.”

Ngài Ngưỡng nói : “Kiến giải của ông còn ở trong cảnh.”

Đáp rằng : “Tôi chỉ như vậy. Sư huynh thì sao ?”

Ngài Ngưỡng nói : “Ông há chẳng biết “Không có một pháp để lưu tình” ư ?”

Tổ Quy Sơn nghe được, nói : “Một câu của Huệ Tịch e giết hết người trong thiên hạ.”

Xét nghiệm như vậy, chẻ bữa như vậy mới biết “*Theo Tánh Chân Thật, Diệu Viên càng phát ra Chân Diệu*”. Cái chỗ Chân Tín cách nhau xa hẳn với con đường tri giải vậy.

Kinh : “Chân tín sáng rõ, hết thủy viên thông. Ba thứ ấm, xứ, giới không thể ngăn ngại. Như vậy cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai tất cả tập khí bỏ thân, thọ thân đều hiện ra trước mắt, người thiện nam này đều có thể nhớ tưởng không quên mất, gọi là Niệm Tâm Trụ.

Thông rằng : Niệm Tâm Trụ ở trong Thập Tín này là túc mạng thông. Trước có nói “Cấm giới thành tự, sáu căn thanh tịnh không cần thiên nhãn, xem thấy mười phương túc mạng thanh tịnh, được không khó khăn nguy hiểm, cũng lần lần ra khỏi ngăn ngại.” Ở đây, cả quá khứ, vị lai trong vô số kiếp đều có thể tưởng nhớ, ấy viên thông sáng rõ. Đây là trong Chân Tín phát khởi, Tánh Không đâu chẳng toàn khắp, nên suốt thông không đâu chẳng thấu đến. Đây là đã chứng Chân nên địa vị “Tương Tự” chẳng thể sánh được. Không chứng Chân thì ấm, xứ, giới làm ngăn ngại,

nên không thể thông suốt. Nay nắm giữ cái tâm rỗng sáng ; căn, cảnh chẳng dính nhau, lâu ngày thì Chân Diệu một mình bày lộ, siêu vượt lên căn, cảnh. Do đó, tất cả tập khí do Tư Hoặc kết thành như quá khứ bỏ thân, vị lai thọ thân đều rõ ràng trước mắt, mà không quên mất.

Cái niệm tâm vốn thuộc sanh diệt, nay lấy chân tín mà nắm giữ nó thì niệm cũng an trụ, tức niệm tức chân, lấy chân, vọng dung nhau thành một. Túc mạng thông từ bậc A La Hán cho đến cõi Phi Phi Tưởng, các ngoại đạo thì biết trước sau đến tám vạn kiếp. Nhưng vô số kiếp tức là a tăng kỳ kiếp thì ngoài Phật không ai chứng được. Xứ này, người biết quá khứ thì cũng đã có, còn người biết vị lai thì không nhiều.

Thiền sư Huệ Trung ở núi Ngưu Đầu nghe Thiền sư Uy ra đời bèn đến thăm.

Thiền sư Uy vừa thấy, nói rằng : “Sơn chủ đến vậy.”

Ngài Huệ Trung cảm ngộ, ở lại hầu hạ.

Sau này, Huệ Trung xin đi các nơi tham học.

Một hôm, Thiền sư Uy thấy cây Lăng Tiêu nơi Viện Cụ Giới gặp mùa Hạ nên héo úa. Có người muốn chặt đi, Ngài bảo : “Đừng chặt, khi Huệ Trung về, nó sẽ sống lại !”

Sau, Ngài Huệ Trung trở về, quả như lời nói, bèn giao Sơn môn cho Huệ Trung.

Lại như Ngài Linh Thọ, suốt hai mươi năm không có Thủ tòa. Ngài thường nói : “Thủ tòa của ta đã sanh rồi ! Thủ tòa của ta đang chần trâu ! Thủ tòa của ta đang hành cước !”

Một hôm, bảo đánh chuông, ra ngoài tam môn tiếp đón vị Thủ tòa. Đại chúng ra đón thì quả là Ngài Vân Môn đến, bèn mời thẳng vào liêu Thủ tòa.

Mở gói hành lý xong, trình thơ cho Tổ Linh Thọ, viết rằng : “Đây là vị Thủ tòa trong chùa, con mắt của trời, người.”

Ngài bèn mời Tổ Vân Môn khai đường.

Hai vị Tôn túc trên, có thể nói là đặc Niệm Tâm Trụ.

Kinh : “Diệu Viên thuần Chân, Chân Tinh phát hóa ra, các tập khí vô thủy thông thành một Tinh Minh. Chỉ nhân Tinh Minh ấy tiến đến chỗ Chân Tịnh, gọi là Tinh Tiến Tâm.

Thông rằng : Từ Chân Tín lần vào nên có thể tưởng nhớ. Từ Thuần Chân lần vào nên được cái Tinh Minh. Chân hay chuyển hóa cái vọng thì Chân Tinh phát hóa là không thể nghĩ bàn, nên tập khí từ vô thủy hóa thành Tinh Minh. Ở trước nói “Tập khí hiện tiền”, đến đây hóa thành Tri Giác Vô Thượng vậy. Tịnh mà đối với nhiễm thì chưa là chân tịnh. Chẳng dơ, chẳng sạch mới là chân tịnh. Nhân dùng cái Tinh Minh này tiến đến chân tịnh, ấy là muốn dẹp bằng dấu vết của cái “*Thông thành một Tinh Minh*” mà đều chuyển hóa hết vậy. Sự chuyển hóa này chẳng thể làm được thì sự Tiến cũng chẳng Tinh vậy.

Nhà sư hỏi Tổ Hoàng Bá : “Thế nào là tinh tiến ?”

Tổ Bá nói : “Thân tâm chẳng khởi, đó là tinh tiến mạnh mẽ đệ nhất. Vừa khởi tâm hướng ngoài tìm cầu thì gọi là “Vua Ca Lợi ưa đi săn bắn”. Tâm chẳng đi rong ở ngoài tức là “Tiên nhờn nhả nhục”. Thân tâm đều không, đó là Phật đạo.”

Kinh Pháp Cú nói : “Nếu khởi tâm tinh tiến, đó là vọng chứ chẳng phải tinh tiến. Nếu Tâm thường chẳng vọng, đó là Chân Tinh Tiến.”

Ngài Thiên Thai Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa ở núi Nam Nhạc đến chỗ phẩm Dược Vương : “Đó là Chân Tịnh Tiến, đó gọi là chân pháp cúng dường Như Lai”, ngay đó ngộ nhập Pháp Hoa Tam Muội, được gọi là Toàn Đà La Ni, thấy Pháp Hội Linh Sơn rõ ràng chưa tan.

Đây có thể nói là tập khí vô thủy thông thành một Tịnh Minh vậy. Hẳn là tiến đến chỗ thân tâm đều Không, mới gọi là Chân Tịnh. Lìa ngoài Chân Tịnh mà riêng cầu chuyện tịnh tiến đó là vọng vậy.

Kinh : “Tâm Tịnh hiện tiền, thuần dùng Trí Huệ, gọi là Huệ Tâm Trụ.

Thông rằng : Càn Huệ Địa ở trước sao không gọi là Huệ Tâm Trụ ? Trước nói : “Nắm giữ tâm rộng sáng”, là còn có nắm giữ vậy. Đây nói : “Tâm Tịnh hiện tiền”, tức là cái nắm giữ đã chuyển hóa rồi vậy. Trước nói : “Thuần là Trí Huệ”, tức còn mang lấy cái “Là”. Đây nói : “Thuần dùng Trí Huệ”, tức đâu đâu cũng là cái dùng của Trí Huệ, đều mất cái Là vậy.

Chỗ này nếu chẳng phải Tịnh Minh rõ suốt, linh quang hiển hiện thì chưa dễ nói ra được. Ban đầu thì nói có cái Trí Huệ ấy. Đến chỗ *thuần là Trí Huệ* thì có mà an trụ rồi, lại tiến thêm một bước.

Trong thiền môn thuần dùng Trí Huệ, duy chỉ có một tay Lâm Tế thật khó gặp một người thứ hai. Ngài thường nói : “Sơn tăng chốn này đoán định ba thứ căn khí : như hàng căn khí trung hạ đến, ta bèn đoạt Cảnh nó mà chẳng trừ Pháp nó. Nếu là hàng căn khí trung thượng đến, ta bèn đoạt Cảnh, Pháp đều đoạt. Như hàng căn khí thượng thượng đến, ta bèn đoạt Cảnh, Pháp, Người đều đoạt. Như có người Kiến Giải xuất cách đến thì sơn tăng chốn đây bèn toàn thể tác

dụng, chẳng cần cần khí. Các Đại đức, đến trong ấy mà chỗ nỗ lực của học nhân chẳng thông rõ phong đại, lửa đá, chớp xẹt tức qua liền vậy. Người học mà con mắt định nếu động, liền mất giao thiệp. Tâm nghĩ tức sai, động niệm tức trái ! Có người nào rõ biết, chẳng lìa trước mắt. Các Đại đức, các ông mang bát phần, vác con chạy nhà người, cầu Phật, cầu Pháp tức nay cùng cái gì chạy tìm thế ? Các ông chẳng biết nó chẳng ? Sống sờ sờ ra đó, chỉ cái chẳng bám níu. Ôm lấy chẳng tụ, vứt đi chẳng tan. Tìm cầu liền mất xa, không cầu là trước mắt.”

Linh âm phó chúc bên tai, như chẳng có tin uống nhọc trăm năm lửa. Như tin được “*Sống sờ sờ ra đó*” thì với Huệ Tâm Trụ đâu có xa !

Kinh : “*Nắm giữ Trí sáng, lặng trong cùng khắp, lặng lẽ nhiệm mầu thường lặng động, gọi là Định Tâm Trụ.*”

Thông rằng : Đã thuần dùng trí huệ thì Huệ Tâm thường trụ, sao lại còn dùng sự nắm giữ ? Nói nắm giữ ý là quên cơ bỏ trí. Trí huệ thường dùng, dùng tức ứng vật, bèn ở trong thể lặng trong chẳng được tổng trì. Nay gom lại ánh sáng rực rỡ, giữ mà chẳng dùng. Như Tổ Lâm Tế nói : “*Kiểm xuy mao dùng xong cần mài ngay !*”, tức là trong Tánh Diệu Trạng được tổng trì vậy.

Tổng trì tánh chẳng động thì thường lặng động. Phàm, tánh lặng trong, bản nhiên thanh tịnh, toàn khắp pháp giới, vốn không động lay, lặng mà chẳng phải lặng, chẳng đồng với tĩnh-chết, nước đọng, nên gọi là Tịch Diệu.

Cái Định Tâm Trụ này là “*Khi Định thì Huệ ở tại Định*”, hoàn toàn chẳng liên can gì với cái thuyết “*Trước Định sau Huệ, trước Huệ sau Định*” do sức người tu trì.

Ngài Trí Hoàng ban đầu ra mắt Ngũ Tổ, sau đó ở trong am ngồi thiền suốt hai mươi năm.

Ngài Huyền Sách, đệ tử của Lục Tổ, đến thăm, hỏi rằng :
“Ông ở đây làm gì vậy ?”

Đáp : “Nhập định.”

Ngài Sách nói : “Ông nói nhập định, là có tâm nhập hay không có tâm nhập ? Nếu không tâm nhập thì tất cả vô tình cỏ cây, ngói đá cũng là đắc định. Nếu có tâm nhập thì tất cả hữu tình các loài hàm thức cũng đều đắc định.”

Ngài Hoàng nói : “Chính khi tôi nhập định chẳng thấy có tâm có-không.”

Huyền Sách nói : “Chẳng thấy có cái tâm có-không, đó là thường định, nào có xuất nhập ! Nếu có xuất, có nhập ắt chẳng phải là đại định.”

Trí Hoàng không đáp được.

Giây lâu hỏi rằng : “Thầy ông là ai ?”

Ngài Sách đáp : “Thầy tôi là Lục Tổ.”

Trí Hoàng hỏi : “Ngài Lục Tổ lấy gì làm thiền định ?”

Huyền Sách đáp : “Thầy tôi nói rằng : Cái Diệu Trạm Viên Tịch, thể dụng như như. Năm ấm vốn không, sáu trần chẳng có. Chẳng xuất chẳng nhập, chẳng định chẳng loạn. Tánh thiền không trụ, lìa trụ thiền tịch. Tánh thiền vô sanh, lìa sanh thiền tưởng. Tâm như hư không, cũng không có cái lượng hư không.”

Ngài Trí Hoàng nghe nói vậy, bèn đến ra mắt Lục Tổ, kể lại hết sự việc.

Lục Tổ nói : “Quả đúng như vậy. Ông chỉ tâm như hư không, chẳng giữ không kiến, ứng dụng không ngại, động tĩnh vô tâm, tình phàm thánh mất, năng sở đều tiêu. Tánh tướng như như, không lúc nào mà chẳng là định.”

Trí Hoàng ngay đó đại ngộ, cái tâm sở đắc trong hai mươi năm trọn chẳng có ảnh hưởng gì. Đêm ấy ở Hà Bắc,¹⁾ quan dân nghe trên không có tiếng nói “Hoàng Thiên sư ngày nay đắc đạo !”

Ngài trở về Hà Bắc khai hóa cho bốn chúng.

Lại có vị tăng hỏi Thiên sư Hiến Đoan : “Lãng động lạng trong thì như thế nào ?”

Tổ Đoan nói : “Chẳng phải là chỗ an thân lập mạng của Thầy Xà lê.”

Hỏi : “Như sao là chỗ an thân lập mạng của học nhân này ?”

Đáp : “Mây có thể ra núi, nước không tiếng vào khe.”

Ngay đây hiểu được thì hằng vắng lặng mà chẳng lìa hằng tỏ soi. Đủ biết Định Huệ là pháp môn không hai vậy.

Kinh : “Ánh sáng của Định phát ra vào sâu tánh sáng, chỉ có tiến chớ không lui, gọi là Bất Thối Tâm.

Thông rằng : Do Huệ vào Định, Định ấy chân chánh. Do Định phát sáng, cái sáng đó thâm sâu. Cái sáng không do định lực sanh thì nông cạn, không có gốc nên chẳng thể vào sâu. Nay Định Huệ giúp nhau nên tánh sáng càng thấu suốt, có chỗ nhỏ nhiệm nào mà chẳng soi, có chỗ mật nhiệm nào mà chẳng tỏ, cho nên có thể tìm đường hướng thượng. Tiến tới không thôi, chỉ có tiến không có lui, đủ để thấy ánh sáng ấy là sâu xa vậy. Nếu có chút chẳng sáng thì phải có ý thối lui. Địa vị chẳng thối này do vô minh từ vô thủy bị đào thải gần hết, không thể bị chao động lằm lặc, cho nên chẳng thể lui sụt vậy.

¹⁾ Chỗ ở của Ngài Trí Hoàng.

Ngài Càn Phong thượng đường rằng : “Pháp Thân có ba loại bệnh, hai loại ánh sáng. Mỗi mỗi cần phải thấy suốt mới hiểu việc về nhà yên. Cần biết lại còn có hướng thượng nhất khiếu nữa.”

Ngài Vân Môn bước ra hỏi : “Người trong am có sao không biết chuyện ngoài am ?”

Tổ Phong ha hả cười lớn.

Vân Môn thưa : “Đó cũng là chỗ nghi của kẻ học nhân này.”

Tổ Phong nói : “Ông là cái tâm hạnh nào đó ?”

Vân Môn nói : “Cũng xin Hòa thượng giải quyết cho.”

Tổ Phong nói : “Ngay đây cần cái gì thêm nữa mới hiểu chỗ ngôi yên ?”

Ngài Vân Môn cất tiếng : “Dạ, dạ.”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Ngôi kẹt, bệnh hết thuốc chữa. Dùng kẹt, ánh sáng chẳng thấu thoát. Dầu cho tung hoành ngang dọc, toàn chuyển nhất-cơ cũng là chưa biết còn một cái *Hướng thượng nhất khiếu*. Còn được cái địa vị ngôi yên đấy chẳng ? Rốt cùng, sương trăng tối, mặc nhiên rớt đầu khe.”

Vân Môn thật là người trong cửa, còn chẳng biết việc ngoài cửa bởi vì đặc “*Địa vị ngôi yên*”. Nếu chưa đến chỗ phân hạn của Vân Môn thì phải hướng về câu nói của Tổ Càn Phong nhai nhấm một phen mới rõ đường mạch chân thật của Bất Thối Tâm.

Kinh : “Tâm an nhiên tiến tới, giữ gìn chẳng mất, giao tiếp với khí phần của mười phương Như Lai, gọi là Hộ Pháp Tâm.

Thông rằng : Định huệ dung nhau vào bất sanh diệt. Tâm mà không cái tâm, tiến mà không chỗ tiến. Một niệm tương ứng, không có tạo tác nên nói là an nhiên. Chưa đến chỗ an thì còn mượn sự nỗ lực gìn giữ. Đã đến chỗ an thì gìn giữ chẳng mất vậy.

Nói rằng chẳng mất là chẳng mất vật gì ? Giữ gìn là giữ gìn việc gì ? Đây là mạng mạch của chư Phật, xuyên suốt mười phương. Nay ta đã được tổng trì, ắt mạng mạch của chư Phật là ở ta, tinh thần có thể thông nhau, khí phần tự nhiên giao tiếp. Khí phần của ta giao tiếp với Phật, đó là ta hộ trì chánh pháp của Như Lai. Khí phần của Phật giao tiếp với ta, đó là Phật hộ trì chánh pháp của ta. Đến chỗ này thì tư hoặc về ba cõi hết sạch, ấy là Chánh vị của sáu căn thanh tịnh vậy. So với Đại Phẩm là tương đương với Phật Địa, nên nói là “Chỗ hộ niệm của chư Phật”.

Xưa, Đức Lục Tổ giặt áo trên tảng đá bồng có một nhà sư đến lễ bái, bạch rằng : “Tên là Phương Biện, người xứ Tây Thục, mới rời ở Nam Ấn mộng thấy Tổ Sư Đạt Ma phú chúc rằng “Phương Biện hãy qua ngay Trung Thổ, ta truyền Chánh Pháp Nhân Tạng từ Đại Ca Diếp và y Tăng-Già-Lê nay đã đến đời Thứ Sáu ở Thiều Châu Tào Khê, ông đến đó mà chiêm lễ”. Phương Biện này từ xa đến mong được thấy y bát của Tổ Sư truyền lại.”

Lục Tổ bèn đưa ra cho xem.

Đây là một chứng nghiệm về khí phần giao tiếp.

Ngài Phong Huyệt ban đầu đến Tổ Hoàng Long.

Tổ Long hỏi : “Sừng đá xuyên đường mây, ý nghĩa ấy thế nào ?”

Ngài Huyệt đáp : “Ráng hồng lồng tượng ngọc. Ngăn che chiếu đầu sông.”

Tổ Long nói : “Theo nhau đến vậy.”

Ngài Huyệt nói : “Hòa thượng nói nhỏ nhỏ !”

Ngài Đầu Tử tụng rằng :

*“Chỗ tối châu người vô giá treo
Đêm khuya định nắm mộc nhân⁽¹⁾ xeo
Ai ngờ lại bị trâu bùn thấy
Nuốt trọn ráng hồng sóng biển theo.”*

Nhà nghề gặp nhau thì chưa từng chẳng lấy sự hộ trì trân trọng mà khuyên gắng. Chỗ này cũng có thể thấy tâm hộ pháp của chư vị vậy.

Kinh : “Giữ gìn tâm giác sáng có thể dùng diệu lực xoay từ quang của Phật lại nơi mình và hướng về Phật mà an trụ, như hai tấm gương ánh sáng đối nhau, trong ấy các bóng nhiệm mầu trùng trùng tương nhập, gọi là **Hồi Hương Tâm**.

Thông rằng : Xoay từ quang của Phật lại là xoay Quả mà hướng về Nhân vậy. Hướng về Phật mà an trụ là xoay Nhân mà hướng về Quả vậy. Quả, Nhân một niệm khế hợp thì ánh sáng giao nhau, nhập vào nhau, chỗ nhiệm mầu này khó dùng lời lẽ tỏ bày. Chỉ có cái diệu lực chứ chẳng liên quan đến công phu. Ánh sáng nhân tâm Từ mà hiển, chẳng cần phương tiện. Chỗ trụ đồng với Phật, nên không còn thứ bậc. Bốn Giác và Thủy Giác hai cái Giác dung hòa lẫn nhau, ví như ánh sáng đối nhau trong hai tấm gương. Có cái diệu lực này mới có diệu ảnh này. Giữ gìn tâm Giác sáng, không trở lại cái biết hư vọng thì cái Minh này là

¹⁾ Người gỗ.

Diệu Minh vậy. Diệu Minh Minh Diệu, một tức tất cả, tất cả tức một, diệu ảnh trùng trùng dung nhập vào nhau. Nói là diệu ảnh thì chẳng phải ảnh của tiền trần hay pháp trần. Ở đây, ảnh trộn lẫn trong ánh sáng, ánh sáng cũng hòa lẫn nơi ảnh, tương tự Một Trí Đại Viên Cảnh vậy.

Xoay trí Phật làm trí mình, xoay trí mình về trí Phật, tâm tâm chế nhau, gần như đồng với Phật há chỉ có khí phần giao tiếp thôi ư !

Tổ Quy Sơn một hôm bảo các học trò trình ra chỗ hiểu biết.

Tổ nói : “Ngoài thanh-sắc, cùng ta thấy nhau.”

Ngài Ngưỡng Sơn qua ba lần trình lời đều nói : “Như hai mặt kính soi nhau, trong đó không có hình tượng.”

Tổ Sơn nói : “Lời này chân chánh nhưng ta phải mà ông chẳng phải, vì đã sớm lập hình tượng rồi.”

Ngưỡng Sơn lại hỏi Tổ : “Con tinh thần tối tăm, đối đáp vụng về. Chưa rõ Hòa thượng khi ở với Sư ông Bách Trượng trình lời ra sao ?”

Tổ Quy Sơn nói : “Khi ở với Tiên sư Bách Trượng, ta trình lời như vậy : Như trăm nghìn gương sáng soi hình tượng, bóng sáng chiếu nhau, trần trần, sát sát, mỗi mỗi chẳng mượn nhau.”

Ngài Ngưỡng Sơn liền lễ tạ.

Hai vị Tôn túc khéo nói Lăng Nghiêm. Một đàng như hai tấm gương ánh sáng đối nhau. Một đàng như diệu ảnh trùng trùng tương nhập. Hợp lại mà nói, ý nghĩa mới đầy đủ.

Tổ Tuyết Phong thượng đường : “Cần rõ việc này, như gương xưa trên đài, (người) Hồ đến Hồ hiện, Hán đến Hán hiện.”

Ngài Huyền Sa ra khỏi chúng, nói : “Bỗng gặp gương sáng đến thì thế nào ?”

Tổ Phong nói : “Hồ, Hán đều ẩn.”

Ngài Huyền Sa nói : “Gót chân lão Hòa thượng còn chưa chấm đất !”

Biết được vì sao Ngài Huyền Sa không chịu lời Tổ Tuyết Phong thì biết ngay chỗ Ngài Ngưỡng Sơn lẽ tạ Tổ Quy Sơn vậy.

Kinh : “**Tâm quang thâm xoay lại, được chỗ thường lắng đọng vô thượng diệu tịnh của Phật, an trụ vô vi, được không bỏ mất gọi là Giới Tâm Trụ.**

Thông rằng : Tâm quang thâm xoay lại, hướng về Phật mà an trụ được chỗ thường lắng đọng tịch diệu của Phật, đối cảnh mà chẳng động. Được chỗ vô thượng diệu tịnh của Phật thì giao thiệp với trần mà chẳng nhiễm. Đây là Tự Tánh Thiên Chân Phật, vô vi chân thật vậy. An trụ trong đó thì không tạo không làm, không chứng không đắc. Phạm có được ắt có mất, không được thì không mất. Có mất thì cần dùng giới. Không mất thì đâu cần dùng giới. Tự Tánh vô vi, tức đó là giới. Giới mà không có chỗ giới, đó là Chân Giới. Giới này tại tâm quang, chỗ âm thầm xoay lại mà gọi là mật vì không thể lấy ý thức đo lường, há có thể nói đồng với giới luật tâm thường sao ? Tức giới tức định, tức giới tức huệ, chỉ một thể mà khác danh thôi.

Xưa, Ngài Thạch Đầu ban đầu đến Tổ Thanh Nguyên tham lễ.

Tổ Nguyên nói : “Ông chốn nào đến ?”

Đáp : “Tào Khê.”

Tổ Nguyên nói : “Dem đượ cái gì đến vậy ?”

Đáp : “Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.”

Tổ Nguyên nói : “Nếu như thế, đến Tào Khê làm gì ?”

Đáp : “Nếu không đến Tào Khê, sao biết là chẳng mất.”

Ngài Thạch Đầu lại nói : “Đại sư ở Tào Khê có biết Hòa thượng không ?”

Tổ Nguyên nói : “Nay ông có biết tôi chẳng ?”

Đáp : “Biết thì lại làm sao biết đượ ?”

Tổ Nguyên nói : “Loài có sừng tuy nhiều mà một con kỳ lân là đủ rồi vậy.”

Về sau, Tổ Dượ Sơn một hôm đang ngồi trên tảng đá, Ngài Thạch Đầu hỏi : “Ở trong ấy làm gì thế ?”

Ngài Sơn nói : “Một vật cũng chẳng làm.”

Ngài Đầu nói : “Như thế là ngồi chơi (nhàn tọa) vậy.”

Ngài Sơn nói : “Nếu ngồi chơi tức là làm.”

Ngài Đầu : “Ông nói chẳng làm là chẳng làm cái gì ?”

Ngài Sơn nói : “Ngàn thánh cũng chẳng biết.”

Ngài Thạch Đầu nhân đó dùng kệ ca ngợi rằng :

*“Xưa nay cùng ở chẳng hay danh
 Nhậm vận cùng nhau chỉ thế hành
 Từ cổ thánh hiền còn chẳng rõ
 Phàm phu há biết, nhọc lãng xăng.”*

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Huyền vi cùng tận vốn an nhiên
 Nếu cho y rộng tám vạn thiên
 Trăng in sông lặng, nào tắm cá
 Đầu mệt ông câu thả lưới nô.”*

Xem chỗ nói “*chẳng làm*” của Ngài Dục Sơn, chỗ nói “*chẳng mất*” của Ngài Thạch Đầu thì rất ráo chẳng thể đo lường hiểu biết, ấy khá mật nhiệm vậy. Có thể qua cửa ải này bèn được chỗ thường lắng đọng vô thượng diệu tịnh của Phật, có thể gọi là Giới Tâm Trụ.

Kinh : “*Trụ giới tự tại có thể dạo khắp mười phương, đến đâu tùy nguyện, gọi là Nguyện Tâm Trụ.*”

Thông rằng : Trụ giới tự tại thì quên luôn cái gì là giới. Thường lắng đọng nơi chân tịnh, thích gì mà chẳng được, nên có thể đi dạo khắp mười phương, đến đâu tùy nguyện. Trong viên giáo của Thiên Thai Tông, nếu chưa đoạn vô minh thì sanh sang cõi Đồng Cư, gọi là nguyện sanh, quả là phù hợp với đoạn kinh này. Thiên Thai Tông lại nói hàng Thập Tín ra khỏi Giả Quán mà làm lợi ích cho chúng sanh. Đoạn này nói “*Dạo khắp mười phương*” thì cũng hợp với nghĩa ấy.

Thiền sư Thủ Sơn Niệm vào giờ Ngọ, ngày mồng Bốn, tháng Chạp năm Thứ Ba niên hiệu Thuần Hóa, thượng đường nói bài kệ :

*“Năm nay sáu mươi bảy
Già bệnh tùy duyên qua tháng ngày
Năm nay ghi nhớ việc năm sau
Năm sau nhớ rõ sáng hôm nay.”*

Đến ngày tháng của năm sau không sai chạy, thượng đường từ biệt đại chúng, rồi nói bài kệ :

*“Thế giới bạch ngân vàng sắc thân
Tình với vô tình cùng Nhất Chân*

*Sáng, tối hết rồi đều chẳng chiếu
Mặt trời sau Ngọ trọn bày thân."*

Rồi an tọa mà tịch.

Đệ tử của Ngài Phần Dương Chiếu có tình cố cựu với Doãn Lý Hầu ở phủ Long Đức. Hầu sai người đến chùa Thừa Thiên mời Ngài. Sứ giả ba phen mời không được, bị phạt nên muốn được Ngài cùng đi.

Ngài cười rằng : "Cái nghiệp của lão tăng là chẳng ra khỏi chùa ba mươi năm nay rồi. Nếu đi thì phải có trước sau, cần gì cùng một lúc !"

Rồi bảo thiết trai, chuẩn bị hành lý và bảo đại chúng : "Lão tăng đi đây, người nào theo được ?"

Một vị tăng bước ra thưa : "Con theo được."

Ngài bảo : "Mỗi ngày ông đi mấy dặm ?"

Vị tăng đáp : "Năm mươi dặm."

Ngài nói : "Ông theo ta chẳng được !"

Lại có một vị tăng bước ra, nói : "Con theo được."

Ngài bảo : "Mỗi ngày ông đi mấy dặm ?"

Vị tăng đáp : "Bảy mươi dặm."

Ngài nói : "Ông cũng theo ta chẳng được."

Vị Thị giả bước ra nói : "Con theo được, Hòa thượng đến đâu con đến đó."

Ngài bảo : "Ông theo được đó."

Nói xong Ngài bảo với Sứ giả rằng : "Tôi đi trước nghe." Rồi vui vẻ ngồi tịch. Vị Thị giả liền đứng mà tịch.

Đây chẳng phải là "Đến đâu tùy nguyện" ư ? Chẳng phải đã chứng Thập Tín thì chưa dễ đến chỗ này. Tin là chân thật không hư vọng, vì tương ứng với Thật Tế Lý Địa

vậy. Nên có câu : “Chỉ một sự thật này, dư hai ắt chẳng chân”. Ban đầu ắt dục ái cạn khô, giữ tâm rỗng sáng rồi sau mới có thể vào chân tánh diệu viên. Chân tánh phát hóa, tập khí nhỏ nhiệm đều dung thông. Lại nhờ định huệ mà giữ gìn, lấy sự hộ trì mà tiến tới ; xoay từ quang của Phật, được tịnh giới của Phật. Từ đó, sanh vào nhà Như Lai, mà chỗ đi tùy nguyện vậy. Thập Tín chẳng phải là Thập Trụ nhưng tại sao đều gọi là Trụ ? Bồ tát Vô Trước lập ra mười tám địa vị, phán định địa vị trước sau của kinh Kim Cang, do đó bậc Sơ Trụ cũng được gọi là Trụ, vì y vào trí vô trụ, vĩnh viễn chẳng bị thối chuyển, nên được cái tên *Trụ*.

III. THẬP TRỤ

Kinh : “Anan, người thiện nam đó dùng phương tiện chân thật phát được mười cái tâm ấy. Tâm tinh phát huy mười cái Dụng xen lẫn vào nhau, viên thành một tâm, gọi là Phát Tâm Trụ.

Thông rằng : Từ chân diệu viên trùng phát chân diệu, đây gọi là phương tiện chân thật. Dùng phương tiện chân thật mà phát được mười thứ Tín Tâm này. Tin ấy là chân. Chân ấy là tin, không dung chứa niệm nào khác xen tạp vào, thì cái Tâm ấy tinh thuần vậy. Sự tinh minh của tâm tự phát ánh sáng. Hoặc định hoặc huệ, hoặc giới hoặc nguyện, mười cái dụng xen lẫn vào nhau : ngay trong định mà huệ, giới đều sẵn đủ, ngay nơi giới mà định, huệ đều tròn đầy. Tóm lại, là phát minh cái bản lai, hướng nơi Phật mà an trụ, nên gọi là “*Viên thành một tâm*”. Mười cái dụng chưa tròn thì tâm lượng chưa đầy, hẳn phải mười cái dụng viên thành mới có thể gọi là Phát Tâm Trụ.

Ngài Thiên Thai Trí Giả lấy mười Tâm Anh Lạc (chuỗi ngọc) đối với mười quán pháp Đại thừa, ước định Sơ Trụ của Viên Giáo, tỏ đủ mười đức thì ý nghĩa cũng phù hợp nhau.

Xưa, Đức Lục Tổ canh ba vào thất, Đức Ngũ Tổ lấy áo cà sa che quanh không để người thấy, nói cho kinh Kim Cang, đến câu “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”,⁽¹⁾ Lục Tổ ngay nơi lời nói đại ngộ, rõ tất cả muôn pháp chẳng lia tự tánh, bèn bạch cùng Ngũ Tổ :

“*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh
 Nào ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt
 Nào ngờ tự tánh vốn tự sẵn đủ
 Nào ngờ tự tánh vốn không động lay
 Nào ngờ tự tánh sanh ra muôn pháp.*”

Đức Ngũ Tổ biết đã ngộ Bốn Tánh, nói rằng : “*Chẳng rõ bốn tâm, học pháp vô ích. Như rõ bốn tâm mình, thấy bốn tánh mình thì gọi là trượng phu, thầy của Trời, Người, là Phật.*”

Cho nên *viên thành một tâm*, như chỗ ngộ của Đức Lục Tổ mới có thể nói là Phát Tâm Trụ.

Kinh : “*Trong tâm phát sáng, như ngọc lưu ly trong sạch, ở trong hiện chói sắc vàng ròng. Dùng cái diệu tâm trước kia bước đi thành địa vị, gọi là Trị Địa Trụ.*”

Thông rằng : Chỗ thấy rõ ràng mới có thể bước đi. Chỗ thấy không rõ ràng dầu có cất bước đi nữa cũng chẳng phải là un đức tự tánh, chỉ là chạy theo việc ngoài, ví như cất nhà trên đất người khác, đối với ta có dính dáng gì ?

¹⁾ Hãy trong Không-chỗ-trụ mà sanh tâm.

Cái “*Trong tâm phát sáng*” đây tức là vô sư trí, tự nhiên trí, từ trong pháp giới tánh mà hiện bày, như ngọc lưu ly trong sạch, ở trong hiện chói sắc vàng ròng. Thấy rất chân thật, ngộ rất thấu suốt, chỗ thấy cùng Phật không hai nhưng chỗ hành chưa tới. Từ đây gìn giữ, từ đây bước đi. Dùng mười thứ tâm mâu nhiệm trước kia, mỗi mỗi tự thân hành đạo, thân tâm như nhất, bước bước vững vàng như đất. Hễ cát nhà thì trước sửa sang nền đất. Đây là chỗ bắt đầu khởi bước, nên gọi là Trị Địa Trụ.

Thiền sư Vân Cư Ứng thượng đường : “Người xưa nói “Muốn kham giữ việc này cần hướng về đỉnh núi chót vót mà đứng, đậy bề thăm thăm mà đi mới có đôi chút hơi hám”. Bằng các ông chưa rõ đại sự hãy nên dẫm bước trên đường huyền.”

Có nhà sư hỏi : “Thế nào là chỗ bước đi của người hướng thượng ?”

Tổ Cư nói : “Thiên hạ thái bình.”

Lại có nhà sư hỏi Thiền sư Quảng Pháp Viện Nguyên : “Từ xưa các thánh hướng chỗ nào mà đi ?”

Tổ Nguyên nói : “Đầu đường chữ thập (+).”

Hỏi : “Thế tức là hư khuyết vậy.”

Đáp : “Biết ông chưa đến đất đai ấy.”

Hỏi : “Đến rồi thì sao ?”

Tổ Nguyên nói : “Nhà thường cơm nước.”

Cho nên lấy cái chỗ mà các vị Tôn túc gọi là dẫm bước thì rõ Trị Địa Trụ. Cái dẫm bước này thật nhiệm mâu vậy.

Kinh : “Tâm địa biết khắp, đều được tỏ rõ, đạo đi mười phương, được không ngăn ngại, gọi là Tu Hành Trụ.

Thông rằng : Tâm, do đầu mà biết là Địa ? Địa, do đầu mà biết là Tâm ? Tâm ấy là Diệu Tâm. Hạnh ấy là Diệu Hạnh. Trí ấy là Diệu Trí vậy. Lý, Hạnh, Trí ba đức viên dung mới có thể nói là Tâm Địa biết khắp, sáng tỏ chẳng mờ, rõ ràng thường biết. Tâm tức là hạnh, hạnh tức là tâm, đạo đi mười phương, có gì ngăn ngại. Đã không ngăn ngại nào cần dùng đến tu hành, mà ở đây gọi là Tu Hành Trụ ? Một là dẫm bước trên Thật Tế, không giữ bám chấp, nên lấy sự đạo đi làm tu. Một là nắm chặt cái tâm sáng tỏ bèn là ngăn ngại, nên lấy sự không ngăn ngại làm tu. Thật ra, là hành mà không chỗ hành, tu mà không chỗ tu vậy.

Thiền sư Thạch Sương chỉ dạy đại chúng rằng : “Hàng sơ cơ chưa rõ đại sự trước cần biết nắm cái đầu thì cái đuôi tự đến.”

Ngài Sơ Sơn bước ra, hỏi : “Thế nào là đầu ?”

Tổ Sương nói : “Cần biết ngay đang có.”

Ngài Sơ hỏi : “Thế nào là đuôi ?”

Tổ Sương nói : “Hết sạch hiện giờ.”

Hỏi : “Có đầu không đuôi thì sao ?”

Đáp : “Mửa được vàng ròng còn làm gì nữa ?”

Hỏi : “Có đuôi không đầu thì sao ?”

Đáp : “Vẫn còn nương dựa.”

Hỏi : “Được ngay đầu đuôi tương xứng thì thế nào ?”

Đáp : “Y chẳng làm cái hiểu biết, cũng chưa cho là y có đó !”

Về sau có nhà sư hỏi Thiền sư Cửu Phong Kiền : “Thế nào là đầu ?”

Tổ Phong đáp : “Mở mắt chẳng hiểu biết.”

Hỏi : “Thế nào là đuôi ?”

Đáp : “Chẳng ngồi sàng muôn năm.”

Hỏi : “Có đầu không đuôi thì thế nào ?”

Đáp : “Rốt là chẳng quý.”

Hỏi : “Có đuôi không đầu thì thế nào ?”

Đáp : “Tuy no mà không có sức.”

Hỏi : “Được ngay đầu đuôi tương xứng thì thế nào ?”

Đáp : “Con cháu đắc lực, trong nhà chẳng biết.”

Ngài Cửu Phong hiểu được ý Tổ Thạch Sương như từ cùng một ấn in ra.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Quy thì tròn, củ⁽¹⁾ thì vuông
 Dùng thì làm, bỏ thì cất
 Vụng chặm loài chim nường ổ, quanh quẩn
 thú dê đụng rào
 Ăn cơm nhà người, nằm giường của mình
 Mây kéo đở mưa, móc kết thành sương
 Chỉ ngọc qua lỗ kim vừa hợp, tơ dài chẳng
 dứt ruột thoi ra
 Gái-đá máy ngừng, hề, màu đêm sắp Ngọ
 Người gỗ chuyển đường, hề, bóng nguyệt
 đời khuya.”*

Bài tụng này đầu đuôi tương xứng. Phải tu như thế, hành như thế mới có thể tương ứng cùng pháp môn viên đốn.

Kinh : “Hạnh đồng với Phật, lãnh nhận khí phần của Phật, như thân trung ấm tự tìm cha mẹ. Cái âm tín thâm thông vào dòng giống Như Lai, gọi là Sanh Quý Trụ.

¹⁾ Quy, củ : hai khí cụ để đo đạc.

Thông rằng : Hạnh đồng với Phật là từng phần Chân Trí bình đẳng với Cửu Cánh Trí. Nhận khí phần của Phật là từng phần Chân Lý bình đẳng với Cửu Cánh Lý. Đoạn trước nói : “Khí phần giao tiếp” thì còn là hai. Đến đây, vào dòng giống Như Lai thì cơ hồ hợp làm một vậy.

Thân trung ấm là cái ấm này đã hết mà cái ấm kia chưa sanh, ở khoảng giữa hai cái ấm này, lơ lửng giữa hư không bốn mươi chín ngày tự tìm cha mẹ. Nghiệp duyên tương tự thì đến thác sanh. Chỗ này là âm tín thâm thông, chẳng phải do suy tính tìm cầu. Quyền trí như cha, thực trí như mẹ, nhậm vận tương hợp, chẳng mượn công sức, cái quả đức âm thâm bằng nhau. Đâu thể biết sự tự nhiên nhi nhiên, do đó như *âm* như *thâm* mới có thể vào dòng giống Như Lai.

Nói là Sanh Quý cũng giống như Vương Tử còn trong thai mà ngôi vị đã khác thường dân, nên nói rằng Quý. Quý ở chỗ đốn chứng Vô Thượng Đệ Nhất Pháp Môn vậy.

Tổ Động Sơn có họa đồ Ngũ Vị Vương Tử. Một là Đản Sanh. Hai là Triều Sanh. Ba là Mạt Sanh. Bốn là Hóa Sanh. Năm là Nội Sanh. Tất cả đều dùng để phát minh cơ duyên hướng thượng.

Tổ Thạch Sương tụng về “Ngũ vị vương tử đồ” như sau :

Một là Đản Sanh :

*Sang cả tự nhiên vốn chẳng công
Đức hợp cần khôn nuôi thịnh dòng
Đầu đuôi một giống không sai khác
Cung phân sáu trạch (nhà) cũng đồng tông
Trên hòa dưới kính, âm dương thuận*

Cộng khí (phần) liền càn, khí lượng đồng
 Muốn rõ Đản Sanh Vương-Tử-Phụ
 Vút ra lông bạc hạc thông dong.

Hai là Triều Sanh :

Khổ học tình đời luận khó bì
 Ra rồi phạm sự đã vô vi
 Thơ thành năm chữ, ba đông tuyết
 Bút thấy tư hào, bốn biển mây
 Công chúa muôn pho nên thời thánh
 Một lòng trung hiếu giúp minh quân
 Mặn chua chẳng phải sanh hay (biết) được
 Nào nhọc bằng vàng hiển đại công.

Ba là Mạt Sanh :

Nương lâu hang hốc dụng công phu
 Giường cỏ cửa cây giữ chí cô (đơn)
 Nghe, thấy mười năm tâm tự chúa
 Một thân đông hạ, áo y không
 Trong lặng mỉm cười ba thu ý
 Thanh khổ cao danh thượng triết đồ
 Nên nghiệp cao khoa đền chí cũ
 So ra quan tướng chẳng ai bằng

Bốn là Hóa Sanh :

Nương phần để mệnh để truyền trì
 Muôn dặm sơn hà hiển chánh uy
 Mặt trời đỏ bóng ngừng côi dưới
 Mây dồn gió mát lúc oi nồng
 Thấp cao há bỏ tôn ti lệnh
 Năm khổ xa gần biết phục sinh

*Tay cầm diệu ấn biên cương lặng
Ngôi trời nào lộ chút cơ vi*

Năm là Nội Sanh :

*Thảm chốn cửu trùng há lại tuyên
Khoác xấu xa để hiển diệu truyền
Chỉ thờ một đấng trời đất quý
Theo kia các đạo tự phân quyền
Tử La màn khếp, vua tôi cách
Hoàng Các rèm buông, cấm chế toàn
Vì người chốn chốn cung thần mến
Mượn lá vàng ngừng nín khóc liền.*

Có nhà sư hỏi Tổ Thụy Nham : “Thế nào là Vương Tử Đản Sanh ?”

Tổ Nham nói : “Thâm cung dẫn chẳng ra.”

Ngài Đầu Tử tụng rằng :

*“Quý lạ thiên nhiên hẳn có thì
Vườn Xuân sáu viện ít tương tùy
Nửa đêm sao hợp thiên luân khác
Đuốc chiếu trong cung lặng rủ rèm.”*

Cho nên một đường Sanh Quý là tông phong của Tào Động, rất là miên mật. Chẳng vào thất này khó cùng nói năng.

Kinh : “Đã vào đạo thai, chính mình nhờ được sự nuôi sống của Tánh Giác, như thai đã thành, tướng người không thiếu gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.

Thông rằng : Thánh thai đã thành thì không chỉ nhận cái khí phần mà chính mình còn được sự nuôi sống của

Tánh Giác, tiếp nối mạng mạch của Phật, ứng cơ tiếp vật, đủ đầy phương tiện. Tuy chưa đến chỗ viên mãn, nhưng cũng cụ thể chi tiết, như người ở trong thai, tướng mạo đầy đủ. Tướng mạo hiển bày để có thể thấy được, đó thuộc về phương tiện ứng dụng, nên gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.

Ngũ Tổ Hoàng Nhãn Đại sư, người ở xứ Hoàng Mai Kỳ Châu. Kiếp trước là Đạo giả Tài Tùng ở Phá Đầu Sơn, từng hỏi Đức Tứ Tổ : “Có thể nghe được đạo pháp chăng ?”

Tổ đáp : “Ông đã già, có nghe được rồi làm sao rộng hóa ? Nếu sanh lại được thì tôi còn chờ ông.”

Đạo giả bèn đi, đến bờ sông, thấy một cô gái đang giặt áo, chấp tay hỏi rằng : “Ở nhờ được chăng ?”

Cô gái nói : “Tôi có phụ huynh, có thể đến đó mà xin.”

Nói rằng : “Đồng ý tôi mới dám đi.”

Cô gái gật đầu ứng chịu. Đạo giả bèn quay gậy mà đi.

Cô gái là con út nhà họ Châu, khi về nhà thì có thai. Cha mẹ rất xấu hổ, đuổi đi. Cô gái không chỗ nương tựa, ngày thì quay tơ mướn trong xóm, tối thì ngủ nhờ trong quán tiệm. Rồi sanh ra một đứa con trai, cho đó là chẳng lành, nên đem ném xuống một rạch nước đục. Sáng ngày thấy trôi ngược trở lên, khí phách tươi tốt, rất kinh sợ, vớt lên nuôi nấng. Đứa bé theo mẹ đi xin ăn, người làng gọi là thằng bé không họ.

Có hôm, gặp một vị Trí giả than rằng : “Đứa bé này thiếu mất bảy tướng tốt nữa, nên chẳng bằng Như Lai.”

Sau này, gặp Đức Tứ Tổ, Tổ hỏi : “Cậu bé tánh (họ) gì ?”

Đáp rằng : “Tánh (họ) thì có, nhưng chẳng phải tánh (họ) thường.”

Tổ hỏi : “Là tánh (họ) gì ?”

Đáp rằng : “Là tánh Phật.”

Tổ hỏi : “Con không có tánh (họ) ư ?”

Đáp rằng : “Tánh Không vậy.”

Tứ Tổ biết là pháp khí, bảo thị giả đến chỗ ở bà mẹ để xin cho Ngài xuất gia. Bà mẹ vì duyên cũ, nên không cản trở, cho theo làm đệ tử, về sau nối ngôi Tổ.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Hoàng Mai quả chín, sen trắng hoa khai
Hỏi, chỉ họ Phật, thân khác phàm thai
Y truyền Nam Lãnh người đem mất
Tùng lão Tây Sơn, trở lại đây
Hai lớp túi da thành nên chuyện
Một bầu trăng gió lặng bụi đời.”*

Ngài Thủy Am tụng rằng :

*“Hẹn đi, Tài Tùng, ấy lão nhờn
Trở lui vui pháp cậu đồng chân
Thân có mẹ sanh, cha Không Tánh
Linh miêu ngoài kiếp chẳng phạm xuân.”*

Nếu Đạo giả chưa đến Phương Tiện Cụ Túc Trụ thì làm sao đến đi tự do, gần được đầy đủ tướng tốt Như Lai ?

Kinh : “Dung mạo như Phật, tâm tướng cũng đồng, gọi là Chánh Tâm Trụ.

Thông rằng : Dung mạo ví dụ cho sự ứng dụng, tâm tướng ví dụ cho chân trí. Dù cho bề ngoài giống nhau mà bên trong hơi khác thì chẳng phải chánh tâm vậy. Chánh

tâm cũng khó nói ra, vì phải phạm thánh đều quên, tình hết sạch, Thể hiện bày, mới có thể nói là *chánh*.

Thiền sư Nam Tháp Quang Dũng lên miền Bắc gặp Tổ Lâm Tế rồi trở lại hầu Tổ Ngưỡng Sơn.

Tổ Sơn hỏi : “Ông đến làm gì ?”

Đáp : “Ra mắt thân cận Hòa thượng.”

Tổ Sơn hỏi : “Có thấy Hòa thượng chăng ?”

Đáp : “Dạ, thấy.”

Tổ Sơn nói : “Hòa thượng sao giống con lừa ?”

Đáp : “Con thấy Hòa thượng cũng chẳng giống Phật.”

Tổ Sơn nói : “Nếu chẳng giống Phật thì giống cái gì ?”

Đáp : “Nếu có chỗ giống thì đâu khác con lừa.”

Ngài Ngưỡng Sơn rất kinh ngạc, nói : “Phạm thánh đều quên, tình dứt, thể lộ. Ta lấy chỗ này để xét nghiệm người, hai mươi năm nay không người rõ thấu. Ông giữ gìn đi.”

Ngài Ngưỡng Sơn thường chỉ sự mà nói với người khác : “Ông ấy là nhục thân Phật vậy.”

Xem đây thì “*Dung mạo như Phật, tâm tướng cũng đồng*”, chỉ có Ngài Quang Dũng là gần đó vậy.

Kinh : “Thân tâm hợp thành, ngày càng tăng trưởng, gọi là **Bất Thối Trụ**.

Thông rằng : Địa vị Bất Thối Tâm⁽¹⁾ ở trước chỉ sự vào sâu trong Tánh Sáng, có tiến không có lùi, thì chỉ mới nói về phương diện tâm. Còn địa vị Bất Thối Trụ ở đây là *thân*

¹⁾ Trong Thập Tín.

tâm hợp thành, ngày càng tăng trưởng, là tiến tới gồm cả trong lẫn ngoài. Tức là ở địa vị trước đây, dung mạo, tâm tướng thoả mái, nhàn hạ mà chờ tự tăng trưởng, chứ chẳng phải chứa công dồn hạnh mà so sánh được.

Có nhà sư nêu lên bài kệ của Thiên sư Ngọa Luân :

*“Ngọa Luân có tài khéo
Hay dứt trăm tư tưởng
Đối cảnh, tâm chẳng khởi
Bồ Đề ngày tăng trưởng.”*

Đức Lục Tổ nghe xong, nói rằng : “Kệ này chưa rõ tâm địa, nếu nương theo đó mà tu hành thì càng thêm trôi buộc.

Nhân đó chỉ bày bằng bài kệ :

*“Huệ Năng không tài khéo
Chẳng đoạn trăm tư tưởng
Đối cảnh, tâm tâm khởi
Bồ Đề nào tăng trưởng.”*

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Hoa quỳ hương nhạt, tơ liễu tùy phong.”

Ôi, một khiếu hương thượng, chẳng tăng chẳng giảm, chỉ vì thức tình tiêu ma chưa hết nên thấy có tăng trưởng, có thối sụt đó thôi. Nếu có cái thấy nơi chỗ chẳng tăng chẳng giảm mà xu hướng theo đó, liền đồng như hoa quỳ hương theo mặt trời. Nếu có cái thấy nơi chỗ chẳng tăng chẳng giảm mà bỏ quên đi, liền đồng như tơ liễu tùy theo gió. Như vô tâm đối với cả hai, tùy thời ăn cơm mặc áo, nuôi lớn thánh thai, mới được gọi là Bất Thối Trụ.

Kinh : “Linh tướng của mười thân, cùng lúc đầy đủ, gọi là Đồng Chân Trụ.

Thông rằng : Mười Thân là Bồ Đề Thân, Nguyệt Thân, Hóa Thân, Lục Thân, Trang Nghiêm Thân, Uy Thế Thân, Ý Sanh Thân, Phước Thân, Pháp Thân và Trí Thân vậy. Linh tướng đầy đủ so với “*Tướng người không thiếu*” ở trước thì đã viên mãn. Tuy cả hai đều đầy đủ cái thể mà ở đây đã thành đũa bé, nên gọi là Đồng Chân Trụ.

Thiền sư Phần Dương Chiêu thượng đường rằng : “Phàm thuyết pháp, cần phải đủ mười Trí Đồng Chân. Nếu không đủ mười Trí Đồng Chân thì tà chánh chẳng rõ, tăng tục chẳng rành, không thể làm bậc tai mắt cho trời, người để quyết đoán phải quấy. Như chim bay giữa không mà gãy cánh, như bắn tên mà đứt dây cung. Cánh gãy chẳng thể bay lên không, dây cung đứt bắn chẳng trúng đích. Dây cung chắc, cánh cứng thì đích bắn hay hư không đều thấu suốt. Thế nào là mười Trí Đồng Chân ? Xin chỉ ra cùng quý Thượng tọa. Một là Đồng Nhất Chất.⁽¹⁾ Hai là Đồng Đại Sự.⁽²⁾ Ba là Tổng Đồng Tham.⁽³⁾ Bốn là Đồng Chân Chí.⁽⁴⁾ Năm là Đồng Biến Phổ.⁽⁵⁾ Sáu là Đồng Cự Túc.⁽⁶⁾ Bảy là Đồng Đắc Thất.⁽⁷⁾ Tám là Đồng Sanh Sát. Chín là Đồng Âm Hống.⁽⁸⁾ Mười là Đồng Đắc Nhập.⁽⁹⁾

Ngài lại nói : “Cùng với người nào Đồng Đắc Nhập ? Cùng với ai Đồng Âm Hống ? Thế nào là Đồng Sanh Sát ?

1) Đồng Một Chất.

2) Đồng Việc Lớn.

3) Đồng Tham Khắp.

4) Đồng Chí Chân Thật.

5) Đồng Trái Khắp.

6) Đồng Đầy Đủ.

7) Đồng Được Mắt.

8) Đồng Âm Rống – Tiếng rống sư tử.

9) Đồng Được Thấu Vào.

Vật gì Đồng Đắc Thất ? Cái gì Đồng Cự Túc ? Cái gì là Đồng Biến Phổ ? Người nào Đồng Chân Chí ? Ai có thể Tổng Đồng Tham ? Cái gì Đồng Đại Sự ? Vật nào Đồng Nhất Chất ? Có chỉ ra được chăng ? Chỉ ra được thì chẳng tiếc từ bi. Chỉ không ra thì chưa có con mắt tham học vậy. Cần thiết chọn lấy, biết rõ phải quấy cái mặt mũi hiện tại. Chẳng thể đứng lâu, trân trọng !”

Mười Trí Đồng Chân này chỉ bày tỏ sự việc bên phía Trí Thân. Mười thân mà đầy đủ lại phải càng nhập vào chỗ vi diệu. Tuy thế, tất cả chỉ là một thể Bồ Đề, tùy chỗ khác tên mà thôi. Như riêng có chỗ đặc sắc thì làm sao có thể “*cùng lúc đầy đủ*” ư ?

Kinh : “Thành đủ hình hài, ra khỏi thai, chính mình là Phật Tử, gọi là Pháp Vương Tử Trụ.

Thông rằng : Tự mình thọ nhận khí phần của Phật, vào dòng giống Như Lai, lần hồi thành thai, tiến tới “*dung mạo*”, tiến tới “*tăng trưởng*”, tiến tới “*đồng chân*” mới được hình thể hoàn thành mà ra khỏi thai làm Pháp Vương Tử. Đã nhập Phật Tri Kiến mà còn được bảo nhiệm như thế mới càng sáng càng suốt, thay Phật hoằng hóa. Sự thành tựu quả là không dễ dàng vậy.

Ngài Xá Lợi Phất tự miệng Phật sanh, từ Pháp hóa sanh làm trưởng tử của Phật. Ngài là trí huệ đệ nhất, từ nhiều kiếp đến nay chứ chẳng phải là sức lực một sớm một chiều vậy.

Tổ Quy Sơn đang ngủ, Ngài Ngưỡng Sơn đến thăm hỏi. Tổ bèn quay mặt vào vách.

Ngài Ngưỡng nói : “Hòa thượng sao được như vậy ?”

Tổ Quy Sơn ngồi dậy bảo : “Ta vừa có một giấc mộng, ông thử suy đoán giùm ta xem !”

Ngài Nguỡng Sơn bèn đem một thau nước đến cho Tổ rửa mặt.

Lát sau, Ngài Hương Nghiêem cũng đến thăm lễ.

Tổ Quy Sơn nói : “Ta vừa có một giấc mộng, Huệ Tịch đã suy đoán giùm ta rồi, ông suy đoán giùm ta xem nào !”

Ngài Nghiêem bèn rót một chén trà bưng tới.

Tổ Quy nói : “Chỗ kiến giải của hai ông vượt cả Ngài Thu Tử.”⁽¹⁾

Ôi, trí huệ như Ngài Xá Lợi Phất mà còn lại vượt qua thì há chẳng phải “*thành đủ hình hài, ra khỏi thai*” mà còn “*lại ra khỏi thai*” nữa ư ?

Kinh : “Cốt cách đã thành người lớn, như vị quốc vương phân công ủy nhiệm các việc nước cho vị thái tử, khi vị thế tử trưởng thành, sát lợi vương kia bày ra lễ quán đánh, gọi là Quán Đánh Trụ.

Thông rằng : Vị Pháp Vương Tử vì phương tiện, tâm tướng đều giống như Phật, đủ sức nối tiếp địa vị Phật, thay Phật làm việc cho nên lấy ví dụ quốc vương và thái tử, cũng như sát lợi vương và thế tử bày ra lễ Quán Đánh.

Con quốc vương gọi là thái tử, con chư hầu gọi là thế tử. Cốt cách đã thành người lớn, sắp được phó thác ngôi vua, cũng tương tự như Lễ Đội Mũ. Dùng nước biển lớn rưới trên đầu để biểu trưng rằng làm vua thì nên dùng các bậc trí, như biển thu nạp trăm sông. Dùng nước biển là

¹⁾ Xá Lợi Phất.

dùng tất cả nước vậy. Đây chỉ lấy việc nước nhà phân công ủy nhiệm, khiến nắm lấy mà lo liệu chứ chẳng phải chánh thức giao phó ngôi báu để được “*túc chân*” vậy.

Bởi địa vị này thậm đủ các đức, đủ sức phân hóa mười phương mà làm Phật sự nên gọi là Quán Đảnh Trụ. Đến hàng Thập Địa, hạnh viên mãn, gần với bậc Đẳng Giác, mới có thể chánh thức được giao phó chức vị Phật. Vì thế, Pháp Vân Địa gọi là Quán Đảnh Bồ tát, đó là Túc Chân vậy, chẳng còn trụ nơi trụ.

Vị Tăng hỏi Tổ Tào Sơn : “Thế nào là sư tử ?”

Tổ Sơn đáp : “Các thú chẳng thể gần.”

Hỏi : “Thế nào là sư tử con ?”

Đáp : “Nuốt mất cha mẹ.”

Hỏi : “Đã là các thú chẳng thể gần vì sao lại bị con nuốt ?”

Đáp : “Há chẳng nghe nói : “Con mà gầm rống, tổ phụ đều mất sạch” ư ?”

Hỏi : “Mất sạch rồi thì thế nào ?”

Đáp : “Toàn thân về với cha.”

Hỏi : “Chưa rõ khi tổ mất thì phụ về chỗ nào ?”

Đáp : “Chỗ nào cũng mất hết.”

Hỏi : “Vậy sao mới vừa nói “*Toàn thân về với cha*” ?”

Đáp : “Ví như con vua hay thành việc của cả nước.”

Tổ lại nói : “Thầy Xà lê, nơi chuyện này, chẳng được vương hẹp. Ngay như bây giờ, trên cành khô lại tung ra một ít hoa !”

Đây là từ trong thể khởi ra cái dụng, đó gọi là diệu trạm vậy.

Ông Tư Mã Đầu đà từ Hồ Nam đến, thưa với Tổ Bách Trượng rằng : “Vừa rời ở Hồ Nam, tôi có tìm được một ngọn núi tên là Đại Quy. Đó là chỗ ở của vị thiện tri thức của một ngàn năm trăm đồ chúng vậy.”

Tổ Trượng nói : “Lão tăng ở được chăng ?”

Đầu đà đáp : “Chẳng phải chỗ ở của Hòa thượng.”

Tổ hỏi : “Sao vậy ?”

Đầu đà đáp : “Hòa thượng là người xương mà kia thuộc về núi thịt, giả sử có ở thì đồ chúng chưa đủ ngàn người.”

Tổ nói : “Trong chúng của ta không có ai ở được sao ?”

Đầu đà đáp : “Xin chờ xem qua đã !”

Khi ấy Ngài Hoa Lâm Giác đang làm Đệ Nhất tòa. Tổ Trượng bảo thị giả mời đến rồi hỏi : “Người này thì sao ?”

Ông Đầu đà mời Ngài tăng háng một tiếng và đi vài bước ; rồi nói : “Không được.”

Tổ Trượng lại bảo gọi Ngài Quy Sơn khi ấy đang làm Điện tòa.

Đầu Đà vừa thấy bèn nói : “Đây chính là chủ nhân của Quy Sơn vậy.”

Tổ Trượng đem đó gọi Ngài Quy Sơn vào thất, phó chúc rằng : “Ta hóa duyên ở đây. Thắng cảnh Quy Sơn ông nên ở đó để nối tiếp Tông ta, rộng độ lớp sau.”

Ngài Hoa Lâm Giác hỏi : “Con ở địa vị đầu chúng, sao vị Điện tòa lại được trụ trì ?”

Tổ Trượng nói : “Nếu có thể ở trước đại chúng nói được một lời xuất cách thì sẽ trụ trì.”

Liên chỉ cái tịnh bình hỏi : “Không được gọi là tịnh bình thì ông gọi là cái gì ?”

Ngài Hoa Lâm nói : “Không thể gọi là khúc bông cây vậy !”

Tổ Trọng bèn hỏi Ngài Quy Sơn, Ngài đá đổ tịnh bình, bỏ đi ra.

Tổ Trọng cười rằng : “Đệ Nhất tòa thua mất hòn núi rồi vậy.”

Ngài Quy Sơn bèn sang núi kia ở, hoằng hóa thịnh hành đất Hồ Nam, gọi là Quy Ngưỡng Tông.

Nếu chẳng có cái thấy xuất cách làm sao có thể rộng hóa một phương, phân công ủy thác Phật sự như vị thái tử một nước được ? Hàng Thập Tín còn phải bỏ vọng về chân, hàng Thập Trụ thì thuần chân vậy, chỉ vì sức lực chưa sung mãn nên có giai cấp như thế.

IV. THẬP HẠNH

Kinh : “Anan, người thiện nam đó đã thành Phật Tử, đầy đủ diệu đức của vô lượng Như Lai, tùy thuận mười phương, gọi là Hoan Hỷ Hạnh.

Thông rằng : Diệu đức của Như Lai là “*Tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên*”. Ở chốn trần ai mà chẳng nhiễm nên gọi là Diệu. Đã thành con Phật đầy đủ diệu đức. Can gậy tùy thân, gặp trường sân khấu thì làm trò múa men, nên có thể tùy thuận với mười phương, lấy cái vui thích của thiền mà tự vui chơi. Hoan Hỷ Hạnh này tùy thuận với chúng sanh, phương tiện mà tiếp dẫn chính là muốn hiển phát diệu đức của Như Lai vậy. Còn cứ một bề nương bám thì diệu sao được ?

Tổ Triệu Châu trên tám mươi tuổi mà vẫn còn hành cước. Một hôm đến chỗ Ngài Vân Cư.

Tổ Cư nói : “Già cả lắm rồi sao chẳng tìm cái chỗ trụ ?”

Tổ Châu nói : “Chỗ nào trụ được ?”

Tổ Cư nói : “Trước núi có cái nền chùa xưa.”

Tổ Châu nói : “Hòa thượng tự trụ lấy !”

Sau lại đến Ngài Thù Du.

Tổ Thù Du nói : “Già cả lắm rồi sao chẳng tìm cái chỗ trụ ?”

Tổ Châu nói : “Hướng về chỗ nào trụ ?”

Tổ Du : “Già cả lắm rồi mà chỗ trụ cũng chẳng biết !”

Tổ Châu : “Ba mươi năm giỡn đùa cõi ngựa, hôm nay lại bị lừa đá !”

Ngài Vân Cư Tích nói : “Chỗ nào là chỗ Triệu Châu bị lừa đá ?”

Sau này, có vị tăng từ già Tổ Triệu Châu.

Tổ hỏi : “Đi đâu vậy ?”

Vị tăng đáp : “Kẻ học nhân định đến phương Nam học Phật Pháp.”

Tổ Châu dựng đứng cây phát tử, nói : “Chỗ có Phật chẳng được trụ, chỗ không Phật chạy mau qua ! Ngoài ba ngàn dặm gặp người, không được đề ra sai quấy !”

Vị tăng nói : “Như vậy thì không đi ư ?”

Tổ Châu nói : “Hái bông dương (liễu), hái bông dương !”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Đấm không, vương vết, tay chạm mũi dâm đều chưa phải là chỗ nạp tăng tự đến. Liền phải : chớ vào hàng quán của người, chớ ngồi giường phản ai khác. Chánh chẳng lập huyền, Thiên chẳng nương vật, mới có thể nắm-ở, buông-đi, có phần tự tại !

Chỉ có Triệu Châu đầy đủ diệu đức của vô lượng Như Lai, có phần tự do nên thường hành Hoan Hỷ Hạnh, tuy già lão mà chẳng mỏi mệt.

Kinh : “**Khéo hay lợi ích cho hết thầy chúng sanh, gọi là Nhiều Ích Hạnh.**

Thông rằng : Sự lợi ích cho chúng sanh tuôn ra từ tâm từ bi. Có tâm từ bi thì có khả năng ấy, mà lại khéo làm được. Trí đã soi khắp, dụng cũng viên dung. Lòng từ cứu độ chúng sanh mà không có ý. Chẳng kể là tài thí hay pháp thí, chỉ cốt quy về sự lợi ích cho chúng sanh hữu tình mà thôi, nên gọi là Nhiều Ích Hạnh.

Thiền sư Ngưu Đầu Dung đã được Đức Tứ Tổ thọ ký, từ đó hoàng pháp rất thịnh hành. Vào niên hiệu Vĩnh Huy đời Đường, đồ chúng thiếu lương thực, Ngài sang xứ Đơn Dương quyền gạo, cách núi tám mươi dặm. Tự mình vác bao gạo một thạch tám đấu, sáng đi chiều về cung cấp cho ba trăm vị tăng hai bữa ăn mỗi ngày. Đây thật là hay hành Nhiều Ích Hạnh vậy.

Kinh : “**Tự giác, giác tha, được không-chống-trái, gọi là Vô Sân Hận Hạnh.**

Thông rằng : Tự giác để giác tha. Có trí thế gian, có trí xuất thế gian, có trí xuất thế gian thượng thượng để đem ra nói cho người, được không có sự chống trái, như đá thả xuống nước. Đó là chỗ nói “*Gặp rồi mới truyền, cùng đẹp lòng để hiểu rõ*”, nên không có sân hận. Cái sân hận này chẳng phải tình phạm có thể so sánh. Hận là hận tất cả chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng của Như Lai mà chẳng tự biết ; mà sân là giận rằng ta chưa độ thoát cho hết.

Đức Lục Tổ có đoạn kệ :

*“Muốn định hóa độ người
 Cần tự có phương tiện
 Chớ khiến người có nghi
 Tức là tự tánh hiện
 Phật pháp tại thế gian
 Chẳng lìa thế gian ; Giác
 Lìa thế kiếm Bồ Đề
 Khác nào tìm sừng thỏ
 Chánh kiến là xuất thế
 Tà kiến là thế gian
 Tà, chánh dẹp hết ráo
 Bồ Đề tánh rõ ràng.”*

Thế nên dùng trí thế gian mà giác tha đó là cái nhân Trời, Người ; dùng trí xuất thế gian mà giác tha là nhân Bồ Đề. Độc chỉ cái Vô Thượng Bồ Đề, cả hai đều phá bỏ mới gọi là thượng thượng trí. Dùng cái trí ấy mà giác tha là cái nhân Đẳng Giác, Diệu Giác vậy.

Kinh : “Theo loài mà sanh ra, cùng tột vị lai, ba đời đều bình đẳng, mười phương đều thông suốt gọi là Vô Tận Hạnh.

Thông rằng : Theo loài mà sanh ra, được Ý Sanh Thân, tùy theo loài mà dạy dỗ, dọc cùng ba đời, ngang khắp mười phương, không đâu chẳng phải là chỗ tự giác, giác tha. Đó là chỗ nói “*Hư không có tận, nguyện ta vô cùng*” vậy.

Vào đời Thái Bình, niên hiệu Hưng Quốc, ở Kiện Dương có nhà sư tên Biện Thông dạo chơi chùa vùng núi Ngũ Đài. Vị Thượng tọa chùa này đã già, bị trong chúng khinh rẻ,

riêng một mình Biện Thông vẫn cung kính hầu hạ. Khi Biện Thông sắp về kinh sư, vị tăng già đó đưa cho ông một bức thơ, bảo tìm Bộc Hạ ở phía Bắc thành đưa giùm.

Giã từ đi, Ông Thông lên mở ra xem thì không viết gì khác, chỉ có mấy chữ : “Độ chúng sanh xong, gấp gấp trở lại, nếu gương ở lại sợ rằng tạo nghiệp.” Biện Thông rất kinh hoảng, vội dán thơ lại.

Khi đến xứ Quảng Tế, bên bờ sông nghe trẻ kêu Bộc Hạ.

Ông hỏi : “Bộc Hạ ở đâu ?”

Đứa bé chỉ con heo lớn nằm dưới chân bức tường phía Tây ngã tư đường, cổ có mang cái vòng vàng. Biện Thông hỏi : “Bác đồ tể là ai ?”

Đáp : “Nhà Triệu Sinh.”

Hỏi : “Sao tên là Bộc Hạ ?”

Đáp : “Vì chỉ ăn bạc hà nên trẻ trong xóm gọi thế. Mỗi ngày tôi làm thịt cả trăm, ngàn con, heo chạy tứ tán khó bắt, mà hễ con heo này dẫn tới thì ngoan ngoãn chịu chết, nên nuôi đã mười lăm năm nay !”

Ông bèn lấy thơ đưa cho nó, con heo ăn liền rồi bỗng đứng lên như người mà chết.

Do đây mà xét, thì ứng thân phân hóa theo loài làm sao mà suy lường được ? Giới hạn nào cho cùng ? Chúng sanh vô tận, sự độ thoát cũng vô tận, nên gọi là Vô Tận Hạnh.

Kinh : “Tất cả hợp thành đồng nhất, thủy thủy pháp môn đều không sai lầm, gọi là Ly Si Loạn Hạnh.

Thông rằng : Đã đầy đủ diệu đức của vô lượng Như Lai, tự giác, giác tha ích lợi cho đời vô tận, nào có đến nỗi

si loạn sai lầm ư ? Bởi thấy thấy pháp môn thì có đủ thấy thấy tam muội, nếu chẳng đủ con mắt pháp phân biệt thì chẳng thể phân biện. Nay tất cả đều hòa đồng mà dung hội, được sự không sai lầm. Như Khổng Tử đại thành Tập, Thanh, Nhiệm, Hòa mà đúng thời đưa ra, thì vốn lấy cái trí làm đầu. Trí ví như sự khéo giỏi, chẳng phải là sự gắng sức có thể so sánh, nên không có si loạn, ở ngay sau Vô Tận Hạnh vậy.

Tướng Quốc Bùi Hưu đề tựa cho cuốn thiền Nguyên Chư Thuyên Đô Tập của Ngài Khuê Phong Tông Mật rằng : “Những môn hạ trong các tông đều có người thấu đạt, nhưng mỗi tông đều theo chỗ tu tập của mình nên dung thông thì ít mà hạn cục thì nhiều, nên mấy mươi năm nay pháp Tổ càng băng hoại. Lấy chỗ học được làm cửa ngõ, mỗi mỗi tự khai trương, lấy kinh luận làm giáo mác công kích lẫn nhau. Tình theo cung tên mà biến cải. Pháp vào nhân ngã mà thấp cao. Phải quấy lãng xãng chẳng thể nào phân biện. Nếu các tông phái mà tranh luận nhau thì người hậu học càng tăng thêm bệnh phiền não, nào có lợi ích chi đâu !

“Đại sư Khuê Phong đã lâu than rằng : “Tôi ở thời này không thể làm thịnh vậy !”

“Ngài bèn lấy ba thứ giáo nghĩa của Như Lai để ấn chứng cho ba loại pháp môn của Thiên tông. Nung chảy thoi, mâm, trâm, vòng thành độc một thứ vàng ròng, khuấy tô lặc, dề hồ thành một vị. Nắm giềng lưới đưa lên thì mọi chỗ đều thuận theo. Căn cứ vào yếu lý dung hội thì người đến cùng theo. Còn sợ hàng học giả khó minh bạch nên lại chỉ thẳng gốc ngọn của nguồn thiền, chỗ hòa hợp của chân vọng, chỗ ẩn hiển của Không tánh, chỗ sai khác của giáo nghĩa, chỗ giống khác của đốn tiệm, chỗ hỗ tương đáp đối của che đậy và bày tỏ, chỗ sâu cạn của quyền thực, chỗ phải quấy của hạn cuộc và dung thông.

“Như Thầy tôi (Khuê Phong) quả là nâng mặt trời Phật mà soi chiếu mọi góc ngách thì các nghi ngờ, che khuất đều trừ sạch. Thuận tâm Phật mà ban rải đại bi, tốt kiếp đều được lợi ích. Vậy thì Đức Thế Tôn là giáo chủ khai mở giáo pháp, Thầy tôi là người dung hội giáo pháp, gốc ngọn phù hợp nhau, xa gần soi rọi nhau. Có thể nói là “hoàn tất cái công việc một đời truyền giáo của Như Lai” vậy.

“Hoặc có người hỏi : “Từ Đức Như Lai chưa hề có tổng hợp mà thông suốt, nay một phen làm trái với tông thú mà chẳng chịu giữ, bỏ sự quan phòng mà chẳng chịu trông nom thì há chẳng trái với Đạo bí tàng thâm hợp ư ?”

“Xin đáp rằng : “Đức Như Lai tuy ban đầu nói riêng ba thừa, về sau mới thông thành một Đạo. Bởi thế trong kinh Niết Bàn, Bồ tát Ca Diếp thưa : “Chư Phật có mật ngữ, không có chỗ chứa giấu bí mật !” Đức Thế Tôn mới khen rằng : “Lời nói của Như Lai mở tỏ rõ ràng, thanh tịnh không che lấp. Người ngu chẳng hiểu, gọi đó là bí mật chứa giấu. Người trí rõ thông thì chẳng gọi là chứa giấu.” Đây là chứng cứ vậy. Bởi thế vương đạo hưng thịnh, thì cửa ngõ chẳng phải đóng, chỉ cần giữ chốn biên cương. Phật đạo đầy đủ thì các pháp tự tổng trì mà chỉ đề phòng ma ngoài. Chẳng nên giữ lấy tình chấp, mà tranh cãi lẫn nhau vậy.”

Như Ông Bùi Hưu, đắc pháp nơi Tổ Hoàng Bá, rõ việc hướng thượng mà lại không bỏ một lối cát đằng của Ngài Khuê Phong quả có thể nói là “tất cả hòa đồng, được không sai lầm” vậy. Là người sanh trở lại ư ?

Kinh : “Ở ngay trong cái Đồng mà hiện ra các cái Khác. Mỗi mỗi tướng Khác đều mỗi mỗi thấy Đồng, gọi là Thiện Hiện Hạnh.

Thông rằng : Đã lìa si loạn ắt lý sự vô ngại. Tức lý, tức sự ắt đồng chẳng ngại khác vậy. Tức sự, tức lý ắt khác chẳng ngại đồng. Ở trong thể hòa đồng, chẳng ngại hiển ra cái Khác. Ở trong chỗ khác tướng, lại mỗi mỗi thấy Đồng. Hiện đồng, hiện khác cả hai đều chẳng ngăn ngại nhau. Đó chỉ vì không si loạn, tách bạch rõ ràng cùng cực mấy tư mới có thể biến hiện như thế, nên gọi là Thiện Hiện Hạnh.

Tổ Quy Sơn đang cho quạ ăn, quay đầu thấy Ngài Ngưỡng Sơn, bèn nói : “Hôm nay vì nó mà thượng đường một phen.”

Ngưỡng Sơn : “Con cũng tùy lệ được nghe !”

Tổ Quy : “Nghe việc ấy thế nào ?”

Ngưỡng Sơn : “Quạ kêu tiếng quạ, bồ cật kêu tiếng bồ cật !”

Tổ Quy : “Sao lại còn thanh sắc ?”

Ngưỡng Sơn : “Hòa thượng mới nói gì thế ?”

Tổ Quy : “Ta chỉ nói vì nó mà thượng đường một phen.”

Ngưỡng Sơn : “Vì sao lại gọi là thanh sắc ?”

Tổ Quy : “Tuy nhiên như thế, nghiệm suốt qua rồi thì không ngại.”

Ngưỡng Sơn : “Đại sự nhân duyên nghiệm ra làm sao ?”

Tổ Quy đưa nắm tay lên.

Ngưỡng Sơn : “Rốt cũng chỉ Đông vẽ Tây.”

Tổ Quy : “Ông vừa hỏi cái gì thế ?”

Ngưỡng Sơn : “Hỏi Hòa thượng đại sự nhân duyên.”

Tổ Quy : “Vì sao lại gọi là chỉ Đông vẽ Tây ?”

Ngưỡng Sơn : “Vì vướng nơi thanh sắc nên con mới hỏi qua.”

Tổ Quy : “Thật chưa hiểu rõ chuyện này.”

Ngưỡng Sơn : “Như sao là được hiểu rõ chuyện này ?”

Tổ Quy : “Huệ Tịch thanh sắc, lão tăng Đông Tây.”

Ngưỡng Sơn : “Một mặt trăng ngàn con sông, Thế chẳng phân theo nước !”

Tổ Quy : “Vậy nên thế nào mới được ?”

Ngưỡng Sơn : “Như vàng với vàng rất không khác sắc, huống có khác tên ?”

Tổ Quy : “Vậy thì cái đạo lý không có khác tên là thế nào ?”

Ngưỡng Sơn : “Thoi, mâm, trâm, vòng làm quách cái chậu bồn.”

Tổ Quy : “Huệ Tịch nói thiền như sư tử rống, làm các loài chồn cáo, giả can kinh hoảng tứ tán.”

Xem cha con Quy Ngưỡng tư lại sợi qua, trong đồng hiện khác, trong khác hiện đồng, nói đồng nói khác như hạt châu lẫn trên mâm. Đó là chơn đắc Thiện Hiện Hạnh bí mật tạng. Chẳng phải là bực mắt sáng thì có ai biết nổi !

Kinh : “Như thế cho đến mười phương hư không đầy khắp vi trần, trong mỗi mỗi vi trần hiện mười phương thế giới. Hiện vi trần, hiện thế giới, không ngăn ngại nhau, gọi là Vô Trước Hạnh.

Thông rằng : Đây là từ Thiện Hiện Hạnh mà mở rộng ra. Không những đồng, khác hỗ tương hiển lộ mà Một, Nhiều cũng hỗ tương dung thông, hiện vi trần, hiện thế giới, trong mười phương giao thiệp lẫn nhau. Trong một vi trần hiện bày mười phương cõi, gọi là hiện thế giới. Ngay chỗ hiện ra cõi không phá hoại hình tướng vi trần, gọi là hiện vi trần.

Tương tự lưới ngọc Đế Thích trùng trùng, cảnh tượng của sự sự vô ngại. Mới bắt đầu vào cảnh giới này, nên chỉ gần với vô trước, chứ chưa đến chỗ nhiệm mầu của tất cả thần hóa giải thoát thuần rỗng chẳng thể nghĩ bàn. Hạnh vô trước này thì vô trước cũng không, nên so với cái vô trước ở đoạn bảy chỗ trùng tâm hoàn toàn khác hẳn. Nếu có chút tơ hào cái chẳng bám trước chưa hết sạch thì không thể gọi là Vô, vì đã có đối đãi làm sao khỏi ngăn ngại nhau ư ?

Ngày khai đường, có vị tăng hỏi Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo : “Trời, người tụ hội, trường tuyển Phật mở, Tổ lệnh đang hành, rao bảo thế nào ?”

Tổ Cảo nói : “Chim ngu bay ngược gió.”

Vị tăng hỏi : “Khấp côi còn không nơi tìm thấy. Rõ ràng một điểm giữa tòa viên.”

Tổ Cảo nói : “Nhân gian muôn nước chảy về Đông !”

Lại có vị tăng giảnh bước ra, Tổ Cảo ngăn đứng lại mà nói : “Giả sử nghiền nát trái đất thành vi trần, mỗi mỗi hạt bụi có một cái miệng. Mỗi mỗi miệng đầy đủ tướng lưới rộng dài vô ngại, phát ra vô lượng sai biệt âm thanh. Mỗi mỗi âm thanh phát ra vô lượng sai biệt ngôn từ. Mỗi mỗi ngôn từ có vô lượng sai biệt diệu nghĩa. Hàng nạp tăng nhiều như số vi trần trên, mỗi vị đều đầy đủ miệng như thế, lưới như thế, âm thanh như thế, ngôn từ như thế, diệu nghĩa như thế, cùng lúc đưa ra trăm ngàn vấn nạn, mỗi mỗi vấn nạn khác nhau, chỉ như một tiếng ho hen của lão tăng là đáp xong hết một lượt. Thừa khi ở tại giữa ấy, làm vô lượng vô biên Phật sự rộng lớn cùng khắp pháp giới. Đó là chỗ nói “*Trong một mảy lông hiện thần biến, tất cả Phật cùng thuyết, trải khắp vô lượng kiếp không cùng ngăn mé*”. Bèn như thế là xong.

“Còn làm náo nhiệt trong môn đình, đứng trong chánh nhãn mà xem, đó chính là nghiệp thức mang mang không gốc rễ. Môn hạ của Tổ Sư một điểm cũng chẳng có dùng, huống là gai góc cú chương, đối đáp giỡn đùa. Chẳng những làm mai một tông thừa từ xưa, mà còn cười giỡn lỗ mũi nạp tăng. Bởi thế mà nói “*Tơ hào vương niệm, là nhân nghiệp của ba đường. Thoáng chút sanh tình là muôn năm bị trói buộc*”. Danh Thánh, hiệu phạm đều là tiếng tăm giả dối. Tướng tốt, hình hèn đều là huyễn sắc. Các ông cầu theo đó làm sao khỏi mang lụy ? Mà chán bỏ đi, lại càng đại hoạn. Hãy xem Thánh xưa bảo dạy như vậy : “Như binh khí quốc gia, bất đắc dĩ mới dùng.” Trên “việc bốn phạm”, không làm gì có chuyện ấy.

“Hôm nay sơn tăng rao bày như vậy, thật cũng giống như không mộng mà nói mộng, da thịt lành mà khoét cho thành ghẻ. Bậc hiểu biết mà đến thì quả đáng ăn gậy. Chỉ vì nay không có tay hạ được độc thủ ư ? Nếu có thì có thể báo đáp cái ân không thể báo đáp, cùng chung hoàng hóa vô vi. Như không làm ngược lệnh này, tốt rồi vậy.”

Bồng đưa cây gậy lên, nói : “Đưa ngang kiếm thần toàn chánh lệnh. Thái bình hoàn vũ, chém si ngoan !”

Dộng gậy một cái, hét một hét, liền xuống tòa.

Theo chỗ thấy của Ngài Đại Huệ thì hiện vi trần, hiện thế giới cũng chưa là kỳ đặc. Đáng nói là “*vô trước cũng không*”.

Kinh : “Mọi thứ trước mắt đều là Đệ Nhất Ba La Mật Đa, gọi là Tôn Trọng Hạnh.

Thông rằng : Hiện vi trần, hiện thế giới, hiện thân thể, hiện thuyết pháp đều chẳng ngăn ngại nhau, đều từ trong Tâm Bát Nhã tuôn ra. Sáu Ba La Mật gọi là Đáo Bỉ

Ngạn,⁽¹⁾ chỉ có Bát Nhã là tối cao đệ nhất. Bát Nhã là Đại Trí Huệ, vượt tất cả những gì tôn quý nhất nên gọi là Tôn Trọng Hạnh. Nếu chỉ nhận thấy, nghe, hay, biết, đuổi theo trần trôi lăn mà cho là diệu dụng, đó là việc phỉa "con tôi cái tớ", "trước lừa sau ngựa", chẳng có gì là tôn quý.

Tổ Cư nói : "Như người nơi mỗi thứ đều rõ. Nơi mỗi vật đều thông thì chỉ gọi là người rõ chuyện, rốt cuộc chẳng thể gọi là tôn quý. Hãy biết tôn quý là một đường tự khác. Tức đó là vật cực quý cực trọng, chẳng được rồi đem hướng về phía tôn quý. Hãy biết cái đó chẳng thể nghĩ bàn, chẳng đợi tâm mong. Bởi thế, người xưa nói : "Giống như hai tấm gương, ánh sáng mỗi bên đối nhau, quang minh cùng chiếu, chẳng hề thêm bớt há chẳng phải là một thứ sao ? Còn gọi là chuyện phỉa bên ảnh tượng. Như mặt trời mọc, chiếu sáng thế gian, một phần là sáng tỏ còn phần nửa kia gọi là gì ? Như nay người chưa rõ được bóng sáng ở nơi đầu cửa, là chuyện nông cạn bên ngoài, mà cho là chuyện trong nhà thì sao được ?"

Vị tăng hỏi Tổ Vân Cư : "Như sao là chỗ tôn trọng của Sa môn ?"

Tổ Cư nói : "Chỗ tâm thức chẳng đến."

Có vị tăng hỏi Thiên sư Quảng Lợi Dung : "Ngàn đường bật nẻo, nghĩ nói chẳng thấu thì thế nào ?"

Đáp rằng : "Vẫn còn là kẻ dưới thêm."

Hỏi : "Như sao là người trên thêm ?"

Đáp rằng : "Lâu rỗng chẳng giữ tay."

Rồi nói : "Thế nào là người tôn quý ấy ? Thử nói xem ! Chớ có ngồi mãi trên thiên sàng, gặp người khác thì chẳng

¹⁾ Đến Bờ Kia.

chịu đau. Bỗng bị bậc sáng mắt bức bách liền hướng về trong núi Thiết Vi ẩn mình. Nếu đến cửa Quảng Lợi này phải nói cho được đệ nhất cú, liền mở một mối đạo, cùng huynh đệ thương lượng.”

Khi ấy có một vị tăng bước ra lễ bái.

Ngài nói : “Sắp nói ấy là chủ tàu bè nước khác, nào hay là người buôn bán xứ này !”

Chỗ này mà chẳng thấu rõ Đệ Nhất Ba La Mật Đa thì quả khó mà thấy suốt một đường Tôn Trọng rõ ràng như lần chỉ tay.

Kinh : “Như thế viên dung, thành tựu quy tắc của mười phương chư Phật, gọi là Thiện Pháp Hạnh.

Thông rằng : Ở địa vị trước hiện vi trần hiện thế giới, mọi thứ diệu dụng đều là Đệ Nhất Ba La Mật Đa từ trong chỗ bất tư nghì tuôn ra, nên viên dung vô ngại, thành tựu quy tắc lợi sanh của mười phương chư Phật. Quy tắc ấy là Pháp vậy. Viên dung không dấu vết, đó là Thiện Pháp. Chẳng phải Thiện Pháp thì không thể độ chúng sanh. Hạnh này đã viên mãn, dần dần hướng về Bi Nguyên vậy.

Thiền sư Đại Huệ Tông Cảo thượng đường : “Muốn rõ nghĩa Phật Tánh phải xem thời tiết nhân duyên. Thời tiết đến, Lý ấy tự sáng.”

Ngài đứng đứng cây phất tử mà nói : “Có thấy không ?”

Gỗ thiền sàng nói : “Có nghe không ? Thấy, nghe rõ ràng là cái gì thế ? Như hương vào trong ấy đưa ra được thì ơn vua ơn Phật một lúc đều xong. Nếu chưa như thế thì Kính Sơn⁽¹⁾ phá dây leo cho.”

¹⁾ Đại Huệ.

Lại đưa cây phát tử lên mà nói : “Xem đây, xem đây ! Phật Vô Lượng Thọ trên đầu cây phát tử của Kính Sơn, phóng đại quang minh chiếu soi không thể nói, không thể nói, lại ở nơi cõi Phật số vi trần thế giới không nói hết chuyển đại pháp luân, làm vô lượng vô biên Phật sự rộng lớn. Trong đó, dầu phàm dầu thánh, dầu chánh dầu tà, dầu cỏ dầu cây, dầu hữu tình dầu vô tình gặp ánh sáng ấy đều đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề. Do đó, chư Phật ở đây mà đắc thì đầy đủ Nhất Thiết Chứng Trí. Chư Đại Bồ tát ở đây mà đắc thì thành tựu hết các Ba La Mật. Bạc Bích Chi, Độc Giác ở đây mà đắc, ra đời không có Phật, hiện thân thông quang minh. Các vị chúng Thanh Văn kịp tới nghinh đón năm trăm vị A La Hán, ở đây mà đắc, được tám giải thoát, đủ sáu thần thông. Trời, Người ở đây mà đắc thì tăng trưởng thập thiện. Tu La ở đây mà đắc thì trừ bỏ kiêu mạn. Địa ngục ở đây mà đắc thì đốn siêu Thập Địa. Ngạ quỷ, bàng sanh cùng bốn loại sanh, chín cách sanh, tất cả hữu tình ở đây mà đắc thì tùy theo căn tánh đều được thọ dụng.

“Phật Vô Lượng Thọ phóng đại quang minh, làm xong các Phật sự, sau đó dùng nước bốn biển lớn rưới lên đỉnh đầu Đức Phật Di Lạc mà thọ ký A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sẽ nơi ngôi Bồ Xứ làm đại Phật sự.

“Phật Vô Lượng Thọ có thần thông như thế, có tự tại như thế, có oai thần như thế, vào trong ấy, còn có biết ân, báo ân hay chăng ? Nếu có, đưa ra cho Kính Sơn này cùng xem. Nếu không, hãy nghe lấy một bài tụng :

*“Pháp giới mười phương trong miệng người
Cả thấy pháp giới tức cái lưỡi
Chỉ nhờ chót lưỡi với miệng này*

Chúc tôi, ông thọ không hở sót
 Đây ức vạn năm nhuần nguồn phước
 Như biển rộng sâu đời không cạn
 Sư tử hang, sanh sư tử con
 Phụng hoàng hản xuất Đơn Sơn động
 Là tốt là lành khắp chín trời
 Cây cỏ côn trùng trọn đẹp vui
 Đánh lễ Bất Khả Tư Nghì Phật
 Như bầy sao châu mặt trăng soi
 Khiến được rao bày vi diệu kệ
 Trong Đệ Nhất Nghĩa nói Thật Chân."

Đoạn cát đàng dây leo này của Ngài Đại Huệ hiển bày đầy đủ quy tắc của mười phương chư Phật, đủ làm nghi thức Thiện Pháp cho khắp nơi. Chỉ tiếc là lúc ấy không có một tri âm tương kiến để liền lật ngược thiền sàng, xem coi Ngài còn lời nào chỉ dạy !

Kinh : “Mỗi mỗi đều là Nhất Chân vô vi thanh tịnh vô lậu, vì tánh bốn nhiên là như thế, gọi là Chân Thật Hạnh.

Thông rằng : Toàn Tánh là tu, nên thành quy tắc. Toàn tu là Tánh, nên vốn vô vi. Rõ được Tánh vốn vô vi bèn chẳng hướng đến Bồ Đề, vì vốn tự trong sạch. Chẳng trừ phiền não, vì vốn tự vô lậu. Nhậm vận liền liền, trọn gọi là Thật Hạnh. Nếu một niệm dính vào hữu vi thì trọn chẳng phải Chân vậy. Hữu vi thuộc về tạo tác, làm sao được là bốn nhiên.

Đức Mã Tổ khai thị cho đại chúng rằng : “Đạo chẳng dùng tu, chỉ không ô nhiễm. Sao là ô nhiễm ? Hễ có tâm sanh tử tạo tác hướng theo đều là ô nhiễm. Như muốn hội thẳng vào Đạo thì bình thường tâm là Đạo. Sao là bình

thường tâm ? Không tạo tác, không thị phi, không nắm bỏ, không đoạn thường, không phạm không thánh. Kinh nói “Chẳng phải hạnh phạm phu, chẳng phải hạnh thánh hiền đó là hạnh Bồ tát”.

“Chỉ như nay đi, đứng, nằm, ngồi, ứng cơ tiếp vật trọn hết là Đạo. Đạo chính là pháp giới, cho đến hằng sa diệu dụng chẳng lọt ra ngoài pháp giới. Nếu chẳng như thế sao nói được là Tâm Địa pháp môn ? Sao nói là vô tận đẳng ? Tất cả pháp đều là tâm pháp. Tất cả danh đều là tâm danh. Muôn pháp đều từ tâm sanh. Tâm là nguồn gốc của vạn pháp. Kinh nói “Rõ tâm, thấu suốt nguồn gốc, nên gọi là Sa môn”.

“Danh bình đẳng, nghĩa bình đẳng, tất cả các pháp đều bình đẳng thuần nhất không tạp. Nếu ở trong giáo môn được tùy thời tự tại, kiến lập pháp giới thì trọn cả là pháp giới, nếu lập Chân Như thì trọn cả là Chân Như, nếu lập lý thì tất cả pháp trọn là lý, nếu lập sự thì tất cả pháp trọn là sự. Đưa lên một thì ngàn theo, lý-sự không khác, trọn hết thấy là diệu dụng, không còn lý nào khác, tất cả đều do sự xoay chuyển ứng dụng của tâm. Ví như bóng trăng có biết bao nhiêu mà mặt trăng chỉ là một cái. Các loại nước có biết bao nhiêu mà tánh nước vốn là một. Mọi thứ lập thành đều do Nhất Tâm vậy. Kiến lập cũng được, quét sạch cũng được, trọn cả là diệu dụng, đều là nhà mình, chẳng có lìa Chân Như mà có được chỗ lập. Chỗ kiến lập tức chân, trọn cả là chân thể của nhà mình. Nếu chẳng như thế lại là ai khác ? Tất cả pháp đều là Phật Pháp. Hết thấy các pháp, đó là giải thoát. Giải thoát tức là Chân Như. Các pháp chẳng ra ngoài Chân Như. Đi, đứng, nằm, ngồi chính là hoạt dụng bất khả tư nghì, nào đợi thời tiết. Kinh nói “Chốn chốn, nơi nơi ắt đều có Phật”.

“Phật là Năng Nhân, tròn trí huệ, khéo cơ quyền, hay phá trừ lưới nghi của hết thấy chúng sanh, khỏi ngoài trói buộc của hữu, vô, tình phàm thánh hết tận, nhân-pháp đều Không, chuyển pháp luân vô đẳng, siêu vượt số lượng, chỗ làm không ngại, sự-lý suốt thông. Như trời nổi mây, thoát có liền không, chẳng lưu dấu ngại. Cũng như vẽ nước thành chữ, chẳng sanh chẳng diệt. Đó là Đại Tịch Diệt.

“Trong trói buộc⁽¹⁾ có tên là Như Lai Tạng. Khởi trói buộc⁽²⁾ gọi là Thanh Tịnh Thân. Pháp Thân vô cùng, thể không tăng giảm, lớn được nhỏ được, vuông được tròn được. Ứng vật hiện hình, như trăng trong nước, lâu lâu vận dụng chẳng gieo mầm rễ. Chẳng hết hữu vi, chẳng trụ vô vi. Hữu vi là cái thường dùng của vô vi. Vô vi là chỗ nương của hữu vi. Không trụ vào chỗ nương nên gọi là Như Không Vô Sở Y.

“Nghĩa tâm sanh diệt cũng là nghĩa Tâm Chân Như. Tâm Chân Như là như gương sáng soi hình tượng. Gương ví dụ cho tâm, hình tượng ví dụ cho các pháp. Nếu tâm bám nắm pháp tức là dính lúu với nhân duyên ở ngoài, đó là nghĩa sanh diệt. Chẳng bám nắm các pháp, đó là nghĩa Chân Như.

“Thanh Văn thì nghe thấy Phật Tánh ; Bồ tát thì mắt thấy Phật Tánh. Rõ thấu vô nhị gọi là tánh bình đẳng. Tánh nào có khác nhau, dụng thì chẳng đồng. Ở mê là thức, ở ngộ là trí. Thuận với lý là ngộ, thuận với sự là mê. Mê tức là mê bốn tâm chính mình. Ngộ tức là ngộ bản tánh chính mình. Liền ngộ thì vĩnh viễn là ngộ, chẳng trở lại mê. Như mặt trời mọc chẳng hợp với tối. Mặt trời trí huệ hiện ra thì chẳng còn tối tăm phiền não.

¹⁾ Tại triển.

²⁾ Xuất triển.

“Tổ suốt tâm cùng cảnh giới, vọng tưởng liền chẳng sanh. Vọng tưởng đã chẳng sanh đó là vô sanh pháp nhẫn. Xưa có, nay có, chẳng mượn tu đạo, tọa thiền. Không tu, không tọa đó là Như Lai Thanh Tịnh Thiên.

“Như nay mà thấy lý chân chánh này thì chẳng tạo các nghiệp, tùy phận qua một đời, một thân một áo, ngồi đứng có nhau, Giới hạnh tăng huân chứa trong nghiệp sạch. Chỉ là như thế, lo gì chẳng thông. Các người đứng đã lâu. Trân trọng !”

Đại sư Mã Tổ nói về cái Bản Lai Chân Thật, không mượn tu làm, mà lại không phớt bỏ giới hạnh tăng huân chứa trong nghiệp sạch. Quả là đặc pháp yếu Viên Đốn.

Mười Hạnh như vậy chẳng rời Mười Trụ ở trước, tùy theo địa vị tiến tới thêm, không Hạnh nào mà chẳng khai thác Tánh Giác, đó là thành thực quả Phật mà thôi.

Trụ, tiếp theo đó là Hạnh chính là muốn chẳng trụ vào chỗ nương-y mà hành Bồ tát Hạnh, rõ ràng như Đại sư Mã Tổ chỉ bày. Đó mới là một vị Chân Thật Hạnh vậy.

V. THẬP HỒI HƯƠNG

Kinh : “Anan, người thiện nam ấy đầy đủ thần thông, thành tựu Phật sự rồi, thuần khiết tinh chân, xa các lỗi nạn. Hiện độ chúng sanh mà diệt dứt các tướng hóa độ. Quày tâm vô vi hướng lối Niết Bàn, gọi là Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sanh, Ly Chúng Sanh Tướng Hồi Hương.

Thông rằng : Mười Hạnh đã đủ, hiện trần, hiện sát, Một là Vô Lượng, Vô Lượng là Một, đó là thần thông. Hay thành tựu quy tắc của mười phương chư Phật, đó là Phật sự. Thuần khiết tinh chân chỉ một cái chân thật duy nhất,

trong sạch không phiền não, xa lìa các lỗi nạn ngăn ngại, có thể nói là người tự độ vậy. Cứ thế mà một đường nhắm hướng vô vi thì gọi là người rõ xong, cho nên đảm đương việc độ thoát chúng sanh. Giả sử khi độ chúng sanh mà hình tướng hóa độ chưa diệt tức là bám mắc vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Cho nên phải diệt dứt những sự làm về có cứu độ, quày cái tâm vô vi của ta, hướng về hết thấy chúng sanh kia mà cùng bước vào con đường Niết Bàn Tịch Diệt. Tự chứng Niết Bàn, tánh vốn vô vi. Hiện dẫn dắt chúng sanh hướng bước chốn Niết Bàn cũng chỉ là vô vi. Nên suốt ngày độ thoát chúng sanh mà thật không có tướng độ nào để đắc. Nếu thấy có người để cứu độ liền dính lắm hữu vi, trái ngược với đường Niết Bàn Tịch Diệt, chẳng trở về được cội gốc quyết định chẳng sanh chẳng diệt vậy. Nên diệt dứt các tướng hóa độ tức gọi là Ly Chúng Sanh Tướng Hội Hướng. Tướng độ thoát còn không có, tướng chúng sanh nào đâu có được ?

Có nhà sư hỏi Tổ Hoàng Bá : “Phật có độ chúng sanh chăng ?”

Tổ Bá nói : “Thật không có chúng sanh để Như Lai độ. Ngã còn chẳng thể đắc, phi ngã nào đâu để đắc ? Phật, chúng sanh đều chẳng thể đắc.”

Nhà sư hỏi : “Hiện có ba mươi hai tướng cho đến việc độ chúng sanh, sao nói được là không ?”

Tổ Bá nói : “Phàm hề có tướng đều là hư vọng. Như thấy các tướng chẳng phải tướng liền thấy Như Lai.”

Ông Sơn Nhân tên Sử hỏi Thiền sư Khuê Phong : “Các kinh đều nói độ thoát chúng sanh, mà chúng sanh tức phi chúng sanh thì có sao phải nhọc nhằn độ thoát ?”

Tổ Phong đáp : “Chúng sanh nếu là thật có thì độ thoát hẳn là nhọc nhằn. Còn đã tự nói *“tức phi chúng sanh”* thì nào chẳng khác độ mà không độ.”

Hợp hai chuyện trên là đủ để chú giải đoạn kinh này.

Lại như Nam Nhạc Huệ Tư Đại Thiên sư khi nghe Ngài Chí Công sai người đến bảo rằng : “Sao chẳng xuống núi giáo hóa chúng sanh mà cứ một mực làm kẻ “Đưa mắt trông mây” là sao ?”

Ngài nói : “Ba đời chư Phật bị một cái miệng của ta nuốt ráo thì còn chỗ nào có chúng sanh để độ nữa ?”

Ngài Bửu Giác Nhất tụng rằng :

*“Mắt nhìn hơi khói, nằm mây trắng
Kể gì dưới núi có càn khôn
Từ đâu lại có chúng sanh độ ?
Một miệng, ba đời Phật, nuốt luôn.”*

Ni sư Nhàn Lâm An tụng rằng :

*“Một miệng nuốt luôn Phật, chúng sanh
Mảy may chẳng lập, mới rành rành
Đầu cây (gậy) kêu dậy vâng nhật nguyệt
Khua động tam thiên núi biển mờ.”*

Như Đại sư Huệ Tư⁽¹⁾ thật đặc Ly Chúng Sanh Tướng Hội Hương vậy. Há chỉ chứng địa vị Thiết Luân mà thôi ư ?

Kinh : “Hoại diệt cái có thể hoại diệt, xa lìa các sự lìa, gọi là Bất Hoại Hội Hương.

¹⁾ Sơ Tổ Thiên Thai tông.

Thông rằng : Hoại diệt cái có thể hoại diệt tức là lia chúng sanh tướng. Xa lia các sự lia tức là chỗ lia tướng cũng lia bỏ. Hoại diệt các tướng là sở không, xa lia sự lia là năng không. Năng sở đều không mà bản giác chẳng hoại, nên gọi là Bất Hoại Hồi Hướng. Nói là bất hoại để mà phân biệt với cái ngoan không của Nhị thừa và đoạn kiến của ngoại đạo. Tuy hoại diệt các tướng mà cái bất hoại vẫn thường tồn, thế mới là Bất Hoại Hồi Hướng vậy.

Chân Thiên sư hỏi Bốn Tịnh Thiên sư : “Đạo đã vô tâm thì Phật có tâm chăng ? Phật và Đạo là một hay là hai ?”

Tổ Tịnh nói : “Chẳng một, chẳng hai.”

Thiên sư Chân hỏi : “Phật độ chúng sanh vì là có tâm. Đạo chẳng độ chúng sanh vì là vô tâm. Một độ, một chẳng độ sao lại không hai ?”

Đáp rằng : “Nếu nói Phật độ chúng sanh, Đạo thì không độ đó là Đại đức vọng sanh nhị kiến. Như sơn tăng thì chẳng thế. Phật là hư danh, Đạo cũng vọng lập, cả hai đều không thực, toàn là giả danh. Trộn trong một cái giả, làm sao phân hai ?”

Hỏi : “Phật và Đạo nếu là giả danh thế ngay khi lập danh đó là ai lập ? Nếu có người lập sao lại nói không ?”

Đáp : “Phật và Đạo nhân tâm mà lập. Suy cho cùng cái tâm lập ra này thì cũng là không. Cả hai đều chẳng thực, biết như mộng huyễn liền tổ ngộ cái Bốn Không. Gượng lập hai danh Phật, Đạo đó là kiến giải hàng Nhị thừa.”

Nhân đó nói bài kệ Vô Tu Vô Tác rằng :

*“Thấy Đạo mới tu Đạo
Không thấy lấy gì tu ?
Tánh Đạo như hư không
Hư không chỗ nào tu ?*

*Xem khắp kẻ tu hành
 Bơi lửa tìm bọt nước
 Hãy xem hình gỗ múa
 Dây đứt cả thấy ngừng.”*

Hình gỗ múa rối có thể hoại diệt, nhưng người làm cho hình gỗ múa rối chẳng thể hoại diệt, nên khi tướng chúng sanh hoại thì đó là hư không chẳng hoại, chứ chẳng phải lìa ngoài cái tướng bị hoại diệt mà riêng có cái gọi là chẳng hoại. Ngay hoại là chẳng hoại, nên gọi là Bất Hoại Hồi Hương.

Kinh : “**Bản Giác lặng trong như nhiên, Giác ấy bằng cái Giác của Phật, gọi là Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hương.**

Thông rằng : Hành tướng có thể hoại diệt, nhưng cái Biết sự hoại diệt thì chẳng hoại. Cái lìa có thể lìa, nhưng cái Biết sự lìa thì chẳng có lìa. Đây là Bốn Giác vậy. Lặng trong hợp vào lặng trong, thức tức là Trí, cũng có thể gọi là lặng trong như nhiên.

Chỗ này nói “Bản Giác lặng trong như nhiên” thì chẳng phải là chỗ không dao động của thức lặng yên vậy. Chỉ vì cái Bốn Giác này chẳng phải là thức, nên có thể ngang bằng cái Giác của Phật. Tình phạm thánh giải tất cả tiêu tan, chỉ còn một cái chân thật, nên có thể ngang với tất cả chư Phật. Tuy ngang với cái Giác của tất cả chư Phật, nhưng không phải là Đẳng Giác vì còn sự hồi hương trong đó, còn có sự tiến đến ở trong đó, nên gọi là Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hương.

Tổ Hoàng Bá nói : “Bạc Thanh Văn là do âm thanh mà đắc ngộ nên gọi là Thanh Văn. Chỉ là chẳng rõ tự tâm,

ở trên Thanh Giáo⁽¹⁾ khởi ra hiểu biết, hoặc do thần thông, hoặc nhờ tướng tốt, ngôn ngữ vận động, nghe có Bồ Đề Niết Bàn, trải qua ba tầng kỳ kiếp tu thành Phật Đạo, đều thuộc về đạo Thanh Văn, gọi là Thanh Văn Phật. Độc chỉ ngay đây tức thời rõ suốt tự tâm, xưa nay là Phật, không một pháp khá đặc, không một hạnh để tu, đó là vô thượng đạo, đó là Chân Như Phật.

“Này người học Đạo, chỉ sợ một niệm có : liền cách xa Đạo. Niệm niệm vô tướng, niệm niệm vô vi, tức đó là Phật. Này người học Đạo, như muốn thành Phật thì tất cả Phật Pháp đều chẳng dùng đến chuyện học, độc chỉ học không cầu, không bám mắc. Không cầu thì tâm chẳng sanh, không bám mắc thì tâm chẳng diệt. Chẳng sanh chẳng diệt, tức đó là Phật.

“Tám vạn bốn ngàn pháp môn để đối với tám vạn bốn ngàn phiền não, đó chỉ là cửa dẫn dắt giáo hóa, vốn thật chẳng có pháp nào. Lià tức là pháp ; biết lià, đó là Phật. Chỉ lià tất cả phiền não thì liền chẳng có pháp nào để đặc.”

Ném được mùi vị “*Biết lià là Phật*” của Tổ Hoàng Bá thì rõ ràng cái ý kinh “*Bản Giác lặng trong như nhiên, Giác ấy bằng cái Giác của Phật*”.

Lại như Ngài Huệ Siêu hỏi Tổ Pháp Nhãn : “Như sao là Phật ?”

Tổ Nhãn nói : “Ông là Huệ Siêu.”

Vị tăng hỏi Tổ Sơ Sơn : “Như sao là Phật ?”

Tổ Sơn nói : “Sao chẳng hỏi cái lão già Sơ Sơn ?”

Như lời đáp ấy là quá chừng nhiều. Thấy cốt đề tỉnh Bản Giác, thì ngay đây bình đẳng với Phật.

¹⁾ Giáo pháp dạy bằng lời nói.

Kinh : “Tinh Chân phát sáng, địa như Phật Địa, gọi là Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hương.

Thông rằng : Cái Tinh Chân của Bản Giác chẳng phải chỉ là linh nhiệm sáng suốt vững bền mà thôi, lại có thể phát sáng rải bày, bước đi để thành Địa Vị. Địa Vị như Phật Địa, đối với Trị Địa Trụ ban đầu thật khác xa vậy. Có cái thể của Chân Như toàn khắp pháp giới như thế thì cũng có ngay cái dụng của Chân Như toàn khắp pháp giới như thế. Cho nên, cái Giác của Phật cùng khắp tất cả chỗ thì cái Hành của Phật cũng cùng khắp tất cả chỗ. Có chỗ chưa khắp thì chẳng phải là Phật Địa. Đây chỉ mới có thể như Phật chứ chưa có thể là một với Phật, nên gọi là Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hương.

Vị tăng hỏi Tổ Lâm Tế : “Thế nào là Tam Nhân Quốc Độ ?”

Tổ Lâm Tế nói : “Ta cùng ông vào trong quốc độ Tịnh Diệu, mặc áo thanh tịnh, thuyết nói Pháp Thân Phật. Lại vào trong quốc độ Vô Sai Biệt, mặc áo không sai biệt, thuyết nói Báo Thân Phật. Lại vào trong quốc độ Giải Thoát, mặc áo quang minh, thuyết nói Hóa Thân Phật. Tam Nhân Quốc Độ này đây đều là Y Báo biến hóa. Theo các kinh luận gia thì lấy Pháp Thân làm căn bản, Báo Thân, Hóa Thân là dụng. Chỗ thấy của sơn tăng thì Pháp Thân chẳng mượn đến lời nói. Bởi thế Cổ nhân nói “Thân (Pháp, Báo, Hóa) y theo nghĩa mà luận, Độ căn cứ nơi Thể mà luận”. Pháp Tánh Thân, Pháp Tánh Độ rõ ràng là pháp kiến lập. Quốc độ y-thông là nắm tay không, là chiếc lá vàng để dối gạt trẻ nít. Trái tật lê, củ ấu sừng hột khô queo thì tìm nước gì đây ? Ngoài tâm không pháp, trong còn chẳng thể đắc thì cầu vật gì ?”

Thiền sư Thiên Y Hoài thượng đường : “Vô biên cõi Phật, đây kia chẳng cách hở mảy lông. Hãy nói Bất Động Như Lai ở thế giới Diệu Hỷ thuyết pháp gì đó ? Bao đời xưa nay thủy chung chẳng lìa đương niệm. Vậy như trong một hội tối sơ Phật Oai Âm Vương độ người nhiều ít ? Như thật là người suốt khắp thử nói xem !”

Giây lâu, Ngài nói : “Đường đi khó ! Đường đi khó ! Đầu núi muôn tầm ông tự thấy !”

Bởi thế, ngộ Pháp Tánh Thân, Pháp Tánh Độ cốt yếu là quay về Vô Vật,⁽¹⁾ đó là Chân Phật Địa. Nếu có chỗ đắc thì đã có nơi chốn, làm sao “Đến khắp tất cả chỗ” ?⁽²⁾

Kinh : “Thế giới, Như Lai hõ tương, dung nhập, được không chướng ngại, gọi là Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hướng.

Thông rằng : Thế giới tức là Chân Như Pháp Giới, thuộc tướng phần. Như Lai tức là Chân Như Bản Thể, thuộc kiến phần. Kiến phần và tướng phần vốn đồng một nguồn nên tuy căn trần phân minh, mà đây kia vẫn là dung nhập. Nếu kiến phần thì tướng phần ở ngay trong đó. Nếu tướng phần thì kiến phần ở ngay trong đó. Tức kiến không gì chẳng phải là tướng, tức tướng không gì chẳng phải là kiến. Thế nên, thế giới, Như Lai hõ tương dung nhập. Vốn không chướng ngại mà chẳng khỏi có chướng ngại, là cái thấy chưa dung thông vậy.

Tình chân phát sáng đến khắp mọi chốn nhưng vẫn còn ở mọi nơi chốn thấy có hai. Nay hõ tương dung nhập,

¹⁾ Xưa nay không một vật của Ngài Huệ Năng.

²⁾ Chí nhất thiết xứ.

ting chân là tất cả mọi chốn, tất cả chốn chính là ting chân. Tâm, cảnh trọn dung thông, cả hai không ngăn ngại. Lý chẳng ngại sự, sự chẳng cản lý, đầy ấp tất cả chỗ, nên gọi là Vô Tận Công Đức Tạng.

Vô Lượng Công Đức của mười Hạnh trước chỉ đủ đức ở thân, còn Vô Tận Công Đức Tạng này là kho công đức không cùng, dùng mà chẳng hết, lấy ra chẳng cạn, ấy là chỉ cái Biển Tạng Thức Như Lai vậy. Hầu như ngang bằng với Hư Không Tạng Bồ tát, thân và cõi dung nhập mà hay rộng làm Phật sự, tùy thuận chúng sanh.

Ngài Ngũ Tổ Diễn thượng dường rằng : “Ngàn núi bày xanh, bến liễu rủ vàng, lão tiều ca hát, ngư ông nhẩy múa, sênh phách rộn ràng, chim hát líu lo, người đẹp phấn hồng, công tử phong lưu, mỗi mỗi đều vì các ông mà phát tỏ cái thượng thượng cơ, mở ra chánh pháp nhãn. Nếu hướng trong ấy mà tiến cử được thì Kim Sắc Đầu đà⁽¹⁾ không chỗ dung thân. Nếu chẳng am hiểu, ăn cháo, nhai cơm, chịu cho ông bảy hang tám lỗ !”⁽²⁾

Lại như Ngài Pháp Đăng nói bài kệ :

*“Ai tin Thiên Chân Phật ?
Hưng Bi khắp vạn đường
Bờ xưa, hoa Liễu nở
Cò trắng đứng bãi vàng
Sương rơi sân cỏ mọc
Mây thâu, lạnh trăng khe
Mỗi mỗi : nơi bày chỉ
Tử tế, hãy nhìn xem.”*

¹⁾ Ngài Ca Diếp.

²⁾ Thất xuyên bát huyết.

Đây là thế giới, Như Lai chung thành một phiến. Theo đây mà ngộ nhập gọi là chân giải thoát. Dùng công đức này tiếp dẫn chúng sanh, vì thế giới vô tận nên công đức cũng là vô tận.

Kinh : “Ở nơi đồng với Phật Địa, trong ấy mỗi mỗi sanh nhân thanh tịnh. Nương nhân ấy mà phát huy, giữ lấy đạo Niết Bàn, gọi là Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hương.

Thông rằng : Đồng Phật Địa, đồng thanh tịnh, đồng Niết Bàn sao lại nương nơi nhân mà phát huy mỗi mỗi chẳng đồng ? Đó là do các thiện căn đã trồng trong những đời trước, mỗi cái do sự huân tập mà có đặc tánh riêng. Tánh thiện tuy bình đẳng mà do căn (rễ) nảy mầm, nương nhân chứng quả mà muôn vật chẳng đồng. Dầu chẳng đồng vẫn không ngại sự tự tu tự ngộ, chứng lấy Niết Bàn. Đúng là chẳng cần cố chấp một pháp môn, mỗi mỗi phải đều theo một lối.

Nói tùy thuận nghĩa là tùy theo căn cơ mà tiếp dẫn, chứ chẳng miễn cưỡng làm chỗ không thể được. Đây mới là quyền nghi lớn để độ khắp chúng sanh vậy.

Ngài Tuyết Phong ở nơi Tổ Động Sơn làm đầu bếp.

Một hôm, đang đãi gạo, Tổ Sơn hỏi : “Đãi cát bỏ gạo, hay đãi gạo bỏ cát ?”

Ngài Phong rằng : “Cát gạo đồng thời bỏ.”

Tổ nói : “Đại chúng lấy gì ăn ?”

Ngài Phong bèn đập bồn gạo lại.

Tổ nói : “Theo cái nhân duyên của ông thì hợp với Đức Sơn.”

Về sau quả nổi pháp Tổ Đức Sơn.

Ngài Đầu Tử nêu ra rằng : “Này đại chúng ! Tổ Động Sơn nói như vậy là đạo lý gì thế ? Tuy là một sắc càn khôn, khôn nổi núi cao sông rộng. Bởi thế lão đã này nói : Công phu chẳng tới, chẳng vuông tròn. Ngôn ngữ không thông chẳng phải bà con.”

Bèn thay thế, nói : “*Đãi cát bỏ gạo, đãi gạo bỏ cát* : Cây quế trường sanh không ảnh, trái qua sương tuyết kết trái đều. *Đại chúng lấy gì ăn* : Chim Kim Phụng hái bông ngậm chẳng hết, Ngọc Sô⁽¹⁾ ăn nhụy lá tươi hoài.”

Tụng rằng :

*“Hiện đây bình bát : không một vật
Há đồng Hương Tích hóa đồ ngon
Nhật nguyệt xoay hoài soi chẳng thấu
Người gõ múa tay hướng lò hồng.”*

Ngài Đầu Tử rất rành ý chỉ của Tổ Động sơn, biện biệt rất rõ ràng.

Có nhà sư hỏi Ngài Ngũ Tổ Diễn : “Thế nào là chuyện nhà Lâm Tế ?”

Tổ Diễn nói : “Kẻ phạm tội ngũ nghịch nghe sấm sét !”

Hỏi : “Thế nào là chuyện nhà Vân Môn ?”

Đáp : “Cờ hồng sáng lòe.”

Hỏi : “Thế nào là chuyện nhà Quy Ngưỡng ?”

Đáp : “Dẹp cái bia ngang lối xưa.”

Hỏi : “Thế nào là chuyện nhà Tào Động ?”

Đáp : “Đem thơ chẳng tới nhà.”

¹⁾ Chim giả bằng ngọc.

Nhà sư làm lễ.

Tổ Diễn nói : “Sao chẳng hỏi chuyện nhà Pháp Nhân ?”

Đáp : “Để lại cho Hòa thượng.”

Tổ Diễn nói : “Người đi tuần phạm tội đi đêm.”

Ở đây, thiện căn của năm Tông, mỗi Tông đều có chỗ khế hợp riêng. Chẳng phải chỉ có Tổ Động Sơn chỉ dạy Ngài Tuyết Phong đến Tổ Đức Sơn mà thôi.

Từ Tổ Huệ An ở Tung Sơn chỉ cho Ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng đến ra mắt Đức Lục Tổ, Tổ Thạch Đầu chỉ Ngài Dược Sơn ra mắt Đức Mã Tổ, rồi Đức Mã Tổ chỉ Ngài Đơn Hà đến Ngài Thạch Đầu đều là tùy thuận thiện căn bình đẳng, khiến nương nơi nhân mà phát huy, giữ lấy đường Niết Bàn. Nào có từng cố chấp theo riêng một pháp môn để chứng Cực Quả đâu ?

Kinh : “Chân Căn đã thành, mười phương chúng sanh đều là Bản Tánh của mình. Tánh tròn vẹn tự thành, không bỏ sót một chúng sanh, gọi là Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sanh Hồi Hương.

Thông rằng : Thiện căn là cái thiện căn ai cũng sẵn đủ. Nương thiện căn này, giữ lấy đường Niết Bàn thì thiện căn hóa thành Chân Căn vậy. Không còn cái thiện nào để chỉ ra, độc chỉ một cái chân thật, thể tánh viên dung toàn khắp pháp giới, nên chúng sanh mười phương đều là bản tánh của mình. Bản tánh đã tròn vẹn, đã tự thành tựu, nên gọi là Viên, không ngại mà hội với chúng sanh thành một thể, nhưng cũng chẳng bỏ mất tướng chúng sanh. Chúng sanh chưa hẳn mỗi mỗi đều thành tựu, nhưng tánh ta tròn vẹn thì không một chúng sanh nào chẳng phải là Phật Tánh.

Bởi thế tánh tròn vẹn thông suốt tự thành, cho đến không bỏ sót một chúng sanh nào cả.

Sự *Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sanh* này thì chẳng kể người, vật, thiện, ác... dưới đến các loài xuẩn động hàm linh đều có Phật Tánh. Không chỉ tùy thuận bình đẳng thiện căn mà thôi, như Ngài Thường Bất Khinh Bồ tát, gặp ai cũng lễ lạy mà nói : “Tôi chẳng dám khinh các người. Các người đương nhiên sẽ thành Phật”, thật hợp ý chỉ này.

Thiền sư Dục Vương Dụ thượng đường : “Trọn khắp đại địa là con mắt của Sa môn, khắp mười phương là ánh sáng của tự mình. Vậy thì cơ sao ở Đông Phất Du Đãi đánh trống thì Tây Cù Da Ni chẳng nghe ? Nam Thiệm Bộ Châu đốt đèn, Bắc Uất Đơn Việt vẫn tối. Dù cho hướng vào trong ấy nói được đầy đủ thì vẫn còn ở trong bóng dáng mà làm kế sanh nhai !”

Ngài rung cây phát tử, nói : “Trăm thứ tạp nhạp nát rôi, sao là một đường thoát thân ?”

Ném cây phát tử đi, nói : “Hãy tham !”

Chuyện này mà chẳng thực tham, thực chứng, làm sao trộm thấy tin tức của Chân Căn ?

Ngài Tuyết Phong dạy rằng : “Ở đình Vọng Châu đã cùng các ông tương kiến rồi ! Ở đỉnh Ô Thạch đã cùng các ông tương kiến rồi ! Trước tăng đường đã cùng các ông tương kiến rồi vậy !”

Khi ấy, có nhà sư bước ra hỏi : “Trước tăng đường hãy để đó, còn đình Vọng Châu, đỉnh Ô Thạch chỗ tương kiến là thế nào ?”

Tổ Phong hốt nhiên lui về phương trượng.

Đây là thấy được thì mới tin mười phương chúng sanh đều là bốn tánh của mình.

Kinh : “Tức cả thấy pháp, lìa cả thấy tướng. Cả Tức và Lìa đều không chỗ dính mắc, gọi là Chân Như Tướng Hồi Hương.

Thông rằng : Ở trước, nói “Lìa cả thấy tướng, tức cả thấy pháp” ấy là nơi tướng mà lìa tướng, vẫn còn có tướng của pháp vậy. Ở đây, nói “Tức cả thấy pháp, lìa cả thấy tướng” ấy là nơi pháp mà lìa pháp, quên mất cả pháp tướng vậy. Có Tức có Lìa thì tuy không có pháp tướng nhưng chẳng phải không có cái không pháp tướng, đó cũng còn là sự trừ bỏ pháp tướng. Ở đây thì đồng đều là không có, mảy tơ hết sạch, chỉ một Chân Thể như như bất động. Đó gọi là Chân Như Tướng, chẳng thể lấy các thứ tướng như tướng, pháp tướng cho đến sự trừ bỏ pháp tướng mà so sánh được.

Chỗ nói “Lìa cả thấy tướng” tức xem sự lìa tướng chúng sanh là nhiệm mật. Chỗ nói “Cả hai đều không dính mắc” tức xem sự xa lìa các thứ lìa là nhiệm mật. Đến đây thì sở tri chướng đã được trong sạch, cái Chân Tánh hiện tiền, đến không từ đâu, đi không về đâu, vốn tự như như, nên gọi là Chân Như.

Thiền sư Dục Vương Dụ thượng đường : “Khi hành bật mất dấu của hành, khi thuyết không có vết của thuyết. Hành, thuyết mà có chỗ đến ắt có đích sanh ra thì tên liền tới. Hành, thuyết chưa sáng rõ ắt mũi kiếm linh quyết đoán vạch rõ. Dù cho thuyết không có sấm lậu, hành chẳng mê nơi chốn thì vẫn còn vướng mắc ở xác thân. Nếu là đại bàng cánh vàng thì vút lên trăm ngàn do tuần. Nếu là ngựa Thần Câu thập ảnh thì ruổi nhanh bốn phương tám cõi, chẳng

cần thứ lớp ăn uống, chẳng theo chốn mà chôn thân. Tóm lại, chẳng có dựa nương thì lại có cái phần dẫm bước, thực hành không nhỉ ? Chốn chốn, mảy mảy, chính là bờ giác !”

Lời dạy này có thể nói là đặc cốt tủy Chân Như. Chỗ đó mà được siêu thoát bèn kế hợp Như Như.

Kinh : “**Thật đặc Như Như, mười phương không ngại, gọi là Vô Phược Giải Thoát Hồi Hương.**

Thông rằng : Xa lìa các tướng, chỉ một Chân Như thì gọi là Vô Phược, không trói buộc. Còn cái tướng Chân Như, ấy là còn bị cái vô phược trói buộc, chưa thể vô ngại, nên chưa là Chân Giải Thoát.

Thật đặc Như Như thì ở đâu cũng Như Như, không còn trệ ngại, ngay cái tướng Chân Như cũng quên mất. Ban đầu trừ bỏ chấp pháp gọi là Hữu Phược Giải Thoát. Nay trừ bỏ cái không chấp pháp gọi là Vô Phược Giải Thoát. Đã không có phược⁽¹⁾ để thoát thì còn có phược nào nữa ? Đã không có chỗ trói buộc thì chỗ nào chẳng Như Như ? Cái “*Mười phương không ngại*” này nếu chẳng đặc cái Tối Chân trong Chân Như thì chẳng đủ sức để nói vậy.

Ngài Lạc Phổ ban đầu làm Thị giả của Tổ Lâm Tế. Tổ thường giữa chúng khen Ngài rằng : “*Ấy là mũi tên chiếc trong môn hạ Lâm Tế, ai dám đối đầu với mũi nhọn ấy ?*”

Ngài Lạc Phổ tự cho là đã đầy đủ, từ già Tổ đi du phương về Nam.

Tổ Lâm Tế nói : “*Môn hạ Lâm Tế có con lý ngư sạch chút đỉnh, ngoáy đầu quạt đuôi hương về phía Nam, chẳng*

¹⁾ Trói buộc.

biết hướng về trong hũ dưa muối nhà nào mà chết vùi đây ?”

Ngài Lạc Phổ đi du phương xong đến thẳng Giáp Sơn dựng am, suốt năm không hỏi thăm Tổ Giáp Sơn. Tổ bèn viết thư bảo một vị tăng đưa sang. Lạc Phổ tiếp thư bèn cất luôn, lại đưa tay đòi nữa, vị tăng không đáp được.

Ngài Lạc Phổ bèn đánh mà nói : “Về nói y lại cho Hòa thượng.”

Vị tăng về kể lại cho Ngài Giáp Sơn, Tổ nói : “Ông tăng ấy mà mở thư ra thì trong ba ngày phải đến đây. Còn chẳng mở thư thì không cứu nổi ông ta rồi.”

Ba ngày sau, quả Ngài Lạc Phổ đến ra mắt Tổ Giáp Sơn, không lễ bái, ngay trước mặt Tổ mà đứng.

Tổ Sơn nói : “Gà nương ở phụng, chẳng cùng đồng loại. Lui ra !”

Ngài Phổ : “Từ xa nghe tiếng đến đây, xin thầy tiếp đón một lần.”

Tổ Sơn : “Trước mắt không có Xà lê, nơi đây không có Lão tăng !”

Lạc Phổ bèn hét : “Một chữ Vô⁽¹⁾ cũng chẳng cho lập !”

Tổ Sơn : “Chớ có hấp tấp vội vàng ! Phải biết mây, trăng thì đồng, mà núi, khe mỗi khác. Cắt đứt đầu lưỡi thiên hạ thì chẳng phải là không có, còn làm sao dạy người không có đầu lưỡi mở lời ?”

Lạc Phổ không có lời đáp.

Tổ Sơn bèn đánh. Lạc Phổ bèn khuất phục. Quả nhiên là hướng vào trong hũ dưa muối của Giáp Sơn mà chết vùi.

¹⁾ Không có.

Ngài Đầu Tử nêu lên rằng : “Đến trong ấy, làm sao đây ? Nói được một câu thì đồng thân, cùng mạng, một hơi thở, liền lá cành !”

Rồi nói thay : “Đôi phụng không mất đủ năm màu. Vọt lên trời không thấu mây xanh !”

Tụng rằng :

*“Người đá không bện đem vào núi
Mây lồng đỉnh đỏ áo lục hàn
Hét khai điếm kiếp ba chót đỉnh
Bưng áo vàng⁽¹⁾ ra, dưới nhật xem.”*

Hai câu đầu tụng ý chỉ : Dứt hết đầu lưỡi người trong thiên hạ, chỗ ẩn thân, mất dấu vết.

Hai câu sau tụng ý chỉ : Người không có lưỡi lại mở lời, chỗ mất dấu vết, chớ ẩn thân.

Cái ông Lạc Phổ lộn xộn, chỉ được một cái hàm thiết, đã bị Tổ Lâm Tế khám phá. Giả sử không gặp Tổ Giáp Sơn thì cơ hồ bị cái Vô Phước trói buộc mà tống táng một đời vậy.

Kinh : “Tánh Đức viên thành, hạn lượng về pháp giới diệt mất, gọi là Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hương.

Thông rằng : Từ Chân Như Tánh phát khởi cái đức dụng. Ba đức Lý, Trí, Hạnh đều tròn vẹn. Lý, sự vô ngại, không, có đều chẳng phải. Thành tựu thuần nhiên Một Tánh, rốt ráo không còn dấu vết. Ở trước nói “Đến tất cả chỗ” là dường còn *cái thấy có hạn lượng*,⁽²⁾ nên pháp giới tánh chưa

¹⁾ Kim lan.

²⁾ Theo chỗ có sự vật.

lìa hữu lượng. Nay hạn lượng về pháp giới diệt mất,⁽¹⁾ nên gọi là Vô Lượng.⁽²⁾

Tổ Phật Quả Khắc Cần gặp cư sĩ Trương Vô Tận, đàm luận ráo riết về yếu chỉ kinh Hoa Nghiêm.

Tổ nói : “Cảnh giới hiện lượng của Hoa Nghiêm thì lý, sự toàn chân. Ngay ban đầu đã không có giả pháp, bởi thế, ngay Một mà Muôn, rõ Muôn là Một, Một trở lại Một, Muôn trở lại Muôn, mênh mông không cùng. Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt. Cuốn, mở tự tại, vô ngại viên dung. Chỗ này tuy là tốt lý, nhưng rốt cuộc cũng là không gió mà nổi sóng vòng vòng !”

Cư sĩ này không lãnh hội nổi, lúc lắc cái giường ngồi.

Tổ Khắc Cần bèn hỏi : “Đến chỗ này thì cùng với ý Tổ Sư từ Tây sang là giống hay khác ?”

Cư sĩ : “Dạ, giống.”

Tổ Cần nói : “Hãy được cái chỗ không có giao thiệp.”

Cư sĩ có sắc giận.

Tổ Cần nói : “Chẳng nghe Vân Môn nói “Núi sông đất đai không mảy tơ lằm lổ”. Đó còn là chuyển cú. “Chẳng thấy một sắc” mới là một nửa đề. Còn phải biết cái toàn đề của thời tiết hương thượng. Các Tổ Đức Sơn, Lâm Tế há chẳng phải là toàn đề đấy sao ?”

Cư sĩ bèn gật đầu đồng ý.

Hôm sau lại bàn về Sự Pháp Giới, Lý Pháp Giới cho đến Sự Lý Vô Ngại Pháp Giới.

Tổ Khắc Cần lại hỏi : “Đây có thể nói thiên chăng ?”

¹⁾ Cõi Pháp dứt hết sự vật.

²⁾ Không có sự vật.

Cư sĩ đáp : “Chính nên nói Thiên vậy.”

Tổ cười nói : “Chẳng phải ! Chính vì còn trong cái suy lường về pháp giới nên hạn lượng về pháp giới chưa diệt mất. Nếu vào đến Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới, hạn lượng về pháp giới diệt mất, mới nên nói Thiên ! Như sao là “*Phật là que cút khô*” ? Như sao là “*Phật là ba cân gai*” ? Thế nên Tổ Chân Tịnh có kệ rằng :

*“Sự sự vô ngại
Như ý tự tại
Tay nắm đầu heo
Miệng tung tịnh giới
Lướt khỏi nhà thổ
Chưa trả nợ rượu
Đầu ngã tư đường
Mở banh túi bố !”*

Cư sĩ : “Chỗ luận bàn tuyệt thay ! Há dễ được nghe ư ?”

Như diệu nghĩa này, chẳng bàn luận sâu xa như vậy thì không thể giải bày hết yếu chỉ.

Mười địa vị Hồi Hương ở trên là hồi Chân, hương Tục, hồi Trí hương Bi khiến Chân-Tục viên dung, Trí-Bi bất nhị. Đến đây hạn lượng, tình kiến đều đã hỗn hóa, mới có thể đăng địa, chứng quả Bồ tát vậy.

VI. TỨ GIA HẠNH

Kinh : “Anan, người thiện nam đó tu hết bốn mươi một tâm thanh tịnh ấy rồi, tiếp đến thành tựu bốn thứ Gia Hạnh diệu viên : tức lấy Phật Giác dùng làm tâm mình, như ra mà chưa ra, cũng như dùi cây cho ra lửa để đốt cái cây, gọi là Noãn Địa.

Thông rằng : Bốn mươi một tâm ở trên, từ Càn Huệ đến Mười Hồi Hương lần hồi sửa trị, lần hồi điều phục, đào thải phàm tình, đã thành cùng cực thanh tịnh. Nhưng Thánh vị khó lên, Thánh quả khó chín muồi. Đến miếng đất này, “Thần” không thể xét đến, “Hóa” chẳng thể giúp tăng trưởng. An nhiên mà thông dong, chờ cái tự nó đến mà thôi vậy.

Đức Thế Tôn nhiều kiếp tu hành, suốt thấu rõ ràng chỗ huyền vi, ở đây lại lập ra bốn thứ Gia Hạnh diệu viên. Giữa khoảng sắp thành tựu và chưa thành tựu, quả thực là có bốn địa vị này, chẳng phải là Phật nhãn thì ai mà biện biệt ra được ?

Ở trước, nói “*Giác bằng cái Giác của Phật*”, ấy là ở trong tâm rõ ràng mà chưa thể dùng được. Đến đây thì “*Lấy Phật Giác dùng làm tâm mình*”, đưa lên xem ngắm mà chẳng ra, giống như dùi cây cho ra lửa mà cây chưa cháy, nên gọi là Noãn⁽¹⁾ Địa. Lửa có ra thì cũng vô tâm, dùi lâu thì cây tự cháy. Giác mà dùng thì cũng vô ý, định lâu thì huệ tự hiện, trong khoảng ấy chẳng để cho sức người góp vào vậy.

Tổ Thúy Nham Chân thượng đường, nêu lên bài tụng của Tổ Long Nha rằng : “Học đạo như dùi lửa, thấy khói chưa thể ngừng, chờ đến Kim Tinh hiện, về nhà mới đến nơi !” Và bài tụng của Tổ Thần Đỉnh rằng : “Học Đạo như dùi lửa, thấy khói có thể dừng, chờ Kim Tinh hiện, cháy cảng lại cháy dầu !”

Tổ Chân nói : “Nếu luận Đốn thì Long Nha quả ở nửa đường ! Nếu luận Tiệm thì Thần Đỉnh mới ngộ ít. Ở đây thì thế nào ? Nay các nhân giả, năm nay nhiều lá rụng, chỗ nào quét về nhà ?”

¹⁾ Noãn : ấm.

Theo chỗ thấy của Ngài Thúy Nham, cháy chẳng hết thì hiện củi, dùng chẳng hết thì hiện lửa, thế dùng sự dùi làm chi ? Tuy thế, phải là người xuất cách mới xong !

Kinh : “Lại lấy tâm mình thành chỗ hành vi của Phật. Hình như nường mà chẳng phải nường, như lên núi cao, thân đã vào hư không mà bên dưới còn chút ngăn ngại, gọi là Đảnh Địa.

Thông rằng : Chỗ thấy cùng Phật không khác, nhưng còn phải quý trọng hành vi cho tương xứng. Nếu đã có thể lấy cái Giác của Phật dùng làm tâm mình thì có thể lấy tâm mình thành chỗ hành vi của Phật. Ở nơi hổ tương đối đãi mà nói thì vì còn có cái thấy của Phật, của mình nên hình như nường mà chẳng phải nường, là thấy có quy tắc của Phật. Hình như nường nơi Phật thì đó chỉ là quy tắc của mình. Nếu không có chỗ nường, đó là hành vi của Phật không vết tích. Nay có chút so nghĩ, tính toán, bởi vì lần vết chưa mất. Giống như lên núi cao, thân đã vào hư không mà bên dưới còn chút ngăn ngại.

Cho là *nường* thì thân ở hư không nên chẳng phải nường vậy. Cho là *chẳng phải nường* thì chân còn dẫm trên đảnh nên chẳng phải là *không nường*. Sắp vào chỗ *Thần Hóa* mà còn chút đầu lông chưa tiêu dung, nên hình như có ngăn ngại. Kinh Đại Bát Nhã cho sự chấp trước hư không là Pháp Thân gọi là Đỉnh Đọa, rơi nơi đỉnh, chính thật tương đương với chỗ này.

Nhà sư hỏi Tổ Triệu Châu : “Như sao là cô đỉnh Diệu Phong ?”

Tổ Châu nói : “Lão tăng không đáp câu ấy của ông.”

Hỏi : “Vì sao không đáp câu ấy ?”

Tổ Châu nói : "Ta đáp cho ông, sợ rơi trên đất bằng."

Ý vị thay ! Rõ ràng đã đáp rồi vậy.

Về sau, hai Ngài Bửu Phước và Trường Khánh đang dạo núi.

Ngài Bửu Phước lấy tay chỉ, nói : "Chỉ trong ấy bèn là đỉnh Diệu Phong !"

Ngài Trường Khánh nói : "Đúng là như vậy thì đáng tiếc cho !"

Có nhà sư kể lại với Ngài Cảnh Thanh. Ngài Cảnh Thanh nói : "Nếu chẳng phải là bậc Tôn Công thì thấy sợ khô đầy đồng !"

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*"Diệu Phong cô đánh cỏ đầy đầy
Nêu được rõ ràng, phó chúc ai ?
Chẳng phải tôn công phân đích xác
Sợ khô đầy đất, mấy ai hay !"*

Tôn Công Trường Khánh khá tiếc cho chính là sợ rớt trên đất bằng. Nếu rớt nơi đất bằng mà thương lượng thì trước sợ khô thấy quỷ ma vô số !

Lại như Tổ Động Sơn hỏi nhà sư : "Chỗ nào đến ?"

Đáp : "Dạo núi đến."

Tổ Sơn nói : "Có đến đỉnh chẳng ?"

Đáp : "Dạ có đến."

Tổ Sơn nói : "Trên đỉnh có người không ?"

Đáp : "Không người nào."

Tổ Sơn : "Như vậy chắc chưa tới đỉnh."

Đáp : "Nếu chưa tới đỉnh sao biết là không người ?"

Tổ Sơn : “Sao chẳng ở (trụ) lại ?”

Đáp : “Tôi chẳng từ chối ở, chỉ vì Tây Thiên có người chẳng chịu.”

Tổ Sơn nói : “Vậy mà lâu nay ta lại nghi gã ấy !”

Như nhà sư này, đến đỉnh chẳng trụ thì còn gì ngăn ngại ? Tức là cái hoạn nạn *đỉnh đọa* còn không có, lo gì tai họa *đất bằng* ư ?

Kinh : “Tâm, Phật cả hai đồng, khéo được Trung Đạo, giống như người biết nhẫn nhịn, chẳng phải ôm ấp, chẳng phải phát ra, gọi là Nhẫn Địa.

Thông rằng : Tâm mình và hành vi Phật, cả hai dấu vết đều dung thông, hòa thành một thể, không còn ngăn ngại. Đã không phải *Tức Tâm tức Phật*, cũng không phải *Phi Tâm phi Phật*, chỉ nói là “*Chẳng phải vật*”, đó chỗ gọi là Trung Đạo.

Ban đầu thì ngay chính giữa mà lần vào, cho đến khi Trung Đạo thuần chân. Thứ lớp Tín, Trụ, Hạnh, Hương đến đây mới có thể khéo được Trung Đạo. Gọi là *khéo được* thì chẳng phí mấy lông công lực, ấy là đắc cái Không-chỗ-đắc. Đã không chỗ đắc thì cũng không chỗ thuyết. Như người nhẫn nhịn, đã không ôm ấp lòng nghi mà cũng không nói ra, chỉ có im lặng ẩn chứa mà thôi, nên gọi là Nhẫn Địa.

Quan Long Đồ tên là Vương Tiêu, tự là Quan Phục, một hôm ở chùa Chiêu Giác, nghe tiếng bản *ra thiền* mà có tỉnh ngộ.

Bèn hỏi Tổ Nam Đường : “Tôi có cái chỗ-thấy, bỗng bị người hỏi, lại mở miệng chẳng được, chưa rõ lỗi ở đâu ?”

Tổ Đường nói : “Lỗi tại có cái *chỗ-thấy*.”

Tổ hỏi lại : “Ông đến nhậm chức hồi nào ?”

Ông đáp : “Dạ ngày mồng Bốn tháng Tám năm ngoái.”

Tổ lại hỏi : “Ông rời nhiệm sở khi nào ?”

Đáp rằng : “Ngày Hai Mười tháng trước.”

Tổ Đường nói : “Vậy tại sao nói là mở miệng chẳng được ?”

Ông Tiêu bèn khế ngộ.

Ông Vương Long Đồ tương tự chứng Nhẫn Địa, nhờ vài câu của Tổ Nam Đường mà chỗ-thấy liền mất.

Nhưng cũng có trường hợp đã siêu quá Nhẫn Địa mà chưa thấu thoát. Như Ngài Ngũ Tổ Diễn được Ngài Phù Sơn Viễn chỉ đến ra mắt Tổ Bạch Vân Đoan. Ngài Ngũ Tổ Diễn đem chuyện nhà sư hỏi Tổ Nam Tuyên về ngọc ma ni để xin bày dạy yếu nghĩa. Tổ Đoan liền quát nạt cho. Ngài Diễn lãnh ngộ, trình bài kệ Đầu Cơ rằng :

*“Trước non một mảnh đất đai nhàn
Hầu Tổ chấp tay bạch hỏi han
Tự bán bao phen rồi mua lại
Vì thương từng trúc giỡn gió trong.”*

Tổ Đoan đặc biệt ấn khả, cho làm Tri sự trong chùa. Chẳng bao lâu, Tổ Đoan đến nói rằng : “Có mấy vị thiền khách ở Lư Sơn tới, đều có chỗ ngộ nhập. Bảo y nói, cũng nói được có mối manh. Nêu nhân duyên hỏi y, cũng bày tỏ được. Bảo y hạ một câu chuyển ngữ, cũng buông ra được. Chỉ có điều là chưa ở trong đó.”

Ngài Diễn ở chỗ này phát đại nghi, tự suy nghĩ rằng : “Đã ngộ rồi thì cũng nói được, rõ cũng đã rõ, thế sao lại chưa ở trong đó ?”

Bèn tham cứu lâu ngày, bỗng nhiên tỉnh ngộ, lòng tiếc của báu trước kia một phen buông bỏ hết, chạy đi tìm Ngài Bạch Vân Đoan. Tổ Đoan dậm chân múa tay. Ngài Diễn cũng cười xòa một tiếng mà thôi.

Tổ Diễn về sau nói với người ta rằng : “Tôi nhờ đó mà ra khỏi một xác chết, liền rõ được cái việc *chở gió trong*.”

Thế nên biết, mấy tư chưa hóa thì vẫn còn lý chướng. Bốn thứ Gia Hạnh diệu viên như thế, đâu chỉ có bốn mối ư ?

Kinh : “Số lượng tiêu diệt, sự mê, giác và Trung Đạo cả hai đều không danh mục, ấy là Thế Đệ Nhất Địa.

Thông rằng : Tâm, Phật cả hai đồng, là đã quên đây, kia ; khéo đắc Trung Đạo là đã lìa hai bên. Nhưng có hai cái đồng nhau, thế là còn *tin tức* trong đó. Đó là số lượng, đó là danh mục vậy. Số lượng là chỗ thế nhân có thể đo lường, danh mục là chỗ thế nhân có thể chỉ ra, tức là chẳng vượt khỏi thế gian.

Phật Thân là vô vi, chẳng rơi vào số lượng. Tiêu diệt số lượng đo đếm đi thì chẳng có việc rơi vào vậy. Sao gọi là tiêu diệt ? Cái gì có đồng, có khác, có mê, có giác, có được, có mất đều thuộc vào số lượng, đều có thể xếp thành danh mục. Hiện nay độc chỉ khéo đắc Trung Đạo, nên không thể cho đó là mê, lại sắp cùng với chỗ sở đắc mà quên mất, nên không thể cho đó là giác. Chẳng thể suy đoán, chẳng thể hình dung, chính là chỗ chân thật tiêu diệt mọi số lượng vậy.

Cái chỗ tình suy lượng của thế nhân có thể đến, là biết có Phật, biết có Đạo mà thôi. Nay nói : “Tâm chẳng phải Phật, Trí chẳng phải Đạo”, thì chỗ nào đâu mà suy

nghe dung thân ? Cái chỗ mà danh mục của thế nhân có thể thấy đến là đồng như vậy, đặc như vậy mà thôi. Nay nói, “Đồng không chỗ đồng, đặc không chỗ đặc”, thì chỗ nào đâu để trộm thấy cái nhiệm mầu ?”

Đến đây thì nội phạm đã hết, sắp vào Thánh vị. Chỉ có Thánh mới biết được Thánh, chẳng phải ý kiến người đời mà trộm thấy được, vì cao vượt cái cao của người đời, nên gọi là Thế Đế Đệ Nhất Địa. Nếu vào Thập Địa, đến tột Diệu Giác thì lại gọi là Xuất Thế Đệ Nhất Địa.

Có nhà sư hỏi Tổ Động Sơn : “Trong ba Thân, Thân nào chẳng sa vào số lượng ?”

Tổ Sơn nói : “Ta thường ở trong ấy không cách hở.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Chẳng nhập thế, chưa theo duyên
Kiếp bầu “Không Xứ” có gia truyền
Sông thu gió nhẹ, rau tần trắng
Bến cỏ thuyền chiều một giải sương.”*

Bài tụng này ở chỗ chẳng rơi vào số lượng lại càng thân thiết.

Thiền sư Đông An Chí kế thừa Tổ Đông An Phi. Khi sắp thị diệt, Tổ Phi thượng đường nói : “Trước Đa Tử tháp⁽¹⁾ toàn con cháu tuần tú, việc của năm vị trưởng lão tiền bối là thế nào ?”

Nói ba lần, không ai đối đáp được.

Cuối cùng Ngài Đông An Chí bước ra, nói : “Đêm sáng ngoài rèm bày trải vững, muôn dặm vui ca đạo thái bình.”

¹⁾ Chỗ Phật phân nửa tòa ngồi với Tổ Ca Diếp.

Tổ Phi nói : “Phải là cái tên lửa ấy mới được.”

Sau, khi trụ trì, có nhà sư hỏi Ngài : “Chỗ hai cơ chẳng đến, cử tướng thế nào ?”

Tổ Chí nói : “Khắp nơi chẳng gặp, trong Huyền chẳng mất.”

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Mé kia bờ nọ khó tương phùng
Vô tư hai chữ cũng không trong
Vàng hồng Tây lặn ngoài kia núi
Luống lưu cô ảnh chiếu khe đông.”*

Chỗ này thì Mê-Giác và Trung Đạo, cả hai đều không chỗ chỉ gọi, chính là chỗ hai cơ duyên chẳng đến nơi. Nhưng Ngài Đồng An Chí thì hai bên chẳng lập, Trung Đạo chẳng dừng, sắp Trung Đạo cũng chẳng ở. Thế mới là Chân Tông Vô Trước,⁽¹⁾ trong tông môn là cao tột thứ nhất. Đâu phải chỉ là Thế Đệ Nhất Địa mà thôi sao ?

VII. THẬP ĐỊA

Kinh : “Anan, người thiện nam đó trong Đại Bồ Đề, khéo được thấu suốt. Giác thông với Như Lai, suốt hết cảnh giới Phật, gọi là Hoan Hỷ Địa.

Thông rằng : Nói Đại Bồ Đề đó chính là “Một đường hướng thượng”, chỗ quan yếu của mệnh mạch chư Phật. Nơi đây mà thấu suốt, đắc đại triệt ngộ, “Thấy các tướng chẳng phải tướng, bèn thấy Như Lai”. Đã thấy Như Lai, nên suốt hết cảnh giới Phật.

¹⁾ Không dính mắc.

Cảnh giới Phật thì chỉ Phật cùng với Phật mới có thể thông suốt cùng tột, đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Lấy ba Đê⁽¹⁾ viên dung để tương ứng cũng chưa cùng tột. Trung Đạo thuần chân dương như không khác Bồ Đề, nhưng biết cái Trung Đạo chẳng an trụ, đó là Đại Bồ Đề vậy. Địa vị Hoan Hỷ Hạnh ở trước đây đủ vô lượng diệu đức, mười phương đều tùy thuận, lấy chỗ công đức mà nói, nên thuộc về Hạnh. Ở đây bèn thấu suốt Vô Thượng Bồ Đề, vượt phàm vào Thánh, đã rảo bước trong cảnh Phật, đã lên quả vị nên gọi là Địa.

Bắt đầu được sự hoan hỷ của Pháp, hỷ là do thấu suốt, đắc không có gì chướng ngại, mà thật là đắc không chỗ đắc, hỷ không chỗ hỷ, chẳng phải là cái hoan hỷ của thế tình có thể suy lường nổi.

Quan Thiêm phán Lưu Kinh Thần, nhỏ tuổi nhờ có tài mà ra làm quan, đối với Phật Pháp chưa có tin. Nhờ gặp Thiên sư Chiếu Giác Tổng chỉ dẫn nên say mê Tổ Đạo.

Khi đến kinh sư, ra mắt Thiên sư Huệ Lâm Xung, gặp lúc vị tăng hỏi Tổ Tuyết Đậu : “Như sao là bốn nguyên chư Phật ?”

Đáp rằng : “Sắc lạnh ngàn núi.”

Lời dứt, có tỉnh ngộ.

Hơn năm trời chờ bổ nhậm, ông tham học với Ngài Thiệu Sơn Cảo. Khi sắp đi nhậm chức, từ giã Ngài, Ngài căn dặn rằng : “Ông cứ thế mà dụng tâm, lo gì chẳng ngộ. Về sau hoặc có cái cảnh giới phi thường, hoan hỷ vô lượng thì thu thập cho mau. Nếu thu thập được liền thành pháp

¹⁾ Không, Giả, Trung.

khí. Nếu thu thập chẳng được, liền có bệnh chẳng an mà thành cái lỗi lầm thất tâm đó.”

Chẳng bao lâu ông lại đến kinh sư, theo Thiên sư Chánh Giác Dật mà thưa hỏi nhân duyên.

Tổ Dật nói : “Người xưa nói “*Bình thường tâm là Đạo*”. Nay ông trong mười hai thời phóng quang động địa, chẳng tự biết lấy, lại hướng ngoài chạy rông tìm kiếm, ngày càng lạ càng xa !”

Ông càng thêm nghi, chẳng hiểu.

Một đêm vào thất, Tổ Dật đem chỗ trong Truyền Đăng Lục : Quốc Vương Hương Chí hỏi Tổ Ba La Đề Tôn giả : “Cái gì là Phật ?” Tổ Đề nói : “Tánh Thấy là Phật”, ra mà hỏi ông.

Ông không nói năng được, càng nghi dữ. Bèn về chỗ ngủ, ngủ say.

Đến canh năm, tỉnh giấc, vừa chợt nhớ lại thì thấy đủ thứ tướng lạ, trong ngoài thông suốt, sáu căn chấn động, trời đất cùng quay, như mây mở trăng hiện, vui không gì hơn. Bỗng nhớ lại lời dặn dò của Tổ Thiệu Sơn khi từ biệt mà nén lại, đợi đến sáng mới thuật lại chỗ biết được.

Tổ Dật ấn chứng cho, và nói : “Lại phải dùng được mới là được.”

Ông nói : “Chẳng cần thực hành ư ?”

Tổ Dật nói : “Cái ấy là việc gì mà lại nói đến thực hành ?”

Ông lặng im khế hợp.

Về sau, có viết Phát Minh Tâm Địa Tụng tám bài, và thiên Minh Đạo Dụ Nho để cảnh tỉnh thế gian.

Như chỗ chứng của Ông Lưu, đối với Sơ Địa chưa biết ra sao, nhưng cái hoan hỷ phi thường là đã chẳng cô phụ

sự thọ ký của Ngài Thiệu Sơn. Cũng là việc hiện thân Tế Quan mà đến đó ư ?

Kinh : “Tánh Khác nhập vào Đồng, tánh Đồng cũng diệt, gọi là Ly Cấu Địa.

Thông rằng : Ở trước thì Tâm, Phật hai cái đều Đồng, số lượng tiêu diệt là chỉ quy về một cái Tánh Thiện của ta mà luận. Nay thì tánh Khác nhập vào Đồng là nêu bày chúng sanh, quốc độ đồng một Tánh đây. Rắn, rỗng lẫn lộn, phàm Thánh xen nhau, đó là cảnh giới của Bồ tát. Nếu chẳng giác thông suốt ý chỉ chẳng dơ chẳng sạch của Như Lai thì chưa dễ thấu đạt chỗ này. Nếu thấy Tánh chúng sanh là khác, tức thấy chúng sanh dơ. Nay đã nhập vào Đồng là đã lìa cái dơ của bờ mé dơ vậy. Nếu thấy chúng sanh tánh Đồng thì tánh Đồng chưa mất, ấy là pháp dơ. Nay tánh Đồng cũng diệt mất, tức là lìa cái dơ của bờ mé sạch vậy. Cái Ly Cấu Địa này là chỗ tôn trọng trong địa vị Bồ tát : dứt lìa cái dơ của bờ mé thanh tịnh, trở về bản thể vốn không dơ của Như Lai, chứ chẳng phải lấy sự lìa cái dơ của bờ mé dơ mà có thể bàn đến.

Nhà sư hỏi Tổ Thụy Nham : “Như sao là Phật ?”

Đáp : “Trâu đá.”

Hỏi : “Như sao là Pháp ?”

Đáp : “Trâu đá con.”

Hỏi : “Như vậy tức chẳng đồng ư ?”

Đáp : “Hợp chẳng được.”

Hỏi : “Vì sao hợp chẳng được ?”

Đáp : “Không có cái đồng để đồng với thì hợp cái gì ?”

Lại có nhà sư hỏi Tổ Tào Sơn : “Tuyết phủ ngàn núi, vì sao đỉnh cô chót ấy chẳng trắng ?”

Tổ Sơn nói : “Phải biết có cái khác trong cái khác.”

Hỏi : “Như sao là khác trong khác ?”

Tổ Sơn nói : “Chẳng sa vào màu sắc các núi.”

Tổ Thụy Nham khéo nói cái đồng, Tổ Tào Sơn khéo nói cái khác. Hợp hai tắc trên mà xem, ắt biết tánh khác nhập vào đồng thì không có cái đồng nào để đồng. Lìa dơ thì thành khác, hóa ra là khác ở trong khác. Ở đây há có thể lấy sự nông cạn mà nhìn vào được ư ?

Kinh : “Thanh tịnh cùng tột, sáng suốt sanh ra, gọi là Phát Quang Địa.

Thông rằng : Như tấm gương tròn lớn bụi bặm không còn, đã gọi được là thanh tịnh, nhưng chẳng phải thanh tịnh cùng tột vì còn pháp cấu.⁽¹⁾ Pháp cấu đã lìa, cái sở tri chướng sạch, rồi sau cái sáng suốt của Bốn Giác sanh ra, từ định phát huệ, tự có một phần ánh sáng rực rỡ, chẳng phải sự giác chiếu tâm thường có thể so sánh. Bài kệ ở trước đã nói : “Tịnh cực, sáng thông suốt. Lặng chiếu trùm hư không”, cảnh giới như thế thì mỗi mỗi đều tự sáng tỏ, vật vật đều tự suốt thông, há chỗ ấy còn có sự lờ mờ ư ?

Tổ Động Sơn hỏi Ông Mật Sư Bá : “Làm gì thế ?”

Đáp : “Cầm kim.”

Tổ Sơn nói : “Việc cầm kim ra làm sao ?”

Đáp : “Mỗi kim đều như nhau.”

Tổ Sơn nói : “Hai mươi năm đồng hành, lại nói lời thế ư ?”

Ông Mật hỏi : “Còn Trưởng lão thì thế nào ?”

¹⁾ Sự dơ do chấp Pháp.

Tổ Sơn nói : “Đại địa lửa phát !”

Ngài Thiên Đồng nêu rằng :

*“Đại địa lửa phát
 Trong chẳng dung sợi tóc
 Nam Hải, Côn Luân
 Trời lạnh chẳng mang vớ
 Tổ Tổ truyền nhau
 Một thứ dơ uest !”*

Đó là chỉ ra cái Chân Ngộ đã phát, liền cùng Phật, Tổ tâm tâm ấn nhau. Cái Phát Quang Địa này chẳng thể dễ dãi đàm luận.

Hòa thượng Ân Sơn có bài kệ :

*“Ba gian nhà lá xưa nay ở
 Một đạo thần quang, vạn cảnh nhàn
 Chớ đem phải quấy ra xét tới
 Phù sinh xuyên tạc, há tương quan ?”*

Chỗ Ngài nói chẳng phải là “Thanh tịnh cùng tột, sáng suốt sanh ra” đó ư ?

Kinh : “Sáng suốt cùng tột, Giác đầy khắp, gọi là Diệm Huệ Địa.

Thông rằng : Sáng suốt đã cùng tột, Giác đã đầy khắp, giống như đồng lửa lớn, đụng vào là cháy thiêu, cả thấy bóng duyên (duyên ảnh) đều thiêu tuyệt. Không chỉ nói là Huệ mà nói Diệm Huệ⁽¹⁾ là Huệ đến tột mức vậy. Cái ấy chẳng thể gần, tức là Bát Nhã Trí.

¹⁾ Huệ Cháy Sáng.

Như con trùng rất nhỏ nhặt, chỗ nào cũng đậu vào, nhưng không thể đậu trên ngọn lửa cháy sáng. Cái thức lự⁽¹⁾ chồn chồn đều duyên ra, nhưng không thể duyên ra trên Trí Bát Nhã, nên gọi là Diệm Huệ Địa.

Tổ Bàn Sơn thượng đường : “Cái tâm-nguyệt một mình tròn vẹn kia, ánh sáng nuốt muôn tượng. Ánh sáng chẳng phải chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn. Ánh sáng và cảnh đều mất, đó là vật chi ?”

Tổ Động Sơn riêng nói rằng : “Ánh sáng và cảnh chưa mất, đó là vật gì ?”

Tổ Bửu Phước đem ra hỏi Ngài Trường Khánh : “Theo hai vị thì rốt cuộc chưa tuyệt hết, vậy làm sao tuyệt hết đây ?”

Ngài Trường Khánh lặng im giây lâu.

Tổ Phước nói : “Rõ ràng ông hướng vào trong hang quý mà sanh nhai !”

Ngài Khánh hỏi : “Ông lại làm sao ?”

Tổ Phước nói : “Hai tay đỡ con trâu nước cao quá đầu gối !”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Đều mất, chưa mất, đoạt người, đoạt cảnh. Vì sao Tổ Bửu Phước không chịu Ngài Trường Khánh ? Thái bình vốn do tướng quân đem lại, chẳng để tướng quân thấy thái bình.”

Theo chỗ thấy của Tổ Bửu Phước thì Diệm Huệ Địa cũng không cho yên níu, huyền lại càng huyền vậy.

Kinh : “Hết thấy có Đồng, có Khác không thể đến được, gọi là Nan Thắng Địa.

¹⁾ Tâm luân hồi.

Thông rằng : Trí của bậc chưa vào Địa gọi là Khác, Trí của bậc đã vào địa gọi là Đồng, tức như trong chỗ vốn Đồng lại có Đồng, Khác. Lìa dơ (Ly Cấu) là thanh tịnh, mà thanh tịnh cùng tột thì sáng suốt sanh ra. Phát ra ánh sáng (Phát Quang) là sáng suốt, mà sáng suốt cùng cực thì Giác đầy khắp. Chưa đến hết mười phần thì còn có Đồng và Khác để nói ; đã đến hết mười phần thì không còn Đồng, Khác để chỉ ra. Như vàng đã có màu như cũ thì đâu còn thêm bớt, theo đâu mà chỉ ra đó là Đồng, nương đâu mà chỉ ra đó là Khác ? Đã không có cái Khác để chỉ, tức phàm tình không thể đến. Đã không có cái Đồng để chỉ, tức Thánh giải không thể đến.

Phàm tình có thể đến, ắt cái phàm được hơn thắng. Thánh giải có thể đến, ắt cái Thánh được hơn thắng. Nay thì hết thấy đồng, khác, thánh, phàm, trí, lự đều chẳng thể đến. Cái đến đã không có thì cái gì vượt thắng đây ? Nên gọi là Nan Thắng Địa.

Đức Phật nói : “Nếu như có một pháp hơn cả Niết Bàn, ta cũng nói là như mộng huyễn.”

Niết Bàn như thế là Pháp Tối Nan Thắng vậy.

Tổ Lâm Tế đến Ngài Phụng Lâm.

Ngài hỏi : “Có chuyện nhờ nhau, hỏi được chăng ?”

Tổ Tế nói : “Sao lại khoét thịt làm vết thương ?”

Ngài Lâm nói : “Biển trắng ngần không ảnh. Cá (lợi) chơi riêng tự mê !”

Tổ Tế nói : “Biển trắng đã không ảnh, cá (lợi) chơi sao lại mê ?”

Ngài Lâm nói : “Xem gió nhìn sóng dậy. Ngắm trăng mặc buồm trôi.”

Tổ Tế nói : “Cô luân⁽¹⁾ độc chiếu non sông lặng. Hú dài một tiếng đất trời sầu.”

Ngài Lâm nói : “Cứ đem “ba tác” sáng trời đất. Một câu gặp chuyện (lâm cơ) nói ra xem.”

Tổ Tế nói : “Đường gặp kiếm khách nên trình kiếm. Chẳng phải nhà thơ chẳng tặng thơ.”

Ngài Lâm bèn thôi.

Tổ Tế bèn tụng rằng :

*“Đại đạo bất động
Tùy ý Tây Đông
Lửa đá chẳng kịp
Điện quang không thông.”*

Tổ Quy Sơn hỏi Ngài Ngưỡng Sơn : “Lửa đá chẳng kịp, điện quang không thông thì từ xưa chư Thánh lấy gì mà vì người ?”

Ngài Ngưỡng nói : “Ý Hòa thượng thế nào ?”

Tổ Quy rằng : “Chỉ có lời nói, toàn không thực nghĩa.”

Ngài Ngưỡng nói : “Chẳng phải vậy.”

Tổ Quy nói : “Vậy ông thế nào ?”

Ngài Ngưỡng nói : “Quan chẳng cầm kim, riêng thông xe ngựa.”

Đại để, Lâm Tế cùng Phụng Lâm tương kiến, tuy là điển quang, lửa đá không thể ví dụ cho nổi, mà Ngưỡng Sơn lại cho là riêng thông xe, ngựa. Chính đó là chỗ nói là “Ngộ thì Ca Diếp chẳng che giấu, chẳng ngộ thì Như Lai có mật ngữ” vậy.

¹⁾ Vắng đơn độc.

Cái chỗ “Hết thầy Đồng, Khác không thể đến được” này nếu chẳng phải kế ngộ chân thật thì ai rõ được chỗ Nan Thắng của nó ư ?

Kinh : “Tánh Chân Như vô vi thanh tịnh bày lộ rõ ràng, gọi là Hiện Tiền Địa.

Thông rằng : Đồng, khác chẳng đến được, không thể tạo tác. Đã không tạo tác, đó là Chân Như. Tánh Chân Như này, nơi mê chẳng giảm bớt, nơi ngộ chẳng tăng thêm. Chỉ vì tình kiến ô nhiễm mà chẳng bày lộ rõ ràng. Duy chỉ thanh tịnh cùng tột, sáng suốt cùng tột liền “tròn vo vo, sáng rõ rõ, trong leo lẻo” không thể cầm nắm. Cái thể tịch diệt liền được hiện tiền, nên gọi là Hiện Tiền Địa.

Ngài Đại An sắp qua đất Hồng Châu, trên đường qua khỏi huyện Thượng Nguyên thì gặp một ông già bảo rằng : “Ông sang Nam Xương sẽ có chỗ đắc.”

Ngài An bèn đến Tổ Bách Trượng, làm lễ mà hỏi : “Kẻ học nhân muốn cầu biết Phật, cái ấy là gì ?”

Tổ Trượng nói : “Thật như cỡi trâu lại tìm trâu !”

Ngài An ngay nơi lời nói có tỉnh ngộ, hỏi rằng : “Biết được rồi thì như thế nào ?”

Tổ Trượng nói : “Cũng giống cỡi trâu về nhà.”

Ngài An nói : “Chưa rõ trước sau giữ gìn thế nào ?”

Tổ Trượng rằng : “Như người chăn trâu cầm roi trông coi, khiến chẳng động đến lúa mạ của người.”

Ngài Đại An từ đó lãnh nhận ý chỉ, chẳng còn tìm kiếm, sau kế pháp trụ trì ngọn Quy Sơn.

Ngài thượng đường, nói : “Hết thầy các ông đều tìm đến An này, để tìm kiếm cái gì thế ? Như muốn làm Phật,

chính ông tự là Phật. Vác Phật chạy qua nhà người, khác nào con nai khát nước đuổi theo bóng nắng, bao giờ mới được tương ứng đây ? Ông muốn làm Phật, chỉ việc không có những thứ điên đảo, bám níu, vọng tưởng, ác giác, dơ sạch là cái tâm chúng sanh, thì đó bèn là sơ tâm Phật chánh giác. Còn hướng đi đâu nữa mà toan tính ? Bởi thế mà An này ở Quy Sơn ba mươi năm, ăn gạo Quy Sơn, đi phân Quy Sơn mà chẳng học thiền Quy Sơn. Chỉ trông coi một con trâu đực, nếu lạc đường vào cỏ liền nắm mũi kéo lui, vừa phạm đến lúa mạ người liền roi vọt ngay, đã lâu điều phục. Khá thương kiếp sanh ra chịu lời lẽ của người, như nay hóa thành con trâu trắng bày lộ rõ ràng, thường ngay trước mặt, suốt ngày bày hiện sờ sờ ra đó, đuổi chẳng chịu đi.

“Này các ông, mỗi người đều hiện đang tự có vật báu vô giá, từ cửa mắt phóng ánh sáng soi suốt đất đai, sông núi. Nơi cửa tai phóng ánh sáng, gồm góp hết thảy tiếng vang lành dữ. Sáu cửa như thế, ngày đêm thường phóng ra ánh sáng rực rỡ, cũng gọi là phóng quang tam muội.

“Ông chẳng tự biết giữ lấy, nó hiện ẩn trong thân tứ đại, giúp giữ trong ngoài, khiến chẳng nghiêng ngã. Ví như người mang nặng qua cầu độc mộc, nó khiến khỏi trượt chân. Hãy nói đó là vật gì kham giữ mà được như thế ? Lại không có máy tơ để có thể thấy ! Há chẳng nghe Hòa thượng Chí Công nói : “Trong ngoài tìm kiếm rốt lại không. Trên cánh rộn ràng toàn thực có.” Trân trọng !”

Có nhà sư đến hỏi Ngài Đại Ninh Khoan : “Như sao là trâu trắng sờ sờ ?”

Ngài Khoan lấy đũa gấp lửa khươi trong lò, nói : “Hiểu ư ?”

Nhà sư nói : “Dạ, chẳng hiểu.”

Ngài nói : “Đầu chẳng thiếu, đuôi chẳng dư.”

Hai vị Tôn túc trên nói việc tánh thanh tịnh bày lộ rõ ràng một cách vui khoái, đáng cùng nhau lên Hiện Tiền Địa vậy.

Kinh : “Cùng tốt bờ cõi Chân Như, gọi là Viễn Hành Địa.

Thông rằng : Thanh tịnh chưa cùng tốt, sáng suốt chưa cùng tốt, cái Đồng, Khác có thể đến thì chẳng thể gọi là bờ cõi Chân Như. Đồng, khác đã mất, sanh diệt đã diệt, Chân Như vô vi đã bày lộ rõ ràng đã lâu, trong ngoài rỗng suốt, tốt mười phương thế giới đều là bờ cõi Chân Như, khắp hư không, đầy pháp giới, toàn thể trình bày hiển lộ thì chẳng chỉ có hiện tiền mà thôi vậy.

Lý vốn không bờ mé, cái bờ cõi không bờ mé kia mới là bờ cõi Chân Như. Chân Như không bờ mé thì hành cái Hành của Chân Như, há có xa gần ư ? Gọi đó là Viễn Hành là để rõ rằng sức người chẳng thể đến được.

Hễ cái mà hành có thể đến được thì tuy tích lũy qua năm tháng, cũng chẳng gọi là Viễn.⁽¹⁾ Chỉ cái mà hành không thể đến được mới gọi là Chân Viễn. Giống như ví dụ của Trang Tử, ở nước Kiến Đức, trông ra chẳng thấy bến bờ, đi khắp mà không chỗ cùng tốt. Tiền đưa người đi, đều đến bến bờ rồi lui, từ đây người xa vậy. Ví dụ đủ hình dung cái Địa này.

Có nhà sư hỏi Thượng Lam Hòa thượng : “Đồng tử Thiện Tài sau khi ra mắt Đức Văn Thù, vì sao lại qua phương Nam ?”

¹⁾ Xa.

Ngài nói : “Học y nơi nhập thất. Biết mới khắp suốt thông.”

Nhà sư hỏi : “Đến thành Tô Ma vì sao Đức Di Lặc trở lại bảo ra mắt Đức Văn Thù ?”

Ngài nói : “Đạo rộng không bờ, gặp người bất tận.”

Ngài Đầu Tử nêu ra rằng : “Đạo không mê, ngộ, Pháp chứng do thầy. Chẳng trụ Thánh, phạm, trang nghiêm diệu hạnh. Bởi thế Văn Thù khiến đi lên núi Tu Di, bờ biển gặp thầy, chợ triển lễ bần. Hoặc núi đao, phùng điếm, tù tội, cung ma. Hoặc đồng nữ, đồng nam, Cù Di Thánh Hậu. Di Lặc khảy móng tay, Phổ Hiền đích thân chiêm ngưỡng. Trở lại ra mắt Văn Thù lại có chuyện gì đây ? Tin thì biết : khắp nơi là bạn, đạo rộng không bờ, chẳng mờ dấu sáng, khắp chốn cùng tột nhiệm mầu. Nay các nhân giả, lại biết chằng còn có một người mà vì sao Thiện Tài chẳng đến ra mắt (tham) ? Thử nói đó là người nào ?”

Giây lâu, Ngài nói :

*“Đầy đầu tóc bạc lia hang núi
Khuya tối xuyên mây vào chợ triển.”*

Tụng rằng :

*“Mặt trời lên không, khắp thấp cao
Chi nhánh Côn Luân các sông vào
Núi xuân mây gió hòa vô tận
Nhạn bỏ về Nam đất trời sâu.”*

Đây có thể làm khuôn mẫu của Viễn Hành Địa, vì thấu suốt hết thấy pháp, cùng tột bờ cõi Chân Như vậy.

Kinh : “Một Tâm Chân Như gọi là Bất Động Địa.

Thông rằng : Cùng tột bờ cõi Chân Như, phóng ra thì khắp cùng vũ trụ. Một Tâm Chân Như, cuốn lại thì không vết. Hành không vết tích, đó gọi là Viễn Hành. Đã cùng tột bờ cõi Chân Như tức là tròn vẹn cái thể, ứng hiện muôn loài mà Chân Như chẳng động.

Cái Bất Động Địa này là trong chỗ Viễn Hành mà thấy vốn chẳng động vậy. Bờ cõi (tế) chính là Tâm, Tâm chính là bờ cõi. Mé (tế) trước, mé giữa, mé sau, ba bờ mé đều bất khả đắc. Quá khứ, hiện tại, vị lai, ba tâm đều bất khả đắc. Rốt đây toàn một Chân Như thì có cái gì là đi, gì là dừng, gì là động, gì là bất động ư ? Tuyệt không động tịnh, thế mới có thể nói là Chân Bất Động vậy.

Thiền sư Đông Kinh Tuấn ban đầu ra mắt Tổ Đầu Tử.

Tổ hỏi : “Đêm qua ngụ chốn nào ?”

Ngài Tuấn nói : “Đạo tràng bất động.”

Tổ nói : “Đã nói bất động, do gì đến đây ?”

Ngài Tuấn nói : “Đến đây há có động sao ?”

Tổ nói : “Thì vốn ngụ chỗ chẳng dính bám.”

Bèn im lặng hứa khả cho.

Tổ Tịnh Từ Phật Hạnh thượng đường, nói : “Nhận qua trời không, ảnh lồng nước lạnh. Nhận không có ý để lại dấu vết, nước không có tâm lưu giữ bóng hình. Được là như thế mới nên mua giày cỏ du phương. Bởi vậy, mới nói “*Động thì bóng liền hiện, biết tức thì băng sanh*” Còn chẳng động, chẳng biết thì thật ở trong *nước chết*.⁽¹⁾ Ông Lão Tiến Phúc⁽²⁾ xuất đầu chẳng được thì hãy để đó, thế ông A Dục Vương ngày nay lại làm sao ?

¹⁾ Ngoan không.

²⁾ Phật.

*Hướng đạo, chớ đi đường dưới núi
Quả nhiên vượt hú tiếng đoạn trường.*

Bất Động Địa đây cần phải tự thân thấu đến một lần mới được. Chẳng thế thì mấy ai không ngồi trong nước chết mà làm kế sống !

Kinh : “Phát cái dụng Chân Như, gọi là Thiện Huệ Địa.

“Anan, các vị Bồ tát đó từ đây về trước công hạnh tu tập đã xong, công đức viên mãn. Cũng gọi Địa này là Tu Tập Vị.

Thông rằng : Từ Tâm Chân Như phát cái dụng Chân Như. Đó là Vô Sư Trí, Tự Nhiên Trí, Nhất Thiết Trí, Tứ Vô Ngại Trí diễn nói vô lượng a tăng kỳ cú nghĩa không có cùng tận. Làm đại pháp sư khắp độ sanh linh, Trí Bi đồng vận dụng, ứng thời hợp tiết, nên gọi là Thiện Huệ.

Diệm Huệ Địa ở trước thì chỉ nói “Ánh sáng rực rỡ của chính mình”, nay Thiện Huệ Địa thì lấy thiện pháp ban bố cho người, hiển bày cái dụng của Huệ nên chẳng đồng.

Từ Viễn Hành Địa đến Bất Động Địa thì đã chứng Tịch Diệt, Vô Công Dụng Đạo sao còn gọi Địa này là Tu Tập Vị ? Vì sau Thập Địa công đức viên mãn mà so ra thì còn thiếu đôi phần nên gọi Địa này là Tu Tập Vị. Nghĩa là bắt đầu phát cái dụng của Huệ, chưa quên cái Huệ, so với Pháp Vân Địa trùm khắp không thiếu không dư, thì hình như còn khoảng cách vậy. Lại nữa, đây tu mà không tu, tập mà không tập, như thuyền sắp đến bờ, sào, chèo chẳng dùng mà vẫn còn trong sự vận hành vậy.

Ngài Ngưỡng Sơn một hôm đang nằm, mộng thấy vào nội viện của Đức Di Lạc, mọi vị trí đều đủ người, chỉ có tòa thứ hai còn trống. Ngài Ngưỡng Sơn bèn đến ngồi.

Có một vị Tôn giả bạch chùy,⁽¹⁾ nói : “Nay là Đệ Nhị Tòa thuyết pháp.”

Ngài đứng lên bạch chùy, nói : “Đại thừa pháp, lia *tứ cú*, tuyệt *bách phi*, nghe kỹ, nghe kỹ !”

Đại chúng giải tán.

Khi tỉnh dậy, Ngài kể lại cho Tổ Quy Sơn nghe.

Tổ nói : “Ông đã vào Thánh vị.”

Ngài bèn làm lễ.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Mộng về được dịp thăm kỳ cưu
 Bên phải chư Thánh ngồi thật đông
 Từ bi chẳng sứt, đánh bản kêu
 Thuyết pháp vô úy, sư tử rống
 Tâm an như biển, lượng chứa như bầu
 Mắt cá giao lệ rơi, ruột trai phanh lòi ngọc
 Lời mộng ai hay lộ cơ ta
 Ông lão nên cười việc bày xấu nhà mình
 Lia “tứ cú” tuyệt “bách phi”
 Cha con Thầy Quy bệnh hết chữa !”*

Ngài Ngưỡng Sơn trong mộng phát cái Dụng Chân Như, nào mượn tu tập. Tổ Quy Sơn tự mình ấn chứng cho. Do đó mà biết : Nhân vị thì đã liễu, còn tín vị không đủ nói vậy.

Kinh : “Bóng Từ mây Diệu trùm biển Niết Bàn, gọi là Pháp Vân Địa.

Thông rằng : Công đức Trí Huệ viên mãn, không còn tự lợi, thuận rỗng lợi tha nên bóng mát của đại từ đầy ấp

¹⁾ Đánh bản.

khấp Pháp Giới. Vô tâm, vô duyên mà ứng với tâm duyên tất cả. Ban rải lợi ích thấm nhuần mà vốn tịch diệt không tạo tác. Như mây trùm trải vô tâm, che khắp tất cả.

Bảo rằng mây diệu tức cái diệu của Tánh Giác diệu minh. Từ vốn là tự diệu, chẳng mượn tu tập nên gọi là che trùm biển Niết Bàn vậy. Tự Tánh Niết Bàn, vốn không sanh diệt, mây từ của biển Giác xứng Tánh mà khởi ra, cũng không sanh diệt. Tất cả chúng sanh vốn ở trong Niết Bàn, lại khiến chúng sanh chứng quả Niết Bàn : như thế mà che, như thế mà trùm, không thiếu không dư mới có thể xứng là diệu vậy.

Pháp mà ví dụ như mây vì Pháp vốn vô tâm. Mây mà tương hệ với Pháp thì tức mây tức Pháp, nên chẳng nói là cái dụng của huệ mà chỉ nói là mây. Vì đã hỗn đồng tạo vật, chẳng còn cái thấy có hai.

Pháp Vân Địa này gần với Phật Địa, gọi là quán Đánh Bò tát Vị.

Đức Lục Tổ khai thị đại chúng rằng : “Này các thiện tri thức, nếu muốn thể nhập pháp giới thâm thâm cùng Bát Nhã Tam Muội, hãy tu hạnh Bát Nhã, trì tụng kinh Kim Cang Bát Nhã liền được thấy Tánh. Phải biết kinh này công đức vô lượng vô biên, trong kinh rõ ràng tán thán không thể nói hết. Pháp môn đây là Tối Thượng thừa, vì người đại trí mà nói, vì người thượng căn mà nói. Người ít căn, ít trí nghe qua sanh lòng chẳng tin. Vì sao thế ?

“Ví như rồng lớn làm mưa ở cõi Diêm Phù Đề thì thành, ấp, xóm làng thấy đều trôi hết như cỏ lá trôi dạt, nhưng mưa ở biển lớn thì chẳng thêm chẳng bớt. Như người Đại thừa, như người Tối Thượng thừa nghe thuyết kinh Kim Cang thì Tâm khai tỏ ngộ. Do đó mà biết bốn tánh tự có

trí Bát Nhã, tự dùng trí huệ thường quán chiếu, không mượn nhờ văn tự. Ví như nước mưa, chẳng phải từ trời mà có, nguyên là do rồng tạo ra, khiến hết thấy chúng sanh, hết thấy thảo mộc, hữu tình, vô tình đều được thấm nhuần. Trăm sông, ngàn suối đều vào biển cả, hợp làm một thể. Bản tánh chúng sanh tức là trí huệ Bát Nhã cũng lại như thế.

“Này các thiện tri thức ! Người căn ít nghe qua Đốn Giáo này đây thì cũng như cỏ cây, căn tánh nhỏ mà bị mưa lớn ắt đều nghiêng ngã, chẳng thể tăng trưởng. Người ít căn cũng như vậy đó, vốn có Trí Bát Nhã không khác gì người đại trí, vậy có sao nghe pháp chẳng tự khai ngộ ? Bởi vì tà kiến nặng nề ngăn ngại, gốc rễ phiền não sâu dày. Giống như đám mây lớn che mặt trời, nếu không được gió thổi đi thì ánh sáng mặt trời chẳng hiện.

“Cái trí Bát Nhã vốn không có lớn, có nhỏ. Chỉ vì tất cả chúng sanh tâm họ mê ngộ chẳng đồng. Mê lầm cái Tâm, ở ngoài mà thấy, tu hành tìm Phật, chưa ngộ tự tánh tức là căn ít. Như khai ngộ đốn giáo, chẳng chấp vào bên ngoài mà tu, chỉ trong tự tâm thường khởi chánh kiến, trần lao phiền não thường chẳng có thể nhiễm dính, tức là thấy tánh.

“Này các thiện tri thức, trong ngoài chẳng trụ, đến đi tự do, hay trừ tâm bám nắm, thấu suốt không ngại. Thường tu hạnh này thì cùng với kinh Bát Nhã vốn không có gì sai khác.”

Đức Lục Tổ chẳng biết một chữ mà thuyết pháp như mây, như mưa. Lại có thể phân biệt chỗ khác nhau của căn khí lớn, nhỏ nơi người nghe pháp, cũng đủ bổ sung chỗ chưa nói rõ thêm về Bạc Thập Địa vậy.

VIII. ĐẲNG GIÁC VÀ DIỆU GIÁC

Kinh : “Như Lai ngược dòng, còn vị Bồ tát như thế thuận dòng mà đến. Ranh giới của Giác thể nhập vào nhau, gọi là Đẳng Giác.

“Anan, từ Tâm Càn Huệ đến Đẳng Giác rồi, cái Giác này mới được Sơ Càn Huệ Địa trong Tâm Kim Cương.

Thông rằng : Quyền trí (Hậu đắc trí) của Như Lai, xuống tùy theo cơ cảm nên ngược dòng mà ra. Thực trí của Bồ tát (Căn bản trí) lên mà hợp với Giác Tâm nên thuận dòng mà vào. Kinh Anh Lạc nói : “Đẳng Giác chiếu tịch, Diệu Giác tịch chiếu”, tức là nghĩa này. Ranh giới của hai Giác nên gọi là nhập vào nhau. Thể nhập vào nhau tức là tiếp hợp với dòng nước pháp của Như Lai vậy. Bèn ở chỗ này gọi là Đẳng Giác Vị, tức nói cái Giác cùng Như Lai bình đẳng không sai khác, chỉ chưa cùng tột trong chỗ Diệu đó thôi. Tức thời từ biển đại tịch diệt ngược dòng mà ra, Diệu đồng khắp vạn vật, mới gọi là Diệu Giác.

Sơ Càn Huệ Địa trong Tâm Kim Cương tức là Tâm Càn Huệ ở trước, sao đến đây mới được ư ? Chưa cùng dòng nước pháp tiếp hợp thì chỉ mới có cái không kiến về thể. Đã cùng dòng nước pháp tiếp hợp mới là chứng nghiệm cái thật. Như ánh sáng của trăng non đã lộ ít nhiều hình tướng tròn sáng, vốn chẳng phải thiếu kém, rồi đến lưỡi liềm, rồi đến trăng rằm mới đầy đủ tướng tròn sáng. Đó cũng chỉ là tướng tròn sáng lúc mới thấy ban đầu, chẳng phải là hai vậy.

Kim cương là nói do phá tan các pháp mà có tên. Các pháp có thể phá hoại, độc chỉ cái huệ kim cương này không thể phá hoại. Ở trước là muốn tu tập cái Sơ Càn thuần là trí huệ, trí huệ đó không hai, chỉ có cái khô (càn) là không

cùng tận. Từ địa vị Thứ Mười trở về trước, cứ lấy một địa để phá hoại một địa, cho đến khi không có một pháp nào để đắc, nên nói : “Cái Giác này mới được Sơ Càn Huệ Địa trong Tâm Kim Cương”. Kinh Niết Bàn nói *“Phát tâm và rốt ráo, hai cái chẳng khác nhau”*, là nói chỗ này ư ?

Nhà sư hỏi Tổ Hoàng Bá : “Tâm xưa nay đã là Phật lại còn tu lục độ vạn hạnh không ?”

Tổ Hoàng Bá nói : “Ngộ ở nơi tâm, chẳng liên quan gì lục độ, vạn hạnh. Lục độ, vạn hạnh là chuyện bên phía tiếp vật độ sanh của pháp hóa độ. Giả sử Bồ Đề, Chân Như, Thực Tế, Pháp Thân giải thoát cho đến Thập Địa, Thánh Vị, Tứ Quả cũng đều là pháp môn hóa độ, chẳng liên quan gì đến Phật tâm. Tâm tức là Phật, bởi thế trong tất cả độ môn thì Phật tâm là đệ nhất. Chỉ không có hết thấy các tâm phiền não, sanh tử... thì chẳng dùng chi các pháp Bồ Đề, giải thoát... Bởi thế, nói rằng *“Phật thuyết tất cả pháp để độ cho tất cả tâm của mình. Mình không có tất cả tâm thì đâu dùng tất cả pháp”*.

“Từ Phật đến Tổ, đều chẳng luận bàn việc gì khác. Độc chỉ luận Nhất Tâm, cũng gọi là Nhất Thừa. Bởi thế, mười phương cầu chân thật thì không còn thừa nào khác. Chỉ những người chân thật đó mới không lạc vào cành lá rườm rà. Thế nên ý này khó tin !”

Đức Đạt Ma qua đất này, đến hai nước Lương, Ngụy chỉ có một mình Khả Đại sư thầm kín tin lấy tự tâm, ngay nơi lời nói liền trực nhận tức tâm là Phật, thân tâm đều không, ấy là đại đạo. Đại đạo xưa nay bình đẳng, do vì tin sâu trọn hết sanh linh đồng một chân tánh. Tâm với tánh chẳng khác nhau, tức tánh tức tâm. Tâm chẳng khác tánh, gọi đó là Tổ. Bởi thế nói rằng “Khi nhận được tâm tánh có

thể nói là không thể nghĩ bàn. Chính cái tâm chẳng khác tánh ấy gọi đó là Tổ”.

Có thể thấy rằng khi cái cảnh tượng *ranh giới Giác Ngộ thể nhập vào nhau* thì mọi thêm bậc trước kia hoàn toàn không liên quan gì nữa, chỉ là Nhất Tâm, cùng Phật không khác.

Kinh : “Lớp lớp như vậy, đơn hay kép mười hai địa vị, mới cùng tột Diệu Giác, thành Vô Thượng Đạo.

Thông rằng : Đơn có bảy địa vị, đó là Càn Huệ, Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất, Đẳng Giác và Diệu Giác.

Kép có năm địa vị, đó là Tín, Trụ, Hạnh, Hưởng và Địa.

Mỗi địa vị lại có mười bậc nên gọi là kép. Lớp lớp như vậy, tiệm tu tiệm chứng, gồm tất cả mười hai tầng bậc mới đến Diệu Giác mà thành vô thượng đạo. Nên bậc Đẳng Giác vẫn còn ở địa vị Thứ Mười Một nên chưa cùng tột, chỉ có địa vị Thứ Mười Hai mới cùng tột vậy.

Cái Diệu này há có thêm cho Càn Huệ ư ? Thật ra chỉ là Càn Huệ nhưng chà xát lau chùi cho rứt rỡ trong treo thì hiển bày cái Diệu. Hiệp Luận nói : “Ba đời chư Như Lai trao truyền cái pháp thức tu chứng cho tất cả Bồ tát : Chọn lựa lực dụng sâu cạn, phân biệt các chỗ sai biệt của các địa vị. Bắt đầu từ Thập Tín nhưng vì cái Tín này còn thuộc sanh diệt nên phải trụ tâm, bèn lập ra Thập Trụ. Lại vì Trụ còn thiếu vốn liếng để phát khởi cái dụng của phương tiện nên thành tự hạnh tâm, bèn lập ra Thập Hạnh. Lại vì Hạnh này mới chỉ tự lợi, chưa phổ cập đến chúng sanh, nên bày ra Hồi Hưởng, bèn lập ra Thập Hồi Hưởng.”

Từ Thập Tín cho đến Trụ, Hạnh, Hồi Hưởng là địa vị Tam Hiền. Lại từ Tam Hiền thì lên Sơ Địa, vì đại từ đại bi

phát sanh, được nuôi dưỡng sum xuê tươi tốt cho thành tựu mà có tên là Địa. Ở Sơ Địa mới có thể chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, cho đến hết Thập Địa, do công hiệu mài sát, tôi luyện các tập khí còn sót bèn đồng đẳng với Chân Như Bản Giác, nên gọi là Đẳng Giác. Giống như Kinh Dịch nói “*cùng thân tri hóa*” vậy. Đến khi nhập Diệu Giác thì chỉ Một mà thôi, không có tướng nào nữa. Như chỉ nói là Thần thôi vậy.

Chỗ đặc biệt của kinh này là trước Thập Tín có thêm Càn Huệ Địa, trước Thập Địa lại thêm Noãn, Đánh, Nhãn, Thế Đệ Nhất Địa.

Kinh Hoa Nghiêm, ở Thập Trụ nói là chứng Vô Sanh Pháp Nhãn. Các kinh khác thì nói chứng Vô Sanh Pháp Nhãn ở Thập Địa. Tất cả còn ở trong số năm mươi lăm địa vị. Đức Thế Tôn ở chỗ này bèn lập ra ba món tiệm thứ, chứng Vô Sanh Pháp Nhãn. Ba món tiệm thứ là phương tiện an lập, ra ngoài số năm mươi lăm kia. Ý của Đức Thế Tôn là muốn khai thị theo phàm phu để có thể thật chứng Pháp vậy.

Tổ Hoàng Bá nói với Ông Bùi Hưu rằng : “Phật cùng chúng sanh thật không sai khác. Chỉ vì chúng sanh bám tướng cầu ngoài. Càng cầu càng thêm mất, đem Phật mà tìm Phật, lấy tâm mà bắt tâm, cùng kiếp hết đời, rốt chẳng thể được. Chẳng biết là dứt nghĩ quên suy thì Phật tự hiện tiền. Tâm đây chính là Phật. Phật tức là chúng sanh. Khi là chúng sanh, tâm đây chẳng giảm. Khi là Phật, tâm đây chẳng thêm. Cho đến hằng sa công đức, lục độ, vạn hạnh vốn tự sẵn đủ, chẳng nương mượn tu để có thêm. Gặp duyên thì bày trái, hết duyên thì lặng yên.

“Nếu chẳng quyết định tin đây là Phật mà muốn bám tướng tu hành để cầu công dụng, đó đều là vọng tướng,

cùng với Đạo tự trái. Tâm đây tức là Phật, chẳng có Phật nào khác, cũng chẳng có tâm nào khác. Tâm này sáng sạch, dường như hư không, không có một điểm tướng mạo. Khởi tâm, động niệm liền trái pháp thể, tức liền bám tướng. Từ vô thủy đến nay không có Phật bám tướng ! Tu lục độ, vạn hạnh muốn cầu thành Phật tức là thứ lớp. Từ vô thủy đến nay không có Phật thứ lớp ! Chỉ ngộ Nhất Tâm, rốt không chút pháp gì khá đặc, đó là Chân Phật.

“Phật cùng chúng sanh, Một Tâm không khác. Giống như hư không, không xen tạp, không hư hoại. Như mặt trời chiếu khắp bốn thiên hạ. Khi mặt trời lên cao, sáng khắp thiên hạ, hư không chẳng hề sáng. Khi mặt trời lặn, tối khắp thiên hạ, hư không chẳng hề tối. Cảnh sáng cảnh tối tự lẩn đoạt nhau, cái tánh của hư không rộng nhiên chẳng đổi. Tâm của Phật cùng chúng sanh cũng như thế. Nếu xem thấy Phật cho là cái tướng trong sạch, sáng rõ, giải thoát ; xem thấy chúng sanh cho là tướng dơ bẩn, tối tăm, sanh tử, khởi cái thấy hiểu như vậy thì trải qua hằng sa kiếp rốt cuộc chẳng nắm được Bồ Đề, vì bám tướng vậy. Độc chỉ Nhất Tâm đây, ngoài ra chẳng có vi trần pháp nào có thể đặc. Tức Tâm là Phật !”

Nhiệm mâu thay ! Nhiệm mâu thay ! Chẳng phải Tổ Hoàng Bá thật chứng Diệu Giác, không rơi vào tầng bậc thì làm sao thông suốt như thế ? Được lời dạy này mà lưu lại, để gần với ý chỉ Viên Đốn của kinh này bởi cả hai chẳng ngại nhau vậy.

Kinh : “Các thứ Địa này đều dùng Trí Kim Cương quán sát Như Huyền mười thứ ví dụ sâu xa. Trong Xa Ma tha (Chỉ) dùng Tỳ Bà Xá Na (Quán) của chư Phật mà thanh tịnh tu chứng, lần lượt thâm nhập.

“Anan, như thế đều dùng ba tiệm thứ tăng tiến, khéo có thể thành tựu năm mươi lăm Vị của con đường Bồ Đề Chân Thật.

“Làm cái Quán như vậy, gọi là Chánh Quán. Nếu Quán khác đi gọi là Tà Quán.”

Thông rằng : Mười thứ ví dụ sâu xa là nên Quán rằng :

1. Hết thấy nghiệp như huyễn ;
2. Hết thấy pháp như bóng hơi nóng⁽¹⁾ ;
3. Hết thấy tánh như bóng trăng trong nước ;
4. Sắc diệu như hư không ;
5. Tiếng diệu như vang ;
6. Quốc độ chư Phật như thành Càn Thát Bà ;
7. Phật sự như mộng ;
8. Phật Thân như ảnh ;
9. Báo Thân như hình tượng ;
10. Pháp Thân như hóa.

Tất cả đều không thể nắm, bỏ bởi vì tất cả Không vậy. Thâm nhập cái Không này mới gọi là thật tướng. Đây chẳng phải là cái Pháp làm ra nên vốn không hoại diệt. Nếu khác với cái Quán này tức là pháp sanh diệt. Ở đây không chỉ quán pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt nước, bóng dáng mà cho đến quán Pháp Thân Phật cũng như mộng, huyễn, bọt nước, bóng dáng nên là ví dụ thâm sâu.

Quán sát như thế thì chẳng phải quán pháp của Tiểu thừa có thể so được, mà đó là Diệu Quan Sát Trí của Như

¹⁾ Diệm.

Lai, sẵn đủ Kim Cương Huệ : do Tịch nên Chiếu, do Chỉ nên Quán. Giống như nước thật trong chẳng nhiễm một chút bẩn, như gương tốt sạch chẳng dung một hạt bụi. Lấy đó mà tu thì tu mà không tu. Lấy đó mà chứng thì chứng mà không chứng. Nên do Càn Huệ lần lượt thâm nhập cho đến Diệu Giác, đều chẳng rời cái Trí Kim Cương quán sát này. Địa địa đều hoại, pháp pháp đều khô⁽¹⁾ nên hợp với Diệu Giác.

Ví dụ sâu xa như thế, thâm nhập như thế, đâu có ra ngoài ba tiệm thứ tăng tiến, nghịch dòng toàn nhất, chờ đến được Vô Sanh Pháp Nhãn. Theo đó tiệm tu, tùy chỗ hành phát mà an lập Thánh Vị, khéo thành tựu năm mươi lăm địa vị của con đường Bồ Đề chân thật.

Tín, Trụ, Hạnh, Hướng, Địa là năm mươi, cộng với Càn Huệ và bốn Gia Hạnh là năm mươi lăm. Không nói đến hai Địa vị Đẳng Giác và Diệu Giác, vì hai Giác chính là Chân Bồ Đề, là Giác chứ chẳng còn là con đường. Năm mươi lăm địa vị là nguyên do, là con đường nhập Giác vậy.

Mười phương Như Lai thành tựu Bồ Đề đều có phương tiện ban đầu là Xa Ma Tha, Tam Ma Bát Đề, Thiên Na mâu nhiệm. Cho đến Trí Kim Cương Quán Sát, Như Huyền Tam Muội thì chỉ Đức Quán Thế Âm là Đệ Nhất. Do đó, năm mươi lăm Vị của con đường Bồ Đề cũng do trong ba tiệm thứ tăng tiến, ngược dòng toàn nhất. Bắt đầu là xoay lại cái nghe, cái phương tiện tối sơ này cũng là Như Huyền Quán Sát theo thứ lớp : hết nghe cũng chẳng trụ, giác và sở giác đều Không ; Không, Sở Không diệt, sanh diệt đã diệt đó là Tịch Diệt Hiện Tiền.

¹⁾ Càn.

Làm cái Quán như thế đó là *Một đường vào Niết Bàn của mười phương chư Phật*. Nếu Quán khác đi, chẳng trụ trong mười thứ ví dụ sâu xa của Kim Cang Quán Sát tức thuộc về sanh diệt, tức là tà quán vậy.

Ngài Trừng Quán ⁽¹⁾ đời Đường có bài kệ Trụ Địa Tu Chứng :

*“Tu tập “Không Hoa” vạn hạnh
Yên ngồi “Trăng nước” đạo tràng
Hàng phục Thiên Ma “Gương ảnh”
Chứng đắc Phật Quả “Trong mộng”.”*

Cũng nói lên vắn tắt mười thứ ví dụ sâu xa.

Tổ Giáp Sơn thượng đường : “Từ khi có Tổ đến nay, người đời lầm hiểu. Cùng nhau thừa thọ cho đến nay, cứ lấy lời lẽ của Phật, Tổ làm kiểu mẫu cho người. Nếu mà như thế tức thành người cuồng, là người không có trí vậy.

“Kia chỉ bày dạy rằng : Ông không có pháp, cái không có pháp đó là Đạo. Đạo không có pháp gì, không có Phật để thành, không có Đạo để đắc, không có pháp để nắm, không có pháp để bỏ.

“Bởi thế, Lão tăng này nói rằng : Trước mắt không có pháp, trước mắt là ý. Cái kia chẳng phải là pháp trước mắt. Nếu hướng về phía Phật, Tổ mà học thì người đó chưa ở chỗ đầy đủ con mắt. Sao thế ? Vì đều thuộc về chỗ nương dựa, chẳng có tự tại, đó chỉ là gốc rễ sanh tử mang mang, là cái thức tánh trôi buộc. Ngàn dặm muôn dặm tìm cầu thiện tri thức, phải cần đầy đủ cái chánh nhãn, cầu thoát cái thấy biết sai dối. Xác định lấy sanh tử trước mắt là thực

¹⁾ Tổ Thứ Tư Tông Hoa Nghiêm.

có hay là thực không ? Ai mà định được, cho người ấy thoát thân ! Người thượng căn nghe xong, rõ Đạo ; người trung, hạ căn lại bôn ba theo sóng. Sao chẳng hướng về trong sanh tử mà định ngay ra ? Còn chỗ nào đi mong Phật, mong Tổ đẹp bỏ sanh tử cho nữa bây giờ ! Người trí cười vào mũi ông.

“Như chưa chịu hiểu thì nghe bài tụng :

*“Nhọc giữ pháp sanh tử
Chỉ hướng phía Phật cầu
Mê chánh lý trước mắt
Khươi lửa tìm bọt sao ?”*

Chỗ này có thể làm cái cên để định chánh quán hay tà quán vậy.



MỤC BA : CHỈ DẠY TÊN KINH

Kinh : Bấy giờ Ngài Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật mà bạch Phật rằng : “Phải gọi tên kinh này là gì ? Tôi cùng chúng sanh phụng trì như thế nào ?”

Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi : “Kinh này tên là Đại Phật Đảnh Tát Đát Đa Bát Đát Ra, Vô Thượng Bảo Ấn, Thập Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhân.

Thông rằng : Từ chỗ ban đầu phân biệt chọn lựa hẳn chân, vọng, tuyên bày tánh chân thắng nghĩa trong thắng nghĩa, là kiến đạo phần. Từ chỗ muốn do cửa mà vào nhà rức rở của Thiên Vương, lựa chọn hai mươi lăm viên thông, cho đến phụng trì thân chú Phật Đảnh là tu đạo phần. Lại từ chỗ phạm phu rốt đến Đại Niết Bàn, chỉ rõ con đường chân chánh tu hành vô thượng là chứng quả phần. Ý chỉ lớn lao của bộ kinh đủ rồi vậy. Nên Ngài Văn Thù nhân đấy mà thưa hỏi.

Đã hỏi tên kinh tức là phải phụng trì mà thành phần Lưu Thông, cơ sao có những điều chưa phát huy ra hết mà lại hỏi tên kinh ? Bởi vì, năm mươi lăm vị của con đường Bồ Đề chân chánh đó thật là nhân chánh, quả chánh. Chỉ là chẳng rõ Chân Tâm, tu tập lầm loạn nên mới có luân chuyển các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, người, trời vậy. Hai mươi lăm viên thông đều trong Tam Ma Địa, vốn không có chuyện Ma. Chỉ bởi chẳng biết Chân Tâm, tu tập lầm loạn nên mới có năm mươi thứ Ấm Ma, đều là chỗ nói “*Nếu quán khác đi, gọi là tà quán*”. Đoạn sau sẽ kê rõ số mục.

Kinh này, tuy nhân Ngài Anan thưa hỏi, mà lấy thần chú Phật Đánh nêu bày pháp môn vô thượng. Bởi thế, Đại Bạch Tán Cái⁽¹⁾ này, thể nó bao trùm hết thủy, siêu tình, lia kiến, tức là Như Lai Tạng Tâm Ấn vậy. Soi chiếu cùng tột biển vô biên cõi Phật, sạch trong tuyệt không mảy bụi, tức là con mắt pháp Kim Cương vậy. Ấn nói là vô thượng, vì chẳng phải là Tối Thượng thừa thì không thể Ấn được. Nhân nói là thanh tịnh vì nếu còn một mảy bụi thì chẳng soi trùm được. Ấn, gọi là Bảo vì vốn thường trụ chẳng hoại. Nhân, gọi là Biển, ắt bao trùm vô tận. Thần Chú bất khả tư nghì này tức là cái Tánh bất khả tư nghì vậy. Tánh cùng Chú bình đẳng, bất khả tư nghì, há có hai được ư !

Tổ Phong Huyệt ở Trình Châu Nha thượng đường, nói :
 “Tâm Ấn Tổ Sư giống như then chốt của con trâu sắt. Đi thì ấn đứng, đứng thì ấn phá. Chỉ như chẳng đi, chẳng đứng thì ấn là phải hay không ấn là phải ?”

Khi ấy có Trưởng lão Lư Ba bước ra, nói : “Tôi có then chốt của con trâu sắt, xin thầy đừng ráp thêm ấn vào !”

Tổ Huyệt nói :

*“Quen câu kinh nghệ dầm lạng rộng
 Lại than ếch nhái bì bõm bãi cát bùn.”*

Ông Lư Ba đang lưỡng lự suy nghĩ thì Tổ Huyệt quát :
 “Trưởng lão, sao chẳng nói đi ?”

Lư Ba định nói, Tổ Huyệt đánh một cây phát tử : “Lại nhớ được thoại đầu ư, thử nói xem !”

Lư Ba định mở miệng, Tổ Huyệt lại đánh một phát tử.

¹⁾ Cây Dù Trắng Trùm Khấp.

Ông Mục Chủ nói : “Phật Pháp cùng vương pháp là một thứ.”

Tổ Huyệt nói : “Thấy cái gì nào ?”

Ông Mục Chủ nói : “Cần đoạn chẳng đoạn, lại chiêu thêm loạn !”

Tổ Huyệt bèn xuống tòa.

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Then chốt trâu sắt, ấn trụ ấn phá
Suốt khỏi đỉnh Tỳ Lô mà đi
Lại đến ngồi đầu lưôi hóa Phật
Phong Huyệt thử xem, Lư Ba rút té
Đầu gậy hét rồi : Điện quang, lửa đá
Rờ rờ rờ ràng, ngọc trên mâm
Nháy mắt, nhãn mà : lại than lỗi.”*

Lại Ngài Mân Súly sai sứ giả đưa Ông Châu Ký đến Tổ Bửu Phước.

Tổ Phước thượng đường, nói : “Đi thì ấn trụ, trụ thì ấn phá.”

Nhà sư nói : “Chẳng đi chẳng trụ, dùng ấn làm gì ?”

Tổ Phước bèn đánh.

Nhà sư nói : “Như thế thì ở trong hang quỷ núi đều nhân vì ngày hôm nay vậy.”

Tổ im lặng.

Hợp hai tắc trên mà xem thì Vô Thượng Bảo Ấn, lửa đá, điện quang tức là lầm lỗi vậy. Há có thể suy nghĩ tính toán ư ? Cho nên chẳng phải là Hải Nhãn thanh tịnh thì không đủ để thấy !

Kinh : “Cũng gọi tên là Cứu Hộ Thân Nhân, độ thoát Anan cùng Tánh Tỳ kheo ni trong hội này, đắc Bồ Đề Tâm, nhập Biến Tri Hải.

Thông rằng : Phật Đánh Thân Chú thật không thể nghĩ bàn, khiến cho Tánh Tỳ kheo ni lòng dâm liền khô cạn, cứu hộ Ngài Anan khỏi bị phá giới, cũng đã là lạ lùng. Như Tánh Tỳ kheo ni mới đầu đắc quả A Na Hàm, rồi chứng đạo A La Hán, bèn ngộ tánh dâm vốn không, đã được ra khỏi ràng buộc, thể nhập Chánh Biến Tri. Bồ Đề Tâm thuộc về Chánh Tri, vì rõ chuyện bốn phạm vậy. Ở trong ấy chọn rõ chân vọng, gạn lọc để tu sửa điều trị, thì hết thấy nhân quả chẳng còn nghi hoặc, là thuộc về Biến Tri.⁽¹⁾ Ông Anan đã được Pháp Thân, đắc Bồ Đề Tâm, nay trong tất cả điên đảo, lầm loạn tu tập, đều không gì chẳng thông suốt ; đó là thể nhập Biến Khấp Biết vậy. Thế đó, rõ được Một thì vạn sự xong. Chỉ ở nơi Chân Tâm không hoa mắt thì biến thái của thế gian, chỗ nào mà chẳng suốt thông, vì tất cả do tâm tạo vậy.

Thiền sư Nham Đầu Khoát trải qua mùa Hạ ở nhà Ông Cam Chí.

Một hôm, đang cầm cây kim thì Ông Chí ở ruộng về cầm cái mai đứng sát trước Ngài. Tổ Khoát cầm kim làm thế dâm móc.

Ông Chí vội vàng vào nhà, mặc áo muốn ra lay tạ ơn.

Bà vợ hỏi : “Có chuyện gì thế ?”

Ông Chí nói : “Chẳng được nói !”

Bà vợ nói : “Cần biết chỗ biết của ông.”

¹⁾ Biết Khấp.

Ông Chí kể lại chuyện lúc nãy.

Bà la lên : “Chuyện ách yếu này ba mươi năm sau, phải biết một phen uống nước là một phen mắc nghẹn !”

Cô con gái nghe cha nói ra, bèn nói : “Mới biết tánh mạng người ta khắp đại địa đều bị một đầu mũi kim của Thượng tọa xuyên suốt !”

Lạ thay, lạ thay ! Nào ngờ trên mũi kim may của Tổ Nham Đầu có đủ Đại Phật Đánh Tát Đát Đa Bát Đát Ra Thần Chú, khiến cho cả nhà Ông Cam Chí trong khoảng sát na nhất thời đắc Bồ Đề Tâm, vào Biển Tri Hải vậy.

Kinh : “Cũng tên là Như Lai Mật Nhân, Tu Chứng Liễu Nghĩa.

Thông rằng : Chú ngữ không thể giải thích, đó là mật ngữ của Như Lai. Một đường hướng thượng, ngàn Thánh chẳng truyền, cũng là bí mật của Như Lai vậy. Đã bảo là bí mật há có chỗ để tu, có chỗ để chứng ư ? Phàm có tu, có chứng đều thuộc về bất liễu.⁽¹⁾ Độc chỉ không tu, không chứng mới là tu chứng liễu nghĩa vậy. Đã không thể lấy tu chứng mà được, ắt phải là mật ngộ, một niệm huân tu thiện nghiệp vô lậu, chẳng lấy cái trí mà biết, chẳng lấy cái thức mà hay. Phàm có tri thức tức là hữu lậu, chẳng được là mật. Lấy cái mật này làm nhân, như trì chú... ấy gọi là bất tư nghì huân tu vậy. Cái bất tư nghì này làm nhân, ắt chứng quả bất tư nghì. Như Lai, đó là chẳng thể nghĩ bàn. Đã chứng Như Lai, thì chỗ nào chẳng tỏ suốt ư ?

Tổ Triệu Châu, nhân có vị ni hỏi : “Như sao là *mật mật ý* ?”

¹⁾ Chẳng rõ ràng, chẳng rõ ráo.

Tổ Châu lấy tay phát.

Vị ni nói : “Hòa thượng còn có Cái Ấy nhé !”

Tổ Châu nói : “Ấy, chính người lại có Cái Ấy đó !”

Ngài Từ Thọ Thâm tụng rằng :

*“Mật mật, thâm thâm, ý tốt cùng
Bao người lằm lặc giữa hư không
Sư cô nếu hiểu lay tay đó
Chắc nát tâm can cũng đoạn trường !”*

Hòa thượng Đức Sơn Viên Minh dạy chúng rằng : “Cho đến hết rồi, dầu có được miệng của ba đời chư Phật treo trên vách thì vẫn còn có một người ha hả cười lớn. Nếu rõ người này, việc tham học xong ngay !”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Ôm nắm chỗ quan yếu
Gió mài, mây quét, nước lạnh, trời thu
Chớ cho vẩy gấm không mùi vị
Liềm trắng câu hết cả sông Thương.”*

Ngài Đầu Tử nêu ra rằng : “Tuy là như vậy, nhưng Đức Sơn quả giống như Cát hết trăng trời Sở. Vẫn còn sao đất Hán.”

Tụng rằng :

*“Đôi mày vào tối nẻo gặp gềnh
Trời lặn nương lều tạm sống yên
Cũng tợ nửa đêm người gõ ngủ
Khỏi học Thuấn nhường chịu ở rừng
Phải hay hoa rụng can gì mộc (cây)
Không căng vùa đi sớm gặp đường*

*Sáng qua gió nổi Trường An đạo
Nguyên đó Côn Luân tiến quốc đồ."*

Các công án như thế cũng không thể do lường được. Nếu rõ mật ngữ này thì việc tham học bèn xong !

Kinh : “Cũng gọi là “Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương, Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú”.

Thông rằng : Về Viên Giáo thì không gì bằng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Về Đốn Giáo thì không gì bằng kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Về Phật Mẫu Thần Chú, không gì bằng Chú Đại Chuẩn Đề. Nay kinh Lăng Nghiêm gồm có cả, có thể gọi là pháp môn cực viên, cực đốn, cực bất khả tư nghì vậy. *Đại* là thường khắp, chỉ Pháp Thân. *Phương* là nắm trọn, chỉ Bát Nhã. *Quảng* là rộng trùm, chỉ giải thoát. Ba đức Lý, Trí và Dụng đầy đủ, thế chẳng gọi là Viên sao ? Hoa sen mọc lên từ bùn dơ mà chẳng nhiễm. Diệu Liên Hoa Vương tức là hoa Ưu Đàm Bát, khác với loại thế gian trồng vậy.

Trong khoảnh khắc gảy móng tay nhập Tri Kiến Phật, đó là hy hữu, chẳng phải là Đốn thì không thể đảm đương. Viên ấy, Đốn ấy chỉ việc gì thế ? Việc ấy không thể nghĩ bàn, tức gọi là Thần Chú của Tâm vậy. Mười phương Như Lai nhờ Chú Tâm này đắc thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác, cho đến sau khi diệt độ cũng nhờ Chú Tâm này mà phú chúc việc Phật Pháp... Thì há chẳng phải là chỗ từ đó mà ra của mười phương chư Phật ư ? Nên có thể gọi đó là Phật Mẫu Thần Chú đắc đại tổng trì vậy. Hợp cả ba cái thì giáo pháp của cả Đại Tạng Kinh đều gồm đủ.

Tổ Thanh Nguyên Hành Tư một hôm hỏi Ngài Thạch Đầu rằng : “Có người nói : Lãn Nam có tin tức.”

Ngài Đầu nói : “Có người chẳng nói : Lãn Nam có tin tức.”

Tổ Nguyên nói : “Nếu thế thì Đại Tạng, Tiểu Tạng từ đâu mà đến ?”

Ngài Đầu nói : “Đều từ trong ấy hết !”

Tổ bằng lòng.

Tổ Vân Môn mở lời rằng : “Nháy mắt ngang cả mười phương, trên lông mày suốt đến càn khôn, dưới suốt đến suốt vàng. Núi Tu Di lấp nghẹt cuống họng của ông. Có ai hiểu không ? Ai mà hiểu được thì đem dẫn xứ Chiêm Thành đánh nhau với xứ Tân La !”

Ngài Diệu Hỷ nói : “Là Đại Thần Chú, là Đại Minh Chú, là Vô Thượng Chú, là Vô Đẳng Đẳng Chú hay trừ tất cả khổ, chân thật không hư. Các ông có rõ Vân Môn không ? Há chẳng nghe nói “Tam đài (tam quán) cần phải chính ông thúc giục.”

Tổ Vân Môn, Diệu Hỷ quả là người trong hội, tuyên nói lại Chú Tâm, chỉ ra cảnh giới không thể nghĩ bàn. Ai mà diệu khế ý chỉ này, tự cai quản giữ lấy mà thành Phật không sai !

Kinh : “Cũng tên là “Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, Thủ Lăng Nghiêm”. Ông hãy phụng trì.”

Thông rằng : Muôn Hạnh của chư Bồ tát đều đầy đủ, cho đến tất cả Sự rốt ráo kiên cố thì gọi là Quán Đảnh Bồ tát. Vị Bồ tát này sắp thành Diệu Giác thì ở trên cõi trời Sắc Cứu Cánh hiện ra tòa Đại Bửu Liên Hoa Vương rộng lớn trăm vạn a tăng kỳ Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới. Bồ

tát muốn lên tòa này trước hết ở trong thân phóng hiện mười đạo quang minh trăm báu, chiếu soi loài hữu tình, sau cùng từ cửa đỉnh đầu phóng ánh sáng nhập vào chân chư Phật. Khi ấy, chư Phật từ nơi mặt phóng ra quang minh trăm báu chảy tuôn rót vào đánh đầu của vị Bồ tát ấy, thẳng đến nguồn tâm. Ở đây, chỉ lấy ánh sáng tuôn chảy tương giao hòa nhập mà gọi là Quán Đảnh, thọ lãnh chức vụ Phật.

Ở trước, có nói *“Ranh giới của Giác thể nhập vào nhau”* tức là cảnh tượng này. Nếu từ địa vị Diệu Giác thì chẳng còn lời nói, duy từ Quán Đảnh trở xuống thì có chương cú. Như ánh sáng giao nhập vào nhau, chương cú cũng không có. Ở trong chỗ không có chương cú mà có chương cú, nên mới gọi chỗ này là *“Diệu Trạng Tổng Trì, Thủ Lăng Nghiêm Vương, đầy đủ muôn hạnh, một đường diệu trạng nghiêm siêu xuất của mười phương Như Lai”* vậy.

Cho nên, nói *“Muôn hạnh đầy đủ”* mà sau là *“Rốt ráo kiên cố”*, đó là Tiệm chứ không phải Đốn. Nói rằng *“Tự Tánh kiên cố mà không nhờ muôn hạnh”*, đó là Đốn chứ không phải Tiệm. Chẳng hay biết rằng con đường diệu trạng nghiêm này vốn tự đầy đủ muôn hạnh trạng nghiêm, chẳng mượn đến sự trau làm, tất cả vốn kiên cố. Không phải chỉ có thân tâm trong ngoài đắc đại định lực, mà trong Bản Tánh trùm khắp pháp giới, núi sông, đất đai, sáng tối, sắc không, tất cả mọi sự, tất cả mọi pháp, hiện đây là tịch diệt, vốn trong Đại Định. Chính đây là Chân Tâm thường trụ, chính đây là Diệu Trạng Tổng Trì, vốn là viên đốn, sẵn sàng đầy đủ. Nên gọi đó là Thủ Lăng Nghiêm kinh.

Chưa đến địa vị Quán Đảnh Pháp Vương Tử thì sao mà biết được chỗ nhiệm mầu, bởi thế nói rằng *“Ông hãy phụng trì”*.

Hòa thượng Phật Giám khai thị cho đại chúng.

Ngài kể chuyện : “Nhà sư hỏi Tổ Triệu Châu : Thế nào là nghĩa chẳng biến đổi ?

“Tổ Châu dùng hai tay làm cách thế nước chảy.

“Nhà sư có chỗ tỉnh ngộ”.

Ngài lại kể chuyện : “Nhà sư hỏi Tổ Pháp Nhãn : Chẳng giữ lấy tướng, như như chẳng động. Thế nào là chẳng giữ lấy tướng mà thấy chỗ chẳng động đó ?

“Tổ Pháp Nhãn nói : Mặt trời mọc phương Đông, lặn phương Tây !

“Nhà sư cũng có chỗ tỉnh ngộ”.

Ngài nói tiếp : “Ngay nơi đó mà thấy được, mới biết rằng “Khí núi trùm non, bốn lai thường lặng. Sông nước cuộn chảy, nguyên tự chẳng trôi”. Chưa được như vậy thì không khỏi lại phải nhiều lời. Thiên xoay trái, Địa chuyển phải, xưa qua nay lại trải bao lần biến đổi. Mặt trời bay qua, mặt trăng chạy mất vừa mới ló trên biển lại chìm sau núi xanh. Sóng sông nước mịt mù, Hoài, Tê⁽¹⁾ gợn xa xăm, thẳng vào biển cả ngày đêm trôi chảy.”

Rồi lớn tiếng rằng : “Này chư Thiên đức, có thấy như như bất động chăng ?”

Hòa thượng Vân Cái Trí khai thị cho đại chúng rằng : “Độc chỉ là cái thân liền kín kiên cố kia trong tất cả trần bày hiện. Nay đây Vân Cái này nói : Ngàn núi sum xuê, cầm thú hót kêu, trăm hoa đua nở, muôn cây nảy cành, hết thấy đó là chư Phật, mỗi mỗi Chân Như. Các ông dạo chơi non nước phải kịp để con người ngay đó, chớ để bị nó lừa !”

¹⁾ Tên hai con sông.

Hai vị Tôn túc ấy, ngay trong tất cả trần cảnh mà nắm ra cái như như chẳng động, cái thân chân thật liền kín kiên cố. Ấy là chẳng lìa muôn hạnh mà đặc rớt ráo kiên cố, quả là thâm nhập ý chỉ Lăng Nghiêm vậy. Ở chỗ này mà cần nát được mới được gọi là phụng trì. Còn bám suông chương cú, chưa biết lối vào thì dù có trang nghiêm muôn hạnh, rớt cuộc cũng là chuyện sanh diệt. Trong tự tánh kiên cố, diệu trạm tổng trì sao những cách xa như trời đất vậy ư ?



CHƯƠNG V :
PHÂN BIỆT CÁC NGHIỆP QUẢ
TẠO THÀNH TAM GIỚI.
CHỈ RÕ CÁC CẢNH GIỚI TU CHỨNG
VÀ CÁC CHƯỚNG NGẠI

I. HỎI VỀ SỰ SANH KHỞI VÀ NHÂN QUẢ CỦA LỤC ĐẠO

Kinh : Phật nói lời ấy xong, liền khi đó, Ông Anan và cả đại chúng nhờ được Như Lai khai thị ý nghĩa mật ấn Bát Đát Ra, lại nghe được những tên gọi liễu nghĩa của kinh này, đốn ngộ được diệu lý tăng thượng để tu, tiến vào các Thánh Vị trong Thiên Na. Tâm tư rỗng lặng, đoạn trừ sáu phẩm phiền não vi tế tử-hoặc thuộc về tam giới.

Ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, chấp tay cung kính, bạch Phật rằng : “Đại oai đức Thế Tôn, Từ Âm không che ngại, khéo khai ngộ những lỗi lầm sâu kín nhỏ nhiệm của chúng sanh, khiến chúng tôi ngày nay thân tâm khoan khoái rỗng nhiên, được lợi ích lớn.

“Thưa Thế Tôn, cái Chân Tâm diệu minh trong sạch nhiệm mầu này bốn lai toàn khắp viên mãn, như thế cho đến đất đai, cỏ cây, các loài máy động vốn nguyên là Chân Như, đó là chân thể thành Phật của Như Lai. Nếu Phật thể vốn chân thật như thế thì cơ sao lại có các nẻo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, người, trời. Bạch Thế Tôn, những nẻo ấy là bốn lai tự có hay do tập khí hư vọng của chúng sanh khởi ra ?

“Bạch Thế Tôn, như Tỳ kheo ni Bảo Liên Hương giữ Bồ tát Giới, lén làm việc dâm dục, rồi nói càn rằng

hành dâm chẳng phải sát sanh, chẳng phải trộm cắp, không có nghiệp báo ! Phát ra lời ấy rồi, trước hết nơi nữ căn sanh ra ngọn lửa hùng lớn, rồi sau nơi mỗi mỗi đốt xương lửa cháy phừng phừng, đọa địa ngục Vô Gián.

“Như Đại Vương Lưu Ly và Tỳ kheo Thiện Tinh : Lưu Ly vì giết hai họ hàng Cù Đàm ; Thiện Tinh vì thuyết bậy rằng tất cả pháp đều rỗng không mà thân đang sống đọa vào địa ngục A Tỳ.

“Các địa ngục này là có chỗ nhất định, hay là tự nhiên mà khi mỗi người kia phát nghiệp thì mỗi mỗi riêng chịu ?

“Xin Phật rủ lòng Đại Từ, khai thị cho kẻ non dại mê muội, khiến cho tất cả các chúng sanh trì giới nghe nghĩa quyết định, hoan hỷ đội đầu, cẩn thận giữ gìn không phạm.”

Thông rằng : Ông Anan nghe Phật bảo rằng “Mật ẩn liễu nghĩa chỉ là một con đường hướng thượng rõ ràng, hẳn không có sự Tu vậy”. Nhưng vô minh bao kiếp bởi bởi há có thể trừ hết ngay sao ? Do đó, nơi diệu lý tăng thượng tu lên các Thánh Vị được cái cửa ngõ vào thì tuần tự mở tỏ thân tâm, tâm tư rỗng lặng, đã được đoạn trừ sáu phẩm phiền não nhỏ nhiệm của Tư Hoặc thuộc về tam giới.

Tam Giới⁽¹⁾ phân ra chín Địa, mỗi Địa có chín Phẩm. Đoạn trừ chín Phẩm của Dục Giới : Trừ sáu Phẩm đầu chứng quả Thứ Nhì, trừ ba Phẩm sau chứng quả Thứ Ba, A Na Hàm. Đoạn trừ hết mười tám Phẩm của hai giới Sắc và Vô Sắc, chứng bậc Vô Học A La Hán.

¹⁾ Ba cõi.

Đoạn trừ sáu phẩm phiền não vi tế này là chỉ Thân Kiến, Biên Kiến và Tà Kiến đoạn trừ ở địa vị Sơ Quả. Kiến Thủ, Giới Thủ và Tham đoạn trừ ở địa vị Nhị Quả. Còn lại Sân, Mạn và Si đến địa vị Thứ Ba mới đoạn trừ. Ông Anan mới chứng Nhị Quả nên chỉ đoạn trừ được sáu Phẩm.

Chẳng đoạn vô minh thì chẳng chứng Vô Sanh. Tuy chứng Vô Sanh mà phiền não vô minh vi tế chưa hết thì chưa đắc chân ngộ vậy. Nên ông xin Phật nói rõ sâu xa về bảy nẻo luân hồi để mở chỗ nghi lầm, khiến cho người trì giới cẩn thận giữ gìn không phạm.

Chỗ nghi của Ngài Anan tuy tương tự với cái nghi "*Bổn nhiên thanh tịnh sao bỗng sanh núi sông đại địa*" ở trước. Nhưng ba thứ tương tục là do vọng kiến mà sanh ra, lại nữa, mười hai loại sanh đều là do diên đảo. Ông Anan há chẳng lãnh hội sao mà lại có nghi vấn này? Đó chính là vì sợ có người diệu ngộ trở lại chấp cái Chân Tâm trong sạch nhiệm mầu này xưa nay toàn khắp viên mãn, bèn nhận là đại địa, cỏ cây vốn một Chân Như, chân thể thành Phật, sao còn có các thứ địa ngục v.v... Đây là chấp cái diệu viên mà bác bỏ các nẻo, chỉ riêng rõ ràng việc hưởng thưởng mà chẳng đoạn dứt phiền não thì thường thường có cái bệnh này.

Nếu quả không có các nẻo địa ngục v.v... thì Tỳ kheo Thiệt Tinh và Tỳ kheo ni Bảo Liên Hương đứng ra không có báo ứng rõ ràng. Nay cảm ứng rõ ràng, chẳng sai chạy thì các nẻo địa ngục phải là có. Há chẳng do tu tập lầm loạn mà đưa đến ư? Chỉ do nơi tu tập lầm loạn, nên không được chấp chặt nhất định là có, cũng không được chấp chặt nhất định là không. Tu tập chẳng lầm thì có cũng thành không. Tu tập đã lầm thì không cũng thành có. Chỗ này hoàn toàn do ở sự tu tập vậy. Trì giới luật, đoạn phiền não há có thể chẳng chăm chỉ cẩn thận ư?

Khi Tổ Bách Trượng thượng đường thì thường có một ông già nghe pháp rồi theo đại chúng đi ra.

Một hôm ông chẳng về, Tổ hỏi : “Đứng đó là ai ?”

Ông già nói : “Vào thời Phật Ca Diếp tôi đã từng ở núi này. Có người học Đạo hỏi rằng : “Người tu hành còn rơi vào (lạc) nhân quả không ?” Tôi đáp : “*Chẳng rơi vào nhân quả*”, bị đọa vào thân chồn năm trăm kiếp. Nay xin Hòa thượng thay thế cho một chuyển ngữ.”

Tổ Bách Trượng nói : “*Chẳng mê mờ nhân quả.*”

Ông già nghe xong đại ngộ, cáo biệt rằng : “Tôi đã khỏi thân chồn rồi, ở phía sau núi, xin theo nghi thức tăng qua đời mà thiêu cho.”

Tổ khiến Ông Duy Na⁽¹⁾ đánh bản, báo với đại chúng sau khi thọ trai thì mời hết, di đưa vị tăng qua đời. Đại chúng không hiểu gì.

Tổ dẫn đại chúng đến cái hang ở sau núi, lấy trượng khều ra một xác chồn, rồi theo nghi thức hỏa táng.

Đến buổi tham học chiều, Tổ đang nêu lại câu chuyện thì Ngài Hoàng Bá bèn hỏi : “Người xưa đáp sai một chuyển ngữ mà đọa vào thân chồn hoang. Còn ngày nay chuyển chuyển đều chẳng lầm thì thế nào ?”

Tổ nói : “Đến gần đây ta nói cho nghe !”

Hoàng Bá đến gần, đánh Tổ một cái.

Tổ vỗ tay cười rằng : “Sắp nói Hồ râu đỏ, lại có đỏ râu Hồ !”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

¹⁾ Quán chúng.

“Một thước nước,
 Một trượng sóng !
 Năm trăm kiếp trước chẳng hề gì
 Chẳng “lạc”, chẳng “mờ” thương lượng đi
 Y xưa, rớt vào bọng cát dâng
 Ha ha ha, hiểu vậy chăng ?
 Nếu mà ông liên miên lỗi lạc
 Nào ngại ta ha hả cười hoài
 Thần ca thánh múa thành ra khúc
 Khoảng ấy vỗ tay hát lý la.”

Viên Thiên sư ở trong hội của Tổ Nam Công nghe hai nhà sư nhắc lại câu chuyện trên. Một vị nói : “Chỉ như *Chẳng mờ nhân quả* thì cũng chưa thoát được thân cáo chồn !”

Vị kia lên tiếng : “Vậy thì *Chẳng sa nhân quả* thì cũng có bao giờ đọa vào thân cáo chồn ư ?”

Ngài Viên hoảng hồn, kinh dị với các lời trên, vội lên Tổ Hoàng Bá, khi qua cái khe đầu am Tích Thúy, bỗng nhiên đại ngộ. Gặp Tổ Nam Công, kể bày câu chuyện chưa xong mà nước mắt ướt má.

Tổ Nam Công bảo Ngài lại chỗ nằm của ông thị giả mà ngủ.

Bỗng Ngài ngồi dậy đọc bài kệ :

“Chẳng “lạc”, chẳng “mờ”
 Tãng tục vốn không kiêng cử
 Trượng phu khí phách như Vương
 Nào chịu túi, chẵn che đậy
 Một cành liễu tảo mặc tung hoành
 Chồn cáo nhẩy vào đàn sư tử.”

Tổ Nam Công cười lớn.

Vậy thì một cái anh chồn cáo này, trước kia sao là có, về sau sao là không ? Các nhà ở nơi cái nhân duyên này, che đậy biết bao kẻ, mở thoát biết bao người. Thế mới biết chỗ đáng quý là Chân Ngộ vậy. Nếu chấp Diệu Viên mà bác bỏ các nẻo nghiệp thì quá là kiến giải của loài tinh chồn cáo vậy.

II. KHAI THỊ VỀ PHẬN TRONG, PHẬN NGOÀI CỦA CHÚNG SANH

Kinh : Phật bảo Ông Anan : “Hay thay lời hỏi đó, khiến cho chúng sanh chẳng rơi vào tà kiến. Nay ông hãy nghe kỹ, ta sẽ vì ông mà nói.

“Anan, tất cả chúng sanh thật ra vốn chân tịnh, nhân tự có vọng kiến mà có các tập khí hư vọng sanh ra. Do đó mà có phân ra phận trong và phận ngoài.

“Anan, *phận trong* tức là trong phần của chúng sanh. Do các ái nhiễm phát khởi vọng tình, tình tích chứa mãi không ngừng thì hay sanh ái thủy. Bởi thế chúng sanh hễ tâm nhớ món ăn ngon thì trong miệng nước chảy ra ; hễ tâm nhớ người trước, hoặc thương hay ghét thì trong mắt lệ tràn. Tham cầu của báu thì tâm phát ái diên (nước dãi), cả mình đều trơn nóng. Tâm dính vào chuyện hành dâm thì hai căn nam, nữ tự nhiên chảy nước dịch.

“Anan, các ái tuy có khác nhau, nhưng kết quả chảy nước là đồng, thấm ướt không lên được, tự nhiên theo đó mà sa xuống, ấy gọi là Phận Trong.

“Anan, *phận ngoài* tức là ngoài phần của chúng sanh. Nhân các lòng khao khát, trông mong, phát sanh ra các hư tưởng. Cái tưởng chứa chất mãi không thôi thì hay sanh ra sự trội hơn về khí. Bởi thế chúng sanh tâm

giữ giới cấm thì cả thân mình nhẹ nhàng trong suốt. Tâm giữ chú ấn thì mắt nhìn hùng dũng, nghiêm nghị. Tâm muốn sanh cõi Trời thì chiêm bao thấy bay lên. Tâm để nơi cõi Phật thì thánh cảnh thâm hiện. Phụng sự bậc thiện tri thức thì tự coi nhẹ thân mệnh mình.

“Anan, các tướng tuy khác nhau, nhưng sự nhẹ nhàng cất lên thì đồng. Cất bay lên không chìm xuống, tự nhiên vượt lên, ấy gọi là Phận Ngoài.

“Anan, hết thấy thế gian sống chết nối nhau : Sanh thì theo tập khí quen thuộc ; tử thì theo sự đổi dòng. Lúc mệnh chung, chưa hết hơi ấm thì thiện ác một đời cùng lúc liền hiện ra. Sống thuận, chết nghịch, hai tập khí giao nhau.

“Thuần là tướng thì bay lên, hẩn là sanh trên cõi Trời. Nếu trong tâm bay lên đó gồm cả phước đức và trí huệ cùng với tịnh nguyện thì tự nhiên tâm mở tỏ, thấy tất cả Tịnh Độ của mười phương chư Phật, rồi tùy nguyện mà vắng sanh.

“Tinh ít, tướng nhiều thì cất lên chẳng xa mà làm các loài Phi Tiên, Đại Lực Quỷ Vương, Phi Hành Dạ Xoa, Địa Hành La Sát đạo trong bốn cõi trời không bị ngăn ngại. Nếu có thiện nguyện, thiện tâm hộ trì Phật Pháp hoặc hộ trì cấm giới thì theo người trì giới, hoặc hộ trì thần chú thì theo người trì chú, hoặc hộ trì thiền định thì giữ an pháp nhãn, hết thấy đều được gần gũi dưới pháp tòa của Như Lai.

“Tinh và tướng ngang nhau thì không bay lên, không đọa xuống, sanh nơi cõi người. Tướng sáng thì thông minh, tinh tối thì ngu độn.

“Tinh nhiều tướng ít thì trôi dạt vào cầm thú : Nặng thì làm giống mang lông, nhẹ thì làm loài có cánh.

“Bảy phần tình, ba phần tướng thì chìm xuống Thủy Luân, sanh nơi mé Hỏa Luân, chịu ngọn lửa mạnh, thân làm ngạ quỷ, thường bị thiêu đốt. Vì nước có thể hại mình nên trải trăm ngàn kiếp không ăn không uống.

“Chín phần tình, một phần tướng thì xuống thâu Hỏa Luân, thân đi vào ranh giới giao nhau của Phong Luân và Hỏa Luân, nhẹ thì sanh vào Hữu Giác, nặng thì sanh vào Vô Giác, hai thứ địa ngục.

“Thuần là tình thì chìm sâu vào ngục A Tỳ. Nếu trong tâm chìm đắm đó mà có sự hủy báng Đại thừa, phá cấm giới của Phật, nói pháp láo dối, tham bậy của tín chủ, lạm nhận sự cung kính hoặc phạm ngũ nghịch, thập trọng thì lại sanh vào địa ngục A Tỳ mười phương.

“Theo sự tạo ác nghiệp, tuy tự chuốc lấy nhưng trong nghiệp đồng phạm chung đó vẫn có chỗ sẵn.

Thông rằng : Đây là trả lời chung câu hỏi “Các nẻo là vốn tự có hay là do tập khí hư vọng của chúng sanh sanh khởi ra ?”

Căn cứ theo chỗ chiêu cảm của bảy nẻo tùy nghiệp thọ sanh, hoặc thiên đường, địa ngục... hoặc cõi người thì khổ vui chẳng đồng, nhưng mỗi nẻo đều có đồng nghiệp tương thành, tức là trong đồng phạm vốn có chỗ sẵn, không thể cho là không có, vì nó vốn là do tập khí hư vọng sanh ra vậy. Tánh của chúng sanh vốn là chân tịnh, chẳng rơi vào thánh, phàm. Bởi tự dấy khởi tình kiến, chẳng biết đó là hư vọng, hư vọng mà huân tập hoài thì không bỏ được nữa.

Từ thân xác khởi vọng niệm thì cái vọng kiến đó, tập khí hư vọng đó ở trong phần của thân xác. Từ ý tưởng khởi vọng niệm thì cái kiến, cái tập khí hư vọng đó ở ngoài phần

của thân xác. Trong phần của thân xác, do ái mà mắc tình : miệng đối với vị, mắt đối với sắc, tâm đối với của cải hay sanh ra ái thủy. Tánh nước chảy xuống nên theo đó mà rớt xuống. Ngoài phần của thân xác, do suy mà mắc vào tướng : hoặc để tâm nơi cõi Phật, hay muốn sanh lên cõi trời, hoặc giữ thiện pháp, nên hay sanh ra cái khí trội hơn. Khí thì bay lên, nên theo đó mà đi lên.

Thuần là tướng thì sanh từ cõi Đạo Lợi trở lên, có tịnh nguyện thì sanh cõi Tịnh Độ. Chín phần tướng thì làm Phi Tiên ; tám phần tướng thì làm Đại Lực Quỷ Vương. Bảy phần tướng thì làm Phi Hành Dạ Xoa. Sáu phần tướng làm Địa Hành La Sát. Bởi vì tướng trội vượt nên chỗ đi không ngăn ngại vậy.

Nhưng tình có tà, chánh. Chánh thì không rời pháp tòa của Như Lai, bởi trước giờ giữ giới, trì chú, phụng sự thiện tri thức, nên rốt cuộc làm thân Hộ Pháp. Tình và tướng ngang nhau thì sanh ở cõi người. Sáu phần tình thì làm cầm thú. Bảy phần tình thì làm ngựa quỷ. Tám phần tình thì sanh vào địa ngục Hữu Giám. Chín phần tình thì sanh vào địa ngục Vô Giám. Thuần là tình thì chìm vào địa ngục A Tỳ. Có thêm các tội chề Phật, báng Pháp thì lại sanh vào địa ngục A Tỳ mười phương không có ngày ra. Ấy là vọng nghiệp tự chuốc lấy, sạch dơ có khác vậy.

Nếu chẳng vướng mắc nơi tình ắt địa ngục không. Chẳng vướng mắc nơi tướng ắt thiên đường không. Tình, tướng đều không thì tuy ở nhân gian mà tâm dạo nơi cõi Phật. Bảy nẻo nghiệp vẫn có sẵn thì Tịnh Độ cũng có sẵn rõ ràng vậy. Trở lại cái bốn lai chúng sanh chân tịnh của ta mà chẳng sanh nơi Tịnh Độ thì sanh về đâu ?

Có nhà sư hỏi Tổ Bách Trượng : “Đối với tất cả cảnh, như sao mà được tâm như gỗ đá nhỉ ?”

Tổ Trương nói : “Tất cả các pháp vốn chẳng tự nói không, chẳng tự nói sắc, cũng chẳng tự nói trái phải, dơ sạch, cũng không có tâm trói buộc người. Chỉ tại con người tự hư vọng dấy nghĩ mà vướng mắc, tạo ra đủ thứ giải thích tìm hiểu, khởi bao nhiêu thứ tri kiến, sanh bao nhiêu thứ thương ghét. Chỉ rõ các pháp vốn chẳng tự sanh, hết thấy đều từ một niệm vọng tưởng điên đảo bám giữ tướng của tự mình mà có. Biết tâm cùng cảnh vốn chẳng đến nhau, ngay đây là giải thoát. Mỗi mỗi các pháp, hiện đây tịch diệt, hiện đây là đạo tràng. Cái Tánh vốn hiện có, chẳng thể đặt tên, phân hạng. Xưa nay chẳng là phạm, chẳng là thánh, chẳng là dơ sạch, cũng chẳng không hay có, cũng chẳng phải thiện, ác. Tương ứng với các pháp nhiệm ô thì gọi là cảnh giới Trời, người, Nhị thừa.

“Bằng như tâm dơ sạch hết tuyệt, chẳng trụ ràng buộc, chẳng trụ giải thoát, không có hết thấy tâm lượng hữu vi, vô vi, ràng buộc, giải thoát, thì ở ngay trong sanh tử, mà tâm đó tự tại. Rốt ráo chẳng cùng các thứ trần lao hư huyền, uẩn giới sanh tử giả dối. Các thứ nhập, hòa hiệp rỗng nhiên không nhờ gởi. Hết thấy chẳng dính giữ, ở đi không ngăn ngại. Tới lui sanh tử giống như cửa thường mở hoác !”

Tổ Bách Trương đại từ thuận lời phát huy, thâm hợp với ý chỉ đoạn kinh này. Nơi đây mà thừa thọ, đảm đương được ngay thì *tình, tướng* liền vượt thoát, chẳng kẹt vào tà kiến. Rốt là Như Lai hẳn khen “*Hay thay*” vậy.

III. CHỈ RA MƯỜI TẬP NHÂN VÀ SÁU GIAO BÁO

Kinh : “Anan, những điều như thế đều do nghiệp báo của các chúng sanh tự chiêu cảm lấy : Tạo mười Tập Nhân thì chịu sáu Giao Báo.

“Anan, thế nào là mười Tập Nhân ? Một là thói quen dâm dục giao tiếp, phát sanh nơi sự cọ xát lẫn nhau. Cọ xát không thôi, như vậy cho nên trong ấy có ngọn lửa lớn phát động ra, như người lấy hai tay xoa xát lẫn nhau thì cảm giác nóng hiện ra. Hai cái tập khí thiêu đốt nhau, nên mới có các thứ giường sắt, cột đồng. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem việc hành dâm đồng gọi là lửa dục. Bồ tát xem thấy dâm dục như tránh hầm lửa.

“Hai là, thói quen tham lam, so đo tính toán, phát sanh nơi sự thu hút lẫn nhau. Hấp thu ôm ấp chẳng ngừng, như vậy cho nên trong ấy có chứa hơi lạnh thành giá cứng đông đặc, như người hút hơi gió vào thì cảm giác lạnh sanh ra. Hai cái tập khí lẫn nhau, nên có những sự tra tra, ba ba, la la, sen sanh, đỏ, trắng, giá lạnh v.v... Bởi thế tất cả mười phương Như Lai xem việc Tham nhiều đồng gọi là nước tham. Bồ tát xem thấy tham như tránh biển độc.

“Ba là, thói quen kiêu mạn lẫn lướt lẫn nhau phát sanh nơi chỗ ỷ thế với nhau, giống ruồi không thôi, như vậy cho nên có sự phóng túng, bốn ba, chứa sóng thành nước, như người miệng lưỡi tự chép làm cho nước bọt sanh ra. Hai cái tập khí chọi nhau nên có các việc sông máu, sông tro, cát nóng, biển độc, nước đồng bắt uống... Thế nên, tất cả mười phương Như Lai xem lòng ngã mạn, đồng gọi là uống nước si mê. Bồ tát xem thấy kiêu mạn như tránh vực thẳm lớn.

“Bốn là, thói quen nóng giận xung đột lẫn nhau, phát sanh nơi sự chống đối lẫn nhau. Chống đối hoài không thôi, tâm nổi nóng phát ra lửa, nấu cái khí thành kim loại, như vậy cho nên có núi đao, đòn sắt, cội cây gươm,

bánh xe gương, búa rìu, thương, cưa, như người bị hàm oan thì sát khí nổi lên. Hai tập khí đánh nhau, nên có các sự thiên, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đập, đánh. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự nóng giận đồng gọi là kiếm, dao bén. Bồ tát xem thấy nóng giận như tránh chém, giết.

“Năm là, thói quen giả dối, dụ gạt lẫn nhau, phát sanh nơi sự lời kéo lẫn nhau. Dẫn dụ chẳng ngừng, như vậy cho nên có dây, cây thông lọng, căng nọc, như nước thấm xuống ruộng thì cỏ cây sanh trường. Hai tập khí kéo nhau nên có các sự gông, cùm, xiềng xích, roi, gậy, qua, bổng. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự giả dối đồng gọi là sàm tặc. Bồ tát xem thấy gian dối như sợ sói, beo.

“Sáu là, thói quen lừa gạt, phỉnh dối lẫn nhau, phát sanh nơi sự phỉnh gạt lẫn nhau. Phỉnh gạt chẳng thôi, phát tâm gây điều gian dối, như vậy cho nên có bụi, đất, đại tiện, tiểu tiện, dơ nhớp chẳng sạch ; như bụi theo gió không thấy lẫn nhau. Hai cái tập khí dim nhau nên có các sự chìm đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi lăn. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự lừa gạt đồng gọi là cướp giết. Bồ tát xem thấy việc lường gạt như dấm răn độc.

“Bảy là, thói quen thù oán, hiềm khích lẫn nhau, phát sanh nơi chỗ ôm ấp lòng giận. Như vậy cho nên có quăng đá, ném gạch, củi nhót, xe tù, bình đựng, đẩy bọc, như người hiềm độc ôm ấp điều dữ. Hai cái tập khí nuốt nhau, nên có các việc ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, vát, ôm. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự thù oán đồng gọi là quỷ Vi Hại. Bồ tát xem thấy thù oán như uống rượu độc.

“Tám là, thói quen tà kiến, tranh cãi với nhau. Như thân kiến, giới cấm thủ và các nghiệp hiểu biết sai lầm, phát sanh nơi chỗ chống trái lẫn nhau. Như vậy cho nên có quan lại chứng thực, nắm giữ giấy tờ, nhiều như người đi đường qua lại gặp nhau. Hai cái tập khí giao nhau nên có các sự khám hỏi, mưu chước, vạ hỏi, đòi hỏi, gạn xét, cứu tra cho rõ ràng và những Đồng tử thiện ác tay cầm sổ sách, biện bạch, hạch sách. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem ác kiến đồng gọi là hố kiến chấp. Bồ tát xem thấy các thiên chấp hư vọng như nhìn xuống hố độc.

“Chín là, thói quen vu vạ làm hại cho nhau, phát sanh nơi chỗ phao vu, bài báng. Như vậy cho nên có núi khép, đá khép, cối nghiền, cối xay, như kẻ sàm tặc, áp bức vu oan người lương thiện. Hai cái tập khí bài xích lẫn nhau, nên có các việc áp giải, đê đập, ép máu, tuốt mình. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự vu vạ đồng gọi là cọp sàm báng. Bồ tát xem thấy sự vu vạ như bị sấm sét.

“Mười là, thói quen thừa kiện, cãi vã lẫn nhau, phát sanh ở chỗ che đậy. Như vậy cho nên có gương soi, đuốc chiếu, như giữa ban ngày chẳng thể dấu bóng. Hai cái tập khí phơi bày lẫn nhau, nên có các việc bặt ác, kiếng soi nghiệp, hỏa châu phơi bày nghiệp xưa mà đối nghiệm. Thế nên tất cả mười phương Như Lai xem sự che đậy đồng gọi là giặc ngầm. Bồ tát xem thấy sự che đậy như đội núi cao lợi trong biển lớn.

Thông rằng : Đức Thế Tôn nói về mười Tập Nhân, mỗi mỗi phối hợp với sự việc trong địa ngục, không sai mảy tơ. Tập quán thì hẳn có nguyên nhân. Cái nhân đó chỉ có thể sanh ra các tướng nước, lửa, nhưng chưa có cái dụng,

lại thêm vào các thói quen giao tiếp đối đãi nhau mà thành sắt nóng, giá lạnh... các thứ. Nhưng mười phương Như Lai ở ngay trong chỗ nhân sanh khởi mà thấy suốt sự tốt, xấu nên chẳng có sự gì để tu. Bồ tát thì biết rõ đó là cái họa hại nên thận trọng thanh khiết mà không phạm nên xa lánh chúng. Dù có địa ngục mà trước đã không có nhân, nên chỉ có Phật cùng Bồ tát mới có thể nói là không có địa ngục vậy. Còn chưa đến tâm, hạnh như thế làm sao mà cho rằng tất cả là Không.

Đức Di Lạc nói : “Trong vực giới có ba mươi sáu chốn. Đó là tám đại địa ngục. Sao là tám ? Một là Đẳng Hoạt, hai là Hác Thăng, ba là Chúng Hợp, bốn là Hiệu Khiếu, năm là Đại Hiệu Khiếu, sáu là Thiêu Nhiệt, bảy là Cực Nhiệt, tám là Vô Giám. Các chốn địa ngục này rộng mười ngàn do tuần.

“Ngoài những chỗ này lại có tám chốn địa ngục lạnh. Sao là tám ? Một là Pháo, hai là Pháo Liệt, ba là Hác Phàm, bốn là Hác Hác Phàm, năm là Hổ Hổ Phàm, sáu là Thanh Liên, bảy là Hồng Liên, tám là Đại Hồng Liên. Từ chỗ này xuống ba mươi hai ngàn do tuần thì đến Đẳng Hoạt. Từ chỗ này lại cách bốn ngàn do tuần thì có địa ngục khác như chốn đại địa ngục Đẳng Hoạt. Chốn địa ngục lạnh ở trước cũng vậy. Từ chỗ này lại cách hai ngàn do tuần có các địa ngục khác nữa.”

Ngài lại dạy : “Ở trong đại địa ngục Đẳng Hoạt chịu nhiều cực hình khổ sở. Các hữu tình kia phần nhiều hưởng về chỗ tạo nghiệp tăng thượng, sanh ra đủ thứ khổ, lần lượt khởi lên mà tàn hại lẫn nhau, chết giặc nằm lẫn lóc trên đất. Khi ấy trên không có tiếng nói lớn, xưng lên rằng “Các hữu tình kia được sống trở lại hết thảy”. Liền đó, các hữu tình lại bỗng đứng dậy.”

Xem đây thì rõ là địa ngục không phải là không có chỗ nhất định.

Kinh Tịnh Độ Tam Muội nói : “Xưa Quốc Vương Tỷ Sa và Thủy Vương Duy Đà đánh nhau. Vua Duy Đà thua, phát thệ nguyện làm vua dưới đất. Khi ấy, bề tôi vua có mười tám người dẫn một trăm vạn người nguyện trên đầu mọc sừng theo vua giúp trị theo pháp để xử trị người có tội. Nay gọi là vua Diêm La, Ngũ Đầu, A Bàn đó vậy.”

Xem đây thì rõ ràng địa ngục cùng thân thể chẳng phải từ mười phương đến, mà chỉ do ác nghiệp trói buộc sanh ra thân địa ngục vậy.

Mười Tập Nhân : dâm, tham, mạn, sân, trá, cuống, oán, ác kiến, vu vạ và kiện tụng tương tự như năm mươi mốt Tâm Sở : phẫn, hận, não, phú, cuống, siểm, kiêu, hại... Nhưng vì sao tóm lại thành mười ? Ở đây, chỉ kể các nghiệp bất thiện. Cho nên tham, sân, mạn và tà kiến thuộc về ý nghiệp, mà mạn được gọi là uống nước si, thì trong đã có si vậy. Oán, sân và dâm thuộc về thân nghiệp mà tập khí oán, sân, sát... thì sát, đạo đã ở trong đó vậy.

Cuống, trá, vu vạ, kiện tụng thì ý nghĩa cũng tương tự. Vì sao phân ra bốn ? Vì đó là bốn cái thuộc về khẩu nghiệp. Cho nên cuống là vọng ngữ, trá là ỷ ngữ, vu vạ là lời ác, và kiện tụng là lưỡng thiệt. Dâm là chỗ tự đến của thân kiến, lại là gốc ban đầu tạo nghiệp nên đầu hết nêu ra dâm. Dâm do cọ xát mà sanh lửa. Tham do thu vào mà sanh nước. Tương tự như người dương thịnh thì nằm mộng thấy lửa, người âm thịnh thì nằm mơ thấy nước. Giường sắt, cột đồng là cái thói quen chông chất của vọng tưởng ôm giữ, nằm nghỉ lâu dài vậy.

Ba ba, tra tra, la la là âm thanh rên chịu lạnh. Đó là tên khác của hổ hổ, hác hác. Sen xanh, đỏ, trắng là màu của băng lạnh vậy. Nước si ở Thiên Trúc có, hễ uống vào thì si mê, cùng loại với nước suối tham, uống vào thì á khẩu, to bụng. Sự kiêu dật cũng có mùi vị ấy nên người cùng siểm nịnh thì như ngâm trong nước bắn mà chẳng tự biết.

Thói quen dâm dục do nóng bức mà phát hỏa, tự hao tinh khí.

Thói quen nóng giận do nghịch khí phát hỏa, làm mạnh thêm khí nóng. Hỏa khắc kim nên nung đốt cái khí khiến cho khí tuy cứng mà phải tự thương tổn.

Thói quen dối trá nường nơi gian dối mà khởi ác, ban đầu là cười vui, kế đến là lan man. Cái trí xảo như nước nên giả dối lấy trí mẹo làm đầu, nhưng beo sỏi tuy rất nhỏ mà có thể ăn cợn.

Thói quen lừa gạt thì giả vờ có đức hạnh khiến người khác mê mờ, ví như gió nổi bụi khiến người không thấy. Bởi thế sự cướp hại, lừa người không thấy cũng như rắn độc bất ngờ cắn người vậy.

Giận dữ lộ ra ngoài nên sát khí nổi lên, thuộc về sát. Oán ghét chứa bên trong nên ôm giữ độc ác như lấy bao trùm người mà đánh, đó là việc ám muội, tức thuộc về trộm. Quỷ Vi Hại, rợu chim Cừ đều là âm độc.

Thói quen tà kiến có năm : Một là thân kiến, là chấp thân có thực nên toan tính đủ điều. Hai là biên kiến, đó là với tất cả các pháp chấp là đoạn, là thường. Ba là tà kiến, là hiểu sai ngộ lầm, bác bỏ không có nhân quả. Bốn là kiến thủ, đó là chẳng phải thật quả mà cho là quả, ví như lấy cõi trời Vô Tướng mà cho là Niết Bàn. Năm là giới cấm

thủ, đó là chẳng phải nhân mà cho là nhân, ví như giữ giới chó, bò... mà cho là nhân để sanh cõi Trời. Năm tà kiến này gọi chung là ác kiến, tương phản lẫn nhau, như người đi đường, kẻ đi người lại, chỗ thấy biết trái khác nhau, nên cần phải khám hỏi. Ép uống người lương thiện, chẳng vắn vẹo mà làm ra vắn vẹo, nên bị ép cái xác, khô kiệt máu huyết, hoặc cân đo máu và xác cho đúng lượng, như loài súc vật vậy.

Thói quen kiện tụng thì do đây kia, sanh ra chuyện kiện thưa, đâm ra nhọc nhằn, giống như đội núi mà đi dưới biển, Bỏ tát há chịu làm ư ?

Năm kiến chấp và tham, sân, si, mạn đoạn rồi thì chứng quả Thứ Ba là đoạn trừ hoặc của chín phẩm của địa dưới. Còn các hoặc⁽¹⁾ này chẳng có đoạn thì tạo nghiệp không ngắt, có nhân thế nào thì quả phải thế ấy.

Xưa, có Ông Lý Lưu Hậu, tự Đoan Nguyên hỏi Thiền sư Đạt Quan rằng : “Người chết rồi đi về đâu ?”

Tổ Quan nói : “Chưa biết sống sao biết chết ?”

Ông Lý nói : “Sống thì Đoan Nguyên này biết rồi.”

Tổ Quan nói : “Sống từ đâu đến ?”

Ông Lý trầm ngâm.

Tổ vỗ vào ngực, nói : “Chỉ tại trong ấy, suy nghĩ cái gì ?”

Ông Lý : “Dạ, hiểu. Chỉ biết đường ham, ngờ đâu lạc nẻo !”

Tổ khoát gạt ra, bảo : “Trăm năm một giấc chiêm bao.”

Ông Lý lại hỏi : “Địa ngục rốt cùng là có hay không ?”

¹⁾ Lầm lạc.

Tổ đáp : “Chư Phật hướng về trong Không mà nói Có : mắt thấy Không-hoa. Ông lại ở trong Có tìm Không : tay mò trăng dưới nước. Nực cười thay trước mắt thấy nhà tù mà không tránh, ngoài tâm thấy thiên đường mà muốn sanh về ! Đâu biết thích sợ tại tâm thì thiện ác thành tự. Ông chỉ rõ biết Tự Tâm, tự nhiên không nghi hoặc !”

Ông Lý hỏi : “Tâm làm sao rõ ?”

Tổ đáp : “Thiện ác thả chẳng suy lường !”

Ông lại hỏi : “Chẳng suy lường rồi, tâm về chốn nào ?”

Tổ nói : “Mời Thái úy về sở làm.”

Tổ Động Sơn hỏi nhà sư : “Ở đời cái gì là khổ nhất ?”

Nhà sư đáp : “Địa ngục khổ nhất.”

Tổ Sơn nói : “Không phải đâu ! Ngoảnh về dưới sợi chỉ dệt áo này mà chẳng rõ chuyện đại sự, ấy mới khổ.”

Ngài Đơn Hà tụng rằng :

*“Vạc sôi lò lửa bao nhiêu chuyện
Địa ngục, tam đồ khổ hết than !
Phải tin Tổ Động, lời thân thiết
Dưới lớp cà sa chớ mơ màng !”*

Rõ đại sự thì không có nhân địa ngục, nên địa ngục chưa phải là khổ. Còn chẳng rõ Tự Tâm thì khổ hết chỗ than !

Kinh : “Thế nào là sáu Giao Báo ? Anan, hết thả chúng sanh sáu thức tạo nghiệp nên chiêu lấy ác báo từ sáu căn ra.

“Thế nào là Ác Báo từ sáu căn ra ?

“Một là, ác báo về thấy chiêu dẫn ác quả. Nghiệp giao báo về thấy này là khi lâm chung, trước hết thấy lửa

hừng đầy cả mười phương, thần thức người chết bay đọa theo khói vào ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng : Một là, thấy sáng thì thấy khắp các thứ vật dữ, sanh sợ hãi ghê gớm. Hai là, thấy tối thì lạng soi chẳng thấy gì sanh hoảng sợ vô cùng. Lửa-thấy như vậy đốt cái nghe thì có thể làm thành vạc sôi, đồng chảy ; đốt hơi thở thì có thể làm thành lửa đỏ, khói đen ; đốt cái ném thì có thể làm thành hòn lửa, cơm sắt ; đốt cảm xúc thì có thể làm tro nóng, lò than ; đốt tâm thức thì có thể sanh sao lửa rưới khắp, làm rung động cõi hư không.

“Hai là, ác báo về nghe chiêu dẫn ác quả. Nghiệp giao báo về nghe này là khi lâm chung, trước hết thấy sóng cuộn ngập chìm trời đất, thần thức người chết sa xuống theo dòng nước vào ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng : Một là, nghe rõ thì nghe đủ thứ ồn ào, tinh thần bán loạn. Hai là, điếc hẳn, lạng ngất không nghe thấy gì, thần phách chìm đắm. Sóng nghe như vậy rót vào cái nghe thì có thể làm thành trách móc, cật vấn ; rót vào cái thấy thì có thể làm thành sấm, thành tiếng rống, làm hơi độc dữ ; rót vào hơi thở thì có thể làm thành mưa thành mù, rưới các sâu độc đầy khắp thân thể ; rót vào cái ném thì có thể làm thành mủ, máu, các thứ dơ bẩn ; rót vào cảm xúc thì có thể làm súc vật, làm quỷ, làm phân, làm nước tiểu ; rót vào tâm ý có thể làm thành chớp, mưa đá, đập nát tâm phách.

“Ba là, ác báo về ngửi chiêu dẫn ác quả. Nghiệp giao báo về ngửi này là khi lâm chung, trước hết thấy hơi độc đầy đầy xa gần, thần thức người chết từ đất trở lên vào ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng : Một là, ngửi thông thì bị các hơi độc xông tột bực làm cho tâm rối loạn. Hai là, nghẹt mũi, hơi ngạt không thông, nằm chết giắc trên

đất. Hơi người như vậy xông vào hơi thở thì có thể làm thông, làm ngạt ; xông vào cái thấy thì có thể làm thành lửa, thành đước ; xông vào cái nghe thì có thể làm chìm ngập, làm chết đuối, làm nước lớn, làm nước sôi ; xông vào cái nếm thì có thể làm sinh, làm thối ; xông vào cái cảm xúc thì có thể làm xấu, làm nát, làm ra núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt, hút ăn không cùng ; xông vào ý nghĩ thì có thể làm ra tro, ra khí độc, làm gạch đá bay lên đánh nát cơ thể.

“Bốn là, ác báo về nếm chiêu dẫn ác quả. Nghiệp giao báo về nếm này là khi lâm chung, trước hết thấy lưới sắt nung đỏ che khắp thế giới, thần thức người chết từ dưới tung lên, mắc lưới treo ngược đầu xuống vào ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng : Một là, nuốt vào thì kết thành giá lạnh làm nứt nẻ thân thể. Hai là, mưa ra thì bay lên thành lửa hừng, tiêu rụi xương tủy. Nếm biết như vậy, qua cái nếm thì có thể làm ra nhận ra chịu ; qua cái thấy thì có thể làm ra các thứ kim thạch đốt cháy ; qua cái nghe thì có thể làm bình khí sắc bén ; qua hơi thở thì có thể làm lồng sắt rộng che hết cõi nước ; qua cảm xúc thì có thể làm thành cung, thành tên, làm nổ, làm bắn ; qua ý nghĩ thì có thể làm sắt nóng bay, từ trên không rơi xuống.

“Năm là, ác báo về xúc chiêu dẫn ác quả. Nghiệp giao báo về xúc này là khi lâm chung, trước hết thấy núi lớn bốn mặt áp lại không còn lối ra, thần thức người chết thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, cọp sói, sư tử, lính ngục đầu trâu, la sát đầu ngựa tay cầm giáo chia lửa vào cửa thành hướng về ngục Vô Gián, phát sanh hai tướng : Một là, hợp xúc thì núi ép kẹp mình, xương thịt nát ra máu. Hai là, lia xúc thì đao kiếm chạm đụng mình, tim

gan cắt xẻ. Xúc hợp như vậy qua cái xúc thì có thể làm ra đường, ra quán, làm nha sảnh, làm tòa án ; qua cái thấy thì có thể làm đốt, làm nung ; qua cái nghe thì có thể làm thành đập, đánh, đâm, bắn ; qua hơi thở thì có thể làm thành trùm, đẩy, tra, trói ; qua cái nếm thì có thể làm cày, làm kềm, chém, chặt ; qua ý nghĩ thì có thể làm rớt, làm bay, làm nấu, làm nướng.

“Sáu là, ác báo về ý chiêu dẫn ác quả. Nghiệp giao báo về ý này là khi lâm chung, trước hết thấy gió dữ thổi nát cõi nước, thân thức người chết bị thổi lên trên không, xoay rơi theo gió, sa vào ngục Vô Gian, phát sanh hai tướng : Một là, không biết, tội mê thì hoang mang, rong chạy không ngừng. Hai là, chẳng mê, hay biết thì khổ, bị nung đốt không cùng, đau buốt không chịu nổi. Ý làm lạc như vậy kết vào ý nghĩ thì có thể làm thành nơi, làm chốn ; kết vào cái thấy thì có thể làm gương soi, làm chứng cứ ; kết vào cái nghe thì có thể làm ra núi lớn xấp vào nhau, làm ra giá, ra sương, ra đất, ra mù ; kết vào hơi thở thì có thể làm ra xe lửa lớn, làm thuyền lửa, làm rọ lửa ; kết vào cái nếm thì có thể làm kêu la to, làm ăn năn, làm khóc lóc ; kết vào cái xúc thì có thể làm ra lớn, làm ra nhỏ, làm cho trong một ngày vạn lần sống, vạn lần chết, làm té sấp, té ngửa.

“Anan, đó là mười Tập Nhân và sáu Quả Báo của địa ngục. Nhân quả ấy đều do cái mê vọng của chúng sanh tạo ra. Nếu các chúng sanh tạo hết các nghiệp dữ thì vào địa ngục A Tỳ, chịu vô lượng khổ, trải qua vô lượng kiếp. Các căn trong sáu căn tạo riêng và nghiệp tạo ra gồm cả căn lẫn cảnh thì người ấy vào tám địa ngục Vô Gian. Ba thứ thân, khẩu, ý làm ra sát, đạo, dâm thì người đó vào Thập Bát Địa Ngục. Không đủ cả ba nghiệp,

trong đó chỉ có một cái hoặc sát hay đao thì người ấy vào trong Tam Thập Lục Địa Ngục. Chỉ có một căn riêng phạm một nghiệp, người ấy vào Nhất Bách Bát Địa Ngục.

“Đó là do chúng sanh riêng làm, riêng tạo, nên ở trong thế giới vào chỗ đồng phạm, duyên từ vọng tưởng phát sanh, chẳng phải vốn là tự có.

Thông rằng : Chỗ hiện báo chuốc lấy của mười Tập Nhân là từ kiến phần sanh ra. Có nhân ấy thì có báo ấy, mỗi tùy theo loại. Sáu cái giao báo ấy là do sáu thức căn trần gồm thành tướng phần. Hiện báo lúc lâm chung và quả báo sanh vào địa ngục tuy chẳng lia các căn nhưng khi tạo ác nghiệp của mười tập nhân thì sáu căn đều sử dụng, nên một căn chịu ác báo thì sáu căn cũng giao nhau cái ác báo đó vậy. Ví như một cái nghiệp tham mùi vị : Lưỡi nếm sanh mạng khiến các cái kia cũng chịu lây. Cho nên khi lưỡi chịu quả báo, vì món ăn này mà dùng lửa nấu nướng, nên cái thấy là sắt đá nóng ; vì món ăn này dùng dao cắt xẻ, nên cái nghe là dao kiếm bén ; vì món ăn này, quay nướng thơm tho nên hơi thở là lông sắt lớn ; vì món ăn này bắn giết thú, chim nên xúc là tên cung nổ ; vì món ăn này, mong tưởng khát khao nên ý nghĩ là sắt nóng bay. Đó là sáu giao báo của thiệt căn, các căn khác có thể từ đó suy ra vậy.

Bộ Hiệp Luận dẫn kinh Dịch để chứng minh : Ly là mắt, Khảm là tai, Cấn là mũi, Đoài là miệng, Khôn là thân, suy nghĩ lại là Ly Hỏa của địa vị tâm. Đốt cái nghe thì Ly Hỏa biến nơi Khảm Thủy nên làm ra vạc sôi, đồng chảy. Đốt hơi thở thì Ly Hỏa biến nơi Cấn Thổ nên làm ra khói đen, lửa đỏ. Đốt cái nếm thì Ly Hỏa biến nơi Đoài Kim nên làm ra hòn lửa, cơm sắt. Đốt cái xúc thì Ly Hỏa biến nơi Khôn Thổ nên làm ra tro nóng, lò than. Đốt tâm thức thì

Ly Hỏa biến nơi Ly Hỏa của địa vị tâm nên làm ra lửa sao rưới khắp. Đối với sự đốt cái thấy thì nghĩa đồng nhau, nên không lập lại, chứ không phải sót. Mỗi mỗi suy ra khá phù hợp, có vẻ mới lạ.

Sáu căn cùng tạo tác đủ cả mười nghiệp thì quá là đọa vào địa ngục A Tỳ Vô Gián. Nghiệp đã không gián đoạn thì khổ cũng vô gián. Nếu một căn mà gồm đủ ba, bốn căn ; trong mười nghiệp mà thiếu hai, ba nghiệp ; và ba thứ thân, khẩu, ý chẳng hết cả sáu căn, tạo nghiệp sát, đạo, dâm không đủ cả mười tập nhân, hoặc đủ hai khuyết một, hoặc phạm một thiếu hai thì nghiệp nhẹ hơn nên khổ ít hơn. Nghiệp tuy mỗi người tạo riêng nhưng khổ thì cùng chịu, nặng nhẹ chẳng bằng nhau, mỗi mỗi đều có chỗ sẵn, hết thấy do sáu căn làm môi giới vậy.

Ở đoạn trước, mười phương vi trần Như Lai khác miệng đồng lời, nói với Ông Anan rằng : “Lành thay ! Anan, ông muốn biết về cái câu sanh Vô Minh. Cái khiến ông luân chuyển, kết căn của sanh tử chỉ là sáu căn của ông chứ chẳng phải gì khác. Ông lại muốn biết vô thượng Bồ Đề, khiến ông chóng chứng an lạc giải thoát tịch tịnh diệu thường, cũng là sáu căn của ông chứ chẳng phải gì khác !” Ôi, một căn tạo nghiệp thì sáu căn chịu ác báo là như vậy. Một căn thanh tịnh thì các căn được thanh tịnh cũng là như vậy. Cơ mê ngộ chỉ trong khoảng sắp giữa bàn tay ! Bởi thế, thấy biết mà xoay lại thì lửa chẳng thể đốt. Thấy, nghe xoay về thì nước chẳng thể chìm. Chỉ khiến một căn về nguồn, sáu căn liền giải thoát. Đã không có nghiệp nhân thì cái gì là nghiệp quả ? Vọng tưởng chẳng sanh, khắp khắp là chân tịnh. Lại còn có địa ngục nào ư ?

Tổ Dược Sơn chỉ dạy đại chúng rằng : “Tổ Sư chỉ dạy các ông bảo hộ. Tham, sân nổi lên, một mực đề phòng,

ngăn cấm. Chẳng có dạy thôi cảm xúc. Ấy là tự ông muốn như cây khô, tảng đá ! Lại cần gánh vác, thật không có lá cành chi khá được. Tuy nhiên như thế, lại nên tự xem, chẳng được tuyệt bỏ lời lẽ nói năng. Ta nay vì các ông nói ra cái lời lẽ ấy, hiển bày cái không lời. Cái ấy xưa nay vốn không có các thứ tai, mắt !”

Khi ấy, có nhà sư hỏi : “Sao có sáu đường chúng sanh ?”

Tổ Sơn nói : “Ta nơi yếu luân đây, tuy ở trong đó, vốn là chẳng nhiễm !”

Hỏi : “Chẳng rõ phiền não trong thân thì như thế nào ?”

Tổ Sơn nói : “Phiền não là cái tướng trạng gì ? Ta lại muốn ông xét xem coi, lại có một thứ gì chẳng ? Chỉ xem trên lưng giấy ba thứ ngữ ngôn ghi chép thì đa phần bị Kinh, Luận làm cho lậm lạc. Tôi chẳng từng xem sách vở, Kinh, Luận gì ráo ! Ông chỉ vì mê nơi sự mà bỏ chạy. Tự mình chẳng định nên bèn có sanh tử tâm ! Chưa từng học được một lời hay nửa câu, một kinh một luận nào thì nói cái gì Bồ Đề với Niết Bàn, thế với xuất thế ? Còn cứ Bồ Đề, Niết Bàn, thế với xuất thế, đó là sanh tử. Như chẳng bị sự được, mắt ấy ràng buộc tức là không có việc sanh tử. Ông có thấy Luật sư nói các đề mục trong giới luật thế ấy chính là cội gốc sanh tử. Tuy nhiên như thế, nghiên cứu rất ráo sanh tử bèn chẳng thể đắc.

“Trên đến chư Phật, dưới đến sâu kiến, trọn cả đều có Cái Ấy, dù cho dài ngắn tốt xấu chẳng đồng. Cái Ấy chẳng từ ngoài đến thì chỗ nào có người rời rảnh đào địa ngục chờ ông ? Ông muốn biết nẻo địa ngục thì nay đây chỉ cái kẻ nấu vạc nước sôi là đó. Muốn biết nẻo nạ quý thì nay đây chỉ cái kẻ nhiều dối, ít thật, khiến người không tin là đó. Muốn biết nẻo súc sanh thì hiện đây kẻ không

biết nhân nghĩa, không rõ thân sơ là đó. Há đợi gì mang lông đội sừng, chặt cứt, treo ngược ư ? Muốn biết trời, người thì chỉ nay đây người oai nghi trong sạch, ôm bát trì bình là đó. Thiết thân bảo nhậm thì khỏi đọa các nẻo. Thứ nhất là chẳng được vất bỏ Cái Ấy. Cái Ấy chẳng phải là dễ được. Cần hương về đỉnh núi chót vót mà đứng, đáy biển mịt mù mà đi ! Chỗ ấy không dễ dàng đi đứng mới có chút phần tương ứng.

“Như nay bày lộ ra đều là người lảm chuyện, thì làm sao mà tìm cái người si độn kia cho được ! Đừng chỉ ghi nhớ lời lẽ trong sách mà làm cái thấy biết của mình, thấy người không hiểu thì sanh ra khinh mạn. Cái đám đó đều là ngoại đạo, xiển đề có ăn nhằm gì cái tâm ấy đâu ! Cần miên mật mà xét cho thấu suốt ! Có nói như vậy cũng vẫn còn là chuyện bờ mé của tam giới !

“Ở dưới lớp áo thầy tu chớ có bỏ luống qua. Đến trong ấy lại càng tế vi nhậm nhiệm ! Chớ có rồi nhàn, cần nên trân trọng !”

Lại như Tổ Mục Châu cùng vị Giảng sư đang uống trà.

Tổ Mục Châu nói : “Tôi cứu ông chẳng được đâu !”

Nhà sư đáp : “Dạ, tôi không hiểu, xin thầy chỉ bày.”

Tổ Châu chỉ cái bánh chiên, hỏi : “Đó là cái gì vậy ?”

Nhà sư đáp : “Sắc pháp !”

Tổ Châu nói : “Cái gã chun vào vạc dầu sôi này ! Chẳng kể tại gia hay xuất gia, chỉ là tự gây nghiệp, gồm căn, gồm cảnh mà chẳng được giải thoát !”

Kỳ dị thay lời lẽ của hai Ngài Dược Sơn, Mục Châu !

Kinh : “Lại nữa, Anan, nếu các chúng sanh đó chẳng phá luật nghi, phạm Bồ tát Giới, hủy báng Niết Bàn của

Phật mà chỉ phạm những tạp nghiệp khác thì sau nhiều kiếp bị thiêu đốt, đền hết tội rồi thì chịu những hình quỷ.

“Nếu nơi bản nhân do tham vật mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp vật thành hình gọi là Quái Quỷ. Do tham sắc mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp gió thành hình gọi là Bạt Quỷ. Do tham đối trá mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp súc vật thành hình gọi là My Quỷ. Do tham hận mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp sân thành hình, gọi là Cổ Độc Quỷ. Do tham ghi nhớ mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp sự suy tàn thành hình, gọi là Lệ Quỷ. Do tham ngạo mạn mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp khí thành hình, gọi là Ngạ Quỷ. Do tham lừa gạt mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp u uẩn thành hình gọi là Áp Quỷ. Do tham vạch bày mà làm nên tội thì khi đền tội xong, gặp tinh hoa thành hình, gọi là Vọng Lượng Quỷ. Do tham thành tựu mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp bóng sáng thành hình, gọi là Dịch Sử Quỷ. Do tham bè đảng mà gây nên tội thì khi đền tội xong, gặp con người thành hình, gọi là Truyền Tống Quỷ.

“Anan, những người ấy đều do thuần Tình mà đọa lạc, khi lửa nghiệp đốt khô rồi thì lên làm Quỷ. Các thứ ấy đều do cái nghiệp tự vọng tưởng chiêu dẫn tới ; nếu ngộ được Bồ Đề thì trong tánh diệu viên minh, vốn nào đâu có.

Thông rằng : Thuần tình, nghiệp nặng ắt là bị đọa lạc. Lửa nghiệp thiêu khô, thần thức chẳng mê muội nên lại đời nghiệp mà lạc vào nẻo Quỷ. Ái nhiễm thì sanh tình, tình bắt đầu ở tham nên mười tạp nhân đều lấy tham mà nói vậy.

Tham vật thì làm Quái Quỷ, vì lấy chẳng đúng lý. Đời Tấn, có Thạch Ngôn, Vật Bằng là đó vậy.

Tham sắc thì là Bạt Quỷ, gió dâm cần quét làm tiêu tan mây, mưa. Đất Trung Châu gặp hạn hán thì cầu khắp Bạt Quỷ ở mồ mả, đầu lớn hơn cái đầu.

Tham đối trá thì làm My Quỷ, thói quen gian trá chưa quen nên biến hiện dáng đẹp dễ để lừa người.

Tham hận thì làm Cổ Độc Quỷ, kết oán hờn nơi ý nên chịu làm loài rắn độc để phun nọc độc. Ở Vân Nam, Quý Chân có nhiều, chỉ có điều là theo ý người.

Tham ghi nhớ thì làm Lệ Quỷ, giận hờn chẳng bỏ, khắc sâu vào cốt tủy, luôn luôn chờ người suy vi mà báo thù.

Tham ngạo mạn thì làm Nga Quỷ, trong không có đức, bụng rộng mà lòng cống cao, ấy là trước tự khinh đối lấy mình vậy.

Tham lừa gạt thì làm Áp Quỷ, thói quen đối trá lừa người, giống như đối gạt người ngủ say.

Tham vạch tội chỉ trích thì làm Vọng Lượng Quỷ, mỗi chấp lấy tà kiến của mình, làm yêu tinh ở núi, đầm, giống như ngũ hành hóa thành yêu quái.

Tham thành tựu thì làm Dịch Sử Quỷ, thói quen lao tâm uống phí, để thành lỗi cho người, cứ mãi miết không thôi.

Tham bè đảng thì làm Truyền Tống Quỷ, thói quen kiện tụng úp mở, đưa lời chuyển lẽ, quả báo ở loài Quỷ mà còn nương nơi người để báo đền họa phúc.

Mọi thứ này đều là nghiệp báo tự mình chuốc lấy. Như ngộ được Bồ Đề thì giống như mộng bỗng tỉnh, đâu có lời nói mới, nên nói là "Vốn không có gì".

Có nhà sư hỏi Thiền sư Linh Ẩn Phật Hải : “Xưa, có một ông Tú Tài làm xong bài luận *Không có Quỷ* thì có một con Quỷ quát rằng : “Còn ta thì sao ?” Ý ra làm sao ?”

Ngài lấy tay gãi trán, nói : “Đâu giống !”

Nhà sư hỏi : “Còn như Ngũ Tổ lấy tay làm mỏ chim Bọt Cừu mà kêu : “Cúc cu cu !” lại là thế nào ?”

Ngài nói : “Tự độc xuất đấy. Tuy vậy chẳng dặng cứ một bề.”

Xưa, Thị giả Hữu Ngộ thấy chỗ ném củi cháy tàn, có sự tỉnh ngộ, bèn đến phương trượng báo chỗ tỏ ngộ với Lạc Đàm Thâm Thiền sư.

Tổ hét đuổi ra.

Hữu Ngộ vì thế thất chí, tự đến nhà cầu của Tổ Diên Thọ Đường, sau đó không ra nữa.

Đại chúng lấy làm lạ.

Thiền sư Trạng Đường Chuẩn nghe được, một mình đến nhà cầu, vừa mới cởi áo thì Hữu Ngộ liền đưa nước sạch đến.

Tổ Chuẩn nói : “Chờ ta cởi áo đã !”

Cởi áo xong, Hữu Ngộ lại đến, chốc lát lại dâng cây chùi dít.

Tổ Chuẩn rửa sạch xong, kêu đem thùng nước đi. Hữu Ngộ vừa cầm lấy, Tổ Chuẩn nắm lấy tay, nói : “Ông là Ngộ Thị giả đấy ư ?”

Đáp rằng : “Dạ, phải.”

Tổ Chuẩn nói : “Có phải là khi ở liêu tri khách, ông thấy khươi củi đỏ mà có chỗ ngộ đấy không ? Chuyện tham thiền học Đạo chỉ cốt yếu là biết chỗ an trụ của bốn mệnh nguyên thần. Ông gượng ép làm vậy thì khó thành tựu. Khi

ông ở tàng điện, đời giày của vị Thủ tọa, há chẳng phải là sự ngộ đắc ngay khi ấy ư ? Do đâu mà không biết chỗ an trụ ấy ? Lại ở trong cái ấy mà làm phiền rối đại chúng !”

Tổ Chuẩn xô mạnh, tan tác như vách đổ. Từ đó không còn thấy nữa. Chỗ tay Ngài nắm nổi lần, hơn nửa tháng mới hết.

Đây là chưa vào địa ngục mà làm Quỷ, vốn không có cái nhân địa ngục nên địa ngục chẳng nhận ! Được thứ đại cam lồ đây mà uống thì liền vãng sanh tùy ý nguyện. Như Tổ Trạng Đường Chuẩn thì không chỉ biết tình trạng của quỷ thân mà lại còn có thể vì chúng quỷ mà thuyết pháp cho nữa.

Kinh : “Lại nữa, Anan, nghiệp quỷ đã hết thì hai thứ tình và tướng đều không, mới ở thế gian cùng người nợ cũ oán đối gặp nhau, thân làm súc sanh, để trả nợ xưa.

“Loài Quái Quỷ thì khi vật tiêu tan, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm chim Cưu. Loài Bạt Quỷ thì khi gió tiêu tan, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài báo điềm kỳ dị. Loài Mỵ Quỷ thì khi súc chết, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chồn, cáo. Loài Cổ Quỷ thì khi sâu bọ diệt, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài có độc. Loài Lệ Quỷ thì khi sự suy dứt, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun. Loài Ngạ Quỷ thì khi khí tiêu, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài bị ăn thịt. Loài Áp Quỷ thì khi u uẩn tiêu, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cung cấp đồ mặc. Loài Vọng Lượng Quỷ thì khi tinh hoa tiêu, quả báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm chim mùa. Loài Dịch Sử Quỷ thì khi bóng sáng diệt, quả báo hết, sanh

nơi thế gian, phần nhiều làm loài báo điềm lành. Loài Truyền Tống Quỷ thì khi người chết, quá báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài thuần hóa.

“Anan, các loài ấy đều do lửa nghiệp đốt xong, sanh làm súc vật để trả nợ cũ. Hết thủy cũng đều tự hư vọng chiêu dẫn lấy nghiệp mà ra. Nhưng ngộ Bồ Đề thì các vọng duyên ấy vốn không chỗ có !

Thông rằng : Tình, tưởng đã không, đáng ra không còn chỗ vướng mắc, vượt ngoài sự vật, nhưng chẳng khỏi làm súc vật vì trả nợ cũ vậy. Đây là chỗ nói “*Rõ, liền nghiệp chướng bốn lai không ; chưa rõ, bèn đến xong nợ cũ*”.

Bởi do lửa nghiệp thiêu khô nên tình, tưởng tạm thời chẳng sanh. Giống như người vác nặng đi xa, khí lực kiệt quệ nên muôn mối lo nghĩ đều không, cái ấy chưa thật là Không vậy.

Chim Cưu nương cục đất cho là con, chẳng lìa nơi Quái, đều do tham vật mà ra. Loài báo điềm xấu như chim Thương Dương báo về thủy tai, con Hạt Vũ báo về hạn hán. Bạt Quỷ quạt gió dâm cũng là thứ không lành, nên làm loài báo điềm xấu. Mỵ Quỷ thường nương chồn, cáo nên làm chồn, chồn nhiều xảo trá vì thói quen còn sót vậy. Cổ Quỷ nhóm tụ nhiều trùng độc mà ra, nên làm loài có độc, sự oán độc sâu xa nên nhiều lần biến đổi mà chẳng quên. Lệ Quỷ dựa tai, nương họa, vào trong thân người chuyển làm loài giun sán nương tựa trong thân, là sự sót lại của sân hận vậy. Ngạ Quỷ thì chịu đói, chuyển làm loài bị ăn thịt đó là do thói quen ngạo vật kiêu mạn, nên làm cái cho người nhai. Áp Quỷ nương tựa người, nên sanh làm trâu, ngựa hay tầm kén để người may mặc, rốt cuộc biểu lộ sự lửa đối tai mắt vậy. Vọng Lượng Quỷ là do thói vạch lỗi

hòa với khí ở núi, đầm thì sanh làm loài chim mùa, như chim Xả Yến, Hàm Hồng, ứng với thời tiết bốn mùa, mỗi thứ cũng có cái sở kiến riêng vậy. Dịch Sử Quỷ cứ sao làm loài báo điềm lành ? Ấy là do ban đầu Diên Đảo thị phi, cái tâm thị phi chẳng phải là không sáng soi, nên khi tình chấp, hư dối hết thì tâm chân thật sanh. Nay làm loài báo điềm lành bởi vì chám dứt sự nhọc nhằn bị sai sử vậy. Truyền Tống Quỷ vì sao phần nhiều làm loài thuần hóa ? Vì trước nương người nên thường thuận theo người, nay quả báo có trí khôn, có thể nuôi dạy, ấy cũng là cái tâm tranh cạnh mà cam chịu nghe lời vậy.

Các thứ vọng duyên này do vọng kiến sanh. Như ngộ Bồ Đề, như mắt không nhắm thì đâu có bóng lò, nên nói rằng “*Vốn không chỗ có*”.

Tổ Huyền Sa thượng đường : “Ông đã có cái chỗ xuất thân rõ ràng hiện giờ kỳ đặc như thế, sao chẳng phát minh lấy ? Vì đâu lại theo phía khác để hướng trong miếng thân ngũ uẩn, trong chốn nẻo Quỷ làm kế sanh nhai ? Ngay đây mà tự lừa dối rồi đó ! Bỗng nhiên quý vô thường giết hại đến đây thì với cái mắt mũi lừa dối, thân kiến, mạng kiến làm sao đảm đương cho nổi. Khác nào đang sống mà đòi thoát khỏi mu rùa, khổ thay !

“Này các nhân giả ! Chớ có nắm giữ cái kiến giải ngủ gật đó, dẹp bỏ ngay đi ! Chưa chịu hiểu thì đầu lông trùm phủ đó, ông có biết không ? Ba cõi không yên, giống như nhà lửa, vả chẳng ông chưa phải là người đã an lạc, chỉ rặt rông gây nhóm, tạo bầy, liên can đến đời người khác, bay đi mé này, mé kia, khác nào nai hoang chỉ tìm ăn mặc. Nếu như vậy là tranh giành vương đạo của người khác, biết chẳng ?

“Quốc Vương, đại thần chẳng bó buộc ông ; cha mẹ để cho ông xuất gia ; mười phương thí chủ cúng dường các ông cơm áo ; Thổ Địa, Long Thần la mắng, giữ gìn ông. Vậy cần đủ hổ thẹn, biết ơn mới được. Chớ cô phụ lòng tốt của người, cứ mãi xếp hàng trên sàng, bảm níu, rục rã mà cho là an lạc. Chưa ở trong đó thì đều là hạng được nuôi cơm cháo để tương tự như trái bầu lông chín héo.

“Thay đổi đi ! Chôn xuống đất đi thôi ! Nghiệp thức mang mang, không gốc gác để nương nhờ. Sa môn mà do sao đến nỗi thế này ? Chỉ giống như sâu bọ loi nhoi trên đất, tôi gọi là đời ở địa ngục !

“Như nay mà chẳng rõ, mai kia mốt nọ vào trong thai lữa, bụng ngựa, xỏ mũi kéo cày, mang yên đóng hàm, cối đâm chày giã, nước lửa nấu thiêu, không dễ gì chịu nổi, phải biết khủng khiếp. Ấy là tự ông làm lụy, biết chăng ?

“Như rõ được ấy, thì liền đây vĩnh viễn chẳng nói với mấy ông có các chuyện ấy. Còn không rõ cái ấy thì nhân duyên phiền não, ác nghiệp chẳng phải một hai kiếp là hết đâu, mà còn sống thọ như thể kim cương của chính các ông, biết chăng ?”

Tổ Huyền Sa đại từ bi, chẳng tiếc khô miệng, đủ để làm vị lương dược cứu trị đời mạt pháp, đáng để cho người ta chép mà để bên phải chỗ ngồi vậy.

Ngài Mật Sư Bá đang cùng đi với Tổ Động Sơn, thấy con thỏ trắng chạy qua trước mặt.

Ngài Mật nói : “Giỏi thay !”

Tổ Sơn rằng : “Là sao ?”

Ngài Mật : “Giống như thường dân mà được bái tướng.”⁽¹⁾

¹⁾ Phong tướng.

Tổ Sơn : “Bạc già cả mà nói lời lẽ ấy !”

Ngài Mật : “Thế ông thì sao ?”

Tổ Sơn : “Lâu đời quý phái, tạm thời bơ vơ.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

*“Súc bằng sương tuyết
 Nhẹ bước núi mây
 Hạ Huệ bỏ nước
 Tương Như qua cầu
 Túc,⁽¹⁾ Tào,⁽²⁾ mưu lược nên nhà Hán
 Sào,⁽³⁾ Hứa⁽⁴⁾ thân tâm muốn tránh Nghiêu
 Vinh nhục bỏ rồi, thêm tự tín
 Chân tình theo dấu lão ngư, tiều.”*

Đại để, chỗ thấy của Ngài Mật là cần phải mượn sự tích lũy tu hành. Chỗ thấy của Tổ Động Sơn là riêng bày tỏ chỗ bốn lai tôn quý. Người xưa ngay nơi vật mà minh tâm, thường thường như thế.

Lại như Tổ Tuyết Phong đang cùng đi với Ngài Tam Thánh, thấy một bầy khỉ.

Tổ Phong nói : “Bầy khỉ này, mỗi con đều là bề trái của một mặt gương xưa !”

Ngài Thánh nói : “Bao kiếp vô minh, sao cho đó rõ ràng là gương xưa ?”

Tổ Phong nói : “Tỳ vết sanh ra rồi vậy.”

¹⁾ Lỗ Túc.

²⁾ Tào Tháo.

³⁾ Sào Phủ.

⁴⁾ Hứa Do.

Ngài Thánh : “Thiện tri thức của một ngàn năm trăm người mà cái thoại đầu cũng không biết.”

Tổ Phong : “Việc trụ trì của lão tăng này phức tạp lắm !”

Ngài Thiên Đồng nêu ra rằng : “Ngay khi ấy mà thấy Tuyết Phong nói : “Tỳ vết sanh ra rồi” thì hãy đến gần trước mặt mà nói : “Dạ, dạ”. Hãy nói cố sao như thế ? Tranh thì chẳng đủ, nhường thì có dư !”

Xem đây thì biết cơ dụng của nhà Thiên, há lấy chuyện mạnh yếu mà luận sự hơn thua ư ?

Kinh : “Như lời ông nói, nhóm Bảo Liên Hương, Lưu Ly Vương và Tỳ kheo Thiện Tinh đều vốn tự mình bày đặt ra nghiệp dữ. Nghiệp ấy chẳng từ trời rơi xuống, cũng chẳng từ đất chui lên, mà cũng chẳng phải do ai trao tặng. Chính là tự hư vọng rước lấy rồi tự lãnh nhận. Trong Tâm Bồ Đề chúng đều là hư huyền vọng tưởng ngưng kết.

“Lại nữa, Anan, các súc sanh ấy đều trả nợ trước mà nếu trong lúc trả nợ, trả quá nợ cũ thì những chúng sanh ấy trở lại làm người đòi lại chỗ dư. Nếu bên kia có sức lại có cả phúc đức thì ở trong loài người không rời bỏ thân người mà hoàn lại chỗ thừa đó, còn nếu không có phúc đức thì phải làm súc sanh để đền lại chỗ thừa.

“Anan, ông nên biết, nếu dùng tiền của hoặc sức người ta thì đền đủ là xong, còn như trong ấy có giết thân mạng, hoặc ăn thịt, như vậy trải qua nhiều kiếp ăn nhau, giết nhau, giống như bánh xe quay hoài, chỗ cao thấp thay đổi nhau liên hồi không nghỉ. Trừ pháp Xa Ma Tha hoặc gặp Phật ra đời chứ chẳng thể nào thôi nghỉ được.

Thông rằng : Lưu Ly Vương phạm tội giết hại, Đức Thế Tôn bảo rằng sau bảy ngày sẽ chịu lửa đốt mà vào ngục

Vô GIÁN, ông bèn trốn trên nước, lửa từ trong nước bốc lên mà cháy tiêu. Đây là quả báo của lửa sân.

Tỳ kheo ni Bảo Liên Hương phạm dâm, nơi nữ căn bèn sanh ngọn lửa lớn, sau đó mỗi cốt thể đều bị thiêu cháy. Đây là quả báo của lửa dục.

Tỳ kheo Thiện Tinh phạm đại vọng ngữ, tuy có thể nói mười hai bộ kinh, được bốn thiên quả nhưng bác bỏ nhân quả, nói rằng Lưu Ly Vương giết hại dòng Cù Đàm mà chắc không có quả báo. Ấy là quá sức bất nhân nên ngay thân đang sống mà đọa vào địa ngục A Tỳ. Đó là chẳng từ trời rơi xuống, cũng chẳng từ đất chui lên, hay người đem cho, mà do tự hư vọng rước lấy vậy. Trong tâm Bồ Đề, xưa nay vô sự. Chỉ vì vọng tưởng ngưng kết, ngưng kết mà chẳng chuyển hóa, đó là cái nhân chịu nghiệp. Mười phần ngưng kết thì chịu mười phần quả báo, càng giảm thì càng nhẹ đi. Xuống đến làm súc vật để trả đền nợ trước, trả quá số nợ lại đòi chỗ dư. Nếu ăn nhau chưa xong thì rớt cuộc không có kỳ ra khỏi, trừ phi tự có định lực Xa Ma Tha, thoáng thấy mặt mũi Bồ Đề, thì sự ngưng kết đó mới hóa tiêu. Lại được gặp Phật ra đời, phát minh đại sự, ắt nghiệp chứa trữ phải tự tiêu tan. Chẳng như thế thì xoay vần mãi nơi ba cõi không hề ngưng nghỉ.

Kinh Kim Cang nói “Nếu bị người khinh khi thì với các nghiệp đời trước, người đó đáng lẽ đọa vào đường ác mà nay bị người khinh khi nên các tội nghiệp đời trước ắt bị tiêu diệt.”

Ngài Tuyết Đậu tụng rằng :

*“Minh châu nơi tay
Có công thì thưởng !*

Hán, Hồ chẳng đến
 Trọn không tài nghệ !
 Tài khéo đã không
 Ba Tuần hết lối
 Cù Đàm, Cù Đàm !
 Biết ta không nhĩ ?”

Ngài lại nói : “Khám phá rồi vậy.”

Ngài Thiên Đồng tụng rằng :

“Mắc míu công tội
 Dính liền nhân quả
 Ngoài gương, điên chạy Diễn Nhã Đa
 Dầu trượng đánh tan ông bếp rớt⁽¹⁾
 Bếp rớt tan, đến chúc nhau
 Lại nói trước đây cô phụ tớ !”

Bài tụng trước là “Bị người khinh tiện, ít kẻ biết ta”.

Bài tụng sau là “Tội nghiệp tiêu trừ, cốt là đốn ngộ”. Công phu tu tập cũng chẳng quý vậy.

Hãy theo bài kệ của Ngài Phó Đại sĩ mà điểm hóa ra.

Tụng rằng :

“Thân trước có báo chướng
 Ngày nay thọ trì kinh
 Tạm bị người khinh rẻ
 Chuyển nặng thành ra nhẹ
 Rõ được Y Tha Khởi
 Liền trừ Biến Kế Chấp

¹⁾ Ông bếp rớt tức là Phá Táo Đọa, công án đánh bể bếp lò ngộ Vô Sanh (Xem trang 638).

*Thường y Bát Nhã quán
Chỗ nào chẳng Viên Thành ?”*

Có nhà sư hỏi Tổ Vân Cư : “Kinh giáo có nói : Với tội nghiệp đời trước lẽ ra người ấy phải堕 vào đường ác, nay đời này bị người khinh khi nên tội nghiệp đời trước được tiêu diệt. Ý này là sao ?”

Tổ Vân Cư nói : “Động thì phải堕 đường ác, tịnh thì bị người khinh khi.”

Tổ Sùng Thọ Trì nói : “Ngoài tâm có pháp, phải堕 đường ác. Trụ giữ tự kỷ, bị người khinh khi.”

Các vị Tôn túc đều khéo chuyển kinh thay ! Ý chỉ cùng đoạn này đồng, nên trích ra cho đủ.

Kinh : “Nay ông nên biết, loài chim cưu kia, trả nợ đủ thì trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng ngoan cố. Giống cừu trung kia, trả nợ đủ thì trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng quái dị. Loài chồn kia trả nợ đủ thì trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng ngu dại. Những loài có độc kia, trả nợ đủ thì trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng nham hiểm. Những loài giun kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng hèn nhát. Những loại bị ăn thịt kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng nhu nhược. Những loài cung cấp đồ mặc kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng lao nhọc. Những loài chim mùa kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng văn hoa. Những loài đem điềm lạnh kia, trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng thông minh. Những loài

thuần hóa phải trả nợ đủ, trở lại hình người, sanh trong nhân đạo, tham hợp hạng thông đạt.

“Anan, các chúng sanh đó đều do trả hết nợ cũ, trở lại hình của cõi người đều do từ vô thủy đến nay điên đảo mà gây nghiệp, sanh sát lẫn nhau, chẳng gặp Như Lai, chẳng nghe chánh pháp, ở trong trần lao cứ vậy mà xoay vần. Chúng ấy gọi là đáng thương xót vậy.

Thông rằng : Chúng sanh không nghe chánh pháp thì đều gọi là ăn giết lẫn nhau, số phận hẳn nhiên là thế. Không chỉ nghĩ đến chuyện Tào Tháo gạt người cô quả, xem như thịt dọn trên bàn, về sau bị Tư Mã Ý trả báo, như cầm giấy nợ xét đòi, tơ hào chẳng sai lọt. Mượn người một con trâu thì trả lại người một con ngựa, trong chỗ u vi há cho kẻ ác chung thân đắc chí mà khỏi đền nợ sao ? Bởi thế, oán đối gặp nhau thì ắt phải trả đền. Trả hết thì trở lại hình người mà thói quen còn sót chưa chuyển hóa nên hạng mê muội, ngu si thì nhiều mà hạng thông minh sáng suốt thì ít, tham hợp tùy hạng loại.

Loài chim cưu hẩn làm hạng ngoan cố, vì tham vật, nương hòn đất mà ăn nhau, suốt đời ngu ngoan bất nghĩa. Loài báo diêm dữ hẩn làm hạng quái dị, vì thói quen dâm bôn, phóng đảng, tập quán còn sót nên làm hạng yêu dị vậy. Loài cáo, chồn hẩn làm hạng ngu hèn, tráo trở, không có trí, chưa có kiến thức cao siêu. Loài có độc hẩn làm hạng nham hiểm, oán hận có dư, nên truyền độc chẳng cùng. Loài giun sên hận cố sao làm hạng hèn nhát, vì khí giận tiêu tan mất hết vậy. Loài bị ăn thịt kiêu mạn cố sao làm hạng nhu nhược, bởi vì đã làm cao thì bị hạ thấp vậy. Loài cung cấp đồ mặc cố sao làm hạng lao nhọc, bởi vì uống phí tâm thần nhọc mệt không ngớt vậy. Loài chim mùa kiến

chấp cứ sao làm hạng văn hoa, vì theo khí hậu mùa màng mà có vẻ đẹp dễ vậy. Loài báo điềm lành mà hợp vào hạng thông minh, bởi vì cong vạy hết thì trở lại ngay thẳng, nên tánh linh chẳng u ám. Loài thuần hóa mà hợp vào hạng thông đạt vì kiện tụng phân biệt họa phước nên thông đạt không vướng mắc.

Nói rằng *tham hợp* là tham hợp với cội nguồn, theo nẻo người mà sanh vậy. Các loài ấy theo nẻo người sanh ra : Tinh, tướng tuy ngang nhau mà chẳng phải không có thông minh, ngu muội. Nay từ trong ba nẻo Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh mà ra, thì hợp với cái tình u mê có đến tám phần mười, tham dự với cái tướng là hai phần mười.

Vị tăng Thiên Trúc là Ngài Kỳ Vực, đời Tấn Huệ Vương vào đất Lạc Dương, các vị Tỳ kheo làm lễ, Ngài ngồi ngay thẳng mà nhận, rồi chỉ nhà sư tên Pháp Uyên, nói rằng : “Xứ này cả vạn vị tăng, nhưng vị Bồ tát này từ loài dê đến.”

Ngài lại chỉ nhà sư người Thiên Trúc tên Pháp Hưng mà nói : “Vị Bồ tát này từ cõi Trời đến.”

Ngài nhìn ra xa, thấy lâu đài, nói rằng : “Cũng giống như trời Dao Lợi, nhưng chốn kia do đạo lực mà đến, còn cõi này là do sức tịnh nghiệp của chúng sanh thành tựu.”

Ngài bảo với vị Sa môn tên là Kỳ Xà Mật : “Người làm cung điện này từ cõi trời Dao Lợi xuống, thành việc rồi thì về trời. Dưới mái ngói, trên rường nhà, hẳn có đồ nghề !”

Tim ở đó quả thật có một ngàn năm trăm món đồ.

Ngài Kỳ Vực biết người thợ cả là từ cõi trời đến thì bảo Pháp Hưng là từ trời xuống, Pháp Uyên từ loài dê đến ắt hẳn không lầm.

Nhà sư Đàm Dực, hông có lông chim trĩ, nên tên là Dực,¹⁾ nhân nghe kinh Pháp Hoa mà được độ thoát.

Lại có cô họ Vương tên Trĩ nghe kinh Pháp Hoa gần nửa bộ mà được độ thoát. Đều là từ loài chim Trĩ mà đến. Trĩ là loài văn minh, sanh trong nhân đạo, bèn có thể chứng quả.

IV. KHÔNG TU THEO CHÁNH GIÁC : THÀNH CÁC THỨ TIÊN

Kinh : “Anan, lại có chúng sanh từ loài người, không nương theo chánh giác tu pháp Tam Ma Đề, mà riêng tu vọng niệm tôn giữ tư tưởng, củng cố hình hài, đi vào rừng núi, người chẳng đến được, thành mười loại Tiên.

“Anan, các chúng sanh kia bèn gắng dùng đồ bổ không ngừng nghỉ, khi đạo ăn được thành tựu, gọi là Địa Hành Tiên.

“Bèn gắng dùng cỏ cây không ngừng nghỉ, khi đạo thuốc được thành tựu, gọi là Phi Hành Tiên.

“Bèn gắng dùng kim thạch không ngừng nghỉ, khi đạo hóa chất được thành tựu, gọi là Du Hành Tiên.

“Bèn gắng làm những động tác không ngừng nghỉ, khi đạo khí tinh được thành tựu, gọi là Không Hành Tiên.

“Bèn gắng luyện nước bọt không ngừng nghỉ, khi nhuận đức đã thành tựu, gọi là Thiên Hành Tiên.

“Bèn gắng hấp thụ tinh hoa không ngừng nghỉ, khi hấp thụ tinh túy thành tựu, gọi là Thông Hành Tiên.

¹⁾ Cánh chim.

“Bền gắng làm chú thuật không ngừng nghỉ, khi thuật pháp được thành tựu, gọi là Đạo Hành Tiên.

“Bền gắng chuyên chú tâm niệm không ngừng nghỉ, khi chuyên niệm được thành tựu, gọi là Chiếu Hành Tiên.

“Bền gắng về thủy hỏa giao cấu không ngừng nghỉ, khi cảm ứng được thành tựu, gọi là Tinh Hành Tiên.

“Bền gắng tập luyện biến hóa không ngừng nghỉ, khi tỉnh giác được thành tựu, gọi là Tuyệt Hành Tiên.

“Anan, những người này đều ở trong loài người mà luyện tâm, chẳng tu theo chánh giác, chỉ riêng được sanh lý, thọ ngàn vạn năm, nhàn nghỉ trong núi sâu hay trên hoang đảo giữa đại dương, dứt tuyệt với cảnh người. Đó cũng là ở trong vọng tưởng trôi lăn của sự luân hồi. Chẳng tu pháp Tam Muội nên khi quả báo hết thì trở lại tản vào trong sáu nẻo.

Thông rằng : Từ Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh mà đến thì dư nghiệp chưa hết, chỉ tu theo Nhân Đạo là đủ rồi. Lại có hạng từ Nhân Đạo đến thì sáng suốt, không còn dám tập nhiễm ác nghiệp, họ cũng biết chỗ nên tu luyện là cái tâm tánh xưa nay, nhưng chẳng nương theo chánh giác Như Lai mà vào Tam Ma Địa, lại chỉ tu riêng theo vọng niệm, tồn giữ tư tưởng, củng cố hình hài thành ra ngoại đạo. Do đó mà có mười thứ Tiên.

Tiên nghĩa là thay đổi, có thể khiến hình hài thay đổi mà không chết, cho là có Thần Ngã. Thần Ngã là thần thức, đó là chủng tử sanh diệt từ vô thủy đến nay ; cho nên dầu có thọ ngàn vạn năm mà khi quả báo hết thì lại tản vào trong sáu nẻo. Chánh giác Như Lai y vào cái bất sanh bất diệt làm nhân địa căn bản, năm ấm đều Không, đốn siêu

ba cõi, dù cõi trời Phi Phi Tướng cũng chẳng trụ hướng gì là Tiên ư ?

Mười loại Tiên là : Một là, ăn thuốc bổ như thu thạch, hồng nguyên... chỉ có thể sống lâu mà không thể bay nên làm Địa Hành Tiên.

Hai là, ăn từng bá, phục linh, hoàng tinh, thương truat... lâu ngày thân thể nhẹ nhàng nên có thể phi hành, nên gọi là Phi Hành Tiên.

Ba là, luyện kim thạch, diên hống, chuyển hóa chín lần thành Đan, có thể điểm hóa, đẩy nhà bay đi nên làm Du Hành Tiên.

Bốn là, nương theo động tĩnh của Âm Dương, Hùng Kinh, Điều Thân⁽¹⁾ để điều Khí, cố Tinh. Lâu ngày Tinh hóa thành Khí, Khí hóa Thần, Thần hoàn hư, dời thân trên không trung, nên gọi là Không Hành Tiên.

Năm là, nhai nuốt nước miếng, Thủy thăng lên, Hỏa giáng xuống, da dẻ như băng tuyết, mềm mại như trẻ thơ, chẳng có giao hòa với thế tục, không khác gì người trời, nên gọi là Thiên Hành Tiên.

Sáu là, hút nuốt tinh hoa, ăn ráng ửng mây, thấu thái tinh hoa nhật nguyệt, âm thầm thông với cái khí tinh tú nên có thể đi suốt qua, xuyên núi, qua đá không bị ngăn ngại. Loài giả mô⁽²⁾ hút cái tinh hoa của mặt trăng, ở chân mây có cục hạt cóc nên ẩn lánh giới. Được cái khí ấy còn có thể thông giới như thế hướng là cái khí tinh hoa của trời đất ? Gọi là Thông Hành Tiên.

¹⁾ Tiếng của Đạo gia.

²⁾ Con chàng hiu.

Bảy là, kiên trì chú thuật, ngưng thần chẳng loạn, chú ấy hẳn linh hiển, cũng có thể bay cao. Tây Vực¹⁾ hay truyền chú này, ở trong giếng trì tụng ba năm thì tự có thể bay ra khỏi. Về nơi tự nhiên không thể nghĩ bàn, nên gọi là Đạo Hành Tiên.

Tám là, bền gắng chuyên niệm, âm thầm châu về Thượng Đế, hoặc để tâm tưởng vào đỉnh môn, buộc tâm nơi rún, chỉ mà hay chiếu, chỉ dùng cái tâm soi chiếu mà chứng quả nên gọi là Chiếu Hành Tiên.

Chín là, phối hiệp Khảm Ly (Thủy Hỏa), Âm Dương giao cấu, trong ấy có tinh mà chẳng phải là phạm tinh. Kia cho rằng thu thái khí Âm để trợ cho Dương, mà tự mất của bấu nhà mình là sai lầm. Ở đây cảm ứng một cách tự nhiên, trong khoảng khảy móng tay liền có thể sanh ra thuốc để thành đan, ấy là khó gặp mà dễ thành vậy, nên gọi là Tinh Hành Tiên.

Mười là, tồn giữ cái tướng về thế gian thì đều thành ra biến hóa, chỉ chuyên tịch lặng chẳng biến đổi, bền là một vị thanh tịnh, tâm tĩnh thân khô, hành vi dứt tuyệt thế gian, hơi tương tự như Duyên Giác, Nhị thừa nên nói là Tĩnh Giác. Tây Vực phần nhiều tu tập theo lối này, sanh lên cõi trời Phi Phi Tướng.

Tóm cả lại, đều chẳng ngộ Chánh Giác, đều quy về vọng tướng mà thôi.

Lữ Nham, tự là Động Tân, người Kinh Xuyên, sống vào cuối nhà Đường, ba lần đi thi không đỗ, ngẫu nhiên ở Trường An gặp Chung Ly Quyền trong quán rượu, được

¹⁾ Ấn Độ.

trao cho thuật trường sanh, thường dạo chơi chùa Quy Tông ở Lư Sơn, viết lên vách lầu chuông rằng :

*“Một ngày thanh nhàn tự tại thân
Lục thần hòa hiệp, ấy bình an
Đan điền có báu, thôi tìm Đạo
Đối cảnh vô tâm, chớ hỏi thiền.”*

Sau đó không lâu, dạo qua núi Hoàng Long thấy khí màu tía tỏa thành lọng, nghi có dị nhân, bèn vào ra mắt, gặp lúc Tổ Hoàng Long cho đánh trống lên tòa thuyết pháp.

Tổ Long thấy, biết là Lữ Động Tân, bèn lớn tiếng rằng :
“Cạnh pháp tòa có kẻ trộm pháp.”

Lữ nghiêm nghị bước ra, hỏi rằng : “*Trong một hột dẻ chứa thế giới, nồi thịt nửa thặng nấu núi sông. Hãy nói ý này như thế nào ?*”

Tổ chỉ ra rằng : “*Ấy là quý giữ thầy ma.*”

Ông Lữ nói : “*Nào ngài, trong túi có thuốc trường sanh bất tử !*”

Tổ Long nói : “*Dầu trái tám vạn kiếp, rớt cuộc cũng lạc không vong.*”

Ông Lữ coi thường, phóng gươm vào hông, mà kiếm không đụng được, bèn làm lễ xin chỉ dạy.

Tổ Long hỏi vặn : “*Nồi thịt nửa thặng nấu núi sông, thì chẳng hỏi, như sao là Trong một hạt dẻ chứa thế giới ?*”

Ông Lữ ngay lời nói liền khế hợp, làm bài kệ :

*“Vắt quách túi bầu, đập đàn cầm
Như nay hết khoái “hống trung kim”⁽¹⁾*

¹⁾ Hống trung kim : theo Tiên gia, tu luyện để thu lấy tinh hoa trong thủy ngân.

*Từ lần gặp được Hoàng Long đó
Mới rõ trước giờ lạc dụng tâm !"*

Tổ dặn dò gắng giữ gìn nghiêm mật.

Sau, ông ra mắt Thiền sư Trí Độ Giác ở Đàm Châu, có nói rằng : "Tôi ngao du Sâm Huyện ở Thiên Châu, hướng Đông xuống đến sông Tương, nay gặp Tổ Giác, thấy Ngài thiền học tinh minh, nguồn tánh thuần khiết, xếp gói tinh tọa, thu quang nội chiếu, ngoài một cái áo thô không còn áo nào khác, ngoài một bình bát không còn thức gì khác, đến bờ bên kia sanh tử, đập nát vỏ phiền não.

"Nay đây y⁽¹⁾ Phật lặng bật, hê, không truyền. Thiền lý diệu huyền, hê, đâu tuyệt. Giữ gìn hưng vượng, ở thầy tôi chẳng ?"

Bèn làm một bài ký rằng :

*"Người đạt, đổi tâm mới cứu đời
Thánh hiền truyền pháp chẳng rời Chân
Thỉnh thầy khai nói Tây lai ý
Đến nay thất tổ vẫn không người."*

Như ông Lữ đã nhờ Tổ Hoàng Long chỉ bày, bèn y Chánh Giác tu Tam Ma Địa, không đến nỗi làm vị khách của mười loại Tiên vậy.

V. CÁC CỠ TRỜI

A. DỤC GIỚI

Kinh : "Anan, các người thế gian chẳng cầu cái thường trụ, chưa thể lia bỏ được thế thiếp, ân ái, nhưng tâm không

¹⁾ Áo.

buông lung trong tà dâm. Do lắng trong sanh ra sáng suốt, sau khi mạng chung, gần với mặt trời, mặt trăng. Hạng như vậy gọi là Tứ Thiên Vương Thiên.

“Đôi với vợ nhà, dâm ái ít ỏi, trong khi tịnh cư chưa được toàn vẹn mùi vị. Sau khi mạng chung, vượt sức sáng của mặt trời, mặt trăng, ở trên đỉnh của nhân gian. Một hạng như vậy, gọi là Đao Lợi Thiên (Tam Thập Tam Thiên).

“Gặp cảnh dục tạm theo, qua rồi không nghĩ nhớ, ở trong cõi nhân gian động ít tĩnh nhiều. Sau khi mạng chung, an trụ sáng rõ ở trong hư không. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng soi chiếu chẳng bằng. Các người ấy tự có ánh sáng. Một hạng như vậy, gọi là Tu Diệm Ma Thiên (Thời Phân).

“Luôn luôn yên tĩnh, nhưng khi có cảm xúc đến, chưa thể nghịch hẳn. Sau khi mạng chung, bay lên cõi tinh vi, không giao tiếp với các cảnh nhân-thiên cõi dưới cho đến thời kiếp hoại, tam tai cũng không đến được. Một hạng như vậy gọi là Đâu Suất Đà Thiên (Tri Túc).

“Chính mình không có lòng dâm, đáp ứng với người mà hành sự, trong lúc phô diễn vô vị như sáp. Sau khi mạng chung, sanh vượt vào cõi biến hóa. Một hạng như vậy, gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.

“Không có tâm thế gian, chỉ đồng theo thế gian mà hành sự, trong khi làm việc ấy, suốt thông siêu việt. Sau khi mạng chung, vượt trên tất cả cảnh biến hóa và không biến hóa. Một hạng như vậy, gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.

“Anan, sáu cõi trời như vậy thì hình thức tuy ra khỏi động, nhưng tâm tính còn dính mắc. Từ các cõi ấy trở xuống gọi là Dục Giới.

Thông rằng : Cõi trời Tứ Thiên Vương ở nửa chừng núi Tu Di, nhô lên khỏi biển bốn vạn do tuần. Mặt trời, mặt trăng mọc ở trước cùng, xoay quanh chiếu bốn cõi thiên hạ, trên tới cõi trời Đao Lợi. Lên bốn vạn do tuần là đỉnh núi Tu Di, bốn góc, mỗi góc có tám cõi trời, gồm ba mươi hai cõi trời, do Đế Thích làm chủ tế. Hai cõi trời này gọi là Địa Cư Thiên. Bốn cõi trên gọi là Không Cư Thiên, chẳng cần mặt trời, mặt trăng mà vẫn thường sáng, do hoa sen nở khép mà phân ngày đêm, nên gọi là Thời Phân. Do phước đức cảm ứng mà sanh lên cõi Đâu Suất, gọi là Tri Túc hay là Hỷ Túc, hoặc là Diệu Túc. Sanh lên cõi trời này, thì sau bảy ngày, Đức Di Lạc phóng quang mưa hoa, dẫn vào điện Tiểu Ma Ni của Ngoại Viện, thuyết pháp cho để phát khởi sức tinh tấn. Sau đó dẫn cho vào Nội Viện. Ngoài hai Viện, còn có trời Tổng Báo do nghiệp quả hữu lậu mà thành. Người tu thập thiện nghiệp đã sanh lên đó, đây là chỗ Tam Tai có thể hoại diệt được. Còn ở đây nói "*Tam Tai không đến được*" là chỉ chỗ Đức Di Lạc ở, là cung điện do Hậu Đắc Trí của thánh giả biến hóa ra. Từ Tổng Báo Thiên mà mong đến Ngoại Viện thì còn cách xa như tiên và tục, huống gì đến Nội Viện ư? Ngoài chỗ này đều thuộc cảnh giới quả báo, trên đến cõi trời Lạc Biến Hóa, hề có cần gì thì tùy theo niệm mà đến, vượt hẳn cõi trời ở dưới, nên gọi là Việt Hóa. Lên đến Tha Hóa Tự Tại Thiên thì các cảnh dục lạc khởi phải nhọc sức tự biến hóa, mà đều do chỗ khác biến hóa ra (tha hóa) mà tự tại dùng.

Sáu cõi này tuy vượt khỏi nhân thế, nhưng chưa thể lìa dục. Luận Câu Xá tụng rằng : "Sáu cõi hưởng dục, ôm nhau, nắm tay, cười, nhìn là dâm."

Lòng dục càng nhẹ thì quả báo càng lên cao, bởi vì dục ái dễ đoạn lạc vậy. Hễ có dính bám tức là dục. Bởi thế, ngay

khi ứng xúc hành sự, suốt thông siêu việt, không một mảy may tưởng vướng mới được tự tại. Đâu chỉ có riêng dâm mà thôi.

Theo Tông Thiên Thai thì nghiệp báo của sáu cõi trước đều lấy Thập Thiện làm gốc. Nếu kiêm thêm tâm hộ pháp là nghiệp Tứ Thiên Vương Thiên. Nếu kiêm thêm lòng Từ hóa độ người, là nghiệp Đạo Lợi Thiên. Nếu kiêm thêm lòng chẳng nỡ hại chúng sanh, thiện xảo thuận thực, là nghiệp Diệm Ma Thiên. Nếu kiêm thêm thiên định, thô trụ và tế trụ, là nghiệp Đâu Suất Thiên. Dục Giới Định là nghiệp Biến Hóa Thiên. Vị Đáo Định là nghiệp Tha Hóa Thiên.

Đây đều là chẳng câu Chân Tâm thường trụ, chưa rời nhân quả hữu vi, phước báo tuy khác nhau, nhưng chẳng thể nói là đại giải thoát vậy.

Tổ Thứ Hai Mười Ba là Tôn giả Hạc Lặc, đi giáo hóa đến miền Trung Ấn Độ, Vua nước ấy là Vô Úy Hải sùng tín đạo Phật. Tổ đang thuyết pháp cho vua nghe, bỗng có hai người mặc áo lụa đào, lụa trắng lễ lạy Tổ.

Vua hỏi : “Ấy là ai vậy ?”

Tổ nói : “Đó là Thiên Tử Nhật, Nguyệt, xưa tôi đã từng thuyết pháp cho nên đến lễ bái.”

Giây lát không thấy nữa, chỉ còn nghe thấy mùi hương dị thường.

Nhà vua hỏi : “Cõi nước Nhật, Nguyệt được bao lớn ?”

Tổ đáp : “Là thế giới của ngàn Đức Phật Thích Ca hóa độ, mỗi cõi có trăm ức Tu Di mặt trời, mặt trăng. Tôi nói rộng ra thì không thể hết.”

Bồ tát Thiên Thân từ Nội Viện của Đức Di Lặc xuống.

Bồ tát Vô Trước hỏi rằng : “Bốn trăm năm tại nhân gian thì cõi kia chỉ là một ngày đêm. Đức Di Lặc ở trong

một thời thành tựu cho năm trăm ức vị Thiên Tử chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, chưa rõ là thuyết pháp gì thế ?”

Bồ tát Thiên Thân nói : “Chỉ là cái Pháp Ấy, chỉ là Phạm âm thanh nhã khiến người vui nghe !”

Như mà tin được “Chỉ là cái Pháp Ấy”, ở trên trời, khắp dưới đất vốn không dơ sạch thì thường trụ Chân Tâm, có chỗ nào mà chẳng giải thoát ư ?

